

VẠN THIÊN ĐỒNG QUY TẬP

THIỆN SƯ DIÊN THỌ Chùa Vĩnh Minh (904-975)

Thiền Sư Diên Thọ, tự là Xung Huyền, người đời Tống, con nhà họ Vương ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, Ngài thích tụng kinh Pháp Hoa, cảm đến bày dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, Xung Huyền được Văn Mục Vương tuyển dụng, cho làm quan trông nom về thuế vụ. Nhiều lần Ngài lấy tiền công quỹ đến Tây Hồ mua cá trạnh phóng sanh. Việc phát giác ra, bị pháp ty thẩm định, xử Ngài vào tội tử hình. Lúc sắp đem đi chém, Văn Mục Vương cho người rình xem, nếu thấy Ngài nhan sắc thản nhiên, không tỏ vẻ buồn rầu lo sợ thì phải đem về trình lại. Thấy Ngài trước sau vẫn an nhiên điềm tĩnh, sứ giả trao sắc chỉ cho quan giám trảm, rồi dẫn về điện kiến vua. Khi nhà vua hỏi duyên cớ Ngài đáp:

“Tôi dụng của công, thật đáng tội chết. Nhưng toàn số tiền đó tôi dùng để mua cứu được muôn ức sanh mạng, thì dù thân này có chết cũng được vãng sanh về cõi Liên Bang, thế nên tôi không lo sợ”.

Văn Mục Vương nghe qua cảm động, rơi lệ tha bổng. Ngài xin xuất gia, nhà vua bằng lòng.

Năm ba mươi tuổi, Ngài nương theo Thiền sư Thúc Nham ở chùa Long Sách xuất gia. Sau đó tham học với Quốc sư Đức Thiệu ở núi Thiên Thai, ban đầu tu tập thiền định, tỏ ngộ tâm yếu, được Quốc sư ấn khả. Ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh, trong lúc thiền quán thấy Bồ Tát Quán Thế Âm rưới nước cam lồ vào miệng, từ đó được biện tài vô ngại.

Sau đó, Ngài ở núi Tuyết Đậu tại Minh Châu, pháp hội rất hưng thịnh, đồng thời phục hưng chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Ngoài giờ giáo hóa, Đại sư thường ở bên dòng thác ngồi tụng kinh, tọa thiền, trầm mặc. Đại sư mặc y phục thì thô sơ, dùng thức ăn rất đạm bạc.

Năm Kiến Long thứ 2 (961) đời Tống, Trung Ý Vương thỉnh Ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh, giáo hóa đại chúng, cho nên người đời gọi là Đại sư Vĩnh Minh. Sư đề xướng tinh thần viên dung tất cả pháp, lấy tâm làm tông, bốn chúng khâm phục. Ở chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ được 1,700 vị Tăng. Đại sư lập công khóa mỗi ngày đêm hành trì 108 điều. Hai điều đặc biệt trong đó là: tụng một bộ kinh Pháp Hoa, niệm mười muôn câu Phật hiệu.

Trọn đời Ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Đại sư thường truyền giới Bồ Tát, mua chim cá phóng sanh, thí thực cho quỷ thần, tất cả công đức đều hồi hướng Tịnh độ.

Ngài có trước tác bộ Tông Cảnh Lục 100 quyển, dung hội chỉ thú dị đồng của ba tông:

* Hoa Nghiêm.

* Pháp Hoa.

* Duy Thức.

Đối với sự phân chia tông chỉ giữa các tông phái đương thời, Ngài giữ thái độ điều hòa.

Vua nước Cao Ly thấy được bộ sách này, bèn sai sứ thần sang bày tỏ lễ nghĩa của người đệ tử, đồng thời phái ba mươi sáu vị Tăng trong nước đến Trung Hoa học pháp với Ngài. Do đó, Thiền của tông Pháp Nhãn lại được thịnh hành ở Hải Đông. Đại sư còn soạn thuật tập Vạn Thiện Đồng Quy. Giáo nghĩa trong đây viên dung vô ngại, đồng quy về nhất tâm, bảo rằng:

“Tám vạn pháp môn đều đưa đến giải thoát, một niệm lành nhỏ cũng dẫn tới Chân như”, lời lẽ chỉ dạy về Tịnh độ rất thiết yếu.

Ngoài ra Đại sư còn trước tác Thần Thê An Dưỡng Phú 1 quyển, Duy Tâm Quyết 1 quyển, Định Huệ Tương Tư Ca 1 quyển v.v...tất cả hơn 60 bộ.

Niên hiệu Khai bảo năm thứ 8 (975), ngày 26 tháng 2, vào buổi sáng sớm Đại sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, Ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyến bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ 72 tuổi. Trung Ý Vương ban tôn hiệu là “Thiền Sư Trí Giác”.

Đại sư là Tổ thứ ba của tông Pháp Nhãn, đồng thời cũng được tôn xưng là Tổ thứ sáu của tông Tịnh độ.

*(Theo Máy Diệu Sen Thanh,
Tống Cao Tăng Truyện,
Phật Quang Đại Từ Điển).*

LỜI TỰA

Bôn biển rộng lớn, nếu không do tích tụ các dòng thì không đầy; bước lên Thập địa tôn quý, nếu không do tích lũy điều lành thì chẳng đủ. Thế nên sâu xa chẳng thể dò là do dung nạp lâu dài, chỗ linh diệu không thể lường là nhờ sự ra công tu tập cần mẫn mà đạt đến. Huống chi bậc Diệu Giác chỉ dạy, hàng Thông Huyền lập giáo bảo rằng, dầu cho một việc lành nhỏ cũng có thể giúp ở nơi ba cõi mà vượt khỏi trần lao.

Phải nên lúc thức khi ngủ thường an trụ nơi lẽ thật, nêu cao con đường giác ngộ. Thế mới mong mài dũa dần dần trở thành thuần thực, luôn chuyên tâm nghiên tâm tinh tấn tiến lên.

Song mà, vốn chẳng phải Thánh cũng chẳng phải phàm, chỉ do nơi mê và ngộ. Muốn tiến sâu vào cõi Thánh cần phải nhanh chóng sửa đổi tâm phàm. Đâu thể chỉ dùng một việc để hun đúc, cần phải luyện tập nhiều môn. Hoặc dùng ngôn giáo uyển chuyển khéo léo, nêu lên đạo cao đẹp của Thiên Thai; hoặc thâm nhập Thiền lý, truyền rộng tiếng tốt Tào Khê.

Không thể chấp Không bỏ Có, không nên trái với chân thật mà theo Không. Cần phải giải thích chỗ quyền nghi trở về Thật tướng. Quyền và Thật đã rõ, chỉ còn rỗng rang. Người thấu suốt ắt xoay chuyển sự vật làm sáng rõ tâm, đáng gọi là diệu dụng. Kẻ mê muội xét theo danh, ngưng trệ nơi giáo pháp, đâu xứng để gọi là bậc thông đạt?

Hoặc quyết tâm thông suốt kinh điển.

Hoặc giữ vững giới luật; hoặc chân thành kính lễ trước tượng Phật.

Hoặc kinh hành siêng năng trong tịnh thất.

Hoặc miêng tụng Tôn danh.

Hoặc tâm quán tượng Lạc Bang.

Hoặc không trọng giàu sang cũng chẳng xem thường nghèo khó mà sống đời đơn giản.

Hoặc bỏ thí rớt ráo, không thêm điều tốt chẳng bớt việc xấu.

Sự việc nếu bình đẳng, lợi ích cũng rộng lớn. Phàm người nương theo Giới luật, Thiền định nên vun bồi phước đức to lớn, những việc in kinh, tạo tượng cần phải cố gắng ra công. Chớ bảo rằng ta vốn đã là Hiền Thánh, tâm chính là Phật.

Từ phàm vượt lên bậc Thánh, Phật Thích Ca xưa kia lẽ nào chẳng tu hành; từ vọng vào nơi chân, Tổ Đạt Ma há không do chứng ngộ.

Do người tôn sùng đạo, Phật Pháp chẳng phải có đường riêng khác; thường gắng siêng năng tinh tấn, đừng nên lười biếng dễ dãi, thời gian mau chóng phải cứu xét căn nguyên của đại đạo. Nếu thiếu một sọt đất, sao có thể trở thành ngọn núi ngất cao; phé bỏ Tam thừa tất khó bước lên cửa Từ nhẫn. Thế thì tự mình không kiêu căng nên chẳng xả bỏ việc lành kia, nhất định phải cầu đức vẹn toàn, thế mới có thể đặt nghi vấn: Tâm chẳng phải chẳng có tâm, pháp chẳng phải chẳng có pháp.

Cốt yếu ở chỗ tâm truyền tâm mà ẩn khả, pháp trao pháp giữa thầy với trò. Chớ nên khư khư giới một mặt, cần phải gắng sức thực hành vạn hạnh mới có thể gieo trồng hạt giống Bồ đề, tu tập Pháp môn Tịnh độ.

Thấu rõ thì siêu thăng cõi trời Đâu Suất, mê muội thì trầm luân nơi địa ngục A Tỳ. Nếu câu nệ nơi ngôn ngữ giống như chèo thuyền trên cạn, nếu thông suốt bản tánh cũng như dùng bè sang sông.

Thánh trước Thánh sau đều từ nơi tâm, thuở xưa thời nay đâu từng có pháp khác.

Ôi! Pháp tồn tại mà chẳng tồn tại, tâm rỗng không mà chẳng rỗng không. Không tu mà không pháp nào chẳng tu, sự chân tu cũng dứt hẳn; vô trụ mà không nơi nào chẳng trụ, chân trụ cũng không.

Thương xót muôn loài đều có cùng một bản tánh. Vốn không thiện ác, chỉ vì bị ngoại vật làm dối dờ; nếu không tu tập tỏ sáng thì sao có thể ngăn chặn?

Vun bồi các điều thiện vi diệu mới đáng gọi là chân thật trở về.

Thế nên, các bậc tiên triết dạy bảo cẩn kẽ vì muốn khiến cho người sau tu học nên mới trung dẫn nhiều giáo pháp để chỉ dạy những người mê mờ. Thiên sư Trí Giác tâm tánh sáng suốt, căn cơ viên đốn, tài học rộng sâu, nhiều đời tích tập tu hành phù hợp với các pháp, đời nay truyền bá lưu thông khế hợp với chư Phật. Ngài nghĩ về người khác như chính mình, xét tâm người như tâm mình. Từng soạn thuật Vạn Thiện Đồng Quy Tập ba quyển để khuyên bảo những người có duyên.

Hoặc các quan lại danh gia, đạo sĩ tăng sĩ, thiện nam thiện nữ, hạnh cao tài giỏi, hễ một mực cung kính chuyên cần thì không có ai là kẻ quý trọng hay thấp hèn.

Sách này thật là thuốc hay làm lợi ích chúng sanh, chỉ rõ điểm chính yếu thành Phật. Chỗ nào cũng bao quát những lời pháp của mọi Kinh Luận làm khuôn phép học đạo cho những kẻ chưa biết chưa hay. Trong đó khuyên bảo cặn kẽ cẩn mật tu trì. Quyển sách này mãi mãi sẽ là khuôn mẫu cho Phật giáo Ấn Hoa, xứng đáng làm mục thước cho Tông môn.

Nay Tạng chủ Trí Như ở viện Pháp Tuệ từ lâu đã vun bồi tánh đức nhân từ, thực hành Thánh đạo. Thấy sự hiền tài của người xem như sự hiền tài của mình, thấy điều lành của người coi như điều lành của mình.

Tạng chủ gom luận thư của bậc minh sư soạn thuật, hưng khởi khuôn phép của đời trước. Phước lợi sâu dày, phương tiện không ít. Ngài còn tự đem tiền của mà khởi xưởng, lại nhờ sự hỗ trợ của các bậc cao minh. Duyên thù thắng đã đủ, công việc nhất định hoàn thành. Nhờ khắc bản mà được thành quyển, quý ở chỗ có nơi soi xét để tu thân. Định trao truyền bất hủ mãi đến đời sau nhưng lại nhầm phó thác cho kẻ bất tài này.

Thâm Chân tôi, tâm tính mê muội chẳng thấu rõ lẽ huyền vi, ngôn ngữ e trái ngược với chỗ chính yếu. Kẻ hèn này do lời mời chân thành thật khó từ chối, nên mới trình bày sơ lược kỹ cương, đâu dám trốn tránh những lời chê trách.

*Ngày bảy tháng bảy nhuận,
Năm thứ năm niên hiệu Hy Ninh
Thời Bắc Tống (Công nguyên 1072)*

Thâm Chân

Kính ghi.

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP

Quyển Thượng

THIÊN SƯ VĨNH MINH - Thích Minh Thành dịch

Phàm làm những việc lành đều trở về Thật tướng, như hư không dung nạp tất cả, như mặt đất sinh trưởng vạn vật. Thế nên chỉ cần khéo hợp với Nhất như, tự nhiên bao hàm mọi công đức.

Song, chẳng động bản thể mà vạn hạnh vẫn thường hưng khởi, chẳng hủy hoại duyên sanh mà pháp giới hằng hiện. Lặng lẽ chẳng trở ngại động dụng; Tục chẳng trái ngược với Chân. Xét Có và Không đồng nhau, một mé bình đẳng.

Do đó Vạn pháp Duy Tâm, cần phải thực hành Lục độ rộng rãi, không nên ngồi không giữ cái ngu làm ngưng trệ sự chân tu.

Nếu muốn thực hành vạn hạnh thì rốt cuộc vẫn phải dựa vào Lý và Sự. Lý và Sự vô ngại, đạo ở ngay trong ấy. Được như vậy, mình và người đều được lợi ích, từ đó tròn đầy lòng Từ Bi Đồng Thể, lại bao quát trước sau, thành tựu hạnh vô tận.

Nếu nói về quan hệ của Lý và Sự thì ý chỉ sâu xa khó tưởng tượng. Xét kỹ thì chẳng phải “một” cũng chẳng phải “khác”.

Do đó lý thật tánh và sự tướng giả đối lực dụng qua lại, mở ra và đóng lại đồng thời. Bản thể cùng khắp chẳng có sự sai biệt nhưng vết tích năng và sở đường như khác nhau.

Sự nhân Lý mà thành lập, chẳng ẩn Lý mà thành tựu Sự. Lý nhân Sự mà tỏ bày, chẳng hủy hoại Sự mà hiển bày Lý. Hỗ trợ nhau thì cả hai được thành lập; thâm nhiếp nhau thì đều trở về nơi không. Sự ẩn và hiển của Lý-Sự, khiến cả hai làm thành lẫn nhau; mà sự vô ngại của chúng thì khiến đồng thời hiển hiện; bài xích và đoạt lấy lẫn nhau thì chẳng Có chẳng Không, tương tức tương thành thì chẳng thường chẳng đoạn.

Nếu rời Sự mà suy xét Lý thì rơi vào cái ngu của hàng Thanh Văn. Nếu rời Lý mà thực hành Sự thì đồng với kiến chấp của phàm phu.

Nên biết, rời Lý không có Sự, bởi vì toàn nước là sóng; rời Sự không có Lý bởi vì toàn sóng là nước. Nhưng Lý cũng chẳng phải là Sự, bởi vì sự dao động và tánh ướt chẳng đồng nhau. Sự cũng chẳng phải là Lý, bởi vì năng và sở khác biệt. Phủ định Lý, phủ định Sự thì Chân đế và Tục đế đều không; khẳng định Lý khẳng định Sự thì Nhị đế hằng được xác lập. Soi chiếu cả hai thì đều giả dối mà huyền tướng vẫn tồn tại rõ ràng; phá dẹp cả hai thì tức là rỗng không tiêu dung lạng lẽ. Đã chẳng phải Không, chẳng phải Giả thì Trung đạo thường tỏ sáng. Chẳng động nhân duyên thì đâu tổn hại đến Lý thể.

Do đó, Bồ Tát dùng Vô sở đắc làm phương tiện. Dù ở trong Có chẳng trái với Không, y cứ vào Thật tế phát khởi môn hóa độ; thực hành Chân mà chẳng chướng ngại Tục.

Bồ Tát luôn thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, chẳng mờ tối ánh sáng tự tâm, mây từ bi bủa giăng, biển vạn hạnh dậy sóng ba đào. Do đó, ở trong trần lao mà dung thông vô ngại, tự tại tùy duyên; tất cả việc làm đều là Phật sự. Thế nên kinh Bát Nhã nói: “Nhất tâm đầy đủ Vạn hạnh”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Trưởng giả Giải Thoát bảo đồng tử Thiện Tài:

Ta muốn thấy Phật A Di Đà ở thế giới An Lạc liền được thấy theo ý muốn. Không chỉ Phật A Di Đà mà cho đến tất cả chư Phật mười phương cũng đều có thể thấy từ tâm mình.

Thiện nam tử! Nên biết, Bồ Tát tu tất cả các pháp của chư Phật, làm thanh tịnh các cõi Phật, tích lũy hạnh cao đẹp, điều phục chúng sanh, phát thệ nguyện lớn, tất cả những việc trên đều phát xuất từ tự tâm.

Thế nên thiện nam tử! Nên dùng pháp lành trợ giúp tâm mình, nên dùng nước pháp thấm nhuần tâm mình, nên dùng cảnh giới sửa trị thanh tịnh tâm mình, nên dùng hạnh tinh tấn làm vững chắc tâm mình, nên dùng trí huệ làm sáng suốt tâm mình, nên dùng sự tự tại của Phật để khai phát tâm mình, nên dùng Thập lực của Phật để soi xét tâm mình”.

Bậc Cao đức thuở xưa giải thích rằng:

“Nhất tâm bao hàm vạn pháp, không chỉ một niệm quán tưởng Phật phát xuất từ tâm mình, ngay cả vạn hạnh Bồ Tát, Thể và Dụng của quả Phật cũng đều không rời tâm, đồng thời cũng đều do tâm này mà phá trừ sự sai lầm vọng chấp”.

Có người chấp rằng:

Vạn pháp đã đều phát xuất từ nơi tâm thì để mặc tình cũng là Phật, thực hành vạn hạnh đâu chẳng phải là nhọc nhằn vô ích hay sao?

- Nay nói rõ tâm tuy tức là Phật, nhưng vì mãi bị che đậy bởi trần lao nên phải nhờ vạn hạnh trợ giúp tu hành khiến cho nó sáng suốt thấu triệt. Ở đây chỉ nói vạn hạnh đều phát xuất từ tâm, hoàn toàn chẳng bảo rằng không cần tu hành, hơn nữa vạn pháp tức là tâm thì mọi sự tu hành đâu làm trở ngại tự tâm!

Hỏi:

Tổ sư (Bồ Đề Đạt Ma) nói: “Chẳng suy tư thiện ác, tự nhiên được vào tâm thể”.

Kinh Niết Bàn nói: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt”.

Tại sao lại khuyên tu hành, cố ý làm trái lời dạy của Tổ sư?

Đáp:

Ý của Tổ sư là y cứ vào tông chỉ nhà Thiền, còn lời dạy trong kinh điển là để phá trừ chấp trước.

Nếu nói về Đốn giáo của Thiền Tông thì dẹp trừ mọi tướng, rời khỏi các duyên, Có và Không đều không, Thể-Dụng lặng lẽ. Nếu từ nơi ý chỉ viên dung của Hoa Nghiêm thì cho rằng tất cả các công đức đồng thời đầy đủ, Lý và Hạnh đều hiển bày, Bi và Trí đều hỗ trợ lẫn nhau.

Do đó Bồ Tát Văn Thù dùng Lý để ẩn chứng Hạnh nên nghĩa Sai biệt chẳng tồn tại. Bồ Tát Phổ Hiền dùng Hạnh trang nghiêm Lý nên môn Căn bản chẳng phế bỏ.

Gốc ngọn một mé, phạm thánh đồng nguồn, chẳng phá hoại Tục mà nêu Chân, cũng không rời Chân mà thiết lập Tục.

Đầy đủ mắt trí tuệ nên không chìm đắm trong sanh tử; vận dụng tâm từ bi nên chẳng ngưng trệ nơi Niết Bàn. Lấy sự có duyên hóa trong ba cõi làm tác dụng của Bồ đề; ở trong biển phiền não mà thông suốt bến bờ Niết Bàn.

Muôn điều thiện là tư lương để Bồ Tát bước vào Thánh vị; các hạnh lành là nấc thang trợ giúp chư Phật thành đạo Bồ đề.

Nếu có đôi mắt sáng mà không có đôi chân thì làm sao đi đến ao nước mát trong? Được chỗ chân thật mà bỏ quên sự quyền biến, sao có thể bước lên cảnh giới tự tại?

Thế nên, Phương tiện và Bát nhã thường phối hợp lẫn nhau: Chân không và Diệu hữu cùng làm thành cho nhau. Kinh Pháp Hoa gom ba thừa trở về một Phật thừa, muôn việc lành đều hướng về Bồ đề. Phẩm Bát Nhã thì cho rằng tất cả không hai, các hạnh đều trở về Nhất thiết Chứng trí. Do đó Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Bồ Tát Thất Địa (Viễn hành địa) phải tu tập mười loại trí tuệ phương tiện đạt thù thắng:

1. Tuy khéo tu tập Chánh định Không, Vô tướng, Vô nguyện mà từ bi chẳng bỏ chúng sanh.
2. Tuy đã được pháp bình đẳng của chư Phật mà thường ưa cúng dường Phật.
3. Tuy vào môn Trí tuệ Quán Không mà vẫn siêng năng tích lũy phước đức.
4. Tuy rời xa ba cõi mà vẫn trang nghiêm ba cõi.
5. Tuy đã dập tắt trọn vẹn những ngọn lửa phiền não mà lại vì tất cả chúng sanh khởi và diệt ba ngọn lửa phiền não tham, sân, si.
6. Tuy biết rõ các pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảo hóa, như trăng đáp nước, như bóng trong gương, tự tánh không hai nhưng vẫn tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà tạo tác vô lượng sự sai biệt.
7. Tuy biết các cõi nước giống như hư không mà vẫn có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật.

8. Tuy biết Pháp thân của chư Phật bản tánh vốn không có thân, mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân.

9. Tuy biết âm thanh của chư Phật bản tánh là không, vắng lặng chẳng nói năng mà hay thuận theo tất cả chúng sanh phát ra vô vàn âm thanh vi diệu.

10. Tuy theo lời chỉ dạy của chư Phật, biết rõ ba đời chỉ là một niệm mà vẫn thuận theo sự phân biệt hiểu biết của chúng sanh, dùng mọi hình tướng, mọi thời gian, mọi kiếp số mà tu tập các hạnh.

Trong kinh Duy Ma nói:

“Tuy thực hành nơi Không mà vẫn gieo trồng những cội gốc đức hạnh, đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy thực hành Vô tướng mà vẫn độ chúng sanh, đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy thực hành Vô tác mà vẫn thị hiện thọ thân, đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy thực hành Vô khởi mà phát khởi tất cả các hạnh lành, đó là hạnh của Bồ Tát.

Bậc Cao đức ngày xưa hỏi: “Tất cả vạn hạnh chỉ trở về Vô niệm. Nay thấy thiện ác nguyện rời bỏ, nguyện thành tựu, nhọc nhằn thân tâm làm sao xem đó là đạo được?”.

Đáp: Ở đây là niệm mà cầu Vô niệm, còn chưa được Vô niệm chân thật, huống gì nghĩ nhớ về Vô niệm mà lại không cách ngại hay sao?

Hơn nữa Vô niệm chỉ là một hạnh trong các hạnh, làm sao biết một niệm liền có thể nhanh chóng viên dung tất cả?”.

Như lời dẫn chứng trên, ý chỉ của Phật đã hoàn toàn rõ ràng, đâu thể bụng trống không tâm cao ngạo, lấy ít cho là đủ, giống như ếch ngồi đáy giếng mà chán ghét biển cả, ánh đom đóm lập lòe mà muôn che lấp vàng thái dương hay sao!

Hỏi:

Dứt tuyệt không nương tựa, cảnh và trí đều không, đó là ý chỉ trở về của Phật Tổ, con đường chính yếu của Thánh Hiền.

Nếu nói về sự có tạo tác thì tâm cảnh rõ ràng, dựa vào kinh điển gì trình bày rộng rãi về muôn điều thiện?

Đáp:

Giáo pháp một đời của Đức Phật từ xưa đến nay được phân chia tông phái rất nhiều. Nhưng đứng từ phương diện lớn mà nhìn, chẳng ra ngoài ba tông dưới đây:

1. Tướng tông.
2. Không tông.
3. Tánh tông.

Trong đó, Tướng tông phần nhiều từ khía cạnh khẳng định (phải) để diễn thuyết Phật Pháp. Không tông thì từ khía cạnh phủ định (chẳng phải) để diễn thuyết Phật Pháp. Còn Tánh tông chỉ nói trực chỉ, tức đồng với phương pháp “thấy tánh thành Phật” của Lục tổ.

Nay chẳng luận thấy tánh, không biết Chánh tông mà phần nhiều chấp vào khẳng định hoặc phủ định, tranh luận lằng xằng. Như thế đều do chẳng rõ ý sâu kín của Phật Tổ, chỉ đuổi theo ngôn ngữ.

Trong giáo lý hoặc nói khẳng định là y cứ tánh mà nói về tướng; hoặc nói phủ định là phá trừ tướng để hiển bày tánh. Chỉ có một môn Tánh tông hiển bày trực chỉ, chẳng khẳng định hay phủ định.

Hiện nay, mọi người phần nhiều xem trọng lời nói phá dẹp “chẳng phải Tâm chẳng phải Phật, chẳng phải Lý chẳng phải Sự”, lấy đó làm chỗ huyền diệu. Chẳng biết những lời nói ấy chỉ là để phá dẹp, là lời nói dùng để chữa trị bệnh chấp. Chấp vào phương tiện ấy làm mục tiêu, lại không tin giáo nghĩa khẳng định trực chỉ, do đó mất đi chỗ chân thật, mê muội đối với Chân tâm. Giống như người ngu ở nước Sở, thấy con gà cho là phượng hoàng, như trẻ con chơi bên bờ hồ lấy gói gạch làm châu ngọc.

Chỉ theo cái nhìn nông cạn, chẳng tìm xét ý chỉ sâu kín. Nếu lầm mê nơi thuyết phương tiện thì làm sao biết được chỗ trở về chân thật?

Hỏi:

Giáp pháp ba thừa của chư Phật Như Lai diễn thuyết chỉ là pháp môn một vị giải thoát. Tại sao lại nói rộng về Duyên khởi sanh diệt ở thế gian? Nghĩ suy liền mất, chẳng thuận với Chân như; động niệm thì trái với Pháp thể.

Đáp:

Nếu nói về một tướng một vị, đó là giáo pháp quyền biến trong ba thừa. Từ nơi Lý mà nói, tất cả nhân duyên đều là làm lỗi. Nay biên tập sách này chỉ hiển bày tông chỉ viên dung, mỗi mỗi duyên khởi đều là đức chân thật của pháp giới.

Ở nơi ý nghĩa này, chẳng thành lập cũng chẳng phá hoại, không đoạn diệt cũng chẳng thường hằng, cho đến thần thông biến hóa đều là pháp vốn như thế, chẳng phải nhờ thần lực mà tạm thời được như vậy. Do đó nói, vừa có một pháp nhân duyên sanh, đều là công đức phát khởi từ tự tánh.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Trong biển thế giới Hoa Tạng này, bất luận là núi non hay sông ngòi, cho đến rừng cây cát bụi, tất cả chỗ nơi đều xứng với pháp giới Chân như đầy đủ vô biên công đức”.

Hỏi:

Trong Kinh nói: “Kẻ phạm phu tham chấp vào sự vật”, còn nói rằng: “Đối với phạm phu chấp tướng phải tùy nghi vì họ mà thuyết pháp”.

Nếu rõ được Lý căn bản thì vạn hạnh đều viên mãn. Như thế cần gì sự tướng mà dấy khởi tạo tác?

Đáp:

Đây là lời nói phá tham trước chấp thủ, chẳng quan hệ đến sự tướng nhân duyên.

Kinh Duy Ma nói:

“Chỉ trừ bệnh mà chẳng bỏ pháp”.

Kinh Kim Cang Tam Muội nói:

“Có hai lối vào, một là vào từ con đường Lý; hai là vào từ con đường Hạnh. Dùng Lý dẫn lối Hạnh, dùng Hạnh làm viên mãn Lý”.

Vả lại, Bồ đề là dùng Hạnh đi vào Vô hạnh, Bởi vì, Hạnh là nhờ vào thực hành tất cả pháp lành, Vô hạnh là thấy tất cả pháp lành không có thật. Đâu thể ngưng trệ nơi Lý thiếu sót phần Hạnh, hoặc nghiêng chấp về Hạnh trái ngược với Lý.

Luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ Tát Mã Minh nói, có ba sự phát tâm do thành tựu niềm tin:

1. Trực Tâm: vì chánh niệm về Chân Như.
2. Thâm tâm: vì ưa thích tích lũy tất cả các hạnh lành.
3. Đại bi tâm: vì muốn giải trừ sự đau khổ của tất cả chúng sanh.

Trong Luận hỏi rằng: “Ở trên đã nói pháp giới một tướng, Phật thể không hai, tại sao không chuyên niệm Chân như mà lại nhờ vào sự cầu học thực hành các pháp lành?”.

Luận đáp rằng: “Ví như hạt châu đại Ma Ni, thể tánh trong sáng nhưng lại có sự cấu bẩn của tạp chất như uế. Nếu người chỉ nghĩ về tính chất quý báu của nó, nhưng không dùng đủ mọi thứ để lau chùi mài dũa, rốt cuộc nó cũng không thể hiển hiện được bản chất trong sáng. Cũng vậy, pháp Chân như nơi chúng sanh, thể tánh rỗng lặng thanh tịnh mà có sự cấu nhiễm của vô lượng phiền não. Nếu người chỉ nghĩ về Chân như, không dùng mọi phương tiện huân tu thì nó cũng sẽ không hiển lộ được bản tánh trong sáng.

Bởi vì, phiền não cấu nhiễm vô lượng nên phải tu tập khắp tất cả hạnh lành để đối trị. Nếu người tu hành tất cả hạnh lành thì tự nhiên trở về pháp Chân như”.

Nói gọn phương tiện có bốn loại:

1. Thực hành phương tiện căn bản:

Nghĩa là quán xét tất cả pháp tự tánh vô sanh, rời khỏi cái thấy sai lầm, chẳng trụ nơi sanh tử. Quán xét tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp nhưng nghiệp quả không mất.

Do vậy phát khởi tâm đại bi tu mọi phước đức, thâm nhiếp giáo hóa chúng sanh, chẳng trụ nơi Niết Bàn vì thuận theo Pháp tánh vô trụ.

2. Phương tiện đình chỉ:

Nghĩa là hồ thẹn hối hận lỗi lầm, dừng tất cả pháp ác khiến cho không tăng trưởng. Vì thuận theo Pháp tánh nên rời những điều lầm lỗi.

3. Phương tiện phát khởi căn lành tăng trưởng:

Nghĩa là siêng năng tu tập cúng dường, lễ bái Tam Bảo, tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh chư Phật, vì tâm thuần hậu kính mến Tam Bảo nên lòng tin được tăng trưởng, mới có thể quyết chí cầu đạo Vô thượng.

Hơn nữa, nhờ sức mạnh của Phật-Pháp-Tăng gia hộ nên có thể tiêu trừ nghiệp chướng, căn lành không thối chuyển. Do thuận theo Pháp tánh nên lia khỏi chướng ngại của sự ngu si.

4. Phương tiện đại nguyện bình đẳng:

Nghĩa là phát nguyện cùng tận vị lai giáo hóa tất cả chúng sanh không sót một ai, đều khiến cho họ đạt đến Niết Bàn Vô Du cứu cánh. Do thuận theo pháp tánh nên không dừng bỏ việc giáo hóa. Vì Pháp tánh rộng lớn và bình đẳng không hai, trùm khắp tất cả chúng sanh nên không nghĩ về kia đây, rốt ráo lặng lẽ.

Đại sư Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu hỏi:

“Các pháp rốt ráo rộng không, thế thì có Bồ Tát tu hành Lục độ vạn hạnh chẳng?

Đáp: “Đó là cách nhìn của hàng Tam thừa thấy có hai. Nếu quán xét tâm vốn vắng lặng thì đó chính là trí tuệ chân thật, tức là thấy Pháp thân chân thật. Pháp thân chẳng trụ nơi rỗng không này mà có sự vận dụng giác tri, đó chính là Trí tuệ phương tiện. Trí tuệ phương tiện cũng chẳng thể được, đó chính là Trí tuệ chân thật. Hai trí häng chẳng rời nhau.

Niệm trước và niệm sau đều do hai loại trí tuệ này phát khởi. Cho nên nói Trí độ là mẹ của Bồ Tát, Phương tiện là cha. Bậc Đạo sư của tất cả chúng sanh đều từ đây mà sanh ra”.

Bậc Cao đức ngày xưa hỏi rằng:

“Tâm chính là Phật cần gì phải tu hành?”.

Đáp: Chỉ vì vậy nên phải tu hành. Như trong sắt không chứa vàng, dù có lọc luyện cũng không thể nào thành vàng được.

Quốc Sư Hiền Thủ nói:

“Ba thân Đức Phật và Mười pháp Ba la mật cho đến bao nhiêu hạnh lợi tha của Bồ Tát, hoàn toàn dựa vào tự tâm mà khai triển. Đây chính là nói trong tâm chúng sanh vốn có thể Chân như rộng lớn, cho nên hôm nay tu hành dẫn đến Pháp thân.

Do trong tâm chúng sanh có tướng Chân như rộng lớn cho nên hôm nay tu hành dẫn đến Báo Thân.

Do tâm chúng sanh có dụng Chân như rộng lớn cho nên hôm nay tu hành dẫn đến Hóa thân.

Do trong tâm chúng sanh vốn có đủ Chân như Pháp tánh, vốn tự không tham lam keo kiệt, hôm nay tu hành thuận với Pháp tánh không xan tham mà dẫn đến Bồ thí Ba la mật...”.

Nên biết sự tu hành trong ba A tăng kỳ kiếp cũng chưa hề thành tựu được một pháp một hạnh nào ở ngoài tâm.

Tại sao?

Bởi vì tự tâm dẫn đến hạnh thanh tịnh, từ nơi bản tánh mà khởi tu.

Hạt châu Ma Ni quý báu bị chìm trong bùn nhơ thì không thể nào mưa ra châu ngọc; gương xưa phủ đầy bụi đất sao có thể soi được mặt người? Tuy tâm tánh sáng tròn xưa nay đầy đủ, nhưng nếu không dùng các điều lành để làm cho hiển bày, dùng vạn hạnh để lau chùi mài dũa, không dùng phương tiện khiến cho nó phát huy diệu dụng thì tâm tánh mãi mãi sẽ bị khách trần che đậy. Đắm chìm trong biển thức, tạo thành sanh tử hư vọng, chướng ngại thanh tịnh Bồ đề.

Do đó lời dạy của Tổ sư rõ ràng, Lý-Sự tương tức, không nên nghiêng lệch mà chìm đắm trong dòng sông kiến chấp.

Hỏi:

Thiện tuy là hơn ác nhưng vừa nghĩ đến liền trái với Chân tánh. Từ nơi đạo mà nói, đều chẳng phải là giải thoát, cần gì phải khuyên bảo rộng rãi việc làm lành mà ngưng trệ sự tu hành chân chánh? Dính dáng với nhân duyên, thật đã chướng ngại với đạo.

Đáp:

Thế gian và xuất thế gian lấy việc lành cao thượng làm căn bản. Ban đầu nhờ thiện mà tiến vào, về sau nhờ thiện để trợ giúp thành tựu. Điều thiện thật là chiếc thuyền đưa qua biển sanh tử, con đường dẫn đến thành Niết Bàn. Nó làm nền tảng cho người trời, làm tường thành cho Phật Tổ. Dù là còn ở trong cõi trần hay đã xuất trần cũng không thể tạm thời bỏ phế việc thiện.

Mười điều lành nào có lỗi, sự hoằng dương vốn ở nơi con người. Nếu tham trước thì quả báo sẽ sanh lên cõi trời còn trong hữu lậu; nếu không chấp sẽ bước lên đạo vô vi; vận dụng tâm nhỏ hẹp rơi vào ngôi vị của Nhị Thừa; phát tâm ý rộng lớn tiến lên thứ bậc Bồ Tát; cho đến rốt ráo sự tu hành viên mãn, cuối cùng thành tựu quả vị Phật đều do thập thiện làm nền tảng.

Do đó nên biết, điều lành cao thượng không thể thành nguyên nhân trở ngại tu hành, hoàn toàn tại nơi người thực hành mà trở thành lỗi lầm được mất.

Thế nên trong kinh Hoa Nghiêm nói:

“Mười nghiệp bất thiện là nhân thọ sanh trong địa ngục, ngã quỷ, súc sanh; mười nghiệp thiện là nhân thọ sanh trong loài người trời, cho đến cõi trời Hữu Đảnh.

Hơn nữa, người thực hành mười nghiệp lành thượng phẩm, do dùng trí tuệ tu tập, tâm nhỏ hẹp kém cõi cho nên sợ sệt đối với ba cõi, kiếm khuyết lòng đại bi. Bởi từ nơi người khác mà được nghe âm thanh nên tỏ rõ, vì thế trở thành Thanh Văn thừa.

Người thực hành mười nghiệp lành thượng phẩm, do tu tập thanh tịnh, không từ người khác dạy bảo mà tự giác ngộ, tâm đại bi và phương tiện không đầy đủ. Vì tỏ ngộ pháp nhân duyên sâu xa nên trở thành Độc Giác thừa.

Người thực hành mười nghiệp lành thượng phẩm, do tu hành thanh tịnh, tâm rộng lớn vô lượng đầy đủ từ bi, do phương tiện thu nhiếp nên phát khởi đại nguyện chẳng bỏ chúng sanh. Vì mong cầu trí tuệ rộng lớn của chư Phật nên thực hành thanh tịnh các ngôi vị của Bồ Tát, tu tập tất cả các độ, thành tựu hạnh rộng lớn của

Bồ Tát.

Người thực hành mười nghiệp lành thượng thượng phẩm, do tất cả thanh tịnh, cho đến chứng đắc Thập lực, Tứ vô úy, tất cả Phật Pháp đều được thành tựu.

Thế nên, ta nay thực hành bình đẳng thập thiện, cần phải làm cho tất cả đều được đầy đủ thanh tịnh. Cho đến Bồ Tát tích lũy tập hợp thiện căn như thế, thành tựu thiện căn, tăng trưởng thiện căn, tư duy thiện căn, nghĩ nhớ thiện căn, phân biệt thiện căn, ưa thích thiện căn, tu hành tập hợp thiện căn, an trụ thiện căn.

Đại Bồ Tát tích lũy tập hợp các thiện căn như thế rồi, đem quả báo và y báo do thực hành thiện căn ấy có được, tu tập hạnh Bồ Tát, ở trong mỗi niệm đều thấy vô lượng chư Phật, theo đúng như pháp phụng sự cúng dường chư Phật”.

Lại bảo rằng: “Tuy không làm điều gì mà luôn thường trụ nơi căn lành”.

Lại nói: “Tuy biết các pháp không nương dựa vào đâu, nhưng nói nương tựa vào pháp lành mà được giải thoát”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Đức Phật bảo rằng: Ta thuở quá khứ cũng từng làm người ác, làm côn trùng, nhưng do tích lũy điều lành nên mới được thành Phật”.

Hơn nữa như trong Mười tám pháp Bất cộng có pháp “Dục vô giảm”. Đức Phật biết ơn các pháp lành nên thường muốn tập hợp các pháp lành, do đó không giảm bớt sự ưa thích các pháp. Tu hành tập hợp các pháp mà tâm không cảm thấy đầy đủ và chán nản, vì vậy không giảm bớt sự ưa thích các pháp lành. Như một Tỳ kheo Trưởng lão mắt mờ, tự khâu vạt y Tăng già lê bị sút chỉ. Tỳ kheo Trưởng lão nói với mọi người rằng:

- Ai ưa thích làm phước đức xin xỏ kim giúp tôi!

Khi ấy Đức Phật xuất hiện trước mắt ông, bảo rằng:

- Ta là người ưa thích phước đức không biết chán nản và đầy đủ. Ông đưa kim đây!

Tỳ kheo ấy thấy ánh sáng của Phật, lại nhận ra tiếng nói của Phật, liền bạch rằng:

- Đức Phật đều cùng tận bến bờ của vô lượng biển cả công đức. Vì sao Ngài lại không biết chán nản và đầy đủ?

Đức Phật bảo Tỳ kheo:

Quả báo của công đức rất sâu xa, không có ai biết ơn công đức như ta cả. Dù tận cùng bến bờ công đức, nhưng ta vốn do lòng ham muốn công đức không biết chán nản và đầy đủ mà được thành Phật, thế nên cho đến nay vẫn không ngừng tích lũy. Tuy thật sự không có công đức để được, nhưng lòng ham muốn của ta cũng không dừng.

Khi ấy chư Thiên và người đời kinh ngạc mà tỏ ngộ: Đức Phật đối với công đức còn không biết chán nản và đầy đủ huống gì người khác!

Đức Phật vì Tỳ kheo ấy mà thuyết pháp. Lúc đó nhục nhãn của Tỳ kheo Trưởng lão ấy liền được sáng tỏ và thành tựu tuệ nhãn.

Lại nói:

“Đức Phật bảo: Nếu không làm cho chúng sanh thành tựu, không thanh tịnh cõi nước Phật thì không đạt được đạo Vô thượng.

Tại sao?

Vì nhân duyên không đầy đủ, không thể đạt được đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng. Nhân duyên nghĩa là tất cả pháp lành.

Từ khi mới phát tâm thực hành Bồ thí Ba la mật cho đến đạt được Mười tám pháp Bất cộng, ở trong các pháp thực hành ấy không có sự nghĩ tưởng phân biệt”.

Hỏi:

Pháp thân Như Lai lặng yên thanh tịnh, tất cả chúng sanh vì bị khách trần phiền não che đậy nên không được hiện bày.

Nay chỉ cần dừng phan duyên thì nước định lặng trong, cần gì phải thực hành các điều lành hướng ngoại lãng xảng trái ngược với chân tu, chỉ trở thành lao nhọc?

Đáp:

Vô tâm thì lặng lẽ hiện bày, đó là “liễu nhân”, phước đức trang nghiêm cần phải từ duyên mà sanh khởi, hai nhân đầy đủ mới thành tựu thể tánh Phật. Các kinh điển Đại thừa đều ghi chép đầy đủ việc ấy.

Kinh Duy Ma nói:

“Thân Phật tức là Pháp thân, từ vô lượng công đức trí tuệ mà sanh; từ từ-bi-hỷ-xả mà sanh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, chuyên cần tinh tấn, thiền định, giải thoát, tam muội, đa văn, trí tuệ, các Ba la mật mà sanh. Cho đến từ đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, tập hợp tất cả pháp thiện mà sanh ra thân Như Lai”.

Kinh này còn nói:

“Vì đầy đủ phước đức nên không trụ nơi vô vi, vì đầy đủ trí tuệ nên không hết hữu vi; vì đại từ bi nên không trụ nơi vô vi, vì mãn bốn nguyện nên không hết hữu vi”.

Những lời ông nói trên là tự trái với giáo nghĩa viên mãn, không tuân theo lời Phật dạy, định nắm chắc vào sự ràng buộc của Niết Bàn, muốn chìm trong hố sâu giải thoát. Trồng hoa sen trên cao nguyên, trồng mía trong hư không mà muốn cầu hoa trái Bồ đề, làm sao được thành?

Cho nên nói: “Vào chánh vị vô vi thì không phát sanh Phật Pháp”, cho đến ví như không xuống biển cả không thể được bảo châu vô giá. Cũng vậy không vào biển cả phiền não thì không thể được vật báu Nhất thiết trí.

Hỏi:

Vào pháp lấy vô đắc làm cửa, đến đạo do vô vi dẫn đường. Nếu làm mọi việc lành, sinh khởi tâm hữu đắc thì một là trái với Chánh tông, hai là tổn đến hạnh chân thật?

Đáp:

Vì vô đắc thì không có gì mà không được. Vì vô vi nên không có gì mà không làm. Vô vi há lại ở ngoài mọi việc làm, vô đắc đâu vượt ra những chỗ đắc.

Đắc và vô đắc đã chẳng phải khác nhau hoàn toàn; vi và vô vi cũng chẳng đồng nhau. Chẳng khác chẳng đồng, ai bảo rằng một hay hai. Đã đồng đã khác, chẳng

ngại thiên sai vạn biệt.

Nếu không rõ hai môn đồng và khác thì rơi vào hai lối chấp đoạn và thường. Do đó phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm nói:

Biết tất cả pháp vô tướng là tướng, tướng là vô tướng; vô phân biệt là phân biệt, phân biệt là vô phân biệt; chẳng phải có là có, có là chẳng phải có; không làm là làm, làm là không làm; chẳng nói là nói, nói là chẳng nói, chẳng thể nghĩ bàn.

Biết tâm với Bồ đề bình đẳng. Biết Bồ đề với tâm bình đẳng. Tâm và Bồ đề cùng chúng sanh bình đẳng; cũng không sanh tâm điên đảo, tướng điên đảo, khiến điên đảo, chẳng thể nghĩ bàn.

Ở trong mỗi niệm vào Diệt tận định, hết tất cả lậu hoặc mà không chứng nhập Thật tế, cũng không hết thiện căn hữu lậu. Tuy tất cả pháp vô lậu mà biết lậu tận, cũng biết lậu diệt.

Tuy biết pháp Phật là pháp thế gian, pháp thế gian là pháp Phật, mà không ở trong pháp Phật phân biệt pháp thế gian, không ở trong pháp thế gian phân biệt pháp Phật.

Vì tất cả các pháp đều vào pháp giới, không có chỗ nào để vào. Biết tất cả pháp đều không hai, không biến đổi chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi:

Tất cả chúng sanh không được giải thoát, đều do nhận giả danh, đuổi theo vọng mà bị luân hồi. Trong kinh Lăng Nghiêm chỉ dạy khiến cho chúng sanh dừng lặng tâm sanh diệt hư vọng, trở về tánh giác, đạt được tánh không sanh diệt giác ngộ sáng suốt. Vì tâm làm nhân tu hành, sau đó mới thành tựu trọn vẹn quả tu chứng.

Tại sao ở đây một mực đi theo giả danh, bàn về những việc lành do tâm tán loạn tu tập? Như thế càng tăng thêm hư vọng, đâu lợi ích cho người mới phát tâm.

Đáp:

Danh tự tánh không đều là Thật tướng, chỉ từ duyên khởi chẳng rơi vào Có và không.

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật bảo Bồ Tát Bảo Minh rằng:

“Ông hãy quán xét tên gọi của Phật, nếu là có thì nói về tên thức ăn cho người đáng lẽ họ phải được no bụng. Nếu danh tự là không thì Như Lai Định Quang chẳng thọ ký cho ta, cho đến tên của ông.

Nếu như không thọ ký thì ta không được thành Phật. Nên biết danh tự từ lâu đã là Như, do ta Như nên hiển bày đầy đủ các pháp. Tánh chất của danh tự rỗng không chẳng ở nơi Có và Không”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Ví như các pháp chẳng phân biệt tự tánh, chẳng phân biệt âm thanh mà tự tánh không bỏ mất, tên gọi không tiêu diệt. Bồ Tát cũng như vậy, không bỏ việc làm, tùy theo mọi việc làm của thế gian mà ở hai nơi điều ấy không có chấp trước”.

Thế nên không động bờ mé chân thật, kiến lập mọi pháp môn tu hành; chẳng hủy hoại giả danh, thông suốt tự tánh một cách trọn vẹn.

Hỏi:

Tại sao chẳng mặc tình tự tại vô tâm hợp với đạo, cần gì quan tâm đến việc thực hành vạn hạnh đầy động tâm tư?

Đáp:

Bậc Cao đức ngày xưa cho rằng, có ba con đường đạt đến quả Phật:

1. Lìa ngôn ngữ, dứt hành vi, chỉ riêng tỏ rõ quả Vô tác Pháp thân.
2. Từ nơi hạnh dần tu tập, viên mãn quả vị trong ba A tăng kỳ.
3. Từ lý trí ban đầu đạt đến quả viên dung tự tại.

Đó là người có căn cơ bậc thượng tu chứng viên mãn. Tuy trong một niệm nhanh chóng đầy đủ nhưng chẳng ngại thực hành vạn hạnh. Tuy thực hành vạn hạnh mà chẳng lìa một niệm.

Nếu nói về chỗ quên tình thâm khế hợp thì cũng đều là một con đường thành Phật. Mau hay chậm do bởi căn cơ, còn pháp không có sau trước.

Hỏi:

Chạm mắt là Bồ đề, cất bước đều là đạo. Cần gì thiết lập đạo tràng sự tướng nào khác, chỉ nhọc nhằn thân tâm, lẽ nào lại phù hợp với ý chỉ nhiệm màu?

Đáp:

Có hai loại đạo tràng:

1. Đạo tràng Lý.

2. Đạo tràng Sự.

Đạo tràng Lý cùng khắp vô số cõi nước. Đạo tràng Sự tức chỉ cho chỗ thanh tịnh trang nghiêm.

Song, nhân Sự mà hiển bày Lý, nhờ Lý mà thành tựu Sự. Sự tuy giả dối nhưng lại chứa đựng Lý, chẳng có Sự nào mà không có Lý, Lý tuy chân thật nhưng ứng theo duyên nên chẳng có Lý nào ngại Sự. Thế nên, ngay nơi Sự mà muốn tỏ rõ Lý thì cần có sự trang nghiêm. Thung dung vào nơi chân thật, chỉ nhờ vào việc kiến lập nơi sự tướng. Đó là cội gốc của sự qui kính, tạo nên môn sách tấn tu hành, thấy tướng mà tâm được trang nghiêm, mình và người đều lợi ích.

Trong Ma Ha Chỉ Quán nói:

“Người mới phát tâm tu theo Viên Giáo, Lý và Quán tuy vững chắc nhưng chưa thành tựu Pháp Nhãn, phải nên ở nơi thanh tịnh kiến lập đạo tràng trang nghiêm, ngày đêm sáu thời thực hành năm phương pháp sám hối, nhằm sám hối tội lỗi của sáu căn.

Vào Quán hạnh thì đồng thời xem trọng trí tuệ và giới luật. Sự-Lý không tỳ vết, được oai thần của chư Phật gia hộ, trí tuệ chân thật nhanh chóng hiển phát, một đời có thể bước lên tiến thẳng đến Sơ trụ”.

Trong Thượng Đô Nghi nói:

“Người nương về với Tam Bảo phải chỉ phương, lập tướng, trụ tâm giữ cảnh, chẳng cần phải rõ vô tướng lìa niệm”.

Đức Phật đối với phàm phu đã biết trước, dạy họ buộc niệm còn không được hưởng gì lìa tướng. Giống như những kẻ không có pháp thuật thần thông mà muốn xây dựng lâu đài trong hư không, sao có thể làm được?

Nương nơi hình tượng Phật để làm đối tượng, thực hành ba pháp quán điều đó ắt là được không nghi”.

Đức Phật từng nói:

“Sau khi ta diệt độ, người có thể quán tưởng hình tượng ta thì không có khác biệt gì với thân ta cả”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Bồ Tát đối với ba việc không chán nản:

1. Cúng dường chư Phật không chán nản.
2. Nghe pháp không chán nản.
3. Cúng dường chư Tăng không chán nản”.

Đại Sư Trí Giả ở Thiên Thai hỏi:

“Ở thế gian có người tu hành pháp Không, chấp vào cái Không ngu si chẳng phù hợp với kinh điển. Nghe nói về pháp Quán tâm này bèn vấn nạn rằng:

Nếu Quán tâm là Pháp thân bình đẳng thì mọi vật đều bình đẳng. Tại sao đối với kính, tượng lại cung kính, đối với giấy và gỗ lại xem thường?

Nếu cung kính và xem thường đã chẳng phải là bình đẳng, vì chẳng phải là bình đẳng nên ý nghĩa Pháp thân không thể thành lập được”.

Đáp: “Do chúng ta ở trong địa vị phàm phu nên quán xét trên hình tướng như thế.

Vì muốn mở bày Thật tướng ấy nên cung kính Kinh điển, tượng Phật, khiến cho trí tuệ không bị ràng buộc; làm cho vô số người tôn sùng việc lành, trừ bỏ điều ác,

khiến cho phương tiện chẳng bị ràng buộc”.

Như thế lẽ nào lại đồng với cái nhìn sai lầm của ông hay sao?

Cho đến mở nhiều pháp hội, kiến lập đạo tràng nghi thức, kiết ấn trì chú, trang nghiêm mọi việc thù thắng bèn được chứng nghiệm ngay nơi đạo tràng, oai thần của chư Phật gia bị. Những việc đó đều do lòng từ bi của Thế Tôn khai thị pháp tắc chánh yếu.

* Hoặc có người thấy hương hoa, hình tướng tốt đẹp mà giới đức được thanh tịnh thêm.

* Hoặc có người thấy thân tướng của Bồ Tát Phổ Hiền mà cội nguồn tội lỗi thấy đều trong sạch.

Do các pháp sự trọn vẹn đầy đủ nên đạo Phật trải qua thời gian lâu dài vẫn được hưng thịnh. Từ sự biểu hiện cảm thông qua lại ấy mà mọi người trở về nương tựa có chỗ y cứ.

Thế nên, cần phải tuân theo lời dạy bảo của các bậc Thánh Hiền thuở xưa, y theo kinh điển thực hành, không thể dựa vào sự suy đoán sai lầm của riêng mình, hủy hoại công đức và việc lành, phải bị rơi vào đường tà. Bác bỏ Có lại vướng vào Không, gieo mình vào lưới tà một cách oan uổng.

Hỏi:

King Kim Cang Bát Nhã nói:

“Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai”.

Tại sao lại thiết lập, nêu bày hình tướng mà gọi là Phật sự?

Đáp:

Ngừng dứt mọi duyên sự, đó là tông Phá tướng. Luận thẳng hiển bày Lý thể tức là Đại thừa Thi giáo. Giáo pháp này chưa viên dung giữa Có và Không, chưa thấu suốt giữa Thể và Dụng.

Nếu từ môn viên dung vô ngại, tánh tướng dung thông thì đưa một hạt bụi lên là bao trùm pháp giới.

Kinh Hoa nghiêm nói:

“Môn từ bi thanh tịnh nhiều như vi trần cõi nước, cùng phát sinh một tướng vi diệu của Như Lai, các tướng khác đều như thế. Thế nên, người thấy Phật không chán nản”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Ông chứng đắc các Pháp Phật như Nhất thiết trí, Thập lực, đầy đủ ba mươi hai tướng, cho đến chân thật diệt độ”.

Kinh Đại Niết Bàn nói:

“Chẳng phải sắc tức là sự giải thoát của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Sắc tức là sự giải thoát của chư Phật Như Lai”.

Lẽ nào lại đồng với phàm phu chấp trước vào cảnh vật cho là sắc thật? Nhị thừa thiên lệch chứng đắc chỗ đoạn dứt mà cho là chân thật.

Thế nên, hàng Đại Bồ Tát ở nơi sáu trần đều thấy Như Lai, nhìn vạn vật bình đẳng, soi sáng trọn vẹn cả pháp giới. Lẽ nào lại đợi đến tiêu diệt hình bóng rồi mới trở thành huyền diệu hay sao?

Hỏi:

Tâm chính là Phật, cần gì tìm cầu bên ngoài. Nếu nhận trần cảnh kia thì pháp nơi mình liền ẩn mất?

Đáp:

Pháp môn của chư Phật chẳng phải một mực cứng nhắc mà đều có tự lực, tha lực, tự tướng, cộng tướng.

Thập huyền môn thâm nhiếp, Lục tướng nghĩa viên dung, trên mặt tùy duyên dường như phân chia, về mặt lý tánh thường hòa hợp. Từ tâm biểu hiện ra cảnh, cảnh tức là tâm, thu nhiếp sở trở về năng thì kia tức là đây.

Bậc cao đức ngày xưa nói:

“Nếu chấp tâm cảnh là hai thì phá dẹp bảo rằng “không hai”, vì ngoài tâm không có trần cảnh nào khác. Nếu chấp tâm cảnh là một thì phá dẹp bảo rằng “chẳng một”, vì chẳng phải là không có nhân duyên.

Trong kinh Duy Ma nói:

“Đó là do oai thần của chư Phật kiến lập”.

Đại sư Trí Giả bảo rằng:

“Người một mặt quán về vô sanh chỉ tin sự lợi ích của tâm, không tin sự lợi ích từ Đức Phật bên ngoài gia bị”.

Trong kinh nói: “Chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, mà ở trong mà ở ngoài”.

Ở trong cho nên sự giải thoát của chư Phật phải tìm trong tâm tánh và hành động của chúng sanh; ở ngoài cho nên chư Phật hộ niệm. Tại sao không tin sự lợi ích ở bên ngoài?

Nói về lý nhân duyên, môn tiến tu đều do các duyên mà thành tựu, không có một pháp nào đứng riêng.

Nếu tự lực đầy đủ thì không cần nhờ duyên; nếu sức mình chưa kham thì cần phải dựa vào thế lực của người khác. Ví như người ở thế gian khi mắc nạn nơi chốn quan trường, nếu bản thân không có khả năng vượt thoát, phải nhờ người có thế lực cứu vãn. Lại như kéo dây vật nặng, nếu sức mình không đủ phải nhờ vào sức của các con vật mới có thể di chuyển. Chỉ nên lường xét về thật đức bên trong, hoàn toàn chẳng do chính mình mà trở ngại người khác.

Hơn nữa, nếu chấp trước bảo rằng lực bên trong tức là tự tánh; nếu nói lực bên ngoài tức là tha tánh; nếu bảo rằng cơ cảm giao tiếp tức là cộng tánh; nếu nói chẳng phải nhân, chẳng phải duyên tức là vô nhân tánh. Như thế đều là vướng kẹt chấp trước, chưa vào chỗ viên dung vô ngại. Nếu thấu suốt tâm chân thật thì không trụ chấp vào nơi nào cả.

Hỏi:

Kinh nói quán xét về Thật tướng của thân thể nào thì quán xét về Phật cũng như vậy. Một niệm không sanh, tâm chân thật sáng tỏ.

Sao lại xưng danh hiệu Đức Phật khác, đọc tụng các kinh điển, cao thấp xoay vòng trước sau sanh diệt. Như thế đã trở ngại thiền định, chỉ đuổi theo âm thanh, như lúc nước lay động thì chẳng thấy rõ minh châu, vậy làm sao âm thầm khế hợp được?

Đáp:

Âm thanh là nơi cư trú của mọi nghĩa lý, ngôn ngữ đều là cánh cửa dẫn vào giải thoát. Tất cả đều thú hướng về âm thanh. Âm thanh là pháp giới.

Trong kinh nói: “Trong mỗi một pháp đều chứa đựng tất cả pháp”. Thế nên biết, trong một lời nói bao hàm không gì ở ngoài, mười pháp giới đầy đủ, lý Tam đế tròn đầy. Sao lại chê đây mà trọng kia, rời hình tướng câu chân thật? Không cứu xét tận cùng cội nguồn của động tịnh nên mới dẫn đến sự sai lầm về nói năng và im lặng.

Kinh nói, khi một niệm mới sanh khởi, không có tướng trạng ban đầu, đó là sự hộ niệm chân thật. Không cần phải dứt niệm trừ dẹp âm thanh rồi mới phù hợp với Thật tướng. Do đó ở môn trang nghiêm vạn hạnh không thiếu sót; trong biển Chân như, một mảy may cũng không bỏ.

Hơn nữa, sự phân định thời khóa niệm Phật, trong giáo lý có nói rõ ràng. Xương một tiếng tội lỗi được tiêu diệt nhiều như cát bụi, đủ mười niệm vãng sanh Tịnh độ, cứu tế nguy nan, tiêu trừ nghiệp chướng oan khiên. Không chỉ tạm thời thoát khỏi khổ đau mà còn nương nhờ vào nhân duyên này rốt cuộc được vào biển giác.

Thế nên trong kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu người tâm tán loạn
Đi vào trong chùa tháp
Vừa xưng Nam mô Phật
Đều đã thành Phật đạo”.

Kinh còn nói, người thọ trì danh hiệu Phật được tất cả chư Phật đồng hộ niệm.

Kinh Bảo Tích nói: “Lớn tiếng niệm Phật thì quân ma thối lui tan rã”.

Kinh Văn Thù Bát Nhã nói:

“Chúng sanh ngu muội không thể hiểu rõ phép quán, chỉ bảo họ niệm Phật tiếp nối thì tự nhiên được vãng sanh cõi Phật”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Ví như có người vừa được sanh ra có thể đi ngàn dặm trong một ngày, như thế trải qua một ngàn năm, những chỗ người ấy đi qua đều đầy đầy bảy loại báu.

Người ấy đem tất cả bảy loại báu cúng dường lên Đức Phật, nhưng chẳng bằng có người ở đời trước ác về sau niệm một tiếng Phật. Phước báo của người này còn hơn phước của người kia”.

Kinh Tăng Nhất A Hàm nói:

“Người dùng y phục, thức ăn uống, thuốc men, mền gối, cúng dường cho tất cả chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề được công đức vô lượng.

Nếu có chúng sanh tâm lành tiếp nối xưng danh hiệu Phật trong khoảng thời gian một lần vắt sữa bò, công đức người này được hơn người ở trên chẳng thể nghĩ bàn, không lường xét được”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“An trụ môn Niệm Phật tự tại tâm, biết dục lạc có theo tâm mình, tất cả các Đức Phật đều hiện bày”.

Luận Bảo Vương Tam Muội phần lớn tiếng niệm Phật, Hòa thượng Phi Tích nói:

“Người tắm nơi biển cả thì đã dùng nước của trăm sông; người niệm danh hiệu Phật, tất thành tựu tam muội. Cũng như Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục không thể không trong; Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn trở thành tâm Phật. Sau khi đã khế hợp thì tâm và Phật cả hai đều quên; đều quên là định, đều soi chiếu là tuệ. Định và tuệ đã quân bình, tâm nào mà chẳng phải là Phật, Phật nào chẳng phải là tâm. Tâm và Phật đã thể thì muôn cảnh, muôn duyên đều là tam muội, ai lại đi lo lắng việc khởi tâm động niệm lớn tiếng niệm Phật!”.

Do vậy, kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói:

Lớn tiếng niệm Phật tụng kinh có mười loại công đức:

1. Hay diệt trừ ngũ nghi.
2. Thiên ma kinh sợ.
3. Âm thanh vang khắp mười phương.
4. Ba đường ác dừng đau khổ.
5. Tiếng bên ngoài không xâm nhập.
6. Khiến tâm không tán loạn.
7. Dững mãnh tinh tấn.
8. Chư Phật hoan hỷ.
9. Tam muội hiện tiền.
10. Sanh về tịnh độ.

Trong Tịnh Độ Quán Nghi Luận hỏi rằng:

“Danh tự tánh không, chẳng thể giải nói về các pháp. Dạy người chuyên xưng danh hiệu Phật, khác nào nói về thức ăn để mong được hết đói?”.

Đáp:

Nếu nói danh tự vô dụng không thể giải thích về bản chất của các pháp thì lẽ ra khi gọi lửa mà nước lại đến. Nên biết phải nhờ cái lờ và bẫy nhân đó mới có được cá và thỏ.

Do đó Phạm Vương khái thỉnh xoay chuyển bánh xe chánh pháp, Đức Phật ứng cơ giải thích về ý chỉ diệu huyền. Người trời phàm thánh đều tiếp nhận lời dạy chân chánh, bốn loài chúng sanh trong sáu đường đồng tuân theo di huấn, lắng nghe đọc tụng lợi ích rộng sâu, xưng niệm Phật danh vãng sanh Tịnh độ. Như thế chớ nên cho rằng ngôn ngữ danh tự giả dối mà chẳng diễn nói.

Trong Luận hỏi:

“Vì sao sức mạnh của câu niệm Phật lại có thể đoạn trừ tất cả nghiệp chướng?”

Đáp: Ví như một mảnh hương chiên đàn làm biến đổi mùi hương của cả khu rừng Y Lan bốn mươi do tuần. Lại ví như có người dùng gân sư tử để làm dây đàn, tiếng đàn vừa được tấu lên tất cả dây đàn khác thay đều đứt đoạn.

Nếu người ở trong tâm Bồ đề thực hành Niệm Phật Tam Muội thì tất cả phiền não, tất cả nghiệp chướng thấy đều đoạn diệt”.

Kinh Đại Tập nói:

“Hoặc một ngày một đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm chẳng làm việc gì khác chỉ chí tâm niệm Phật, nếu niệm nhỏ thì thấy Phật nhỏ, niệm lớn thì thấy Phật lớn”.

Kinh Bát Nhã còn nói:

“Ngài Văn Thù hỏi Đức Phật: Làm sao nhanh chóng đạt được đạo Giác Ngộ Chân chánh?”

Đức Phật đáp: Có môn Nhất Hạnh Tam Muội giúp nhanh chóng đạt được đạo Giác ngộ chân chánh. Người muốn vào Nhất Hạnh Tam Muội cần phải ở nơi yên vắng, bỏ mọi loạn ý, chẳng chấp tướng mạo, buộc niệm nơi một Đức Phật chuyên xưng danh hiệu, theo phương hướng của Đức Phật ấy mà ngồi ngay thẳng hướng về.

Có thể ở nơi một Đức Phật niệm niệm tương tục, tức là ở trong tâm niệm được thấy chư Phật quá khứ vị lai, hiện tại ngày đêm thường thuyết pháp, trí tuệ biện tài hoàn toàn chẳng đoạn dứt”.

Thế nên biết, Phật lực khó nghĩ lường, diệu huyền không thể xét nét, như nam châm hút sắt, như nước chảy về sông.

Do căn lực từ thiện nên thấy những việc như thế. Người chí tâm quy hướng thì linh cảm rõ ràng.

Hỏi:

Hễ có hình tướng đều là giả dối. Nếu chấp trước vào cảnh thù thắng liền trở thành ma. Sao lại dính mắc nơi tướng, khởi tâm mong cầu thăm cảm ứng?

Đáp:

Lực tu hành đến nơi, cảnh Thánh mới tỏ tường; duyên lành phát sanh, pháp vốn như thế. Thế nên sắp chứng Thập địa, tướng hảo đều hiện tiền, do đó lòng chí thiết được âm thầm gia bị, đạo cao át ma thạch. Hoặc vào thiền định đến chỗ sâu xa mà biến hiện tướng lạ. Hoặc lễ niệm thành khẩn nên tạm thấy điều lành, chỉ rõ là Duy tâm thì thấy mà không thấy chi cả. Nếu chấp vào thì ngoài tâm có cảnh, liền thành

ma sự; nếu bỏ đi thì bài bác công năng thiện, không có lỗi để tiến tu.

Luận Ma Ha Diễn nói:

“Hoặc thật hoặc giả, chỉ là cảnh giới hiện lượng của tâm vọng nơi mình, vì không có chân thật nên chẳng vướng mắc. Hơn nữa, hoặc thật hoặc giả đều là một Chân như, một Pháp thân, vì không có sai biệt nên chẳng đoạn trừ”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Không bỏ, vì trong các pháp đều có sức trợ đạo. Không nhận, vì Thật tướng của các pháp rốt ráo Không, nên chẳng có được gì cả”.

Giáo lý của Tông Thiên Thai nói:

“Người nghi ngờ bảo rằng: Đại thừa bình đẳng, có tướng gì để bàn luận?

Hiện nay nói không phải thế. Chỉ vì bình đẳng nên gương trong thì hình bóng các nghiệp hiện ra. Khiến dùng pháp Chi-Quán lắng đọng tâm tư, tâm dần dần trong sáng soi rõ mọi việc thiện ác. Như gương được lau chùi, mọi hình bóng tự hiện.

Thế nên biết, chẳng có mà có vì không có tự tánh mà duyên sanh; có mà không có, vì duyên sanh mà không có tự tánh. Thường âm thầm phù hợp chỗ chân thật, Trung đạo lặng lẽ vui buồn chẳng sanh, ý phân biệt dứt trừ, tâm rỗng rang dùng lặng mọi suy tư thì sao lại có sự mê lầm về được mất?

Hơn nữa, nếu phúng tụng kinh điển, thọ trì Đại thừa thì công đức sâu xa, quả báo nhiệm mầu như trong kinh chính Đức Phật so sánh:

Ví như có một người tài hùng biện như Ngài Văn Thù, giáo hóa mọi người khắp tứ thiên hạ đều đạt đến bậc Nhất sanh Bồ xứ. Nhưng nếu lượng xét về công đức thì người ấy chẳng bằng người dùng hương hoa cúng dường kinh điển Phương Đẳng được vật báu loại thấp. Ngài A Nan nghi ngờ, lúc ấy bảy Đức Phật hiện thân chứng minh thật có việc ấy.

Lại y theo lời dạy mà tu hành, được vật báu loại cao; thọ trì đọc tụng được vật báu loại vừa; cúng dường hương hoa được vật báu loại thấp.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Cúng dường khắp tất cả chúng sanh trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới, cho đến độ họ đều được đạo A La Hán, hết sạch các hữu lậu, ở trong thiền định sâu xa đều được tự tại, đầy đủ tám thứ giải thoát, chẳng bằng người tùy hỷ thứ năm mươi”.

Kinh còn nói:

“Nếu chỗ người đọc tụng kinh thì mảnh đất ấy đều là Kim Cang. Chỉ vì chúng sanh nhìn bằng mắt thường nên không thể thấy”.

Nam Thông Cảm Sơn Truyện ghi rằng:

“Trong tháp vàng của bảy Đức Phật có ấn bạc. Nếu người tụng kinh Đại thừa lấy ấn bạc ấy ấn vào miệng thì sẽ không quên sót”.

Kinh Quán Phổ Hiền nói:

“Nếu bảy chúng đệ tử phạm giới, muôn trong khoảng khảy móng tay diệt trừ tội sanh tử của trăm ngàn muôn ức A tăng kỳ kiếp. Cho đến muốn được chư Đại Bồ Tát Văn Thù, Dược Vương mang hương hoa đến trong hư không dâng cúng thì nên tu tập kinh Pháp Hoa này, đọc tụng Đại thừa, nghĩ nhớ về việc làm Đại thừa, khiến cho Trí tuệ Không kia tương ứng với tâm”.

Kinh Bát Nhã nói:

“Cư trú ở nơi hang động vắng lặng không có các ác thú. Bảo rằng nghe pháp ngày đêm sáu thời, siêng năng đọc tụng âm thanh không ca thấp, tâm chẳng duyên theo ngoại cảnh, chuyên lòng nghĩ nhớ giữ gìn”.

Trong kinh Hiền Ngu nói:

“Người tu hành muốn thành tựu Phật đạo, cần phải ưa thích kinh điển và giáo pháp, đọc tụng điển thuyết. Dù cho cư sĩ thuyết pháp, chư Thiên long thần cũng đều đến nghe, huống gì là người xuất gia.

Người xuất gia cho đến khi đi kinh hành, tụng kinh, thuyết kệ thường có chư Thiên đi theo nghe. Do đó, nên siêng năng tụng kinh thuyết pháp”.

Những lời trên đều là lời chân thành chắc thật từ kim khẩu, chẳng phải là tâm giả dối, lời nói suông.

Thế nên, người chí tâm đọc tụng chứng nghiệm chẳng sai, thường được các Đức Như Lai trong mười phương và Phật Thích Ca âm thầm hộ niệm, khen rằng: “Lành thay!”, trao tay xoa đầu, ở chung, lấy y khoác lên người, thân nhận phó chúc, tùy hỷ gia bị, cho đến Thần vương hộ trì, Thiên tiên hầu hạ, thần Kim Cang đi theo ủng hộ, Đế Thích, Phạm Thiên rải hoa cúng dường, thành tựu nhân phước đồng với hư không pháp giới.

Nếu so sánh công đức thì còn hơn đem bỏ thí bảy thứ báu nhiều như số cát sông Hằng.

Người này thậm chí có thể nơi thân phạm tục mà đạt được linh thông, nhục thân bất hoại, lưỡi biến thành màu sen hồng, miệng thường thoảng hương chiên đàn.

Nghe một câu rớt ráo tiến đến Bồ đề, tụng nửa bài kệ công sánh bằng bậc Đại Giác. Ghi chép kinh văn quả báo được sanh lên cõi trời Dạ giới, cúng dường người thọ trì, phước lớn hơn cúng dường chư Phật. Thật đáng gọi là uy lực của Phật Pháp chẳng nghĩ bàn! Muôn đời lành, ngàn linh ứng đều do đây mà cảm; ba bậc Hiền, mười địa vị Thánh từ đó phát sinh, xuyên suốt cổ kim từ phạm đến thánh.

Ba nghiệp cúng dường, mười dạng thọ trì *, đều từ nơi giáo pháp chân thật này mà truyền trì không dứt. Nay tại sao lại sinh khởi phỉ báng, đoạn dứt việc xoay chuyển bánh xe pháp luân?

Hỏi:

Trong kinh chỉ khen ngợi việc y theo lời dạy tu hành, hiểu sâu nghĩa lý, chuyên cần mong cầu căn cơ viên đốn vô thượng. Căn cơ lớn thuận thực không có các sự chướng ngại ngăn trở, tỏ ngộ nhanh chóng tu hành viên đốn. Nếu vọng niệm không sanh thì cần gì phải thực hành các môn trợ đạo?

Đáp:

Nói về tướng niệm vi tế, đến địa vị Phật mới hết. Do đó lời tựa của Kinh An Ban Thủ Ý nói:

“Trong khoảng khảy móng tay, tâm chuyển biến chín trăm sáu mươi lần, một ngày một đêm có ba mươi ức ý niệm, mỗi ý có một thân mà tâm chẳng tự biết được,

giống như người làm ruộng gieo giống”.

Vì thế nên biết, nghiệp chướng tình trần sâu dày, muốn mau chóng làm cho thanh tịnh thật khó khăn. Nếu chẳng có muôn điều lành trợ giúp, chỉ với sức mình e rằng sẽ bị ngưng trệ. Và lại, nếu bàn về phước báo thì trong môn tu hành phổ biến, vạn hạnh trang nghiêm không bỏ một pháp, bởi chúng đều có thể hỗ trợ đạo làm hiển bày đại Bồ đề, đầy đủ mười loại thọ trì, cũng không có gì chướng ngại.

Cho nên kinh Pháp Hoa nói:

“Khi ấy chư Đại Bồ Tát nhiều như số vi trần của ngàn thế giới, từ lòng đất vọt lên, đều ở trước Đức Phật nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Thế Tôn bạch rằng:

- Đức Thế Tôn! Sau khi Ngài diệt độ, ở những cõi nước mà phân thân của Thế Tôn đã diệt độ, chúng con sẽ ở nơi đó giảng nói rộng về kinh này.

Vì sao? Vì chúng con cũng muốn được đại pháp chân thật thanh tịnh này. Chúng con sẽ thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, ghi chép và cúng dường kinh Pháp Hoa”.

Do đó có thể biết, Bồ Tát đặng địa không chỉ vì người khác diễn thuyết giải thích kinh, mà còn tự phát nguyện trì tụng, huông gì kẻ mới phát tâm lại không thọ nhận sao!

Chỉ là trước mong cầu sự tin hiểu ngộ nhập, sau đó y theo lời dạy mà tu hành. Miệng diễn nói, tâm suy tư trợ giúp khai mở trí tuệ chân chánh.

Nếu như chưa thấu suốt tông chỉ, hãy theo lời văn, dù chưa hiểu rõ nhưng cũng huân tập được cội lành, uy lực của Bát Nhã âm thầm giúp đỡ trước sau. Ở trong chánh pháp vừa phát một tâm nhỏ nhiệm cũng đều là nhân ban đầu, cuối cùng cũng không tiêu mất.

Hỏi:

Muốn chân thật trì kinh nên niệm Thật tướng, đã quên năng sở thì người tụng là ai?

Nếu nói: Do tâm và miệng làm ra, tìm kiếm chúng hoàn toàn không thể được, suy xét tận cùng lý ấy xuất phát từ đâu?

Đáp:

Tuy quán xét người tụng và kinh được đọc đều rỗng không, nhưng không mà chẳng phải là cái không đoạn diệt, nên chẳng ngại gì có người tụng và kinh được đọc. Có nhưng chẳng có thật. Chẳng “Không” chẳng “Có” lý Trung đạo hiển bày rõ ràng. Chấp “Không” thì rơi vào cái không tà, bám “Có” thì lại nghiêng về pháp giả dối.

Thế nên, một tâm đủ ba pháp quán, ba pháp quán ở nơi một tâm. Ngay một tâm mà ba tướng không đồng; ngay ba tướng mà một thể không khác; chẳng phải hợp chẳng phải tan; chẳng phải ngang chẳng phải dọc; chẳng bị ràng buộc trong sự còn và mất, phải quấy đâu thể hạn cuộc được, thường âm thầm phù hợp với Tam đế, đồng về nơi Nhất thừa. Các môn hóa độ trong muôn hạnh chung quy đều về Thật tướng.

Còn như vấn nạn về việc niệm tụng làm trở ngại thiền định, thiền do thu nhiếp ý niệm trong thời gian ngắn nên gọi là việc lành cao thượng. Nhưng cần phải hiểu rõ khi hôn trầm, trạo cử cần đổi thay.

Trong kinh nói:

“Nếu như ngồi thiền hôn trầm thì nên đứng lên đi kinh hành, niệm Phật; hoặc chí thành sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng, tự sách tấn thân tâm, không nên chấp chặt một môn cho đó là cứu cánh”.

Do đó Tam Tạng Từ Mẫn nói:

“Thiền định chân chánh của Phật dạy là giữ tâm một chỗ, niệm niệm tiếp nối, rời khỏi hôn trầm tán loạn, giữ tâm bình đẳng.

Nếu bị sự ngủ nghỉ che lấp thì cần phải tự sách tấn mình, chuyên cần niệm Phật, tụng kinh, lễ bái hành đạo, giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh không phớt bỏ vạn hạnh, tất cả sự tu hành đều hồi hướng vãng sanh Tây phương Tịnh độ.

Nếu người có thể tu tập Thiền định như thế, đó là Thiền định của Phật, phù hợp với giáo pháp của bậc Thánh. Người này là mắt sáng của chúng sanh, người này được chư Phật ấn khả.

Tất cả pháp Phật bình đẳng không sai biệt, đều nương nơi Nhất như mà thành tựu đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng.

Kinh điển đều nói, niệm Phật là nhân của Bồ đề. Sao lại vọng phát sinh tà kiến?”.

Thế nên, giáo lý Tông Thiên Thai dạy thực hành bốn loại tam muội, Tiểu thừa có đủ năm phép quán để đối trị, cũng có các loại tam muội “thường đi”, “vừa đi vừa ngồi”, hoàn toàn chẳng một mực hạn cuộc vào việc tọa thiền.

Kinh Kim Cang Tam Muội nói:

“Chẳng dao động cũng chẳng Thiền định, rời khỏi ý tưởng về Thiền”.

Kinh Pháp Cú nói:

“Nếu học các môn tam muội là động chứ chẳng phải Thiền. Tâm theo cảnh giới sanh khởi, làm sao gọi là định được?”

Luận Đại Thừa Khởi Tín nói:

“Nếu người chỉ tu về pháp Chỉ thì tâm chìm lặng, hoặc sinh khởi lười biếng không ưa thích các điều lành, xa rời tâm đại bi. Cho đến ở tất cả thời gian, tất cả chỗ nơi, đối với mọi điều lành, tùy theo sức mình mà thực hành, chẳng bỏ việc tu hành, tâm không lười biếng.

Chỉ trừ khi ngồi thiền thì chuyên niệm ở nơi Chỉ, còn ở nơi mọi thời gian khác đều quán sát nên làm hay không nên làm. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc nằm hoặc ngồi, đều nên thực hành Chỉ-Quán song song”.

Do đó, nếu có thể thông suốt thì ở nơi an định hay tán loạn cũng đều được vào đạo. Nếu phát sanh sự trở ngại thì đi hay ngồi cũng trở thành sai lầm.

Pháp Hoa Sám của Ngài Huệ Tư ở Nam Nhạc nói:

“Tu tập các môn Thiền định được tam muội của chư Phật, tánh của sáu căn thanh tịnh.

Bồ Tát học kinh Pháp Hoa có đầy đủ hai hạnh:

* Một là hạnh Hữu tướng.

* Hai là hạnh Vô tướng.

Hạnh An lạc Vô tướng là Thiên định sâu xa nhiệm mầu, quán sát về sáu căn. Hạnh An lạc Hữu tướng là theo phẩm Khuyến Phát dùng tâm tán loạn mà tụng kinh Pháp Hoa, chẳng vào Thiên tam muội. Khi ngồi lúc đứng nhất tâm tụng niệm văn tự của kinh Pháp Hoa, nếu người thực hành thành tựu thì liền thấy thân của Bồ Tát Phổ Hiền”.

Vì vậy Đại sư Trí Giả tu tập Pháp Hoa Sám, tụng phẩm Bồ Tát Dược Vương đốt thân đến câu: “Đó là tinh tấn chân thật. Đó gọi là chân pháp cúng dường Như Lai”. Ngài bèn đốn ngộ, thấy như cùng tham dự nơi pháp hội Linh Sơn.

Cho đến mật trì thần chú linh ứng rõ ràng, bảo hộ chánh pháp, ngăn chặn tà vạy, hàng phục ma quân, dẹp trừ ngoại đạo, chế ngự nghiệp chướng âm u, giải trừ bệnh trầm kha trong nhiều kiếp, hiện thân thông chẳng thể lường, tỏ bày cảm ứng khó suy tư. Nâng đỡ sự nghiệp rộng lớn, diệt trừ mọi tai ương, nhờ vào sức mạnh của giáo pháp nên được an nhiên vào đạo.

Thế nên, hoặc do niệm Phật mà chứng tam muội, hoặc từ tọa thiền mà phát trí huệ, hoặc chuyên tụng kinh mà thấy Pháp thân, hoặc chỉ hành đạo mà vào cảnh Thánh.

Chỉ lấy việc được đạo làm mục đích, hoàn toàn chẳng chấp chặt vào một pháp môn cố định. Chỉ dựa vào ý chí chuyên nhất thành khẩn, chẳng tin vào thuyết giả dối không thật.

Hỏi:

Hành đạo lễ bái chưa đủ gọi là chân tu. Vì vậy, Tổ Sư chỉ ra lỗi lầm ở chỗ lạng lẽ, chỉ y theo nghĩa lý tu hành, Đức Phật chê trách người tu thân tuy hành đạo mà tâm chẳng hành đạo giống như con trâu kéo cối xay.

Cho nên Luận Đại Trí Độ nói: “Ngài Tu Bồ Đề ở trong thạch thất tỏ ngộ pháp Không được gọi là người đánh lễ Phật trước tiên”.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Tâm đạo nếu thực hành thì cần gì phải hành đạo”.

Ý chỉ rõ ràng tại sao lại trái ngược?

Đáp:

Nếu lúc hành đạo lễ bái không khởi tâm kính trọng, đã không có trí huệ quán chiếu lại chẳng chuyên tinh, tuy thân ở nơi đạo tràng mà tâm duyên theo cảnh khác, dính mắc vào tướng hữu vi, mê mờ đối với tánh không, sinh khởi tâm tạo tác, nổi lên tư tưởng ngã mạn, chẳng hiểu rõ mình và người bình đẳng, năng sở rỗng lặng. Nếu như vướng vào những lỗi trên phải nên tự trách.

Thiền sư Nam Tuyên nói:

“Pháp thân thanh tịnh vi diệu đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Chỉ là không chấp nhận phân chia tâm lượng. Nếu không có cái tâm như thế, thì trong tất cả việc làm, cho đến khảy móng tay, chấp tay cũng đều là nhân chân chánh. Muốn điều lành đồng là vô lậu, mới được tự tại”.

Hòa thượng Bách Trượng nói: “Hành đạo, lễ bái, từ bi, hỷ xả là việc chính của Sa môn”.

Rõ ràng là y theo lời dạy của Phật, chỉ là không cho chấp trước.

Trong Pháp Hoa Sám nói:

“Có hai loại tu hành:

Một là tu nơi Sự: Nếu khi lễ niệm hành đạo đều nhất tâm, không phân tán tâm ý.

Hai là tu nơi Lý: Tâm thực hành và tâm tánh không hai. Quán xét thấy tất cả đều là tâm mà tướng trạng của tâm thì không thật”.

Kinh Quán Phổ Hiền nói:

“Nếu có người ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật trong mười phương, đọc tụng kinh điển Đại thừa suy xét về pháp Không sâu thẳm Đệ nhất nghĩa, thì ở trong khoảng thời gian khảy móng tay diệt trừ tội lỗi của sự sanh tử trong trăm muôn ức Na-do-tha-Hằng-hà-sa kiếp. Người thật hành pháp này thật là Phật tử, từ chư Phật mà được sinh ra. Chư Phật trong mười phương và các vị Bồ Tát là Hòa thượng của người ấy.

Như thế được gọi là người đầy đủ giới Bồ Tát, không cần Yết-ma tự nhiên thành tựu. Người ấy nên nhận sự cúng dường của tất cả người và trời”.

Vả lại, một pháp kinh hành ở Ấn Độ rất được xem trọng, đi trăm ngàn vòng mới lễ một lạy. Trong kinh nói, một ngày một đêm chí tâm hành đạo báo đáp bốn ân, những người thực hành như thế nhanh chóng được vào đạo.

Kinh Nhiễm Tháp Công Đức nói:

“Dũng mãnh siêng năng tinh tấn vững chắc không thối thất thì mọi việc làm nhanh chóng thành tựu. Ở đây do đi nhiều tháp mà được tướng hảo sắc vàng vi diệu để trang nghiêm thân. Hiện tại làm thầy trời người là do công đức đi nhiều tháp”.

Hoa Nghiêm Sám nói:

“Kinh hành mỗi bước trải qua vô lượng thế giới, mỗi mỗi đạo tràng đều thấy thân ta”.

Nam Sơn Hành Đạo Nghi nói, hành đạo đến khi nghiệp chướng hết mới thôi, không quy định kỳ hạn. Nếu nói về nghiệp chướng hết thì phải đến địa vị Phật. Do đó tâm của người tu tập phải nóng bỏng như lửa cháy, thân thì cẩn trọng như đi trên kiếm bén.

Trong Nghi này còn nói:

“Nếu từ trước đến nay không thực hành đạo nghiệp thì tướng hảo không do đâu mà biểu hiện”.

Kinh nói:

“Chúng sanh như đứa trẻ mù ở nhà đại phú quý, tuy có đủ thứ bảo vật mà không thấy được”.

Nay hành đạo dụng công, trừ bỏ cấu nhiễm tâm được thanh tịnh; như mắt bị bệnh được chữa lành; như nước lắng sạch, gương trong sáng thì mọi hình bóng đều hiển hiện, cũng giống như mặt trời soi chiếu vào hỏa châu thì hỏa châu liền phát ra lửa.

Hỏi:

Thật tướng của các pháp không có tướng thiện ác, vì sao lại có biểu hiện?

Đáp:

Tuy không có ngã, không có người tạo ra, không có người thọ nhận nhưng nghiệp thiện ác vẫn không mất.

Tướng không của các pháp có thể biểu hiện ra những vật có hình tướng. Người tu thực hành đạo chẳng nghĩ về hữu tướng, chẳng nghĩ về vô tướng, chỉ cần mỗi niệm thành tựu công phu thì tướng hảo tự nhiên biểu hiện, giống như chậu nước để trong nhà kín, tuy không có tâm phân biệt mà mọi hình bóng tự hiện bày.

Hỏi:

Khi tướng biểu hiện làm sao rõ được thật hay giả, làm sao phân biệt để nhận lấy hoặc vứt bỏ?

Đáp:

Nếu lấy thì cũng như lấy hư không.

Nếu bỏ thì cũng như bỏ hư không.

Hỏi:

Có người tu hành đã lâu mà không chứng ngộ là tại sao?

Đáp:

Trong kinh nói:

“Tâm chúng sanh như gương,
Gương như bóng không hiện”.

Hỏi:

Luận nói rằng: “Kinh hành niệm Phật và ngồi niệm Phật”. Vậy công đức thế nào?

Đáp:

Ví như giăng buồm ngược nước cũng gọi là được đi. Nhưng nếu giăng buồm xuôi dòng thì nhanh chóng đến nơi, điều đó có thể biết được.

Ngồi niệm một câu Phật còn tiêu trừ được tội lỗi trong tám mươi ức kiếp, thì công đức của việc vừa kinh hành vừa niệm Phật đâu thể biết rõ số lượng. Cho nên có bài kệ rằng:

“Kinh hành năm trăm vòng
Niệm nghìn câu Phật hiệu
Thường thực hành như thế
Thành Phật ở Tây phương”.

Cung kính lễ bái Phật làm khuất phục vô minh, tiến sâu vào mảnh đất Giác ngộ. Khi thành kính cùng cực cũng như cây cối gãy đổ, núi non sụp lở sức mạnh vô cùng.

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói:

“Nếu như có người quỳ lạy Phật một lạy thì từ đầu gối xuống đến lớp kim cương, mỗi hạt bụi là một ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, được mười loại công đức:

1. Sắc thân vi diệu.
2. Lời nói được người tin tưởng.
3. Ở trong đại chúng không sợ sệt.
4. Được chư Phật bảo hộ nghĩ nhớ.
5. Đầy đủ oai nghi lớn.
6. Mọi người thân cận và nương tựa.
7. Được chư Thiên kính mến.
8. Đầy đủ phước báo lớn.
9. Lúc mạng chung vắng sanh Tịnh độ.
10. Mau chóng chứng đắc Niết Bàn”.

Tam Tạng Lạc Na nói:

“Người lễ lạy bằng cách phát trí huệ thanh tịnh, do đạt đến cảnh giới Phật nên trí tuệ hiển bày sáng suốt, thấu rõ pháp giới vốn không ngăn ngại. Do ta từ vô thỉ thuận theo phàm tục, các pháp chẳng phải có lại nghĩ là có, chẳng chướng ngại lại nghĩ là chướng ngại. Nay thấu suốt tự tâm rộng rang vô ngại nên thực hành lễ Phật theo hiện lượng của tâm. Lễ lạy một Đức Phật tức là lễ lạy tất cả Phật; lễ lạy tất cả Phật tức là lễ lạy một Đức Phật.

Đó là vì Pháp thân Phật, thể dụng dung thông vô ngại, cho nên chỉ cần lễ một lạy thì liền cùng khắp pháp giới. Lại như dùng những thứ hương hoa cúng dường Phật

cũng đồng với điều này. Xem bốn loài chúng sanh trong sáu đường đều là Phật”.

Bồ Tát Văn Thù nói:

“Vì tâm tánh chẳng sanh diệt nên khi lễ kính không quán sát tư duy. Bên trong thực hành bình đẳng, bên ngoài thuận theo sự tu tập kính lễ. Trong ngoài hợp nhau, gọi là sự lễ kính bình đẳng”.

Trong Pháp Hoa Sám nói:

“Ngay khi lễ lạy, tuy tâm hay lễ và Phật được lễ đều không nắm bắt được nhưng hình bóng hiển hiện khắp pháp giới, do đó ở trước mỗi mỗi Đức Phật đều thấy tự thân lễ lạy”.

Lược dẫn lời dạy của chư Tổ ở trên, Sự-Lý rõ ràng. Không thể phá hoại ý chỉ của Phật, hủy báng kinh điển, chỉ dựa vào cái thấy thiên lệch của riêng mình mà tổn hại giáo lý viên dung của Đức Phật.

Hỏi:

Bồ Tát Văn Thù nói:

“Tâm thể đồng như hư không nên lúc kính lễ không quán sát tư duy”.

Tại sao ở nơi kinh điển sâu thẳm chẳng nghe chẳng thọ trì mà lại chấp tướng xung danh, lễ Phật, theo văn tự bảo tụng kinh, trái với lời dạy của Đại sĩ, làm mất ý chỉ sâu xa của chư Phật?

Đáp:

Điều đó tuy theo phương diện Lý thể mà trình bày, nhưng không có Sự thì Lý chẳng hiển bày, phải từ nơi Sự thực hành. Và lại, không có Lý thể nào mà chẳng viên mãn, Sự-Lý làm thành cho nhau mới hiển bày ý chỉ này.

Phàm bảo rằng, tâm đồng như hư không nên khi kính lễ không quán sát tư duy, đó là phá trừ kiến chấp năng sở.

Tại sao?

Vì tâm đồng như hư không thì không thấy có người kính lễ (năng lễ), không thấy có Phật để quán sát tư duy (sở lễ), như thế ắt không có Phật được lễ (sở lễ). Do vậy lúc kính lễ chẳng phải đối với một Đức Phật, hai Đức Phật mà tâm đồng như hư không, thân cùng khắp giới.

Nói “chẳng nghe, chẳng thọ trì”, nghĩa là:

Chẳng nghe thì không có pháp nghĩa để quán xét. Chẳng thọ trì thì văn tự chẳng thể ghi chép. Trì kinh như thế ắt không có gián đoạn.

Đó cũng là ý nghĩa người thuyết pháp không có trình bày, người nghe không có được gì. Tuy nhiên về mặt Lý thể, chẳng phải là Lý ở ngoài Sự, đã chẳng lìa Sự tức là Sự ở trong Lý.

Đó chính là ngay khi lễ bái mà không thấy lễ bái, ngay lúc trì kinh mà chẳng thấy trì kinh. Không nên y theo ngôn ngữ mà chẳng dựa vào nghĩa lý, phát khởi cái thấy đoạn diệt nghiêng lệch.

Hỏi:

Pháp môn Lục niệm và mười loại tướng quán tưởng, tuy bảo là trợ giúp cho đạo nhưng theo tư tưởng duyên với trần cảnh, vừa đẩy khởi đã trái với chỗ chân thật. Như thế sao bằng tịnh niệm?

Đáp:

Một pháp môn Vô niệm là chỗ quy hướng của mọi sự tu hành, nhưng sạch hết những niệm vi tế chỉ có Đức Phật mới hoàn toàn thanh tịnh.

Cho nên trong kinh nói:

“Ba bậc Hiền, mười vị Thánh, đều còn ở nơi cõi quả báo, chỉ có Đức Phật là ở Tịnh độ”.

Hướng chi còn ở địa vị phàm phu, lại là người mới phát tâm! Nếu không có pháp môn hỗ trợ cho đạo, không sao đơn độc hiển bày chánh đạo được.

Vả lại, pháp môn Lục niệm hay diệt trừ tà ma huyễn hoặc, tăng tiến công đức, trợ giúp và sách tấn để phát khởi căn lành. Pháp môn Thập quán thì khéo xa lìa tham

chấp, dần dần làm trong sạch những ý niệm vẫn đục thắm khế hợp với nguồn chân.

Chúng đều là pháp trọng yếu để vào đạo, là khuôn phép mẫu nhiệm để tu thiền, giống như cây gậy có công năng chống đỡ hiểm nguy, như chiếc thuyền có tác dụng đạt đến bờ bên kia. Khi công lực đầy đủ trọn vẹn thì thuyền và gậy đều buông bỏ.

Hỏi:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Trì giới và phạm giới chỉ ràng buộc thân, nếu chẳng có thân thì không có chỗ để ràng buộc”.

Kinh Pháp Cú nói:

“Giới tánh như hư không, người trì giới thì mê lầm điên đảo”.

Tại sao lại kham khổ chấp chặt vào sự tướng bó buộc thân tâm mà không phóng khoáng tung hoành thanh thản đi đến Phật đạo?

Đáp:

Đó là cách nói để dẹp trừ chấp trước, hoàn toàn chẳng phải bảo người ta vứt bỏ giới đức.

Nếu thấy mình trì giới, người khác phạm giới sanh khởi tâm chê bai thì giới luật vốn là vì ngăn chặn lỗi lầm mà thiết lập, nay trái lại do giới luật mà tăng thêm lỗi lầm. Nếu giống như hạng người này, thật là mê lầm điên đảo.

Kinh Duy Ma nói:

“Chẳng phải hạnh thanh tịnh, cũng chẳng phải hạnh nhơ nhớp, đó là hạnh Bồ Tát”.

Do đó không nên chấp chặt vào hai bên trì và phạm, như thế mới là giữ giới chân chánh.

Kinh Đại Bát Nhã nói:

“Tỳ kheo trì giới không lên thiên đường. Tỳ kheo phạm giới không đọa địa ngục.

Tại sao? Vì trong pháp giới không có sự giữ gìn và vi phạm”.

Đó cũng là phá trừ chấp trước để thấu rõ các pháp tánh không. Trì giới cả Sự lẫn Lý thì thân tâm đều được thanh tịnh.

Nói đến việc tung hoành tự tại chỉ có Phật mới giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, những người khác đều gọi là kẻ phá giới.

Người còn tập khí, bị ngoại vật lôi kéo, một khi phiền não hiện hành làm sao thoát khỏi sự ràng buộc của ngoại vật?

Ba nghiệp thân miệng ý khó mà phòng hộ, từ lâu đã quen thói buông lung. Giống như voi say rượu, nếu không có móc sắt thì không thể điều phục, như vượn ngu lên cây thì chuyền nhảy lung tung, như chim bị nhốt trong lồng bay nhảy lảng xãng. Nếu không có nước thiền định, hương giới luật, đuốc trí tuệ thì không sao làm cho tâm lặng lẽ sáng suốt được.

Thế nên, Bồ Tát tôn giới làm thầy, vâng theo lời dạy của Phật. Các Ngài dù có lỗi lầm nhỏ bé cũng cảm thấy rất sợ hãi, cẩn thận hành sự, thanh tịnh tự thân, không vi phạm cả giới trọng lẫn giới khinh, dập tắt lời chê bai bất mãn của người đời, để khỏi dẫn đến sự hoại nghi phỉ báng đối với Phật Pháp.

Giới luật chính là cội gốc của muôn điều lành. Nếu không có giới luật thì các công đức lành đều không thể phát sanh.

Kinh Lăng Nghiêm nói:

“Giới luật hay khai phát tâm Bồ đề, tu học là yếu tố trưởng dưỡng công đức. Nếu thường trì giới và tu học ắt được tất cả Như Lai khen ngợi”.

Kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói:

“Nếu không trì giới, thân Dã can ghê lở còn không được, huống gì Pháp thân công đức!”.

Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói:

Tuy xuất thân cao quý nghe nhiều biết rộng, nhưng nếu không có giới luật và trí tuệ thì cũng như loài cầm thú. Tuy địa vị thấp hèn, học ít biết cạn nhưng chỉ cần giữ gìn giới hạnh thanh tịnh cũng đáng gọi là bậc Thánh sĩ”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Nếu người vất bỏ giới luật, tuy còn ở trong non sâu tu khổ hạnh, ăn trái cây, mặc lá cỏ, nhưng không khác gì cầm thú. Nếu có người tuy thân ở trong nhà cao cửa rộng, ăn ngon mặc đẹp, nhưng có thể thực hành giới luật, thì tương lai sẽ chuyển sanh vào nơi tốt lành, đồng lại được đạo quả”.

Ngoài ra đối với bệnh ngặt nghèo mà nói, giới luật rất hay để chữa lành. Đối với sự sợ sệt hãi hùng, giới luật là chỗ thủ hộ kiên cường. Đối với nơi tăm tối, giới luật là ngọn đèn sáng tỏ. Trong ba đường ác, giới luật là chiếc cầu để qua sông. Trong biển sanh tử, giới luật là chiếc thuyền lớn để cứu vớt.

Hiện nay vào thời mạt pháp, trong Tông môn và những người tu học Đại thừa phần nhiều xem thường giới luật, bảo rằng nghiêm trì giới luật chỉ là chấp vào hạnh nhỏ nhặt, do đó dễ trở thành lơ là đối với giới luật.

Thế nên trong kinh Đại Niết Bàn, lúc Đức Phật sắp vào Niết Bàn có nói cố gắng hộ trì giới luật. Người tuyên thuyết giáo nghĩa Phật tánh thì sự tu trì giới luật và trí tuệ giải thoát cùng được xem trọng. Do đó mọi người gọi kinh Đại Niết Bàn này là báu vật duy trì mạng sống của Phật giáo.

Tại sao?

Vì nếu không có kinh này thì sự giải thoát chỉ ở trên đầu môi chót lưỡi. Mọi người hoàn toàn không tu hành thì trí tuệ và giới luật đều mất.

Vì vậy trong kinh nói: “Nếu giới luật không thanh tịnh, chánh định chẳng hiện tiền”.

Từ thiên định phát sanh trí tuệ, nhân Sự hiển bày Lý, nếu như thiếu khuyết chánh định làm sao đạt được trí tuệ? Do đó đủ biết, nhân trì giới mà được định, nhân định được tuệ.

Cho nên nói, kinh Đại Niết Bàn là báu vật duy trì mạng sống của Phật giáo.

Sao nay lại làm giảm tuổi thọ của Phật giáo, phá hoại giới luật phép tắc chân chánh, cam chịu làm tử thi trong biển hòa hợp, trở thành cây độc trong vườn Trường giả Tu Đạt?

Làm như thế chỉ bị các bậc Thánh khiển trách, chư Thiên la rầy, đã không được Thiện Thần gìn giữ lại bị ác quỷ lấp mắt dấu chân. Hạng người này ở trong đất đai của quốc vương, lúc sống là kẻ giặc cướp sau khi chết rơi vào địa ngục.

Những người có trí tuệ nên xét kỹ điều này!

Hỏi:

Bản tánh của tội lỗi là rỗng không, nghiệp vốn là Chân như. Bám vào sự tướng chỉ tăng thêm vết, như thế cần gì sám hối?

Đáp:

Nếu đối với phiền não, có thể từ sự tỏ ngộ lý tánh để dẹp trừ; còn đối với khổ và nghiệp thì cần phải thực hành sám hối trên sự tướng, thành kính hướng về cúi lễ Tam Bảo.

Do đó cảm ứng Phật lực gia bị khiến cho căn lành mau chóng phát khởi. Như hoa sen trong ao được ánh sáng mặt trời chiếu soi mà nở rộ, như chiếc gương nhờ bợn nhơ lau chùi mà tỏ sáng. Ba điều chướng ngại được dẹp trừ, mười hai duyên đều tiêu diệt, mọi tội lỗi tiêu tan, thân ngũ ấm trở về nơi rỗng lặng.

Kinh Tội Thắng Vương nói:

“Người muốn đạt được Trí biết tất cả, Trí thanh tịnh, Trí chẳng thể nghĩ bàn, Trí không động, Trí Phật vô thượng, cũng phải nên thực hành sám hối để diệt trừ nghiệp chướng.

Tại sao? Vì tất cả các pháp từ nhân duyên hòa hợp mà sanh”.

Trong kinh còn nói:

“Tâm niệm trước sanh khởi tội lỗi giống như mây mù che phủ hư không, tâm niệm sau diệt trừ tội lỗi giống như ánh đuốc phá tan tăm tối”. Nên biết ngọn đuốc một khi tắt, tối tăm lập tức sẽ bao phủ trở lại, thế nên cần phải luôn luôn thấp sáng ngọn

đuốc sám hồi này”.

Kinh Di Lạc Sở Vấn Bản Nguyên nói:

“Bồ Tát Di Lạc thực hành phương tiện khéo léo, tu hành an lạc, đạt được Phật đạo vô thượng. Ngày đêm sáu thời, Bồ Tát trang nghiêm thân tâm, y phục chỉnh tề, gối quỳ sát đất hướng về mười phương nói bài kệ:

“Nay con sám hồi tất cả tội lỗi
Khuyên giúp mọi người thực hành đạo đức
Quy thuận Phật Pháp, lễ kính chư Phật
Khiến họ đạt được trí huệ vô thượng”.

Kinh Đại Tập nói:

“Chiếc áo như bản cả trăm ngàn năm, trong một ngày giặt giũ được sạch sẽ. Cũng vậy trong trăm kiếp tích tập những nghiệp bất thiện, do pháp lực của Phật nên khéo léo thuận theo tư duy, có thể trong một ngày một lúc đều tiêu tan hết”.

Trong kinh còn nói:

“Trong các loại phước, sám hồi là tốt hơn hết, vì hay phá trừ đại chướng ngại, đạt được điều lành lớn”.

Luận nói rằng:

“Bồ Tát khi thực hành sám hồi, còn bi cảm lệ rơi, huống chi bọn phàm phu nếu chẳng nhờ Đại thánh lập ra pháp sám này ắt giữ chặt tội lỗi cho đến chết, chịu tai ương trong nhiều kiếp”.

Luận Đại Tỳ Bà Sa nói:

“Nếu như có người trong một lúc đối trước chư Phật mười phương thay thế tất cả chúng sanh tu hành năm pháp sám hồi, công đức của người ấy nếu có hình tướng số lượng cả ba ngàn Đại thiên thế giới cũng không chứa hết”.

Cao Tăng Truyện ghi, Ngài Đàm Sách ở trong đạo tràng tu tập sám pháp, tận mắt thấy bảy Đức Phật quá khứ bảo rằng: “Tội lỗi của ông đã tiêu diệt, vào thời Hiền Kiếp ông được thành Phật hiệu là Phổ Minh”.

Thiền sư Huệ Tư trong lúc tu sám pháp Phương Đẳng, từng mộng thấy bốn mươi chín vị cao tăng Ấn Độ bảo Ngài thọ giới lại. Do đó Ngài càng thêm khắc khổ tinh tấn, cuối cùng thấy rõ ba đời của chính mình.

Đại sư Trí Khải khi ở núi Đại Tô tu tập Pháp Hoa Sám chứng đắc Năng lực biện giải tự tại (Tuyên Đà La Ni Biện).

Sa môn Đạo Siêu lúc ở trong đạo tràng thực hành pháp sám hối, tự cười một mình mà nói rằng: “Nay ta đã được Bảo châu vô giá”.

Pháp Sư Anh ở Đông Đô giảng kinh Hoa Nghiêm, đến đạo tràng Thiện Đạo, liền vào chánh định, buồn khóc than rằng: “Hận mình nhiều năm bỏ phí thời gian, nhọc nhằn thân tâm”.

Cao Tăng Huệ Thành học tập nghiên cứu cùng tận Tam tạng, bị Thiền sư Tư Đại quở trách:

“Ông học vẫn một đời, hơ tay với tôi còn chưa chắc được ấm, lại bỏ phé công phu tu hành”.

Thiền sư bảo Ngài vào Đạo tràng Quán Âm tu tập, chẳng bao lâu liền chứng nhập Chánh định Hiểu rõ mọi ngôn ngữ chúng sanh (Giải Chúng Sanh Ngữ Ngôn Tam Muội).

Trong kinh nói:

“Nếu như có người đem bảy loại báu đầy khắp cả cõi Diêm Phù Đề để cúng dường Phật, lại có người khác ngày đêm sáu thời thực hành pháp sám hối cao quý thì công đức của người này được hơn người trên rất nhiều”.

Kinh còn nói:

“Chúng sanh không thể sanh khởi ý tưởng cho rằng khó được gặp Phật”.

Đời nay sanh vào thời mạt pháp, chỉ thấy hình tượng Phật còn lưu lại, đúng lý nên nghiêm túc kính cẩn, roi lệ xót xa than thở như vào miếu đường mà không thấy nghiêm phụ. Thế nên Thiền sư Tư Đại thực hành pháp sám hối Phương Đẳng thấy rõ ba đời; Cao tăng Đàm Sách vào đạo tràng đích thân được thọ ký thành Phật. Ngài Trí giả chứng được Năng lực biện giải tự tại, Sa môn Đạo Siêu đạt được Bảo

châu vô giá.

Các vị ấy đều do chí thành sám hối, làm đúng theo lời Phật dẫn đến sự cảm ứng nhiệm màu, mau chóng bước lên quả vị Thánh.

Pháp môn Sám hối này cho đến bậc Đăng Giác còn phải thực hành, bảo rằng còn một phần vô minh giống như làn khói nhỏ, phải gột rửa sạch sẽ. Bồ Tát Pháp thân còn siêng năng sám hối, huống chi thân phàm phu bị nghiệp lực trói buộc mà không có cầu bản hay sao?

Trong Mười tám pháp Bất cộng, ba nghiệp thanh tịnh chỉ có Đức Phật toàn vẹn mà thôi.

Đại sư Nam Nhạc nói:

“Tu pháp sám hối Lục căn gọi là hạnh An lạc hữu; quán xét thẳng về pháp Không gọi là hạnh An lạc vô tướng. Khi chứng ngộ thì hai hạnh đều xả bỏ”.

Hỏi:

Nghiệp lực trói buộc là cội nguồn của giải thoát, tội ác và cấu nhiễm chẳng dừng lại trong ba khoảng thời gian trước sau và giữa. Tại sao không thấu rõ vô sanh tiêu diệt lập tức, lại theo sự tạo tác mà thực hiện các pháp tu hành phiền toái?

Đáp:

Bản tánh của tội lỗi không có thật thể, tất cả nghiệp thiện ác đều do duyên theo ngoại cảnh. Chúng sanh tuy không nhiễm mà nhiễm, vì tập khí cấu nhiễm chẳng phải là không có, nhiễm trước mà không nhiễm trước vì vốn thường thanh tịnh.

Bản tánh của nghiệp như thế, đã khó trừ bỏ lại khó nắm lấy. Nghiệp của tất cả chúng sanh thông suốt ba đời quá khứ hiện tại và vị lai.

Trí tuệ chân thật không thể hiển bày là vì bị sự ràng buộc của phiền não chướng và sở tri chướng. Thiên định huyền diệu không được thành tựu là vì bị Ngũ cái che đậy. Giáo pháp viên mãn Phật thừa yêu cầu mọi người ở nơi thanh tịnh nghiêm chỉnh kiến lập đạo tràng, khẩn thiết chí thành thay thế tất cả loài hữu tình chuyên cần tu tập sám pháp.

Bên trong dựa vào sức mạnh chính mình, bên ngoài nương nhờ sức mạnh của Phật tất có thể tiêu diệt phiền não, làm cho trí tuệ được hiển bày, giống như mây tan trăng tỏ.

Thế nên, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì người thực hành sám hối và đối tượng để sám hối đều rộng không; mà ở trong mà ở ngoài vì tánh tội và giá tội rõ ràng.

Do đó, Bồ Tát đều tuân theo lời dạy của Đức Phật nói về sự sám hối đối với tội lỗi đã qua mà không nói quá khứ là thật. Hơn nữa dù lên địa vị Bồ Tát cũng phải rửa sạch như bản, huống chi là kẻ phạm phu tâm tư tán loạn mà chỉ nói suông, khoanh tay không thực hành hay sao?

Hỏi:

Kinh Duy Ma Cật nói:

“Bản tánh của tội lỗi chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chằng giữa”.

Lẽ nào lại là lời nói suông để lừa dối chúng ta? Tại sao chấp chặt không tin, phi báng chánh pháp, cho là cội gốc tội lỗi do nghiệp gây ra?

Như thế thật là tăng thêm sai lầm!

Đáp:

Lời dạy của Phật chân thật, Sự-Lý rõ ràng, hay dẹp trừ nghi ngờ, khéo cởi mở sự mê lầm. Nếu người tin sâu thì một nghe ngàn ngộ, y theo lời dạy thực hành, đã có thể diệt trừ lỗi lầm trước kia còn không gây ra những sai quấy về sau.

Mỗi bước, mỗi bước đều quán chiếu; mỗi niệm, mỗi niệm không sai lầm, đó chính là tập khí khi xưa nhẹ mỏng, căn lành sâu dày. Trí tuệ và giới luật đều tu hành, lý và hạnh trợ giúp lẫn nhau. Như thế là thông suốt giáo pháp một cách sâu xa, thọ trì vững chắc lời Phật dạy, không cần sám hối trên sự tướng mà tự nhiên lỗi lầm chẳng phát sanh.

Nếu như cầu nhiệm nặng nề, nghiệp chướng sâu dày, trí đức cạn mỏng mà chỉ nghĩ suông rằng: “Bản tánh của tất cả tội lỗi chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa”. Nhưng xem trên thực tế, ba nghiệp hoàn toàn bị đắm chìm trong căn và trần. Như nói về những thức ăn ngon rót cuộc bụng vẫn đói, như chỉ đọc toa thuốc đau

thể lành bệnh.

Nếu chỉ cần tìm cầu ngôn ngữ mà được tiêu trừ tội lỗi thì tất cả những người bị nghiệp trói buộc phải được giải thoát dễ dàng. Tại sao họ lại bị sanh tử trong muôn kiếp như vòng lửa quay?

Do đó nên biết, biển nghiệp mênh mông, không có thuyền Bát Nhã thì khó vượt qua; núi chướng ngất cao, không có trí tuệ Kim Cang làm sao phá vỡ? Sau đó để được thân tâm nhất như, Lý-Sự song hành, thiêu rụi hạt giống đau khổ, cắt đứt sợi dây ràng buộc của nghiệp chướng.

Thế nên Tổ sư nói:

“Đem tâm như hư không, khế hợp với lý như hư không, cũng không có lượng như hư không. Như thế mới được vượt thoát khỏi quả báo vay trả lẫn nhau”.

Trong giáo lý còn nói: “Ý thanh tịnh như hư không”. Ở đây có hai nghĩa:

* Một là rời khỏi chấp trước hư vọng, giống như hư không trong sáng thanh tịnh không có mây che.

* Hai là khi gặp cảnh không bị vướng mắc, giống như hư không trong sáng thanh tịnh chẳng phát sanh sự chướng ngại.

Tâm cảnh đã rộng thênh, tội lỗi và câu bản từ đâu sanh khởi?

Nếu được như thế mới gọi là người thực hành y theo giáo pháp. Còn chẳng thấy là không có tội hướng gì là có lỗi lầm.

Hơn nữa, bản tánh của tội lỗi vốn thanh tịnh tức là sự thanh tịnh nơi thể tánh; khế hợp với đạo lý không duyên theo trần cảnh, đó là sự thanh tịnh trên phương tiện.

Do sự thanh tịnh trên phương tiện mà hiển bày sự thanh tịnh nơi thể tánh. Do sự thanh tịnh nơi thể tánh mà thành tựu sự thanh tịnh trên phương tiện. Sự thanh tịnh trên phương tiện là do gắng sức thực hành huân tu sửa trị. Sự thanh tịnh nơi thể tánh là từ niệm sáng soi trọn vẹn.

Gốc và ngọn hợp nhau, trong ngoài hỗ trợ. Thế nên cần phải Sự-Lý giúp nhau để thành tựu hai pháp thanh tịnh.

Thực hành sám hối cả hai mặt chánh và trợ để chứng ngộ Nhất tâm. Nếu chỉ đọc ngôn ngữ suông, thật là trái với giáo lý, trở thành kẻ phi báng không tin.

Nam Sơn Tứ Phần Sao ghi:

Hỏi: Có người nói rằng: “Tội và không tội đều chẳng nắm bắt được, gọi đó là giới”, là tại sao?

Lời sơ đáp: “Chẳng phải nói với kẻ tà kiến thô tâm là không tội”.

Nếu người thâm nhập tướng của các pháp, thực hành chánh định Không, do tuệ nhãn quán sát nên bảo rằng “tội chẳng thể nắm bắt được”. Nếu như cái nhìn của nhục nhãn thì chẳng khác gì trâu dê.

Người chỉ đọc theo lời trong kinh điển Đại thừa đâu đủ để cho ta nương theo.

Thế nên về mặt Lý thì quán xét Khổ đế, về mặt Sự để thực hành trợ giúp, như gió đưa thuyền mau đi đến nơi, như dầu giúp lửa càng thêm tỏ sáng. Há lại đồng với những kẻ nói suông hoàn toàn không thật chứng, lừa dối người khác, nhận chìm chính mình, kết quả rơi xuống địa ngục A tỳ. Khi đã bỏ mạng sống mà thọ thân thì thân thức sa vào lưới nghiệp.

Hỏi:

Duy tâm Tịnh độ cùng khắp mười phương, tại sao lại gọi chát chôn Liên đài, gọi thân miền An Dưỡng? Nếu dấy khởi ý niệm lấy và bỏ thì đâu đạt được môn Vô sanh, một khi sanh khởi tình ưa thích và chán ghét đâu thể trở thành bình đẳng được?

Đáp:

Nói đến tâm chúng sanh tức là cõi Phật thì cõi Phật này phải sau khi thấu suốt tự tâm mới xuất hiện. Kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói:

“Tất cả chư Phật trong ba đời đều chẳng phải thật sự tồn tại, chỉ là dựa vào tự tâm. Bồ Tát nếu như có thể thấu suốt chư Phật và tất cả pháp đều chỉ là tâm lượng thì được Tùy Thuận Nhẫn, hoặc vào Sơ địa, xả bỏ thân nhanh chóng, sanh về thế giới Diệu Hỷ, hoặc sanh về Cực Lạc Tịnh Độ”.

Do đó nên biết, tỏ rõ tự tâm mới có thể sanh nơi Duy tâm Tịnh độ. Nếu nhiễm trước sự vật thì chỉ rơi vào trong sự vật mà mình vin theo. Đã hiểu rõ nhân quả không sai, mới biết ngoài tâm không có pháp.

Vả lại đối với môn bình đẳng và ý chỉ vô sanh, tuy mọi người có thể dựa vào giáo nghĩa mà sanh khởi lòng tin, nhưng rốt cuộc sức mạnh không đầy đủ, sự quán chiếu cạn cợt, tâm niệm xao động, cảnh trần mạnh mẽ, tập khí nặng nề. Thế nên cần phải sanh về cõi Phật để nhờ vào duyên thù thắng dễ thành tựu Nhân lực, nhanh chóng tu hành đạo Bồ Tát.

Luận Khởi Tín nói:

“Chúng sanh mới học pháp này, muốn tìm cầu niềm tin chân chánh mà tâm họ yếu đuối sợ hãi. Do ở nơi thế giới Ta Bà, sợ mình không thể thường gặp chư Phật, cúng dường các Ngài, sợ rằng lòng tin khó được thành tựu ý muốn thối lui. Nên biết, Như Lai có phương tiện thù thắng bảo hộ lòng tin. Nghĩa là dùng nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, theo nguyện mà được vãng sanh cõi Phật ở phương khác, thường thấy Phật, rời hẳn đường ác.

Như trong kinh nói, nếu người chuyên niệm Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi thiện căn tu tập đều hồi hướng nguyện sanh về cõi nước kia thì được vãng sanh, thường thấy Phật nên rốt cuộc không thối chuyển.

Nếu người quán xét về Chân như Pháp thân của Phật A Di Đà, thường siêng năng tu tập ắt cuối cùng được vãng sanh, trụ nơi Chánh định”.

Luận Vãng Sanh nói:

“Người dạo chơi nơi địa ngục là vì đã sanh về cõi nước kia, được Vô sanh nhẫn, nên mới trở lại thế giới sanh tử giáo hóa nơi địa ngục, cứu khổ chúng sanh. Do nhân duyên này mà cầu vãng sanh Tịnh Độ”.

Thập Nghi Luận nói:

“Người trí mạnh mẽ cầu sanh Tịnh độ vì thấu rõ bản chất của sự sanh là không thật, tức vô sanh thật sự. Đây là nói vì tâm thanh tịnh nên cõi Phật thanh tịnh. Người ngu bị sự sanh trói buộc, nghe nói sanh thì cho là thật sanh, nghe nói vô sanh thì cho là thật vô sanh. Họ chẳng biết sanh tức vô sanh, vô sanh tức là sanh, không thấu suốt được lý này gây ra sự phải quấy lẫn nhau, đó là người tà kiến hủy

báng chánh pháp”.

Trong Quần Nghi Luận hỏi rằng:

“Cõi nước chư Phật đều rỗng không, quán xét chúng sanh như huyễn hóa. Tại sao lại chấp trước vào hữu tướng, bỏ đây sanh về nơi kia?”.

Đáp:

Chư Phật thuyết pháp không rời Nhị đế. Lấy Chân đế thâm nhiếp Tục đế, Tục đế đều là Chân đế; lấy Tục đế qui hội về Chân đế thì muôn pháp rõ ràng.

Kinh nói: “Thành tựu tất cả pháp mà rời khỏi tướng trạng tất cả pháp”. Thành tựu tất cả pháp là các pháp của Tục đế. Còn rời khỏi các pháp là vô tướng trong Đệ nhất nghĩa đế.

Trong kinh còn nói:

“Tuy biết cõi nước chư Phật và chúng sanh đều rỗng không mà thường tu hạnh Tịnh độ giáo hóa các chúng sanh”.

Ông chỉ nghe nói về giáo pháp Vô tướng Viên thành thật tánh và đạo lý rất rạo rỗng không phá trừ Biến kế sở chấp mà không tin giáo pháp Nhân duyên Y tha khởi tánh, thế thì ông là người không tin nhân quả, chỉ nói về tướng trạng đoạn diệt của tất cả pháp.

Luận Ma Ha Diễn nói:

“Bồ Tát không muốn rời xa chư Phật, đều nói thế này: “Lúc con tu nhân địa gặp thầy bạn tà ác, do đó chệch lạc Bát Nhã đọa vào đường ác, trải qua vô lượng kiếp vẫn chưa được thoát khỏi.

Đời sau được một cơ hội nương tựa bậc thiện tri thức, dạy con Niệm Phật Tam Muội. Khi ấy liền có thể diệt trừ mọi nghiệp chướng, đạt được giải thoát. Vì có sự lợi ích to lớn như thế, nên chúng con không muốn rời xa Phật”.

Do đó, bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nói:

“Thà trải qua vô lượng kiếp
Chịu đủ mọi đau khổ
Quyết không xa Như Lai

Chẳng gặp bậc Tụ Tại”.

Hỏi:

Người cả đời (do vô minh) làm điều ác, tích lũy nhân bất thiện sâu dày. Tại sao lúc lâm chung, chỉ xưng danh mười niệm lại nhanh chóng dẹp trừ mọi phiền não ác nghiệp?

Đáp:

Kinh Na Tiên Tỳ Kheo nói.

“Nhà vua hỏi Na Tiên rằng:

- Người ở thế gian làm điều ác đến trăm tuổi, chỉ cần lúc sắp lâm chung họ niệm Phật thì có thể sau khi chết được sanh lên cõi Phật. Đối với điều này tôi không tin.

Na Tiên đáp:

- Ví như đem một trăm tảng đá lớn đặt xuống thuyền, do thuyền có sức nổi nên sẽ không chìm đắm. Người tuy trước kia làm điều ác nhưng một khi niệm Phật sẽ không rơi vào địa ngục.

Trái lại viên đá tuy nhỏ cũng sẽ bị chìm, giống như có người tạo nghiệp ác mà không biết niệm Phật nên sau khi chết liền rơi vào cảnh khổ địa ngục”.

Trong Luận Đại Trí Độ hỏi rằng:

“Lúc ta sắp chết chỉ trong thời gian rất ngắn phát tâm niệm Phật, tại sao lại vượt hơn toàn bộ nghiệp lực tạo ra trong cả đời?

Đáp:

Tâm phát khởi niệm Phật tuy chỉ trong khoảnh khắc, nhưng có lúc tâm lực mạnh mẽ như đóm lửa, như chất độc, tuy ít mà lại có tác dụng to lớn.

Tâm niệm Phật lúc lâm chung này dũng mãnh kiên cường nên vượt hơn tất cả nhưng việc làm trong cả đời người (người cả đời làm ác, lúc lâm chung nhờ thiện tri thức chỉ dạy, bèn tỉnh ngộ ăn năn sám hối những tội lỗi đã gây, dốc lòng niệm Phật nên được Phật cứu độ - lời người dịch). Tâm này gọi là tâm rộng lớn, do nơi

các căn khẩn cấp như người xông vào trận mạc không tiếc thân mạng nên gọi là mạnh mẽ. Vì thể thiện và ác không nhất định, bản chất của nhân duyên là rỗng không. Song từ trên dấu vết mà nói thì có thăng trầm, từ trên sự tướng mà nhìn thì có hơn kém. Một lượng vàng ròng vượt hơn cả trăm cân điệp hoa, một đóm lửa nhỏ có thể thiêu rụi đồng cỏ muôn trượng”.

Hỏi:

Người tâm không có pháp, Phật không đến đi. Sao lại có chuyện chúng sanh thấy Phật đến đón rước?

Đáp:

Duy tâm niệm Phật, do dùng duy tâm quán xét nên cùng khắp vạn pháp. Đã thấu suốt cảnh vật chỉ là tâm, hiểu rõ tâm tức là Phật, thế thì tùy tâm niệm về điều gì cũng đều là Phật cả.

Kinh Ban Chu Tam Muội nói:

“Như có người mộng thấy bảy loại trân báu, thân quyến hoan hỷ, nhưng khi tỉnh dậy nhớ lại thì không biết ở đâu? Niệm Phật cũng vậy”.

Điều này dụ cho chỉ do tâm tạo ra, ngay nơi có mà rỗng không nên nói không có đến và đi.

Hơn nữa nếu từ phương diện hư huyền không thật mà nhìn thì tâm và Phật cả hai đều không. Nhưng nếu từ phương diện hiển bày giả tướng thì tâm và Phật rõ ràng. Không và Có vô ngại thì không có đến đi. Chẳng ngại thấy khắp tất cả Phật, thấy tức là không thấy, nên thường khế hợp với Trung đạo.

Do đó, trên sự thật Phật hoàn toàn không đến, tâm cũng chẳng đi, đạo cảm ứng qua lại giữa Phật và chúng sanh chỉ có tự tâm mới rõ được. Như chúng sanh tạo nghiệp ác, sẽ cảm ứng tương trạng địa ngục.

Duy Thức Luận nói:

“Xem tất cả đều như địa ngục, đồng thấy là ngục tốt... vì hay làm việc bức hại. Bốn nghĩa đều thành tựu. Bốn nghĩa như trong địa ngục cũng có: thời định, xứ định, thân bất định, tác dụng bất định, đều là Duy thức. Do tâm ác nghiệp của người tội lỗi biểu hiện, hoàn toàn không có chó đồng, rắn sắt thật ở ngoài tâm. Tất cả việc ở

thế gian cũng như thế”.

Song, cõi Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng hạn cuộc ở Đông, Tây. Nếu tỏ rõ chính chắn tận tường thì tập khí phiền não đều dứt hết. Lý và Lượng đều đầy đủ, thân chúng Vô sanh, đã bước lên bậc Thánh thì vào hàng Bất thối, chẳng chán nản nổi khổ sanh tử vào trong sáu nẻo để giáo hóa mọi loài.

Nếu như vừa mới đủ lòng tin, nhẫn lực chưa viên mãn mà muốn cứu vớt những kẻ trầm luân thì thật khó thực hiện, giống như không có thuyền mà cứu vớt người chìm đắm, đôi cánh yếu muốn bay cao, nằm bệnh trầm kha mà muốn rời khỏi lương y, trẻ thơ muốn xa rời từ mẫu, ắt bị sa hầm sụp hố, chết không nghi ngờ. Chỉ nên lo lắng e sợ cho mình bị sa hầm sụp hố, hãy khoan nghĩ đến việc làm lợi ích cho mọi người.

Vì thế Luận Đại Trí Độ nói:

“Ví như trẻ thơ nếu không gần cha mẹ thì sẽ sa hầm, sụp hố bị những tai nạn nước lửa, thiếu sữa mà chết. Thế nên, cần phải thường gần gũi cha mẹ, được nuôi dưỡng khôn lớn mới có thể thừa kế gia nghiệp.

Bồ Tát mới phát tâm phần nhiều nguyện vãng sanh tịnh độ, thân cận chư Phật, tăng trưởng Pháp thân, vậy mới có thể thừa kế gia nghiệp của Phật, cứu tế chúng sanh trong mười phương. Có sự lợi ích như thế nên chư Bồ Tát phần nhiều nguyện vãng sanh”.

Hơn nữa, xét trong các kinh nói, vãng sanh về cõi An Dưỡng thì duyên lành mạnh mẽ, hoàn cảnh thù thắng, phước đức đầy đủ, tuổi thọ lâu dài, liên hoa hóa sanh. Được Phật đón rước liền lên bậc Bồ Tát, nhanh chóng sanh vào nhà Như Lai, ở mãi nơi bậc Bất thối, đều được thọ ký đạo Bồ đề, thân đầy đủ tướng hảo ánh sáng, dạo nơi cây báu đài hương, cúng dường mười phương chư Phật, tinh thần an trụ nơi chánh định thanh nhàn, bên tai thường nghe pháp Đại thừa, sánh vai cùng hàng Nhất sanh Bồ xứ, niệm niệm rộng lặng, tâm tâm tịch tĩnh, ngọn lửa phiền não tắt ngấm, dòng suối ái dục cạn khô, tên gọi đường ác không còn, lẽ nào lại có sự luân hồi sanh tử?

An Quốc Sớ nói, gọi là Cực Lạc bởi vì có hai mươi bốn điều vui:

Lan can bao quanh.
Lưới báu giăng trên hư không.
Bóng râm che đường đi.
Ao tắm bằng bảy báu.

Nước tám công đức lắng trong.
Lấp lánh ánh sáng.
Lâu đài ở giữa hư không.
Bốn loại sen tỏa hương ngào ngạt.
bằng vàng ròng.
Thường tâu diễn tám âm thanh.
Mưa hoa ngày đêm.
Sáng sớm đã được nhắc nhở tu hành.
Nhật những hoa đẹp.
Cúng dường chư Phật các phương.
Đi kinh hành nơi cõi nước mình.
Các loài chim cùng hát vang hòa điệu.
Nghe pháp sáu thời.
Thường nghĩ nhớ Tam Bảo.
Không có ba đường ác.
Có Phật biến hóa.
Cây lay động lưới báu.
Ngàn cõi nước đồng thỉnh khen ngợi.
Hàng Thanh Văn phát tâm Đại thừa.

Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói, Tây phương Tịnh độ có 30 điều lợi ích:

Thọ dụng cõi Phật thanh tịnh.
Được niềm vui Phật Pháp rộng lớn.
Tuổi thọ gần bằng Phật.
Đạo khắp mười phương cúng dường chư Phật.
Được chư Phật thọ ký.
Tư lương phước huệ chóng được viên mãn.
Mau chứng đắc đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng.
Cùng chúng Bồ Tát dự chung pháp hội.
Thường không thôi chuyển.
Vô lượng hạnh nguyện tăng tiến trong mỗi niệm.
Chim Anh Vũ, Xá Lợi tuyên dương pháp âm.
Gió mát lay động cành cây như diễn tấu các loại âm nhạc.
Dòng nước có ngọc Ma Ni lượn vòng, diễn thuyết các giáo nghĩa Khổ, Không.
Các loại nhạc khí tấu vang âm thanh vi diệu.
Bốn mươi tám nguyện của Phật, dứt hẳn ba đường ác.
Đạt được thân sắc vàng.
Hình tướng tốt đẹp.
Đầy đủ năm thứ thần thông.

Không trừ ai, chỉ trừ cái định tu.
Không trừ ai, chỉ trừ cái định tu.
Mạng sống lâu dài.
Y phục và thức ăn tự nhiên hóa hiện.
Chỉ hưởng thụ những điều vui.
Đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.
Không có người nữ thật.
Không có Tiểu thừa.
Rời khỏi tám nạn.
Đạt được ba pháp nhẫn.
Thân tướng thường có ánh sáng.
Được thân Na la Diên bền chắc.

Qua những điều trình bày sơ lược ở trên, có thể thấy sự lợi ích của Phật Pháp vô lượng vô biên, cảnh giới Phật hoàn toàn chẳng phải hư vô, lời dạy của Phật dứt khoát không sai lầm. Tại sao mọi người lại muốn chìm đắm trong dòng sông ái dục, chẳng biết lo lắng? Ở trong căn nhà lửa cháy hùng hực đốt thiêu, mà không sợ hãi? Đối với mạng lưới ngu si được đan dệt dày đặc, mũi dao trí tuệ mỏng manh không sao cắt được; cội gốc nghi ngờ tròng sâu, sức tin yếu đuối đâu thể phá trừ.

Do đó mọi người bèn cam tâm tình nguyện vui với tai họa mà bảo rằng không có cõi nước thanh tịnh, lưu luyến nơi thế giới ô trược đáng sợ này. Giống như tầm kéo kén càng buộc càng bền, như bướm lao vào đèn tự thiêu tự đốt, cũng như cá chậu chim lồng mà lại cho là vui sướng.

Nên biết Phật lực chẳng bằng nghiệp lực, tà nhân khó tiến đến chánh nhân. Vả lại chưa thoát khỏi thân nghiệp báo thì rốt cuộc cũng bị ba sự chướng ngại buộc ràng; đã không ưa thích hóa sanh nơi hoa sen tất phải bảm thọ thân hình nơi bào thai. Nếu lãnh thọ nhục thân, thì toàn thân là khổ, đã đắm chìm trong ba cõi sao tránh khỏi luân hồi.

Nay ở trong tám điều khổ, nêu sơ lược hai nỗi khổ của sanh và tử:

1. Nỗi khổ lúc thọ sanh:

Nhân tinh huyết làm hình thể, ở trong sanh tạng và thực tạng bốn mươi hai lần biến đổi mới thành huyễn chất. Trên thì chán ngán thức ăn như uế, dưới thì xông lên mùi xú uế, lúc mẹ uống nước lạnh như ở trong dòng sông băng giá, khi mẹ dùng thức ăn nóng như ở trong lò than, xoay vần mê muội không thể nói hết được.

Đến khi sanh ra, chịu các sự khổ vô lượng. Lúc ra khỏi bào thai, giống như trâu bị lột da, chật hẹp khốn khó như rùa bị lột mai, ôm sự oán hận muốn hại thân mẹ. Vừa chạm đến gió nóng thì nhanh chóng quên mọi đau khổ, khi còn trẻ con ngu si bị nạn nước lửa mà chết yểu, dù được thành nhân vẫn phải lo sao cho vinh hiển họ hàng.

Lúa trên ruộng nghiệp đã chín, nước ái liên tiếp thấm nhuần, vô minh phát mầm khổ tăng trưởng. Dính chặt nơi bảy thức, bị ràng buộc trong chín cõi, như vòng lửa xoay vẫn không dứt.

2. Nỗi khổ khi chết:

Dao gió cắt xẻ thân thể, hỏa đại thiêu đốt hình hài, kêu than đau đớn, hồn phách hải hùng, bao nhiêu nỗi khổ cùng cực đều phát sanh. Nghiệp ác chột hiện bày, ngàn sâu uất kết, muôn sự dòn dập, cho đến mạng chung một mình ra đi buồn tẻ.

Nẻo tối tăm ảm đạm, đường u minh mịt mù, những sự oán thù trước kia giờ đây đối diện rõ ràng, vổ đất kêu trời mong cầu nhưng không sao thoát được. Theo nghiệp sâu cạn trải qua các nẻo đường. Hoặc rơi vào địa ngục, hoặc thọ thân ngã quỷ bị đói khát nhiều kiếp kêu gào, chịu tội khổ toàn thân cháy rụi. Chưa thoát khỏi hai mươi lăm cõi, nghiệp thiện ác không mất, theo thân chịu quả báo chưa hề sai sót.

Biển sanh tử bao la, con đường nghiệp chướng khó cùng. Thanh Văn còn mê muội lúc ra thai, Bồ Tát còn mịt mờ nơi cách ẩm, huống chi kẻ phàm phu bị sanh tử buộc ràng, lẽ nào lại không bị nỗi khổ của sự sanh tử ràng rịt và ma chết trói trăn?

Cho nên trong kinh Mục Liên Sở Vấn nói:

“Đức Phật bảo Mục Kiền Liên:

Ví như muôn dòng sông trôi chảy mãi, có cỏ cây nổi, trước chẳng xoay lại sau, sau chẳng chú ý đến trước, cuối cùng đều vào biển cả. Việc đời cũng như thế, có người tuy sanh trong nhà giàu sang muốn gì được nấy nhưng vẫn không thoát khỏi sanh già bệnh chết.

Do đó với kinh điển của Phật không tin, nên đời sau làm người lại ở chỗ càng khốn khổ, không thể sanh vào cõi nước của ngàn Đức Phật.

Thế nên, ta nói cõi nước của Phật Vô Lượng Thọ dễ dàng vãng sanh, dễ dàng cầu lấy, mà mọi người không thể tu hành để cầu vãng sanh, trái lại tôn thờ chín mươi sáu thứ tà đạo làm thầy. Ta gọi những người ấy là kẻ không có mắt, kẻ không có tai”.

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói:

“Trong thời kỳ mạt pháp, tuy có vô số chúng sanh phát khởi sự tu hành nhưng chưa có một người đạt được đạo”.

Hiện nay chính là thời kỳ mạt pháp, đang là đời ngũ trược, chỉ có một môn Tịnh độ này mới là con đường chung để giải thoát cho mọi người.

Nên biết, tự lực tu hành khó viên mãn, nhờ vào tha lực thì dễ dàng thành tựu. Giống như kẻ tầm thường dựa vào thế lực của Chuyển Luân Vương mà được dạo khắp tứ thiên hạ; phạm phu tục tử nhờ kỳ công thuốc tiên giúp đỡ nên được bay lên ba đảo Bồng Lai.

Pháp Niệm Phật này xác thật là môn dễ thực hành, nhanh chóng được tương ứng.

Những lời dặn bảo lặp đi lặp lại phát xuất từ lòng từ bi của Phật, chúng ta cần phải khắc cốt ghi tâm.

Hỏi:

Cư sĩ Bàn Uẩn nói:

“Trên Sự nói cõi Phật
Cách đây mười muôn cõi
Biển cả rộng vô biên
Động thì hắc phong thổi
Người qua tuy vạn thiên
Đền được chẳng mấy ai.
Bỗng gặp người bản lai.
Không ở trong nhân duyên”.

Làm sao thông hiểu chỗ này mà chúng đắc vãng sanh?

Đáp:

Nếu nêu cao Tông thừa, khảo xét cội gốc còn chẳng nói có Phật có cõi, há lại nói đến được hay không đến được. Bởi lẽ Tánh Thiên chân vốn tự đầy đủ, chẳng dính dáng đến nhân duyên, không động mảy tơ, thường thắm hợp với thể chân thật.

Nếu từ Sự mà luận bàn thì chẳng đồng nhau, chín phẩm vãng sanh trên dưới đều đạt đến. Hoặc dạo chơi nơi cõi nước do biến hóa mà thấy Ứng thân Phật, hoặc sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm thấy Chân thể của Phật, hoặc một đêm liền lên Sơ địa, hoặc qua một kiếp mới chứng Tiểu thừa, hoặc lợi căn độn căn, hoặc định ý tán ý, hoặc tỏ ngộ chậm mau, căn cơ chẳng đồng, hoặc hoa nở sớm muộn thời hạn khác biệt.

Xưa nay ghi chép đầy đủ, phạm phu và Thánh nhân đều được vãng sanh, hành tướng rõ ràng, chứng cứ xác thực có thể dùng mắt thấy để nghiệm xét.

Thế nên, Thế Tôn Thích Ca đích thân thọ ký cho Bồ Tát Văn Thù sẽ sanh về cõi Phật A Di Đà, lên hàng Sơ địa. Kinh Vô lượng Thọ nói:

“Bồ Tát Di Lặc hỏi Phật:

- Chưa biết thế giới này có bao nhiêu Bồ Tát Bất thối được sanh về cõi nước kia?

Đức Phật đáp:

- Thế giới Ta Bà này có sáu mươi bảy ức Bồ Tát Bất thối đều được vãng sanh”.

Đại sư Trí Giả cả đời tu tịnh nghiệp Tây phương, thực hành phước tuệ trang nghiêm thấy đều hồi hướng Tịnh độ. Lúc sắp lâm chung gọi đệ tử đọc tên Mười sáu phép quán, Ngài chấp tay tán thán rằng:

“Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, đài hương cây báu dễ đến mà không có người. Tướng xe lửa địa ngục hiện ra, một niệm cải hối còn được vãng sanh. Huống chi, sức hành đạo huân tu Giới - Định - Tuệ, rốt cuộc quyết chẳng mất. Phạm âm của Phật hoàn toàn chẳng lừa dối người”.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói:

“Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng trong mười phương hiện tướng lưới rộng dài che khắp Đại thiên thế giới minh chứng sự vãng sanh”.

Như thế lẽ nào lại là việc hư cấu sao?

Hỏi:

Kinh Duy Ma Cật nói:

“Ở trong thế giới này thành tựu tám pháp, hạnh không thương tổn thì được sanh về Tịnh độ.

Tám pháp ấy là:

1. Làm lợi ích chúng sanh mà không mong cầu đền đáp.
2. Thay thế chúng sanh chịu mọi điều khổ não, làm được bao nhiêu công đức đều ban cho chúng sanh
3. Tâm đối với chúng sanh bình đẳng khiêm hạ vô ngại.
4. Xem chư Bồ Tát như là Phật.
5. Những kinh chưa nghe, nghe không nghi ngờ.
6. Không chống trái với hàng Thanh Văn.
7. Không tật đố mọi người, chẳng đề cao sự lợi ích của mình, ở trong đó điều phục tâm mình.
8. Thường tỉnh xét lỗi mình, không bàn cãi sự sai lầm của người, luôn dùng nhất tâm cầu các công đức.

Như thế làm sao có thể đem hạnh thấp kém, việc lành nhỏ nhặt để được vãng sanh?

Đáp:

Về Lý thì cần đầy đủ, đây là thuộc về bậc đại căn tám pháp không thiếu sót được thành tựu Thượng phẩm.

Nếu là kẻ trung hạ thì chỉ cần đủ một pháp, quyết chí không đổi dời cũng được Hạ phẩm.

Hỏi:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ trình bày Mười sáu môn quán tưởng, đều là để nhiếp tâm tu định. Quán tưởng tướng hảo của Phật, thấu suốt trọn vẹn mới có thể đạt đến cõi thanh tịnh.

Tại sao nói tâm tán loạn vẫn được vãng sanh?

Đáp:

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về chín phẩm có sự cao thấp, bao gồm đầy đủ Thượng phẩm và Hạ phẩm nhưng chẳng ra ngoài hai thứ tâm.

1. Định tâm: Như tu định tập quán, vãng sanh Thượng phẩm.
2. Chuyên tâm: Chỉ cần niệm danh hiệu Phật, thực hành mọi điều lành, hồi hướng phát nguyện thì được thành tựu Hạ phẩm.

Vẫn cần phải cả đời qui hướng, suốt kiếp tinh tu, khi ngồi nằm thường hướng về phương Tây. Mỗi khi hành đạo kính lễ và lúc niệm Phật phát nguyện phải chí thành khẩn thiết không có ý niệm gì khác. Giống như phạm nhân khi đi đến pháp trường, như kẻ mang tội thân ở trong tù ngục; lại giống như đang bị giặc thù bức bách, nạn nước lửa vây khốn. Chỉ chuyên tâm cầu giải cứu, mong thoát khỏi đau khổ trong luân hồi, nhanh chóng chứng đắc Vô sanh, cứu độ khắp cả muôn loài, kế thừa và làm hưng thịnh Tam Bảo, quyết tâm báo đáp bốn ân. Nếu có tâm chí thành như thế tất nhiên sẽ đạt được như chí nguyện.

Còn như ngôn ngữ và hành động hoàn toàn không phù hợp, lòng tin yếu kém, không có tâm niệm tinh tấn đối với Phật Pháp, lại có ý thường hay gián đoạn, dựa vào sự lười biếng này mà hy vọng lúc lâm chung được vãng sanh, chỉ e nghiệp chướng ngăn trở khó gặp được bạn lành, gió lửa bức bách, chánh niệm không không thành tựu.

Tại sao? Vì hiện nay là nhân, lâm chung là quả. Cần phải có nhân chân thật thì quả mới không giả dối. Bởi lẽ, âm thanh hài hòa thì tiếng vang thuận, hình thẳng tất bóng ngay.

Nếu muốn lâm chung thành tựu mười niệm ắt phải có sự chuẩn bị trước, tập hợp các công đức, đồng thời hồi hướng lúc lâm chung, niệm niệm không thiếu sót thì không phải lo lắng điều gì.

Hai thứ luân chuyển thiện ác, hai loại quả báo khổ vui, đều do ba nghiệp tạo ra, bốn duyên* phát sanh, sáu nhân* làm thành, năm quả* thâm nhiếp.

* Nếu khởi một tâm niệm sân hận, tà dâm tức là tạo nghiệp đọa vào Địa ngục.

- * Khởi một tâm niệm tham lam keo kiệt, không bố thí tức là tạo nghiệp Nga qui.
- * Khởi một tâm niệm ngu si tăm tối tức là tạo nghiệp Súc sanh.
- * Khởi một tâm niệm ngã mạn cống cao tức là tạo nghiệp A tu la.
- * Giữ vững năm giới tức là nghiệp Người.
- * Chuyên tu mười điều lành tức là nghiệp của chư Thiên.
- * Chứng ngộ “Nhân không” tức là nghiệp của hàng Thanh Văn.
- * Thấu rõ lý duyên sanh tức là nghiệp Duyên Giác. Gồm tu Lục độ tức là nghiệp của Bồ Tát. Tâm từ bi chân thật, bình đẳng chính là nghiệp của Phật.
- * Nếu tâm thanh tịnh thì hóa sanh nơi cõi tịnh đài hương cây báu.
- * Tâm cầu nhiễm thì bảm thọ thân hình nơi cõi nhơ uế, hầm hồ gò nông.

Đó là quả cân xứng nhau, có thể cảm nên tăng thượng duyên. Vì vậy, rời tự tâm không có lý thể nào khác.

Kinh Duy Ma Cật nói:

“Muốn được Tịnh độ chỉ cần thanh tịnh tâm mình. Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh”.

Kinh này còn nói:

“Tâm cầu nhiễm cho nên chúng sanh cầu nhiễm. Tâm thanh tịnh cho nên chúng sanh thanh tịnh”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Cũng giống như báu vật Tâm vương
 Tùy theo tâm mà thấy các sắc
 Bởi vì tâm chúng sanh thanh tịnh
 Nên được thấy cõi Phật thanh tịnh”.

Kinh Đại Tập nói:

“Muốn cảnh giới bên ngoài thanh tịnh, trước hết phải thanh tịnh tâm mình”

Do đó nên biết, tất cả đều trở về tâm, muôn pháp do nơi ta. Muốn được quả thanh tịnh phải thực hành nhân thanh tịnh, giống như bản chất của nước thì chảy xuống chỗ thấp, lửa thì bốc lên cao, xu thế tất nhiên như vậy, đâu có gì phải nghi ngờ.

HẾT QUYỂN THƯỢNG

VẠN THIÊN ĐỒNG QUY TẬP

Quyển Trung

THIÊN SƯ VĨNH MINH - Thích Minh Thành dịch

Do Pháp tánh sanh khởi Bồ đề, từ Chân như thành tựu vạn hạnh. Trọn ngày làm việc mà thật ra không có làm gì, tuy không có làm mà làm tất cả. Nếu nói rằng có làm thì đồng với việc ma, nếu chấp là không làm lại về nơi đoạn diệt.

Thế nên biết, ngoài tự tâm không có pháp gì để kiến lập. Mười thân Phật đầy đủ nơi tự tâm, bốn cõi đều thâm nhiếp trọn vẹn tâm mình.

Tuy nhất tâm bao hàm tất cả nhưng chẳng phá hoại sự đối lập trong và ngoài, đều xứng với Pháp tánh, đâu cách ngại Có và Không. Ở nơi Không mà đầy đủ trí huệ phương tiện nên không dính mắc vào Có; ở nơi Có vận dụng hạnh thù thắng nên chẳng rơi vào Không.

Thế nên, Sự ở ngay nơi Lý thì hạnh được thành tựu vô ngại, Lý ở ngay nơi Sự thì hạnh thuận với Chân như. Tác dụng và sự tương không thiếu, tánh thể ở ngay nơi đó.

Hạnh vi diệu giáo hóa chúng sanh không ngoài pháp Lục độ và Tứ nhiếp; chân tu lợi mình không gì hơn Thất giác chi và Bát chánh đạo. Thu nhiếp Tứ niệm về nơi Nhất thật, đúc kết Tứ cần chẳng ra ngoài Nhất tâm, nghiêm tịnh Ngũ căn thành tựu Ngũ lực.

- * Nói đến bố thí thì trong ngoài xả bỏ.
- * Nói đến trì giới thì giữ gìn cả giới luật của Đại và Tiểu thừa.
- * Nói đến tu tiến thì thân tâm đồng thời thực hành.
- * Nói đến nhẫn nhục thì Chúng sanh nhẫn và Vô sanh nhẫn đều đầy đủ.
- * Nói đến Bát Nhã thì cảnh và trí không hai.
- * Nói đến thiền định thì động và tĩnh đều bình đẳng.
- * Nói đến phương tiện thì soi sáng khắp trần lao.
- * Nói đến phát nguyện thì cùng khắp pháp giới.
- * Nói đến lực dụng thì tinh thông mười loại trí lực của Phật
- * Nói đến trí huệ thì thành tựu trọn vẹn Nhất thiết Chủng trí.

- * Nói đến đồng ngữ thì luân theo thuyết tam căn và tâm niệm của chúng sanh.
- * Nói đến vận dụng lòng từ thì kẻ oán, người thân đều cứu độ.
- * Nói đến thuyết pháp thì đồng thời thâm nhiếp cả căn cơ bén nhạy, chậm lụt.
- * Nói đến Thất giác chi thì hôn trầm và trạo cử không sanh khởi.
- * Nói đến Bát chánh đạo thì tà kiến và điên đảo chẳng phát sinh.

Ngoài ra còn phải tu tập đầy đủ hạnh vi diệu để đạt được Ba thứ kiên cố đầy đủ Thất thánh tài giữ gìn Tam tụ tịnh giới, viên mãn chỗ chân thật cốt yếu của bảy đức thanh tịnh, giác ngộ lý Thiên nhiên Thật tướng thì phù hợp với lẽ tự nhiên.

Tu phạm hạnh đoạn dứt cội gốc trần lao tập khí; hiện bày hạnh cứu độ cho Thanh Văn dừng nghỉ nơi Hóa thành; thị hiện hành vi ngây thơ như trẻ con để dẫn đường phàm phu tiến lên cõi trời. Trải qua đạo Bồ đề ngũ vị, vào thành Niết Bàn tam đức, luyện tam nghiệp thành tam luân, lia tam thọ tròn tam niệm.

Do từ Tam quán huân tu phát khởi quả đầy đủ Ngũ nhãn tròn sáng, mới có thể du hí thần thông, ra vào trăm ngàn chánh định, trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật, bước lên đạo tràng vô ngại. Sau đó, ứng hợp khắp các phương, thị hiện mười thân tướng hảo chiếu soi khắp pháp giới, thấp ngọn đèn sáng Tứ trí, đạo cảm ứng qua lại, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà hóa độ, chẳng động Bản tế mà dấu vết ứng hiện vuông tròn, hễ ai thấy nghe đều lợi ích.

Như thế là do tự chúng sanh thấy còn ta thật ra chẳng làm gì. Đó đều là từ sự huân tập tích lũy điều lành nên thành tựu sự giáo hóa rộng lớn tự nhiên này.

Hoàn Nguyên Quán nói:

“Tác dụng như biển cả ba đào, toàn chân thể vận hành. Bản thể như gương trong nước lặng, đều tùy duyên mà quy hội về nơi lặng lẽ”.

Pháp sư Tăng Triệu nói:

“Thống nhiếp vạn hạnh lấy Quyền trí làm chủ yếu; dựng lập cội đức lấy Lục độ làm căn bản; tế độ mê lầm lấy Từ bi làm đầu; nói đến chỗ cùng tột lấy Bất nhị làm tông chỉ. Đó là cội gốc của sự Chẳng Thể Nghĩ Bàn.

Còn như mượn tòa của Phật Tu Di Đấng Vương, xin com ở cõi Hương Tích, tịnh thất bao gồm cần khôn, dùng cánh tay tiếp lấy Đại thiên thế giới, đó đều là cánh ngọn của sự Chẳng Thể Nghĩ Bàn. Song, cánh cửa sâu kín tuy mở ra nhưng sự ứng

hóa của bậc Thánh không đồng.

Không có cội gốc thì chẳng thể biểu hiện ra cành ngọn, không có cành ngọn thì chẳng thể hiển bày cội gốc. Cội gốc và cành ngọn tuy khác nhau, nhưng sự Chẳng Thể Nghĩ Bàn vốn là một”.

Hỏi:

Thân là cội gốc của đạo, trói buộc là nhân của giải thoát. Sao lại đốt tay, thiêu thân thể, tu hành trái với đạo?

Trong Cao Tăng Truyện và giới luật Tiểu thừa chê trách rõ ràng, làm thế đâu phù hợp với lời Phật dạy?

Đáp:

Xả bỏ thân mạng, vì pháp mà đền đáp ân sâu, rất phù hợp với kinh điển Đại thừa và Chánh pháp.

Kinh Phạm Võng nói:

“Nếu là Phật tử nên thực hành tâm tốt, trước học tập kinh luật nói về uy nghi của Đại thừa, khai mở tâm tánh hiểu rộng nghĩa lý.

Nếu thấy có người mới tu tập hạnh Bồ Tát, từ trăm ngàn dặm đến cầu học kinh luật Đại thừa nên đứng như pháp mà nói về tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay.

Nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật thì chẳng phải Bồ Tát xuất gia. Thậm chí đối với cọp, sói, sư tử đói khát và tất cả nga quỷ còn nên xả bỏ thân thể, tay chân cho chúng ăn. Sau đó, lần lượt vì tất cả mà nói chánh pháp, khiến cho chúng đều được khai mở tâm ý hiểu rõ Phật Pháp. Nếu không làm như thế thì phạm tội khinh cầu”.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Đức Phật bảo ông A Nan:

Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ kheo phát tâm quyết định tu tập chánh định, có thể ở trước hình tượng của Như lai dùng thân làm đèn, đốt một ngón tay, một lóng tay,

cho đến đốt một liều hương trên người, ta nói người ấy nếu có nợ nần xa xưa nhất thời hoàn trả xong xuôi, xa lìa thế gian, thoát hẳn mọi phiền não. Tuy chưa rõ ngay con đường Giác ngộ vô thượng nhưng người ấy đã có quyết tâm quyết định với chánh pháp.

Nếu không gây nhân nhỏ xả bỏ thân thì dù thành tựu vô vi cũng vẫn phải sanh trở lại làm người để đền trả nợ cũ, giống như ta bị nạn phải dùng lúa ngựa”.

Cho nên Tiểu thừa chấp tướng chế định mà không khai mở. Đại thừa viên thông không có pháp cố định.

Kinh Bồ Tát Thiện Giới nói:

“Giới của Thanh Văn cấp thiết, còn giới của Bồ Tát thì thư thả; giới của Thanh Văn bít lấp, giới của Bồ Tát thì khai mở”.

Kinh còn nói: “Sự trì giới của Thanh Văn là điều phá giới của Bồ Tát”.

Đó là nói về việc này.

Nếu y theo kinh liễu nghĩa, chư Phật đều hoan hỷ, còn chấp vào lời nói tùy nghi thì các bậc Thánh đều buồn bã. Chỉ nên tán thán Đại thừa, khen ngợi Viên giáo, mình và người đều được lợi ích, đâu nên chấp vào sự quyền biến, ngưng trệ nơi nhỏ nhặt mà cội gốc và cành ngọn đều mê mờ không rõ.

Hỏi:

Thieu đốt thân thể, gieo mình xuống vực, lao thân vào lửa đỏ. Những việc làm ấy giống như chín mươi sáu loại ngoại đạo, các bậc Thánh đều quả trách. Nay may mắn có được chánh pháp, tại sao lại đi theo con đường tà vậy?

Đáp:

Luận Đại Trí Độ nói:

“Phật Pháp có hai thứ đạo:

- * Một là đạo rốt ráo không.
- * Hai là đạo phân biệt tốt xấu.

Nếu nói về đạo rốt ráo không thì phàm phu Như tức là lậu tận giải thoát Như. Lời nói của Như Lai là lời nói của Đề Bà Đạt Đa, không hai không khác, một đạo một nguồn”.

Thế nên, ở nơi địa ngục phát khởi tâm Diệu Giác, nơi quả vị Phật hiện bày cõi Nê Lê.

Nếu bỏ tà về chánh, thì tà và chánh đều sai quấy; bỏ ác chấp thiện thì thiện ác đều trở thành lầm lỗi.

Nói về đạo phân biệt tốt xấu thì ngu si và trí tuệ khác nhau, chân và tục rõ ràng, ngọc và đá nên phân biệt, vàng và thau cần phải phân biệt rõ.

Hơn nữa, căn cứ vào trong môn tu hành, địa vị lên xuống, tự có tông đồ trong ngoài, nhân quả tà chánh, phải khéo phân biệt kỹ, không thể tùy tiện cho là như nhau. Và lại, trong giáo lý có những lời hủy báng và tán thán, xác thực có khen ngợi và chê bai. Nếu chấp thì trở thành ngưng trệ, hiểu rõ thì đều thông suốt.

Nếu từ Tứ tất đàn đối trị, buông xả hoặc đoạt lấy nên xét nét rõ. Nếu nói đều là phải, Ni Kiền Tử thành tựu đạo chân chánh, chư Phật đã quở trách sai lầm; nếu nói đều sai, Bồ Tát Dược Vương rơi vào lỗi lầm điên đảo, chư Phật đã khen ngợi không đúng.

Thế nên, hưng khởi tà vạy thì trở thành hạnh vô ích; phê bỏ chân chánh thì đoạn dứt môn phương tiện. Cần phải hiểu rõ sự khai mở và ngăn chặn, há không có sự lấy bỏ.

Vả lại, người trong giáo pháp và người ngoài lúc bỏ thân mạng mình đều có hai ý.

Hai ý của người trong giáo pháp là:

1. Hiểu rõ mình và người khác đều là tánh không, không chấp ngã và chấp pháp, chẳng thấy có cảnh cúng dường, cũng không có tâm cho rằng ta thiêu đốt thân.
2. Chỉ vì cúng dường Tam Bảo, báo đáp bốn ân để hỗ trợ đạo Giác ngộ Vô thượng chẳng mong quả báo trời người.

Hai ý của người ngoài giáo pháp:

1. Chấp thân chưa hết, tăng thêm ngã mạn, mê mờ trí tuệ vô tác, sanh khởi tâm hữu đắc.

2. Chỉ tham danh tiếng hiện tại, mong phước báo và lợi ích ở đời sau. Hoặc nguyện làm vua, hoặc cầu sanh về cõi trời Quảng Quả.

Cho nên, giáo lý của Tông Thiên Thai giải thích phẩm Dược Vương đốt thân rằng:

“Cảnh trí không hai, năng sở đều không, dùng sự quán sát không hai mà quán sát về cảnh bất nhị, thành tựu hạnh bất nhị, thể hội Tánh-không bất nhị. Khi thực hành phép quán này, mọi người thấy nghe trong khắp pháp giới đều được lợi ích, nên gọi là Thừa thừa”.

Do vậy, gieo mình xuống vực không bị cho là hạnh ngoại đạo, lao vào lửa đỏ mà chẳng bị người trong giáo pháp chê bai. Bởi vì, bên trong có lý quán, bên ngoài tỏ rõ tâm mong muốn. Cho nên Bà La Môn Thắng Nhiệt dứt trừ sự nghi ngờ của Đồng Tử Thiện Tài, Ni Kiền Tử làm cho vua Nghiêm Xí phát tâm tin hiểu Phật Pháp.

Bàn luận tận tường về đạo, khi thực hành mới thấy sự thành công. Tâm chánh thì hạnh chánh, trí tà thì việc tà. Hạnh không thể bỏ, trí không thể quên thì những người hậu học không mất sự lợi ích của giáo pháp.

Kinh Văn Thù nói:

“Bồ Tát xả bỏ thân không phải là vô ký, chỉ được phước đức. Thân phiến não này diệt nên được thân thanh tịnh, ví như áo dơ dùng nước tro để giặt giũ, dơ hết nhưng áo vẫn còn”.

Nếu được ý chỉ viên mãn thì quyết đoán rõ ràng. Xin xem những lời văn này, lấy đó làm gương soi xét.

Hỏi:

Bồ thí trụ chấp tướng kết quả chỉ là vô thường, tăng thêm tâm hữu vi trái với đạo vô vi, đâu bằng y cứ vào lý thể mà quán xét thì phước đức ấy rộng lớn như hư không.

Cho nên trong kinh nói:

“Đức Phật bảo: Chỉ có đạt đến vô ngã mới có thể thuận với lý”.

Tại sao lại chấp chặt vào sự tướng, vin theo ngoại vật, không quán sát tâm để đạt đạo?

Đáp:

Nếu từ phương diện quán xét tâm mà nói thì chạm mắt đều là đạo. Đã bảo đạt đạo thì dơ tay cất bước đều hợp đạo.

Bồ Tát thực hành vạn hạnh đầy đủ Tứ nhiếp pháp không nên chấp chặt vào Không mà dẹp trừ Có, cố giữ đối với “một” mà kỵ ở nơi “nhiều”.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thọ trì một pháp mà phủ định các pháp khác, đó là hành vi của ma”.

Thế nên, dù cho bỏ Biên kiến thú hướng Trung đạo cũng vẫn rơi vào tà kiến. Do đó không nên y cứ vào chủ trương mà mình tôn sùng, tự cho là diệu huyền mầu nhiệm. Đó đều là do ý thức và tư tưởng thi vi, ngũ âm và thập bát giới tạo tác. Cần phải tùy cơ phá dẹp hay chiếu soi, trí Bát Nhã mở ra thấu vào tự tại.

Đối với hai môn Có và Không đã chẳng ra ngoài chúng cũng chẳng ở lại trong đó; đối với hai chân lý Chân và Tục đã chẳng ở ngay trong đó cũng chẳng tách rời; hoạt động và dừng nghỉ chẳng trái ngược đều viên dung vô ngại.

Thông thường trong pháp môn tu tập của chư Phật và Bồ Tát có chánh hạnh và trợ hạnh, có chân thật và quyền biến. Lý và Sự đồng thời tu tập, trí huệ và giới luật xem trọng như nhau, từ bi và Bát Nhã thực hành song song, trong và ngoài hỗ trợ lẫn nhau.

Nếu nhất định kiến lập một Tông, đó chính là dòng dõi ma vương; hoặc diệt trừ tất cả thì trở thành sự ngu muội sai lầm của riêng mình.

Thế nên trong kinh Đại Tập nói:

“Có hai hạnh tu hành:

- Nương tánh không mà tiến thẳng vào, đó gọi là tuệ hạnh.
- Không phê bỏ sự tướng mà tu hành, đó gọi là hành hạnh.

Luận Bồ Đề nói, có hai con đường: Một là con đường phương tiện, tức biết rõ các pháp lành. Hai là con đường trí tuệ, là thấy rõ các pháp không thật.

Trong kinh còn nói, có hai loại Chân như: Một là Chân như trong nhân, nó như như vô nhiễm. Hai là Chân như trong quả, nó như như vô cấu, nó như hoa vô cấu.

Lại có hai loại tâm: Một là tâm thanh tịnh tự tánh, tâm này xưa nay vốn có. Hai là tâm thanh tịnh lià cấu nhiễm, tâm này là từ ý nghĩa rốt ráo mà có.

Luận Đại Thừa Khởi Tín lập hai loại tướng trạng: Một là tướng đồng, từ ý nghĩa thể tánh bình đẳng mà nói. Hai là tướng dị, từ ý nghĩa sai biệt trên sự huyền hóa mà nói.

Tông Thiên Thai nói có hai loại thiện: Thấu suốt năng sở đều rỗng không gọi là “chỉ thiện”. Dùng phương tiện khuyên bảo mọi người tu hành gọi là “hành thiện”.

Hỏi:

Yếu chỉ giáo pháp của Phật Tổ duy thiết lập Nhất thừa, do đó trong kinh nói: “Chư Phật trong mười phương chỉ do một con đường mà đi đến Niết Bàn”. Trong kinh còn nói, tất cả người thông đạt vô ngại đều từ một con đường mà ra khỏi sanh tử.

Tại sao lại trình bày nhiều sự tướng sai biệt, kiến lập hai loại pháp môn, làm làm loạn Chánh tông, sanh khởi tà kiến?

Đáp:

Pháp của chư Phật, nói về tông thể chỉ có một. Nhưng từ trên tác dụng phân thành hai, mà thể tánh thường đồng nhau. Như Luận Khởi Tín ở nơi Nhất tâm mà kiến lập Chân như môn và Sanh diệt môn, đây là đạo Nhị đế Nhất thừa, xưa nay thường như vậy không thêm bớt. Thế nên Tổng tướng và Biệt tướng hiển bày lẫn nhau, gốc và ngọn hỗ trợ nhau. Không có Tổng tướng thì không thể sinh ra Biệt tướng. Không có Biệt tướng thì không thể trở thành Tổng tướng. Không có cội gốc thì không thể phát sinh cành ngọn, không có cành ngọn thì không thể hiển bày cội gốc.

Do đó đủ biết, chim chỉ có một cánh ắt khó bay lên trời cao, xe chỉ có một bánh thì không sao vận hành được, chỉ có chân thì không thể kiến lập, một mình vọng ắt không thể thành tựu. Đứng về mặt Thể, tuy có sai biệt nhưng không sai biệt; đứng về mặt Dụng, tuy không sai biệt mà có sai biệt. Một và hai vô ngại mới được vào

môn Bất nhị; Không và Có chẳng trái nhau mới đạt đến cảnh giới Chân không.

Hỏi:

Trên phương diện Sự, có sai biệt về thời gian và vị trí; đứng về Lý thể mà nói thì duy nhất không hai, lặng yên chẳng động.

Lý thể và sự tướng đã bất đồng như thế, tại sao bảo rằng vô ngại?

Đáp:

Sự tướng do Lý thể mà thành tựu. Lý thể từ Sự tướng mà hiển bày. Như muôn ngàn lượn sóng chẳng ngại nhau vì cùng một tánh ướt, giống như các loại trang sức không cách trở nhau vì cùng một chất vàng. Bản thể và tác dụng thâm nhiếp lẫn nhau, mở ra và thâm lại bình đẳng nhất trí.

Nếu như từ ý nghĩa viên dung mà nói thì không chỉ Lý và Sự tương tức, mà ngay cả muôn Lý và Lý tương tức cũng được, Sự và Sự tương tức cũng được, Sự và Lý không tương tức cũng được, cho nên gọi là pháp môn Tùy Duyên Tự Tại Vô Ngại.

Ngoài ra, trong pháp môn giáo hóa của chư Phật, còn có một pháp Bồ thí đứng đầu Thập độ, là pháp trước tiên trong muôn hạnh, là nhân ban đầu để vào đạo, và nhân tố then chốt để thâm nhiếp chúng sanh.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Pháp Bồ thí là kho báu thường đi theo người: Bồ thí là hóa giải đau khổ, ban cho mọi người niềm vui.

Bồ thí là chỉ cho người con đường dẫn đến cõi trời. Bồ thí là tòa nhà tốt đẹp thâm nhận các người lành. Bồ thí là sự an ổn, khi sắp mạng chung tâm không sợ hãi. Bồ thí là tướng của từ bi hay cứu giúp tất cả. Bồ thí là sự tập hợp những điều vui, có thể phá trừ giặc đau khổ. Bồ thí là viên đại tướng hay hàng phục quân địch xan tham. Bồ thí là đạo thanh tịnh, các bậc Hiền Thánh đều từ đó mà thành tựu. Bồ thí là môn tích lũy phước đức lành. Bồ thí hay đạt được quả phước lạc toàn vẹn.

Bồ thí là duyên ban đầu của Niết Bàn, là pháp chủ yếu để dựa vào hàng thiện nhân, là nơi phát nguồn những sự tán thán khen ngợi, là công đức khi ở trong chúng không gặp khó khăn, là cội gốc khiến cho tâm không hối hận, là căn bản của đạo hạnh pháp lành, là khu rừng đủ mọi điều vui vẻ, là ruộng phước giàu sang an ổn, là

con dò đưa đến bờ Niết Bàn”,

Trong Lục Hạnh Tập nói:

“Khi phạm phu bố thí, nếu khởi tâm ngạo mạn thì gây ra tội lỗi, khởi tâm cung kính trở thành phước đức.

Khi hàng Nhị thừa bố thí, chỉ quán xét pháp trần đời đời vô thường.

Khi Bồ Tát nhỏ bố thí, nghĩ rằng bản thể của vật thí là rỗng không.

Khi Bồ Tát lớn bố thí thì biết tâm vọng thấy.

Khi Phật bố thí thì chứng Duy tâm, lìa niệm thường thanh tịnh.

Nên biết một môn bố thí mà sáu hạnh trở thành khác biệt, đâu thể đồng loạt nêu ra một cách tùy tiện.

Cũng có sự bố thí bên trong và sự bố thí bên ngoài, bố thí về mặt Lý, bố thí về mặt Sự, Thể và Dụng hỗ trợ nhau, gốc và ngọn hiển bày lẫn nhau. Theo Lý thì chìm trong đoạn diệt, chấp Sự ắt rơi vào thường kiến. Lý-Sự dung thông mới vượt qua hai điều lầm lỗi ấy. Và lại, ý chỉ của chư Phật so sánh trong việc bố thí thì bố thí về mặt Lý là trước tiên, thế nên chú trọng bố thí bên trong”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Nếu có người phát tâm muốn đạt được đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng, có thể đốt một ngón tay một ngón chân cúng dường tháp Phật, còn hơn đem quốc gia thành trì vợ con và núi rừng, sông ao, các vật quý giá trong khắp ba ngàn Đại thiên thế giới để cúng dường”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Nếu có người xả bỏ thân mạng để cúng dường thì phước báo còn nhiều hơn người đem vật báu đầy cả cõi Diêm Phù Đề mà bố thí cúng dường”.

Thế nên biết, lời nhẹ nhàng lợi khẩu dễ trình bày, toàn thân quý báu khó mà buông bỏ, tâm bảo tồn tánh mạng sâu sắc, ý ưa thích sự sống thiết tha, dù cho rõ được

mình, người và vật bỏ thí thể tánh đều rỗng lặng nhưng vẫn thuộc về Thông giáo. Huống chi tâm còn lấy bỏ thì sao được thành tựu pháp Bồ thí thanh tịnh?

Và lại, môn Bồ thí trong Viên giáo cùng khắp pháp giới thì có Sự gì không đầy đủ; có Lý nào chẳng viên dung. Bồ Tát chiếu soi Lý chẳng bỏ Sự, xét rõ Sự chẳng tổn hại Lý. Hoàng đạo là do người, sao lại vướng mắc nơi pháp?

Nếu tách rời Lý mà có Sự, Sự đó trở thành sự ngu mê của hàng Định tánh; nếu tách rời Sự mà có Lý, Lý ấy trở thành kiến chấp đoạn diệt. Nếu vướng mắc nơi Sự mà mê muội Lý thì bị quả báo ở trong vòng luân hồi; nếu thể hội Lý mà thành đạt Sự thì thành tựu quả báo cứu cánh.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Lại thấy có Bồ Tát, đầu mắt và thân thể, đều ưa vui thí cho, để cầu trí tuệ Phật”.

Nếu việc xả bỏ thân là tà thì sao thành tựu trí tuệ Phật được? Do đó nên biết, việc thiện nhỏ nhưng dẫn đến kết quả rộng sâu; đem pháp này làm nhân để tu hành, thật chẳng mất. Như khi Phật Thích Ca bỏ thân mạng, mỗi lần đều chứng đắc pháp môn, hoặc được Nhu Thuận Nhẫn, hoặc vào Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Nói chung, Bồ Tát làm mọi việc đều thấu rõ vô ngã không có tự tánh, hành Sự Thấy rõ Lý, gặp cảnh thấu suốt là không, chẳng đồng với kẻ phàm phu tạo tội phước, chẳng hiểu nhân quả thiện ác không có tự tánh. Đó là mê muội nơi Sự mà chấp Lý nên thường bị ràng buộc trong ba cõi.

Hỏi:

Trong kinh nói:

“Đem thân mạng nhiều như ba lần số cát sông Hằng để bố thí cũng không bằng thọ trì bốn câu kệ”.

Nên biết công đức của Bát Nhã sâu xa, lực của bố thí nhỏ hẹp. Tại sao lại trái với tông chỉ, vượt qua lẽ thật, tiêu hao uổng phí lực tinh thần? Như thế có thể gọi là mong ngộ lại mê, muốn vượt lên mà rơi trở xuống.

Đáp:

Thấu đạt Lý vạn hạnh mới thành tựu, biết rõ tông chỉ thì ngàn đường không ngưng trệ. Không nên bỏ kia lấy đây; chấp chặt vào phải, bài xích điều trái; cần phải thực hành môn vô ngại, khéo đi vào hạnh rộng khắp. Thế nên, chư Phật quá khứ, Bồ Sư Thích Ca từ vô lượng kiếp đến nay xả bỏ vô số thân mạng; hoặc vì cầu pháp, lấy xương tủy, khoét thịt nơi thân mình; hoặc vì thực hành hạnh từ bi, dùng thịt mình bỏ thí cho chim ưng cộp đói.

Luận Bát Nhã nói:

“Nhu Lai từ vô lượng kiếp đến nay, thí xả thân mạng tài vật vì thực hành chánh pháp. Chánh pháp không có bờ mé, là nhân vô cùng tận nên được quả báo vô cùng tận, quả báo chính là ba thân Phật”.

Cho đến các vị Bồ Tát và Cao tăng Ấn Hoa từ xưa đến nay thí xả thân mạng cũng không ít. Các Ngài đều tuân theo kinh giáo của Phật Thích Ca, noi theo gương thiêu thân đốt tay của Bồ Tát Dược Vương ngày xưa truyền lại.

Trong Cao Tăng Truyện có ghi, Pháp sư Tĩnh Ái vào núi Chung Nam cắt thịt thân mình đặt trên tảng đá, rồi luồn tay vào kéo ruột ra treo trên cành cây, sau cùng bung tim tạng mà chết. Ngài viết bài kệ để trên vách rằng:

“Nguyện bỏ thân này rồi
Khiến thân sớm tự tại
Pháp thân tự tại rồi
Luôn ở trong các cõi
Tùy chỗ có lợi ích
Hộ pháp cứu chúng sanh
Vả lại nghiệp phải hết
Pháp hữu vi đều vậy
Ba cõi đều vô thường
Thời đến chẳng tự tại
Người giết và tự chết
Chung qui cũng thể thôi
Người trí chẳng ưu thích
Nghiệp hết trong hôm nay”.

Bồ Tát Tăng Nhai cũng thiêu thân và nói rằng:

- Ta vì thay thế tất cả chúng sanh mà chịu khổ.

Ngài đốt ngón tay trước, mọi người hỏi:

- Tội nghiệp của chúng sanh chín mùi thì tự mỗi người chịu khổ, chẳng liên quan với nhau, làm sao có thể thay thế được mà Ngài tự thiêu?

Ngài nói:

- Vừa phát khởi một niệm căn lành liền có thể diệt trừ tội ác, điều đó lẽ nào không thể thay thế hay sao?

Ngài còn bảo mọi người rằng:

- Sau khi ta diệt độ, những người ưa thích cúng dường người bệnh, nên biết nguồn gốc của những người ấy khó mà lường xét. Họ đa số đều là chư Phật, Thánh nhân tùy nghi ứng hiện biến hóa mà đến. Nếu chẳng phải là tâm bình đẳng rộng lớn, sao có thể cung kính mọi người? Đó là hạnh chân thật.

Thiền sư Mãn-Tông Thiên Thai, cả đời giảng và tụng kinh Pháp Hoa, đến nỗi cảm ứng thần nhân hóa hiện thân hình. Do đó, Ngài chuyên tâm thiền định, tụng niệm kinh chú, sau cùng đốt thân cúng dường kinh Pháp Hoa.

Lại có Thiền sư Tịnh Biện, học trò của Đại sư Trí Khải, ở trước sám đường đốt thân cúng dường Bồ Tát Phổ Hiền.

Truyền Đại Sĩ ở Song Lâm muốn đốt thân để cứu độ nỗi khổ của chúng sanh. Đệ tử của Ngài trước sau bốn mươi tám người sẵn lòng thay thế sư phụ đốt thân, thỉnh thầy thường trụ ở đời giáo hóa chúng sanh.

Những sự thật như thế, trong truyện ký đều có ghi rõ, ở đây không thể nêu ra đầy đủ. Nếu nói rằng đó là các cảnh giới của những bậc Thánh thị hiện thì các Ngài có lỗi lầm lừa dối phàm phu. Phàm phu không có phần trở thành Hiền Thánh thì giáo pháp chỉ lập bày phương tiện suông.

Vốn vì tiếp dẫn người sau, hợp theo người trước, khiến cho phàm phu thật chứng Bồ đề nên thị hiện lập bày quyền biến, cũng là giúp cho người sau noi theo. Không nên đem pháp tà vạy lừa dối người khác bảo họ thực hành.

Đức Phật là bậc đại từ bi hoàn toàn không lừa dối chúng sanh. Thế nên tám vạn pháp môn đều đưa đến giải thoát; một niệm lành nhỏ cũng dẫn đến Chân như. Trong Phật Pháp có sơ tâm hậu tâm, Sanh nhẫn Pháp nhẫn, không cần đem cao chê

thấp, hoặc lấy thấp lẫn cao. Nên khéo biết thời cơ, tự xét căn lực của chính mình, chớ nên phê bình việc tốt xấu của người khác, gương lập thị phi. Ngôn ngữ là căn nguyên của tai họa, nó sẽ chuốc lấy khẩu nghiệp.

Vả lại, như hàng Bồ Tát đã được Pháp Nhẫn, tuy đã chứng đắc Nhân không Pháp không, nhưng vì lợi ích mọi người nên phá trừ tâm tham lam keo kiệt mà còn phải đốt tay thiêu thân, như Bồ Tát Dược Vương, Hòa thượng Tăng Nhai.

Nếu chưa đầy đủ Pháp nhẫn, tuy biết dùng lửa trí tuệ thiêu đốt củi phiền não, thấu suốt Nhân-Pháp đều không, không còn sanh khởi chấp ngã, nhưng nếu họ bị sự chướng ngại nặng nề của phiền não hiện tại vẫn chưa được tương ưng. Cần phải phát khởi tâm mạnh mẽ, vận dụng hạnh chân thật, đền đáp ân sâu của Phật, thay thế đau khổ cho chúng sanh, làm nhiều hạnh từ bi.

Muốn thành tựu pháp môn trợ đạo, không nên sanh khởi tư tưởng mong cầu. Nếu chẳng dối trá thì sự việc chẳng luống mất. Nếu mắt trí tuệ chưa sáng tỏ, vẫn còn phát khởi chấp ngã, chỉ mong cầu nhơn quả, ý chí cầu đạo không kiên định, mà lại tính bất chước theo việc làm của người xưa, đối với hạng người này ở đây không nói đến.

Căn cơ chúng sanh không đồng, cho nên chỗ ưa chuộng đều khác nhau. Do đó trong kinh nói: “Đức Phật bảo: Nếu chúng sanh cần sự giả dối mới độ được thì ta cũng nói dối để giáo hóa họ”.

Thế nên biết, Sự có muôn ngàn, Lý chỉ về một nguồn. Đó đều là phương tiện khéo léo của lòng từ bi rộng lớn. Có người do xả bỏ thân mạng, nhanh chóng ngộ nhập Pháp nhẫn; cũng có người do chuyên tâm tu tập thiền định tỏ ngộ Vô sanh; có người do rõ biết tự tâm vốn thanh tịnh mà chứng đắc Thật tướng; cũng có người do tu tập quán bất tịnh mà đạt đến cảnh giới xa lìa cấu nhiễm; có người do ở nơi nhà cửa được trang sức bằng bảy báu mà tiến lên quả vị Thánh; cũng có người ở dưới gốc cây, bên gò mả mà đạt được Niết Bàn.

Vì thế vô lượng vô số môn hóa độ đều dẫn đến giải thoát; vô biên giáo pháp, nếu rõ thì liền trở về Chân như.

Lời nói của Đức Phật hoàn toàn chẳng phải là sự lập bày giả dối. Ví như đi bộ đường xa, lấy điểm đến làm mục đích, chẳng quan tâm đến con đường như thế nào, cũng chẳng gương bàn khó dễ chi cả.

Nên biết trị bệnh không thể chuyên dùng thuốc tán, như bầu trời chẳng quang đấng mãi mãi. Cần phải dùng thuốc hoàn và thuốc tán dung hòa lẫn nhau, âm dương đồng thời trợ giúp thì các thứ bệnh đều khỏi, muôn vật trong thiên hạ được sinh trưởng tốt tươi.

Ở đây nói rõ mọi giáo pháp đều là sự lập bày thích ứng tạm thời, thật không có một phương pháp cố định, chỉ tùy theo lòng ưa thích của đối tượng để thích nghi giáo hóa, chỉ lấy việc chứng đạo làm trọng tâm, chẳng so sánh việc thô tế lúc nhập môn. Nếu chấp trước vào Tứ môn* của Viên giáo còn bị Sơ môn của Tạng giáo đối trị*.

Thế nên, pháp môn Bồ thí mà Bồ Tát tu hành giống như người tù nhờ lỗ nhà xí mà trốn thoát, giống như người bệnh uống nước như uế mà được lành. Không có quán xét tất chẳng thể nhổ hết căn bệnh tam độc, không có tu hành thì khó vượt khỏi ngục tù trong ba cõi.

Sách xưa nói:

“Bắt được chim có thể từ một mắc lưới, nhưng không thể lấy một mắc đó cho là toàn lưới. Sửa trị nước nhà có thể qui công về một người, nhưng một người ấy không thể thành một quốc gia được”.

Thế nên, cần phải đầy đủ các hạnh, tu tập muôn việc lành. Một hạnh trở về nguồn, ngàn pháp môn tự nhiên chân chánh. Trong kinh nói rõ, mười hai nhân duyên là một pháp, nhưng từ bốn phương diện: từ, bi, hỷ, xả mà quán sát thì đạt được bốn loại Bồ đề*.

Nếu chỉ thu nhận người căn cơ bậc thượng thì kẻ trung hạ không có phần. Thế nên, hoàng dương Bán tự giáo vẫn có công lao làm thành Mãn tự giáo đạt đến Bảo sở là dựa vào sự trợ lực của Hóa thành.

Sao có thể bỏ đây lấy kia, chấp vào chỗ chân thật mà chê bai sự quyền biến, dứt bỏ cơ duyên của chúng sanh, diệt mất phương tiện của chư Phật?

Do vậy, nói từ chỗ chân thật mà phân ra sự quyền biến, sự quyền biến này là quyền biến nơi chân thật; khai mở quyền biến hiển bày chân thật, chỗ chân thật này là chân thật nơi quyền biến. Nếu đối với hai môn quyền biến và chân thật mê mờ không rõ thì trí tuệ chẳng được tự tại.

Trong Luận Đại Trí Độ nói:

“Chúng sanh do mọi thứ nhân duyên nên được độ thoát chẳng đồng nhau. Có người do thiên định, được giải thoát. Có người do trì giới, thuyết pháp, được giải thoát. Có người nhờ ánh sáng của Phật chiếu soi đến nơi thân mà được giải thoát. Giống như thành trì có nhiều cửa, chỗ vào tuy khác nhau nhưng chỗ đến không khác”.

Nói rằng, công đức của Bát Nhã sâu xa là vì từ nơi Bát Nhã mà có ra các bậc Thánh Hiền.

Muôn loài đều có sẵn tánh màu nhiệm này. Nêu lên thì là tông chỉ, là đứng đầu, là người dẫn đường, là chỗ nương tựa; dung thông thì chạm cảnh đều thấu suốt là không, không có gì chẳng phải là Bát Nhã.

Thế nên kinh nói:

“Sắc vô biên nên Bát Nhã vô biên”.

Triệu Luận nói: “Ba độc và bốn sự điên đảo thủy đều thanh tịnh”.

Tại sao chỉ tôn sùng Bát Nhã thanh tịnh? Nay sao lại lấy bỏ, muốn trốn hư không tránh bóng mình?

Ý chỉ sâu kín của chư Phật khó lường xét, giống như nắm tay không dùng để lường gạt trẻ thơ. Các Ngài khéo khuyến dụ hóa độ tất cả không có pháp cố định, cho nên gọi là trí tuệ rộng lớn. Chẳng biết Bát Nhã có công năng phá chấp, trong giáo lý chú trọng tán thán mà lại theo ngôn ngữ phát sinh kiến chấp.

Thế nên y theo phương hướng mà mê lầm. Bát nhã hay dẫn đường vạn hạnh, nếu không có Bát Nhã dùng vạn hạnh để làm gì?

Thích ăn tương mà lại uống muối quá mặn gây ra bệnh, chỉ ôm lấy không mà chấp đoạn, tiêu mất trí tuệ, tạo thành lỗi lầm.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Đề Thích suy nghĩ rằng:

- Nếu Bát Nhã là pháp rốt ráo, người tu hành chỉ thực hành Bát Nhã, cần gì những pháp khác?

Đức Phật đáp:

- Bồ Tát tu Sáu pháp Ba La mật, lấy Bát Nhã Ba La mật dùng pháp vô sở đắc hòa hợp, đó tức là Bát Nhã Ba La Mật.

Nếu thực hành Bát Nhã không thực hành những pháp khác thì công đức không đầy đủ, chẳng được tốt đẹp vi diệu. Ví như người ngu chẳng biết về gia vị, nghe nói nước tương là chủ mọi gia vị, bèn chỉ uống nước tương, vì quá mặn nên gây ra bệnh. Hành giả cũng vậy, muốn trừ tâm chấp trước nên chỉ thực hành Bát Nhã, trái lại rơi vào tà kiến không thể tăng tiến pháp lành. Nếu hòa hợp với năm pháp Ba La Mật kia thì công đức đầy đủ, nghĩa vi diệu hòa”.

Kinh Lăng Già Sơn Đảnh nói:

“Bồ Tát có hai con đường nhanh chóng:

- Một là con đường Phương tiện, hay làm nhân duyên.
- Hai là con đường Bát Nhã, hay dẫn đến vắng lặng”.

Thế nên, Bát Nhã không có Phương tiện thì chìm đắm trong hố vô vi, Phương tiện không có Bát Nhã tất rơi vào mạng lưới huyền hóa. Hai bên không ngưng trệ, một đạo đầy đủ. Quyền biến và chân thật song hành, Chánh tông mới hiển lộ. Trụ ở chỗ không trụ nên Phật sự đều gồm tu, được mà không được chi cả vì thế tâm trí hằng lặng lẽ.

Hỏi:

Trong giáo lý chỉ dạy quán xét tự thân vô ngã, thấu rõ vô sanh. Đã thông đạt tánh không sao lại còn chấp ngã, muốn vọng tưởng làm mọi việc thí xả?

Đáp:

Từ nơi Lý mà nhìn thì chẳng có, từ nơi Sự mà xét thì chẳng phải là không. Thân này do nhân duyên hòa hợp huyền hóa sanh ra, tuy không có chủ thể tạo tác, thiện ác cũng không có thật thể nhưng nghiệp quả lại rõ ràng. Từ vô thi đến nay mất vô số thân, chỉ nối tiếp Câu sanh phiền não chết một cách vô ích. Nay xả bỏ thân thể cha mẹ ban cho, đâu phải là thân mình.

Nếu một niệm tu tập viên mãn giới định tuệ, tâm lành vi diệu, mới là thân thể chân thật của chính mình.

Hiện nay thí xả chính là thân thể do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Song, sự xả bỏ thân này, từ nơi sự tướng mà nói là chết vì lợi ích chúng sanh. Huống chi, chúng sanh đang bị vô minh phiền não và ba thứ chướng ngại, hai loại sanh tử ràng buộc, chỉ luận bàn suông về Không thì ai tin nhận?

Thế nên, Phật Pháp quý ở chỗ hành trì, không phải ở nơi biện luận hay khéo. Ví như mỗi một ăn gỗ ngẫu nhiên trở thành văn tự, lại giống như chim hót không ngừng thật ra không có nghĩa lý chi cả.

Nếu phiền não không giảm, ngã mạn lại tăng, đó tức là chấp chặt vào cái Không tà vạy, chẳng phải khéo thông đạt chánh pháp. Cần phải tự thân thấy đạo, lời nói và hành động phù hợp nhau.

Nếu buông thả những tư tưởng và lời nói sai lầm dối trá thì làm sao quán sát được sự tu hành thâm trầm và công dụng sâu kín?

Bậc cao đức ngày xưa nói:

“Tu hành cần phải ngàn thước muôn thước, lời nói chỉ cần nửa tấc một tấc”.

Trong kinh còn nói:

“Trên ngôn ngữ tuy nói là “không”, nhưng tu hành phải thực hiện ở trong “có”.

Kinh Bảo Tích nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Nếu không tu hành mà có thể đạt được Bồ đề thì chỉ dùng âm thanh ngôn ngữ cũng chứng đắc đạo Giác ngộ Vô thượng.

Mọi người chỉ cần nói thế này: Tôi sẽ thành Phật! Tôi sẽ thành Phật. Do lời nói ấy nên vô số chúng sanh lẽ ra phải thành tựu Chánh giác”.

Nên biết, sự tu hành so với lời nói càng quan trọng hơn, đạo chẳng ở ngoài tâm.

Trong kinh còn nói:

“Đức Phật bảo: Người học tập giáo pháp của ta, chỉ có chứng ngộ mới biết”.

Thế nên, đem hành vi cực ác mà bàn suông về Phật lý, chẳng bằng một hạnh lành nhỏ bé; nhiều giả dối chẳng bằng ít mà chân thật. Chỉ cần có thể tu hành, không nên chê bỏ tâm lành nhỏ bé. Phóng túng lời nói về Không, chỉ nêu suông tâm nguyện to lớn. Chưa khế hợp với tác dụng của Chân như, chưa thuận Pháp tánh mà tu hành, chỉ được tâm tăng thượng mạn, tự chuốc lấy lỗi lầm lừa dối vu khống. Vì thế, kinh Nhân Vương nêu hạnh vị Ngũ nhãn, Ngài Trí Giả đầy đủ văn Lục tức Phật, hạnh vị rõ ràng đâu thể tùy ý xáo trộn. Sao chẳng có cái nhìn bình đẳng, khởi tâm tùy hỷ, tích lũy các căn lành, thành tựu chủng tánh đại từ bi?

Kinh nói:

“Đốt một ngón tay, dâng một nén hương, còn có thể diệt trừ vô số tội lỗi trong nhiều kiếp; hoặc rải một đóa hoa, hoặc tạm thời xưng niệm một danh hiệu Phật, cuối cùng sẽ đạt được quả vị cứu cánh”.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Bồ Tát đồng sự với chúng sanh còn làm kẻ gian xảo, trộm cắp, đồ tể, buôn bán, dâm nữ, quả phụ, không việc gì chẳng làm”.

Trong Vô Sanh Nghĩa nói:

“Người tu hành ly tượng vô trụ, không trụ nơi Niết Bàn; hay hiện sắc thân khắp nơi ở trong hữu vi, có thể làm kẻ sang người hèn, có thể làm Hiền Thánh phàm phu, thực hành đạo nhân nghĩa, từ bi cứu giúp chúng sanh khắp mười phương cùng tận bờ mé vị lai”.

Còn nói: “Địa vị phàm phu tu tập Thánh hạnh, địa vị nơi quả tu tập nhân phàm, chưa đầy đủ Phật Pháp cũng không diệt cảm thọ để chứng đắc”.

Thế nên biết rõ, Chân là Chân trong Tục, Tục là Tục trong Chân, chấp trước là trần lao, thông suốt là Phật sự. Vào Pháp Tánh Tam Muội không một pháp nào đáng chán, chứng vô biên định môn thì chẳng một pháp nào đáng bỏ. Hơn thua đã sai lầm, lấy và bỏ cũng đều trái ngược, không nên làm chướng ngại sự giác ngộ của người khác, tiêu diệt cội lành chính mình.

Vả lại, dù hiểu rõ thân không thật, thâm nhập Thật tướng, không vướng mắc nơi tâm cảnh, quyết định không nghi ngờ; tuy biết tất cả hữu vi giống như vết chim trong hư không, nhưng vẫn phải quán xét tu luyện đối trị trong từng địa vị. Tập khí chẳng phải là không, hướng chi chấp chặt vào sự ngu si của bốn thứ điên đảo, vướng sâu trong mạng lưới bát tà, giữ gìn thân như uest này làm nhiều việc tham dâm, bị lưới huyền hóa bao phủ, bị tình sắc làm say mê, đắm chìm trong vòng sanh tử luân hồi khôn khổ.

Cho nên bậc Đại giác rất xót thương, dùng nhiều lời chê bai hoặc vứt bỏ. Khi các bậc Thánh xả thân, đều quả trách việc này trước nhất:

Chúng sanh chấp thân này là thật, giống như lấy độc dược đổi lấy hồ, lấy ngói gạch đổi lấy châu báu.

Kinh Đại Bửu Tích nói:

“Quán xét thân, có bốn mươi điều lầm lỗi, hoặc bảo rằng thân này là ngục tham dục thường bị phiền não trôi buộc, hầm như nhớp thường bị đòi trả gậm nhấm.

Giống như nhà xí có năm thứ bất tịnh.

Giống như túi thùng chín lỗ thường chảy ra, độc xà sân hận thường phát khởi tâm gây hại, thương tổn huệ mạng, La sát ngu si bám vào ngã chấp nuốt mất trí tuệ.

Giống như kẻ giặc ác thiên hạ đều chán ghét.

Giống như chó chết các bậc Hiền đều vứt bỏ.

Giống như cây chuối, bọt nước chẳng bền chắc, vô thường dường như ánh chớp, sóng nắng. Tuy cho ăn uống mà trở thành kẻ thù oán, thường nuôi dưỡng mà chẳng biết báo ân”.

Các Ngài chê trách thân này rất nhiều, khó nói cho đầy đủ. Nếu không xét rõ lỗi lầm sâu sắc bèn làm nhiều việc ác, mê muội nơi những điều trên cho đó là phải, chẳng lo tiến tu thì trí và hạnh đều thiếu sót, Lý và Sự cả hai đều mất.

Trước nên chán nản lỗi lầm, tha thiết khắc khổ đối trị. Biết sai lầm, lần lần lừa dục tắt lịm; thấu rõ cội gốc, nguồn chân tự nhiên hiển bày.

Thế nên kinh Pháp Hoa nói:

“Giống như nhà lửa tam giới thiêu đốt làm sao có thể hiểu trí tuệ Phật được”.

Hỏi:

Thân tuy giả dối, mọi sự lo lắng buộc ràng, nhưng nhờ thân huyễn này có thể thành tựu đạo quả.

Trong kinh nói: “Không vào biển cả phiền não thì không được bảo châu vô giá”. Nếu muốn xả bỏ thân này, e rằng về sau hối hận.

Đáp:

Phàm có sanh tất có diệt, mọi cái có hình tướng đều rỗng không. Nếu đối với Tam Bảo chí thành hướng về, khởi một tâm niệm xả bỏ còn hơn sự sống say chết mộng ở thế gian. Bởi lẽ có thể dùng thân vô thường mà đạt được thể kim cương, đem thân không bền chắc mà đổi lấy thân kiên cố. Hai đường lấy và bỏ cần phải tựa vào trí tuệ soi xét.

Hỏi:

An tâm vào đạo phải thuận Chân không; khởi hạnh độ sanh, toàn trở về nơi Thế đế. Chỉ tỏ ngộ Pháp tánh mới thấu rõ Chánh tông, sao lại bài xích chân thật mà dựa vào giả dối, bỏ gốc theo ngọn, hữu vi nhiều động tạo tác lăng xăng, hoặc loạn cuồng nguồn chơn vẫn đục nước tâm?

Đáp:

Trong Đệ nhất nghĩa, chân cũng không lập; nơi Pháp giới bình đẳng, không có Phật và chúng sanh; trong môn Tục đế, chẳng bỏ một pháp.

Phàm có làm điều gì cũng đều là Phật sự, thế nên chư Phật thường y nơi Nhị đế mà thuyết pháp. Nếu không hiểu Thế đế thì cũng chẳng đạt đến Đệ nhất nghĩa đế.

Luận Duy Thức nói:

“Bác rằng không có Nhị đế là kẻ chấp Không bừa bãi, dù chư Phật có dạy cũng không thể chữa trị cho họ”.

Kinh Kim Cang nói:

“Người phát tâm cầu đạo Giác ngộ, chẳng nói tướng đoạn diệt của các pháp”.

Quốc Sư Hiền Thủ nói:

“Chân không chẳng hoại nghiệp quả duyên khởi thế nên tôn ti rõ ràng”.

Luận Kim Cang Tam Muội nói:

“Chân và Tục không hai mà cũng chẳng chấp là một, vì không hai nên tức là nhất tâm, không chấp vào một nên toàn thể là hai”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Ví như hư không trong mười phương, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai tìm cầu không thể được, nhưng chẳng phải không có hư không.

Bồ Tát cũng vậy, quán sát tất cả các pháp đều không thật nhưng chẳng phải không có tất cả pháp. Như thật không khác, chẳng bỏ mất các việc làm, thị hiện tu hành những hạnh Bồ Tát cùng khắp, chẳng bỏ đại nguyện, điều phục chúng sanh, xoay chuyển bánh xe chánh pháp, chẳng phá hoại nhân quả”.

Còn nói, Đại Bồ Tát hiểu rõ tự thân cùng với chúng sanh xưa nay vắng lặng, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, siêng năng tu tập phước đức trí tuệ không thấy chán nản và đầy đủ.

Tuy biết tất cả pháp không có tạo tác mà chẳng bỏ tự tướng của tất cả pháp.

Tuy đối với các cảnh giới lìa hẳn tham dục mà thường ưa thích chiêm ngưỡng kính lễ sắc thân chư Phật.

Tuy biết không do người khác mà được ngộ nhập vào pháp, nhưng tìm nhiều phương tiện để cầu Nhất thiết trí.

Tuy biết cõi nước chư Phật đều như hư không nhưng vẫn thường ưa trang nghiêm tất cả các cõi Phật.

Tuy hằng quán sát vô nhân vô ngã nhưng giáo hóa chúng sanh không biết mỏi mệt.

Tuy nơi pháp giới xưa nay chẳng động mà dùng sức thần thông trí tuệ thị hiện mọi sự biến hóa.

Tuy đã thành tựu Nhất thiết trí mà tu hạnh Bồ Tát không ngừng nghỉ.

Tuy biết các pháp chẳng thể nói năng mà xoay chuyển bánh xe giáo pháp thanh tịnh, khiến cho chúng sanh hoan hỷ.

Tuy có thể thị hiện thần lực của chư Phật mà chẳng chán nản thân Bồ Tát.

Tuy đã vào nơi Đại Niết Bàn nhưng vẫn ở khắp mọi nơi thị hiện thọ sanh”.

Có thể thực hành hai pháp quyền biến và chân thật song song, như thế tức là việc làm của Phật. Thế nên, bài bác nhân quả tức là hạng ngoại đạo chấp Không, nếu dựa vào lý thể mà dứt tuyệt công dụng là hàng Thanh Văn thú hưởng đến chỗ tịch diệt.

Vả lại, nếu lập Chánh tông thì pháp gì chẳng phải là tông, đã luận về Pháp tánh thì vật gì chẳng phải là tánh. Từ mặt mê vọng mà phá chấp thì quyền biến thiết lập phải quấy; từ mặt giác ngộ mà thấu rõ đồng nhất thì thật không lấy bỏ.

Điều hiện nay muốn nói là, đã không đồng với việc chấp trước sự tướng của phàm phu, cũng chẳng phải sự nghiêng về giả mà rời chân của Bồ Tát Tam Tạng, cũng không phải sự chuyên nhất cầu tịch diệt của hàng Thanh Văn Thông giáo.

Nếu nói về Có mà rời Không là nhân của vọng sắc, nếu nói về Không mà rời Có thì trở về quả đoạn diệt.

Nay muốn chỉ ra là, tánh tức là tánh nơi tướng nên chẳng ngại vạn vật sanh khởi; tướng là tướng nơi tánh nên chẳng trở ngại bản thể vắng lặng. Cảnh là cảnh chẳng thể nghĩ bàn, Không là Tánh không Đệ nhất nghĩa. Mở ra và thu lại đồng thời, ngay nơi Không mà thường Có, tồn tại và diệt mất chẳng hoại, ngay nơi Có mà vẫn thường Không.

Do đó, giáo lý của Tông Thiên Thai nói:

“Giống như gương mới hiện các hình tượng, còn ngói gạch thì không thể nào ảnh hiện. Trong gương tuy có đủ mọi hình tượng nhưng rỗng không, không có gì. Vì vậy Pháp thân thanh tịnh vi diệu đầy đủ ba mươi hai tướng”.

Quốc Sư Thanh Lương nói:

“Phàm Thánh thông suốt nhau, ngay nơi tâm phàm mà thấy tâm Phật. Sự-Lý song tu, dựa vào trí phàm mà cầu được trí Phật”.

Bậc Cao đức xưa giải thích rằng:

“Những người không rõ ý chỉ trong Thiền Tông thường chấp Lý không rõ Sự, nói rằng tâm tánh vốn đầy đủ cần gì phải tu hành tìm cầu, chỉ cần dứt bỏ tình chấp thì Phật chân thật tự nhiên hiển hiện.

Những người học giáo pháp lại chấp Sự không rõ Lý, nói rằng cần gì phải chăm chăm tu tập lý pháp. Nếu cả hai hợp lại thì tốt đẹp, tách ra thì đôi bên tổn thương.

Thế nên, Lý-Sự song tu để tỏ bày ý chỉ viên dung vi diệu. Dùng tâm dứt niệm gọi là Lý hạnh; ra công trên sự tướng gọi là Sự hạnh. Ý nơi Bản trí là trí bản giác, đây là trí nhân. Tánh rỗng rang sáng suốt này gọi là trí. Thành tựu Lý hạnh ở trước, dứt tình chấp hiển bày Lý. Cầu trí Phật, tức là Trí giải thoát vô chướng ngại, đây là trí quả.

Đứng về mặt tròn sáng, quyết đoán là trí thì thành tựu Sự hạnh ở trước, do khởi hạnh thành tựu quả. Ở đây là thể tánh đồng cho nên y theo đây; tướng dụng khác nhau vì vậy mà tìm cầu, chỉ cầu tướng dụng chẳng cầu thể tánh.

Lý hạnh dứt tình chấp ở trước tức là duyên khởi trừ nhiễm, vì hiển bày thể tánh. Sự hạnh ra công tức là duyên khởi hiển tịnh, vì thành tựu tướng dụng”.

Vô Tướng Tông nói, những lời nói trên tướng dụng rõ ràng. Chỉ cần y theo Bản trí, tình chấp dứt sạch thì tướng dụng tự nhiên hiển bày. Vì vốn đầy đủ, cần gì phải phát khởi nơi Sự hạnh?

Viên Tông nói, tánh vốn đầy đủ nên khi dứt tình chấp chỉ cần dẹp trừ tướng dụng phần nhiễm, tự nhiên hiển bày thể chân thật.

Nếu không có Sự hạnh, không do đâu sanh khởi được tướng dụng phần tịnh. Như vàng tuy có thể làm ra các đồ trang sức, nhưng trừ bỏ tạp chất thì chỉ có thể hiển bày vàng, nếu không ra công tạo tác tất không sao được thành đồ trang sức. Lẽ nào khi vàng ra khỏi khoáng rồi, chẳng nhờ tạo tác tự nhiên trở thành đồ trang sức sao?

Nếu dứt tình chấp chấp chẳng phải nhờ vào Sự hạnh, vậy thì Đức Phật dạy tu tập đầy đủ há chẳng phải là khiến cho người học nhọc nhằn luống uổng hay sao? Thế nên, Bồ Tát Bát Địa đã có thể lìa niệm, Đức Phật còn khuyên bảo phát khởi Sự hạnh, nên biết vì lìa niệm chưa phải là xong. Cho nên vẫn nói:

“Pháp tánh chân thường lìa tâm niệm
Nhi thừa ở đây cũng đạt được
Chẳng do nơi đó thành Thế Tôn
Chỉ bởi trí sâu xa vô ngại”.

Thất Khuyển đều là Sự hạnh. Thế nên biết, quả Phật tánh tướng phải đầy đủ, nhân hạnh Sự-Lý phải song tu.

Dựa vào Bản trí giống như được vàng, tu tập Lý hạnh giống như trừ khoáng, tu Sự hạnh giống như tạo tác, cầu trí Phật giống như làm thành những đồ trang sức.

Từ Mẫn Tam Tạng Lục nói:

“Nếu bảo rằng Thế Tôn nói các pháp hữu vi nhất định giống như hoa đốm trong hư không hoàn toàn không có một vật, như thế gọi là giả dối”.

Đã giả dối không có hình tướng thì chẳng phải là nhân giải thoát, tại sao Thế Tôn lại dạy các đệ tử siêng năng tu nhân vi diệu Lục độ vạn hạnh để chứng quả Bồ đề Niết Bàn? Lẽ nào người trí lại khen ngợi lâu sò chợ bễ là chân thật bền chắc cao đẹp, lại khuyên mọi người dùng sừng thỏ làm bậc thang để đi lên đó?

Do lý này nên tuy là phàm phu cũng có thể phát tâm Bồ đề, thực hành đạo Bồ Tát. Tuy họ tu tập trong hữu lậu nhưng đó cũng là sự tu tập chân thật và chính xác. Mọi vật hiện hữu tuy đều giả dối nhưng chẳng đồng với lông rùa không có gì cả. Ở đây nói giả dối là vì sự vật đều dựa vào nhân duyên sanh khởi huyễn có, chẳng đồng với vọng chấp cho là không ngợ.

Nếu người hiểu như thế, thường thực hành nơi sự tướng thì sự tướng không thể chướng ngại, nhanh chóng đạt được giải thoát. Mê mờ chấp chặt hạn cuộc, không thông suốt giáo nghĩa, tuy mong cầu lìa tướng mà thường bị tướng ràng buộc không thể giải thoát.

Lại nói, nếu chấp rằng sự tu hành của chư Phật trong ba đời là vọng tướng thì dựa vào sự tu học gì mới đạt được giải thoát? Chẳng nương vào hạnh của Phật, y cứ

vào nơi nào khác đều là hành vi của ngoại đạo.

Bậc Cao đức ngày xưa nói:

“Nếu một bề khoan tay không làm, tự mình an ổn chẳng thực hành đạo nhân nghĩa tức là khiếm khuyết sự trang nghiêm, cho dù tu hành nhiều kiếp cũng không thành tựu. Chỉ cần chỗ chân thật chẳng nhận mảy trần, nơi Phật sự không bỏ một pháp là được”.

Hoàn Nguyên Quán nói:

“Chân thật bao hàm mọi cảnh ngọn hư vọng, không có hạnh gì mà chẳng tu hành; vọng thấu suốt nguồn chân, không có tướng gì chẳng lặng lẽ”.

Lại nói, Tánh chân như vốn tùy duyên một cách tự nhiên như thế. Vạn vật đồng phát sanh cũng trở về tánh thể một cách tự nhiên như vậy.

Kệ truyền pháp của Tổ sư nói:

“Tâm địa tùy thời nói
Bồ đề cũng như thế
Sự-Lý đều vô ngại
Đương sanh tức chẳng sanh”.

Nên biết, Chân như không giữ tự tánh, thuận theo rộng lặng mà vạn vật hằng sanh khởi; nhân duyên chẳng mất tự thể, mặc cho mọi sự hoạt động, tánh không vẫn thường lặng lẽ.

Hỏi:

Kinh Tư Ích nói:

“Người vào Chánh vị không trải qua từ Sơ địa đến Thập địa”.

Kinh Lăng Già nói:

“Chân như lặng lẽ sao có thứ bậc?”.

Bậc Cao đức ngày xưa nói:

“Thà muôn kiếp trầm luân, hoàn toàn chẳng cầu giải thoát của các bậc Thánh”.

Lại nói: “Mặc cho ngàn Thánh hiện, ta có Phật thiên chân”. Tại sao lại ẩn mắt phát sanh hoa đốm, gương phân chia thứ bậc tu hành?

Đáp:

Nếu tâm thâm hợp với tánh Phật, lý bao quát nguồn chân, cần gì phải nhờ duyên khác mà quên mất chính mình.

Nếu như dựa vào trí tuệ phân chia thì ở trong chỗ không thứ bậc mà thiết lập thứ bậc. Tuy dường như có lên xuống thật sự, bản vị vốn không biến động. Phật Pháp gọi là “vị”, nếu không có hạnh vị tu hành, tức là thiên ma ngoại đạo.

Nếu từ môn “Viên dung” mà nói thì thuận theo Pháp giới tánh vốn tự thanh tịnh. Nếu từ môn “Hành bố” mà nói, tùy theo tướng Thế để trước sau có sự phân chia sâu cạn.

Hiện nay Viên dung chẳng trở ngại Hành bố nhanh chóng thành tựu các hạnh, bởi một địa tức là tất cả địa. Nếu Hành bố chẳng trở ngại Viên dung thì thành tựu khắp cả các hạnh, bởi vì tu hành tăng tiến công đức của các vị thứ tâm vẫn thường rộng lặng nên ở nơi Trung đạo. Không có mà có vị thứ rõ ràng; có mà không có rộng rang lặng lẽ.

Do đó, kinh Bát Nhã nói:

“Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật:

- Nếu các pháp rốt ráo không có gì, tại sao lại nói có Sơ địa cho đến Thập địa?

Đức Phật đáp:

- Vì các pháp rốt ráo không có gì nên có Sơ địa cho đến Thập địa của Bồ Tát. Nếu các pháp có tánh quyết định thì không có Sơ địa cho đến Thập địa”.

Vì thế Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là pháp môn Bồ Tát thực hành, Năm mươi hai vị thứ là con đường tu học của chư Phật thuở xưa.

Từ chỗ tâm niệm ban đầu, một niệm tu tập trọn vẹn, cho đến đạt được Mười tám pháp Bất cộng, mài dũa ba nghiệp, cuối cùng sẽ đạt đến chỗ thanh tịnh rất ráo.

Hỏi:

Tự tánh chân thật của chúng sanh vốn tự thành tựu trọn vẹn, tại sao phải nhờ vào tu hành làm nhiều việc thiện?

Trong kinh nói:

“Biết tất cả đều khổ, đoạn diệt nguyên nhân đau khổ, chứng đắc quả tịch diệt, tu tập đạo Niết Bàn. Đó đều là những luận bàn vô ích”.

Nếu phát khởi sự tu hành hư vọng, làm sao khế hợp với bản tánh?

Đáp:

Luận Đại Thừa Khởi Tín nói:

“Bởi vì chúng sanh có tâm vọng tưởng nên hay biết danh nghĩa, do vậy mà nói về tánh giác chân thật, cũng bởi Chân như có công năng huân tập bên trong nên khiến vô minh này có dụng thanh tịnh.

Ngoài ra lại nhờ sức mạnh nơi lời dạy của chư Phật ở bên ngoài, phối hợp với sức mạnh huân tập ở bên trong của Chân như, trợ giúp lẫn nhau, do đó khiến vọng tâm này tin chính mình có Tánh chân như, có thể sanh khởi mọi phương tiện tu hành các môn đối trị. Sự tu hành này là tin có Chân như, nhưng vì chưa chứng ngộ Chân như nên chẳng gọi là vô lậu. Nếu vọng niệm thanh tịnh thì Chân tánh tự hiện bày”.

Vả lại, tuy tu tập không tự tánh nhưng chẳng trở ngại sự chân tu. Từ vọng mà hiện bày chân, nhân thức mà thành trí, giống như hình bóng của sự vật có thể bày tỏ sự trong sáng của mặt gương. Nếu không có phiền não trần lao cũng không cần kiến lập Phật đạo.

Bậc Cao đức ngày xưa nói:

“Hai pháp chân vọng đồng là nhất tâm, nắm lấy vọng mà thành tựu chân, vì ngoài chân không có vọng nào khác. Chân thuận theo vọng hiện bày, vì ngoài vọng không có chân nào khác. Hơn nữa, nếu ngoài chân mà có vọng thì lý thể không

cùng khắp. Nếu ngoài vọng mà có chân thì sự tướng không có chỗ nương tựa.

Vả lại, nếu chấp bản tánh vốn thanh tịnh, đó là thuộc về tự tánh ngu si. Nếu chấp rằng nhờ sự tu tập bên ngoài, đó là tha tánh ngu si. Nếu chấp vào sự kết hợp trong và ngoài, đó là thuộc về cộng tánh ngu si. Nếu dẹp trừ gốc và ngọn, đó là thuộc về vô nhân ngu si”.

Trưởng Giả Luận nói:

“Nếu nhất loạt đều bình đẳng thì không có tâm ý tu đạo. Cần phải khích lệ tu hành cho đến chỗ vô tu mới biết vạn pháp vốn không có sự tu hành chi cả”.

Kinh Bảo Tích nói:

“Nếu không cần có sự tu hành chân chánh thì các loại động vật mèo chó cũng nên thành Phật”.

Trong giáo lý của Tông Thiên Thai nói :

“Hạnh hay thành tựu trí, hạnh đầy thì trí tròn; trí hay hiển lý, lý tận cùng thì trí lặng lẽ. Đạo lý quan hệ lẫn nhau, không phải là không có sự hưng phế.

Do quyền biến mà hiển bày chân thật, chân thật được xác lập, quyền biến không còn. Từ vọng tỏ rõ chân, chân được thành tựu thì vọng cũng sẽ tiêu diệt. Quyền biến và hư vọng đã lặng lẽ, chân thật cũng rộng không, chẳng phải hư vọng chẳng phải quyền biến thì cái gì chân, cái gì thật?”.

Đại sư Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu nói: “Nếu nói do tu hành mà được, đó chính là tạo tác chẳng phải chân thật. Nếu nói tánh Phật vốn có thì vạn hạnh chỉ là sự lập bày suông mà thôi”.

Hỏi:

Tất cả phàm phu thường ở nơi định, cần gì thực hành quán Sở tức, không dây mà tự trí?

Đáp:

Nếu nói về Pháp Tánh Tam Muội thì ai mà chẳng đầy đủ. Nếu bàn về môn định cứu cánh, chỉ có Phật mới đạt đến rốt ráo. Bậc Bồ Tát Đẳng Giác còn không biết,

kẻ phàm phu tâm tán loạn sao có thể dò xét?

Thế nên, Bồ Tát Văn Thù nói:

“Ví như người học bắn tên, từ thô đến tế, về sau bắn đầu trúng đó. Ta cũng như vậy, ban đầu thực tập chánh định chuyên nhất một cảnh, về sau vào chánh định vô tâm mới được thường ở nơi định trong tất cả thời”.

Cho nên các pháp quán Bất tịnh, quán Giả, Sở tức diệu môn đều là bên bờ đưa đến nơi cam lồ, con đường thẳng tắt ra khỏi sanh tử.

Tổ sư Long Thọ nói:

“Quán xét trong Thập lực của Phật có hai lực lớn nhất:

- Do nghiệp lực nên vào trong sanh tử.
- Do định lực nên ra khỏi sanh tử.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói:

“Cứu mạng cho tất cả mọi người trong tứ thiên hạ, chẳng bằng đoạn chánh tâm ý trong khoảng một bữa ăn”.

Vì vậy, Chân như còn ở trong ràng buộc, hôn trầm tán loạn đều đầy đủ; Chân như ra khỏi sự ràng buộc, định và tuệ mới tỏa sáng.

Chung và riêng rõ ràng, trước sau không lẫn lộn, tại sao lại cho Lý là phải, chẳng lẽ chỉ trích Sự là sai?

Hỏi:

Sự nghiệp lớn của Bồ Tát lấy việc nhiếp hóa chúng sanh làm nền tảng. Tại sao lại ở một mình trên đỉnh núi, vào sâu nơi vắng vẻ, đã trái với bản nguyện làm sao thành tựu sự lợi ích cho mọi người?

Đáp:

Bồ Tát vốn vì hóa độ mọi người, do đó trước tu định tuệ. Ở chỗ vắng vẻ yên tĩnh thì dễ thành tựu Thiền Quán; thực hành hạnh Đầu Đà ít muốn, có thể bước vào

Thánh đạo.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Lại thấy có Bồ Tát
Đông mãnh và tinh tấn
Vào ở trong non sâu
Suy xét mỗi Phật đạo”.

Hỏi:

Học rộng nghe nhiều, học tập ghi nhớ, theo nghĩa lý mà cứ xét tận cùng văn tự thì làm sao thấy tánh?

Đáp:

Nếu thuận theo ngôn ngữ văn tự mà phát sanh hiểu biết, chấp trước vào lời nói, bỏ quên tông chỉ, chỉ lo tìm cầu kinh giáo mê mờ nơi tâm tánh, không phân biệt được ngón tay và mặt trăng thì đương nhiên khó mà thấy tánh.

Nếu nhân lời nói ngộ đạo, nhờ kinh giáo để thấu rõ tông chỉ, thâm nhập nghĩa lý viên mãn, cứ xét sâu xa ý chỉ Đức Phật, thế thì nghe nhiều cũng có thể thành tựu Phật Pháp, tích lũy sự học Phật mà thành biển trí tuệ.

Từ phạm phu bước lên bậc Thánh đều do công phu học đạo; ở nơi nguy hiểm được an ổn, hoàn toàn nhờ công lao của trí tuệ nhiệm mầu. Ngôn ngữ là thêm thang để bước vào đạo, kinh giáo là tiêu chuẩn để biện biệt rõ tà chánh.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Muốn độ chúng sanh khiến cho trụ nơi Niết Bàn thì chẳng rời Trí giải thoát vô chướng ngại. Trí giải thoát vô chướng ngại chẳng rời cái biết như thật về tất cả pháp. Cái biết như thật về tất cả pháp chẳng rời ánh sáng trí tuệ Vô hạnh, Vô sanh hạnh. Ánh sáng trí tuệ Vô hạnh, Vô sanh hạnh chẳng rời Trí quán sát quyết định Thiên thiện xảo. Trí quán sát quyết định Thiên thiện Xảo chẳng rời sự khéo léo nghe nhiều.

Bồ Tát quán sát như thế, biết rõ rồi, đối với chánh pháp càng thêm siêng năng cầu học tu tập ngày đêm chỉ nguyện nghe pháp, ưa thích pháp, vui với pháp, nương tựa

pháp, tùy thuận pháp, hiểu rõ pháp, đạt đến pháp, an trụ pháp, thực hành pháp.

Bồ Tát siêng năng cầu Phật Pháp như thế, đối với tất cả tiền của đều không tiếc nuối, chẳng thấy có vật gì đáng quý trọng, chỉ nghĩ người có thể nói Phật Pháp thật khó gặp”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu có người lợi căn trí tuệ sáng suốt nghe nhiều nhớ giỏi mới có thể vì họ mà nói”.

Trong Luận nói:

“Có tuệ không đa văn
Thì chẳng biết Thật tướng
Ví như trong chỗ tối
Có mắt chẳng thấy gì
Đa văn không trí tuệ
Cũng chẳng biết Thật tướng
Ví như ở chỗ sáng
Có đèn mà không mắt.
Đa văn trí tuệ bèn
Nên thực hành cả hai.
Không nghe không trí tuệ
Gọi là người như trâu”.

Cho nên nhị phẩm của Viên giáo mới chấp nhận đồng thời đọc tụng kinh điển; ở bậc Bất thối mới nghe pháp không chán nản.

Nghe Pháp có sức hỗ trợ cho sự quán chiếu; học Phật có công năng thành tựu Chứng trí. Do đó không nên để mắt mình giống như mắt của loài trâu dê, chẳng thể phân biệt rõ phương hướng ranh giới, cũng không nên để cho tâm mình ngu muội đến nỗi không phân biệt được đen hay trắng.

Hỏi:

Linh tri chẳng mờ tối, diệu tánh thường viên mãn, đâu nhờ tham vấn kiểm tìm cầu học khắp các bậc tri thức?

Đáp:

Tất cả chúng sanh ở trong ngộ mà sanh mê, ở trong chân mà khởi vọng, chỉ vì bất giác nên cần phải nhờ đánh thức.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Đức Phật đã từng gần gũi trăm ngàn muôn ức vô số chư Phật, thực hành hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, đồng mãnh tinh tấn nên danh xưng vang khắp”.

Lại nói:

“Bậc thiện tri thức là nhân duyên lớn. Nghĩa là khiến cho mọi người được thấy Phật, phát tâm cầu đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Nhu vật báu trong tối
Không đèn chẳng thể thấy
Phật Pháp không người nói
Dù trí chẳng thể rõ”.

Còn nói rằng:

“Chẳng cần của báu đầy khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, chỉ nguyện ưa nghe một câu Phật Pháp chưa từng nghe”.

Lại nói:

“Tuy biết các pháp chẳng do người khác mà được tỏ ngộ, nhưng lại thường tôn kính các bậc thiện tri thức”.

Luận Khởi Tín nói:

“Phật Pháp có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa ở trong cây là chánh nhân của lửa. Nếu không có người biết, chẳng nhờ phương tiện có thể tự thiêu đốt cây thì thật không có điều đó.

Chúng sanh cũng thế, tuy có sức huân tập của chánh nhân nhưng nếu chẳng gặp chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức để làm duyên mà có thể tự mình đoạn dứt phiền

nào vào nơi Niết Bàn thì thật không có điều đó”.

Kinh Pháp Cú nói:

“Nhu giấy gói hương, dây xâu cá.

Đức Phật bảo các Tỳ kheo:

- Phàm vật vốn thanh tịnh nhưng đều do nhân duyên mà gây nên tội phước. Gần bậc hiền minh thì đạo nghĩa tăng trưởng, kết bạn với kẻ ngu muội thì tai họa tích tụ. Ví như giấy và sợi dây, gần hương thì thơm, xâu cá thì tanh, dần dần nhiễm thành thói quen mà không tự biết.

Đức Phật nói bài kệ:

“Kẻ thấp hèn nhiễm người
Nhu gần vật hôi tanh
Dần mê tập thói quấy
Bất giác trở thành ác.
Người hiền đức nhiễm người
Nhu gần hương xông ướp
Tăng trí làm việc lành
Thành tựu hạnh thanh khiết”.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Phật bảo A Nan:

Tất cả chúng sanh từ vô thị đến nay do mọi thứ điên đảo nên tự nhiên gieo trồng nghiệp chướng giống như chùm ác xoa. Các người tu hành không thể thành tựu Giác ngộ Vô thượng mà chỉ thành Thanh Văn, Duyên Giác, trở thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma vương, quyến thuộc của ma. Đó đều là do chẳng biết hai loại căn bản nên tu hành lầm lạc, cũng như nấu cát muốn thành cơm ngon thì dù trải qua số kiếp nhiều như cát bụi rồi cuộc cũng không thành được”.

Thế nên biết, người mới phát tâm tu cần gần gũi bạn đạo, phân biệt rõ tà chánh mới phù hợp với sự chân tu. Nếu thực hành những pháp môn quyền biến thì cách xa như ngày với kiếp. Nếu rõ được ý chỉ viên mãn, chẳng uổng công trình, tiến thẳng đến đạo tràng mãi không còn nghi ngờ hối hận; và đến khi tự tỏ ngộ, chỉ chứng Trí

vô sự tự nhiên, quyết định chẳng từ người khác mà được.

Hỏi:

Người thuyết pháp tuy là thành tựu sự nghiệp lớn nhưng chưa bước lên địa vị cùng tột, e tổn hại sự tu hành của chính mình.

Bồ Tát đăng địa còn bị Phật quở, kẻ phạm phu chưa chứng ngộ làm sao khai diễn?

Đáp:

Sơ phạm trong giáo lý Tông Thiên Thai tức là phạm phu. Nếu tin nhận bước vào môn Viên giáo thì có thể thuyết pháp, vì tâm phạm phu đồng với cái biết của Phật, tuy dùng con mắt thường mà bằng với cái thấy của Như Lai.

Trong kinh Bát Nhã so sánh phước của sự chánh niệm tự tu hành về Bát Nhã, chẳng bằng khéo léo nói rộng về ví dụ cho trời người, khiến họ dễ dàng hiểu được Bát Nhã, phước ấy rất thù thắng.

Trong kinh nói, người ấy tuy giới yếu kém nhưng hay thuyết pháp làm lợi ích cho nhiều người. Nếu có người cúng dường cho người ấy tức là cúng dường chư Phật trong mười phương.

Kinh Vị Tăng Hữu nói:

“Thuyết pháp có hai nhân duyên lớn: Một là vì khai mở giáo hóa trời người, phước đức vô lượng. Hai là vì báo ân đàn na thí chủ”.

Vậy thì sao không thuyết pháp?

Vả lại, bồ thí tiền của như ngọn đèn chỉ soi sáng ngôi nhà nhỏ, bồ thí giáo pháp như mặt trời soi sáng khắp thiên hạ.

Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, nếu có Pháp sư khéo tùy theo sự thích của người mà thuyết pháp, có thể khiến cho Bồ Tát học Đại thừa và các đại chúng phát tâm hoan hỷ dù chỉ may may cho đến tạm thời rơi một giọt lệ, nên biết đều do thần lực

của Đức Phật”.

Chỉ cần kiến giải không sai lầm, phù hợp tâm Phật. Tuy vì mọi người mà công giáo hóa cũng về chính mình, đã hỗ trợ đạo lại báo đáp ân đức của Phật. Nếu chẳng cầu danh tiếng, thật chẳng nên bỏ cơ hội thuyết pháp dù chỉ mảy may.

Còn như việc truyền trì pháp bảo, diễn thuyết Đại thừa, soạn luận giải kinh, viết văn giảng nghĩa, nhổ mũi tên nghi ngờ không tin, soi ánh sáng trí tuệ nơi người ngu si tăm tối, xây dựng bức tường cho ngôi nhà chánh pháp, tiếp nối thọ mạng của Đức Phật, hoặc đi thỉnh kinh ở Thiên Trúc, cầu pháp nơi phương xa, hoặc phiên dịch kinh Đại thừa, nhuận văn trong giáo lý, hoặc thực hành tụng kinh niệm chú một cách rộng rãi, giúp cho mọi người thọ trì, mở cánh cửa pháp thí, nối tiếp ánh sáng trao đèn mời đuốc, hay đem cam lồ rưới vào tâm khô khan của chúng sanh, khéo làm cho người mù tỏ sáng, đó đều là việc người học Phật nhất định phải làm.

Trong kinh nói:

“Giả sử đầu đội trái muôn kiếp
Thân làm giường tòa khắp Tam thiên
Nếu không truyền pháp độ chúng sanh
Quyết định không thể báo ân Phật”.

Hỏi:

Sao không đón ngộ ở nơi một pháp, vạn hạnh tự viên mãn, lại lẩn quẩn trong con đường tiến tu, nhọc nhằn nơi hạnh lành nhỏ bé?

Thiền Tông cho rằng một niệm không sanh khởi, chẳng hiện mảy trần. Nếu tranh nhau đuổi theo sóng nắng, chấp chặt hoa đóm trong hư không, dùng huyền đề tu huyền, rốt cuộc không đạt được lý thể.

Đáp:

Chư Phật biết rõ hư huyền mới có thể độ chúng sanh mê huyền. Bồ Tát thấu suốt tánh không, do đó từ tánh không mà kiến lập giáo hóa.

Kinh Niết Bàn nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Hết thấy các pháp đều là tướng như huyễn, Như Lai ở trong đó dùng sức phương tiện không nhiệm trước gì cả. Tại sao? Vì pháp chư Phật vốn như thế”.

Trung Luận nói: “Do có nghĩa Không nên tất cả pháp được thành lập”.

Vì vậy, “Đốn” giống như hạt giống gom chứa tất cả. “Tiệm” giống như mầm cành phát sanh theo sau. Lại ví như đài cao chín tầng có thể nhanh chóng thấy được, nhưng muốn lên đỉnh cần theo nấc thang mà lên.

Đốn ngộ tâm tánh thì ngay nơi tâm là Phật. Người người đầy đủ tánh Phật nhưng cần phải tích lũy công đức, tu tập khắp cả vạn hạnh.

Lại giống như lau gương một lúc lau hết nhưng dần dần sẽ trong sáng. Vạn hạnh thì nhanh chóng tu hành, còn ngộ thì dần dần thù thắng. Đó gọi là viên mãn dần dần, chẳng phải dần dần viên mãn; cũng là vị thứ trong chỗ không có vị thứ, hạnh ở trong chỗ không hạnh.

Thế nên, thấu suốt quả bao quát nhân; từ nơi sâu kín mà đến chỗ hiển bày đều cần phải nhờ sự trợ giúp của căn lực từ thiện mới có thể lợi mình lợi người.

Đài cao chín tầng được thành từ một sọt đất đầu tiên. Hành trình ngàn dặm ắt nhờ vào một bước ban đầu. Sông nước cuộn cuộn phát khởi từ đầu nguồn hẹp nhỏ. Cây to sum xuê được sinh trưởng từ mầm chồi nhỏ bé. Đạo chẳng bỏ sót những hạnh nhỏ, tối tăm hoàn toàn không cự tuyệt một tia sáng.

Do đó, một câu kinh ngấm vào lòng trải qua nhiều kiếp vẫn không tiêu mất. Một điều lành nhập tâm muôn đời cũng chẳng quên.

Trong kinh Niết Bàn Đức Phật nói rằng:

“Tu một tâm niệm lành có thể phá trừ trăm điều ác, như mảnh kim cương rất nhỏ có thể phá vỡ núi Tu di to lớn, cũng như một đóm lửa có thể thiêu cháy tất cả, lại giống như một giọt thuốc độc có thể hại chúng sanh. Việc lành nhỏ bé cũng vậy, có thể phá trừ sự tà ác cực lớn”.

Trong kinh Nhật Ma Ni Bảo có nói:

“Đức Phật bảo Bồ Tát Ca Diếp: Ta quán xét chúng sanh tuy họ trải qua mấy ngàn muôn ức kiếp vẫn ở trong ái dục, bị tội ác che đậy. Nếu nghe kinh Phật, vừa xoay đầu lại phát khởi niệm lành thì tất cả tội ác đều tiêu diệt”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Khi Như Lai thành đạo có mười cách mỉm cười mà quán xét thế gian. Có nhân nhỏ quả lớn, duyên nhỏ báo lớn: như cầu Phật đạo, tán thán một bài kệ, xưng một câu Nam mô Phật, dâng một nén hương, ắt đều được thành Phật.

Huống gì nghe biết Thật tướng của các pháp không sanh diệt, chẳng phải không sanh chẳng phải không diệt mà nhân duyên hạnh nghiệp cũng không thiếu. Vì thế nên Đức Phật mỉm cười”.

Bậc Cao đức ngày xưa hỏi:

Lương Võ Đế cất chùa, độ Tăng vô số mà Tổ Đạt Ma lại bảo là không có công đức. Bồ Tát xả bỏ đất nước thành trì, xây dựng chùa tháp, lẽ nào là việc làm suông hay sao?

Đáp:

Lời nói ấy của Tổ sư chẳng hủy hoại nhân quả phước đức. Võ Đế không thông suốt, công đức hữu vi có giới hạn, còn phước của Không Vô tướng chẳng thể nghĩ lường được. Tổ sư phá trừ tham trước của ông ấy, nếu không tham trước thì đều là vô vi.

Bồ Tát cũng làm Vua Chuyển Luân, phước báo như thế nhân quả rõ ràng, đâu thể là không.

Nếu thấu suốt Lý thì sử dụng nó đồng lượng với pháp giới không bao giờ cạn hết. Nếu không thông đạt Lý thì trở thành quả báo hữu vi luân hồi, chẳng nên tham trước.

Quốc Sư Huệ Trung nói:

“Chư Phật Bồ Tát đều đầy đủ hai loại phước trí trang nghiêm, lẽ nào lại bác không có nhân quả? Chỉ cần đừng đem Lý ngưng trệ Sự, dùng Sự chướng ngại Lý, thì trọn ngày hành mà không trái với vô hành”.

Pháp Sư Sanh hỏi: “Tại sao khảy móng tay, chấp tay đều là nhân để thành Phật?”.

Đáp:

“Tất cả pháp đều không có tánh cố định mà theo chỗ thích ứng tùy duyên. Nếu lấy tham làm duyên thì thích ứng với quả báo trời người. Nếu hướng về Bồ đề làm duyên thì thành tựu quả Phật.

Chân như còn không giữ tự tánh, huống gì việc lành nhỏ bé này. Lại nói: muôn điều lành, về mặt Lý đều đồng với vô lậu”.

Muôn việc lành vốn có, đều nhờ Lý phát khởi; Lý đã không khác thì việc lành đâu có hai. Như Lai Tạng Tánh vốn là chánh nhân, từ nơi tánh ấy mà phát sanh muôn điều lành.

Giáo lý Tông Thiên Thai nói:

“Nếu xem thường việc thiện nhỏ, chẳng thể thành Phật, đó là tiêu diệt giống Phật ở thế gian”.

Còn nói: “Cơ thiện có hai:

- Một là cảm hoa báo của trời người.
- Hai là cảm quả báo Phật đạo.

Nếu dùng mắt Phật soi sáng trọn vẹn thì muôn việc lành của chúng sanh rốt cuộc đều được đến chỗ thành Phật. Đây là ý chính của việc lớn mà Đức Phật ra đời”.

Tôn giả Kinh Khê nói, một điều lành nhỏ cũng giúp tiến đến Bồ đề, như cầm dao cầm đuốc mà nắm ngay cán. Nếu làm lành mà chỉ theo hình tướng bên ngoài thì như cầm vào lưỡi dao, chụp vào ngọn lửa.

Trong kinh Pháp Hoa nói rõ, người tâm tán loạn mà niệm Phật, khen ngợi vài lời, dùng tay vẽ tượng, nhóm cát thành tháp, dần dần tích lũy công đức đều thành tựu Phật đạo.

Kinh Đại Bi nói:

“Đức Phật bảo A Nan:

Nếu có chúng sanh ở nơi chỗ chư Phật vừa phát lòng tin, gieo trồng chút ít căn lành, rốt cuộc chẳng tiêu mất. Dù cho trải qua trăm ngàn muôn ức Na do tha kiếp lâu xa, nhưng căn lành nhỏ ấy ắt trợ giúp đạt được Niết Bàn. Như một giọt nước gieo vào biển cả, dù trải qua thời gian lâu dài, rốt cuộc chẳng hao tổn”.

Thế nên, bậc Đại Thánh thuận theo căn cơ uyển chuyển để thích ứng, Đại thừa và Tiểu thừa chẳng mất, tiếp dẫn kẻ sau thích ứng người trước. Bán giáo và Mãn giáo chẳng phé bỏ hoặc tán thán Tiểu thừa để dẫn về chỗ sâu xa cùng tột, hoặc quở trách Bán giáo sợ bị ngưng trệ nơi pháp môn ban đầu.

Lá vàng chẳng phải vàng ròng, nắm tay không lẽ nào lại là chân thật? Đó đều là ý chỉ của giáo lý khen ngợi và chê trách; đều là sự thi thiết quyền biến dẫn dụ để hóa độ.

Song, người không đạt được ý chỉ chấp vào lời nói phương tiện, tranh phải quấy lẫn nhau, xác định lấy và bỏ. Hoặc chấp vào Tiểu thừa mà ngưng trệ nơi Đại thừa, trái ngược đánh mất tông chỉ; hoặc căn cứ vào Đại thừa mà làm trở ngại Tiểu thừa, tổn hại trí tuệ quyền biến.

Hơn nữa, tuy là tôn sùng Đại thừa nhưng chẳng hiểu rõ ý chỉ Đại thừa, chỉ lo bài xích Tiểu thừa mà hạnh Tiểu thừa cũng chẳng làm được, khởi ý thì dựa vào hư giả, phát ngôn thì vượt quá phận mình, đoạn dứt bánh xe chánh pháp, chê bai phi báng Bát Nhã. Lỗi lầm sâu xa cùng cực chẳng gì hơn điều này, do đó mãi chìm đắm trong địa ngục Vô gián muôn kiếp chưa ra khỏi.

Kinh Tịnh Danh nói:

“Không có trí tuệ phương tiện thì bị trói buộc, có trí tuệ phương tiện là cởi mở, không có phương tiện trí tuệ thì bị trói buộc, có phương tiện trí tuệ là cởi mở”.

Đâu nên chấp vào quyền biến phi báng chân thật, tổn hại Có bài bác Không. Chỉ cần Đại Tiểu thừa đồng thời hoằng truyền, vận hành cả Có lẫn Không. Nhất tâm Tam Quán thì không lỗi lầm vậy.

Thế nên thuận Pháp thể, mảy may chẳng lập; tùy theo trí dụng, sự nghiệp lớn hằng hưng khởi. Thế chẳng lia Dụng nên lặng lẽ mà thường chiếu soi; Dụng chẳng lia Thể nên chiếu soi mà hằng lặng lẽ.

Do đó, thường ở nơi Thể mà vẫn thường khởi Dụng, hằng chiếu soi hằng lặng lẽ. Nếu trở về tông chỉ thì Thể và Dụng đều lia, nào có chiếu soi, nào có lặng lẽ. Đâu

nên theo Thể mà chướng ngại Dụng, chấp vào bản tánh, hủy hoại nhân duyên. Lý Sự chẳng dung thông, Chân và Tục trở thành ngăn cách. Vậy thì tâm bi đồng thể không được vận hành, lòng từ vô duyên chẳng thể thành tựu.

Đã xem thiện ác là khác nhau, làm sao có thể cứu độ khắp cả người oán kẻ thân? Đó là điều rất sai lầm, lỗi ấy thật to lớn!

Bậc Cao đức thuở xưa nói:

“Bậc thiện tri thức tuy thấy rõ tánh Phật vốn bình đẳng với Phật, nhưng nếu luận về công phu thì chưa bằng các bậc Thánh. Cần phải từ hôm nay luôn luôn huân tu”.

Cổ đức nói: “Tỳ kheo đọa làm năm trả nợ tuy không thấu đạt lý nhưng vẫn có hạnh. Thời nay có nhiều người học mà lý-hạnh đều mất”.

Nên biết, thấy tánh nhưng chưa thấu triệt, chỉ là sự hiểu biết nương tựa theo ngôn ngữ, đến khi kiểm điểm lại thì chánh hạnh và trợ hạnh đều mất. Do đó, các bậc Thánh thuở trước hoàn toàn chẳng xem thường thứ lớp. Tự xét lại lòng đâu thể dễ dàng.

Vì vậy, Lục tức Phật phân biệt để khỏi lẫn lộn, Thập địa biện biệt rõ công phu. Nếu đứng về mặt “tức” thì Phật nào có phạm thánh; nếu bàn về “lục” (sáu bậc) phạm thánh cách nhau như trời với đất.

Vả lại, nếu luận về Lý, Sơ địa đầy đủ tất cả địa; nếu nói về hạnh thì địa sau vượt hơn địa trước rất xa. Chỉ như vừa bước lên Bát địa, một niệm làm lợi ích chúng sanh, các địa vị thấp hơn dù trải qua nhiều kiếp cũng không bằng được.

Hỏi:

Thiện ác vốn đồng nguồn, phải quấy cùng một ý chí. Tại sao bỏ ác theo thiện mà trái với Pháp tánh?

Đáp:

Nếu từ nơi tánh thiện tánh ác mà nói thì phạm phu chẳng đời đời. Chư Phật không đoạn dứt tánh ác nên có thể hiện thân nơi địa ngục; Xiển đề không đoạn dứt tánh thiện nên thường đầy đủ lý thể Phật quả.

Nếu từ nơi việc tu thiện tu ác mà nói, trên sự tướng là khác nhau, nhân quả không đồng, ngu trí sai biệt. Tu một tâm niệm thiện có thể lần lần đạt đến ngôi vị Giác, khởi một tâm niệm ác sẽ mãi mãi chìm trong biển khổ luân hồi.

Nếu đem tánh theo duyên, bản tánh tuy đồng mà thiện ác lại khác. Nếu dứt duyên theo tánh, thiện ác tuy khác mà bản tánh vốn đồng.

Trong kinh Thiên Môn Bí Yếu, Đức Phật nói:

“Nghệp duyên thiện ác vốn không khác, tuy không khác mà cũng không thể đồng thời ngăn dừg”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Giống như tướng và vô tướng, sanh tử và Niết Bàn phân biệt đều chẳng đồng. Trí tuệ và vô trí cũng như thế”.

Tông chỉ của kinh giáo như gương sáng, còn hoài nghi gì nữa?

Hỏi:

Nếu phân chia việc tu tập thiện ác và bản tánh thiện ác thì đã có hai rồi, trái với lòng từ bình đẳng, mất đi công đức của hạnh phổ biến?

Đáp:

Sự tu hành nơi tự thân không nên chấp trước, vì các pháp đều rỗng không. Nhưng từ mặt giáo hóa mọi người, tất cả đều không khác biệt. Thế nên, đối với người mới phát tâm cầu lợi ích cho chính mình, nên trình bày rõ sự tổn hại và lợi ích của thiện ác, nhưng để lợi tha rốt ráo thì thiện hay ác cũng đều giáo hóa. Ví như ban đêm đi trên con đường nguy hiểm, thấy có kẻ ác cầm đuốc ở phía trước, lẽ nào lại vì họ là người ác mà không đi theo ánh sáng của cây đuốc ấy? Bồ Tát được ánh sáng trí tuệ Bát Nhã, hoàn toàn chẳng dứt bỏ người ác.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Dứt bỏ kẻ tánh ác, rời xa người lười biếng, khinh mạn người loạn ý, chê ghét kẻ hiểu biết sai lầm. Những tư tưởng hành vi như thế đều là việc làm của ma”.

Giáo lý của Tông Thiên Thai cho rằng, ác là điều bồi đắp cho thiện, không có ác thì cũng không có thiện.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Ác ma nhập người kia, mắng chửi hủy nhục con, do vì con niệm Phật, nên sẽ nhả việc ấy”.

Nếu tà ác không đến thì sẽ không niệm Phật. Niệm Phật là do tà ác đến.

Trong thời Phật Oai Âm Vương những chúng sanh chấp trước nơi pháp, nghe lời nói của Bồ Tát Thường Bất Khinh, mắng chửi đánh đập Ngài. Do nghiệp ác nên gặp lại Bồ Tát Bất Khinh, Bồ Tát giáo hóa họ đều được Bất thối chuyển. Hơn nữa, Đức Phật nói Đề Bà Đạt Đa chính là bậc thiện tri thức.

Sách xưa nói: “Người lành làm thầy của người ác. Người ác là chỗ bồi đắp cho người lành”.

Nên biết ác có thể trợ giúp thiện nhưng chẳng phải đồng với chân chánh. Lẽ nào lại có một pháp đáng vất bỏ hay sao?

Hỏi:

Người không có duyên chẳng miễn cưỡng giáo hóa, cơ duyên chín mùi tự nhiên tương ưng. Kẻ ngu ác không tin, làm sao khuyến dụ hóa độ?

Đáp:

Bỏ ngu theo trí trái ngược với lý bình đẳng, bỏ ác theo thiện tổn mất lòng từ bi đồng thể.

Tánh huyền diệu của chúng sanh thật chẳng thể lường xét, bỗng gặp nhân duyên thì cơ phát chẳng định trước được. Dù chưa được độ, cũng làm nhân duyên để được độ. Lấy đó mà xét, cần phải giáo hóa một cách bình đẳng.

Hỏi:

Nếu tu tập các điều lành, phải phát khởi tâm niệm ưa muốn. Hai nỗi khổ yêu ghét hay chương ngại Bồ đề tịch diệt, hai tâm lấy bỏ lẽ nào lại trở thành vô ngại giải

thoát?

Đáp:

Kinh Niết Bàn nói:

“Tất cả chúng sanh có hai loại ưa thích: Một là ưa thích điều thiện, hai là ưa thích điều bất thiện.

Ưa thích điều bất thiện, chỉ kẻ ngu mới tìm cầu. Ưa thích điều thiện là sự mong cầu của các Bồ Tát”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Bậc Đại trí tuệ nói:
Dục là gốc các pháp
Nên mong cầu thù thắng
Chỉ cầu Vô thượng giác”.

Lại nói: “Đoạn dứt tâm mong muốn thực hành các pháp lành, đối với Bồ Tát là việc ma”.

Thế nên, bước đầu vào đạo, tâm ưa muốn là cội gốc, nhưng đến địa vị cùng tột thì phải quên pháp ái. Trên dưới rõ ràng trước sau không lẫn lộn.

Hỏi:

Nhân và Pháp vốn không, thân tâm tự lìa. Đã không có người hay tạo tác thì ai thực hành các điều lành?

Đáp:

Kinh Niết Bàn nói:

“Tuy vốn tự Không nhưng cũng do Bồ Tát tu tập về Tánh không mới thấy là Không”.

Bồ Tát Sư Tử Hống hỏi:

- Thưa Thế Tôn! Ngũ uẩn của chúng sanh rỗng không, không có gì, vậy ai thọ giáo tu tập đạo pháp?

Đức Phật đáp:

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát khởi, tâm tinh tấn, tâm tin tưởng, tâm định. Những pháp như thế tuy sanh diệt trong từng niệm nhưng vẫn giống như tiếp nối không dứt nên gọi là tu đạo. Cho đến giống như ngọn đèn tuy sanh diệt trong từng khoảnh khắc mà lại có ánh sáng xua tan tăm tối.

Các pháp niệm v.v... cũng như thế. Giống như sự ăn uống của chúng sanh, tuy sanh diệt trong từng niệm nhưng giúp cho người đói được no đủ. Ví như uống thuốc, tuy sanh diệt trong từng niệm, nhưng có thể lành bệnh, ánh sáng của mặt trời mặt trăng tuy sanh diệt trong từng niệm nhưng cũng có thể giúp cho cỏ cây rừng rậm tăng trưởng.

Thiện nam tử! Ông hỏi sanh diệt trong từng niệm làm sao tăng trưởng? Vì tâm không đoạn dứt nên gọi là tăng trưởng.

Hỏi:

Thực hành các việc lành, phước đức rốt cuộc về chỗ nào?

Nếu nói tự độ, lại đồng với tâm Nhị thừa. Nếu nói độ người thì thiết lập tướng chúng sanh?

Đáp:

Phước đức mà Bồ Tát làm đều vì giúp chúng sanh thành thực, Có và Không viên dung, mình người không trệ ngại.

Quán xét cuộc đời như huyễn thì đâu trái ngược với môn Thật tướng; độ chúng sanh đồng với không thì đâu tổn hại tới đạo phương tiện.

Kinh Bát Nhã nói “Bồ Tát thành tựu hai pháp chẳng thể phá hoại:

1. Quán xét các pháp không.
2. Chẳng bỏ tất cả chúng sanh”.

Luận giải thích rằng:

“Do nhờ mặt trời mặt trăng nên vạn vật sanh trưởng. Nếu chỉ có mặt trăng không có mặt trời thì vạn vật bị ẩm thấp hư hoại, nếu chỉ có mặt trời không có mặt trăng thì vạn vật cháy tiêu. Mặt trời và mặt trăng hòa hợp nên vạn vật thành tựu.

Bồ Tát cũng như vậy, có hai đạo:

- Một là từ bi.
- Hai là không.

Đức Phật nói sử dụng cả hai:

Tuy quán xét tất cả đều rỗng không mà chẳng bỏ chúng sanh.

Tuy thương xót chúng sanh mà chẳng bỏ trí tuệ thấy tất cả đều rỗng không. Quán xét tất cả pháp đều không, vì không cũng không nên không vương mắc vào không, do đó chẳng ngại việc thương xót chúng sanh.

Tuy thương xót chúng sanh nhưng cũng không dính mắc nơi chúng sanh, cũng không chấp vào tướng chúng sanh. Chỉ vì thương xót chúng sanh, mà dẫn dắt họ đi vào Chân không”.

Hỏi:

Kinh nói: “Phật chẳng thành tựu Phật đạo, cũng chẳng độ chúng sanh”.

Nếu thấy chúng sanh khổ tức là người chịu khổ. Tại sao lại tu tập phước đức để độ chúng sanh?

Đáp:

Từ nơi Chân thì không, tùy theo Tục thì có.

Trong Luận nói:

“Đức Phật đáp với Tu Bồ Đề:

Nếu tất cả chúng sanh tự biết các pháp tự tánh không thì Bồ Tát chẳng phát tâm cầu đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng, cũng không ở trong sáu đường để cứu

thoát chúng sanh. Tại sao?

Vì chúng sanh tự biết các pháp tánh không thì không có độ chi nữa. Ví như không bệnh chẳng cần thuốc, không tối chẳng cần đèn.

Nay chúng sanh thật chẳng biết tự tướng các pháp là không, nên theo tâm chấp tướng phát sanh sự dính mắc, do dính mắc nên nhiễm, bởi nhiễm nên chạy theo ngũ dục, do chạy theo ngũ dục nên bị tham che đậy, vì tham nên dẫn đến tạo nghiệp sanh tử không cùng tận.

Thế nên biết, nhân phàm mà lập Thánh, phàm Thánh đều rỗng không; từ ác mà được thiện, thiện ác không tự tánh. Vì không có tự tánh nên thường hưng khởi muôn điều lành, bởi thường rỗng không nên Nhất chân hằng lặng lẽ.

Hỏi:

Thế giới chúng sanh như huyễn hóa, nếu thấy có hóa độ thật thì đâu khác gì mò trăng đáy nước, bắt bóng trong gương, cạo đầu chim bay, trông mâm bị cháy. Chưa rõ rốt cuộc lấy gì làm chúng sanh để hóa độ?

Đáp:

Chúng sanh tức là vô lượng tâm vọng niệm sanh khởi suốt ngày đêm nơi thân mình.

Kinh Đại Tập nói:

“Ngày đêm trong mỗi niệm mỗi niệm thường sanh khởi vô lượng trăm ngàn chúng sanh”.

Kinh Tịnh Độ Tam Muội nói:

“Một niệm thọ một thân. Niệm thiện thọ thân trên cõi trời, trong loài người. Niệm ác thọ thân trong ba đường ác. Trăm niệm thọ trăm thân. Ngàn niệm thọ ngàn thân.

Một ngày một đêm gieo trồng cội gốc sanh tử. Về sau sẽ thọ tám ức năm ngàn vạn thân tạp loại, cho đến trong trăm năm gieo trồng thân ở đời sau mang lông đội sừng khắp nơi trên mặt đất cõi nước Đại thiên”.

Nếu một niệm không sanh, đằm nhiên trở về bản tánh. Nên nói, độ chúng sanh hư vọng, rõ niệm là không, không có chỗ khởi. Lại nói, chẳng thấy có chúng sanh để độ. Còn bảo rằng, độ hết tất cả chúng sanh mới thành Chánh Giác, đó tức là ý chỉ này.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Thân là kho chánh pháp
Tâm là đèn vô ngại
Chiếu soi các pháp không
Gọi là độ chúng sanh”.

Hạnh mình đã lập, lại nói để chỉ dạy người, giúp cho ai nấy đều quán xét tâm tánh trở về nương tựa pháp này. Đó là lòng từ bi chơn thật, sự hóa độ rất ráo.

Từ phạm vào Thánh do môn vạn thiện, trước phát tâm Bồ đề rất là bậc nhất. Đây chính là hạnh đứng đầu các hạnh, là chỗ ban đầu để tiến vào đạo, bao quát trước sau không thể tạm thời bỏ phế.

Kinh Phạm Võng nói:

“Nếu là Phật tử nên thường khởi lòng đại bi, cho đến nếu thấy trâu ngựa heo dê tất cả súc sanh thì tâm nghĩ miệng nói: Các ngươi là súc sanh nên phát tâm Bồ đề!

Bồ Tát vào khắp mọi nơi núi rừng, đồng bằng, sông ngòi, khiến cho tất cả chúng sanh đều phát tâm Bồ đề. Nếu Bồ Tát không phát tâm giáo hóa chúng, phạm tội khinh cầu”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Muốn thấy tất cả chư Phật trong mười phương, muốn bỏ thí kho tàng công đức vô tận, muốn diệt trừ khổ não cho chúng sanh thì nên nhanh chóng phát tâm Bồ đề”.

Lại nói, tâm Bồ đề giống như hạt giống có thể làm tăng trưởng pháp bạch tịnh cho chúng sanh. Tâm Bồ đề giống như mặt đất, vì có thể giữ gìn tất cả thế gian. Tâm Bồ đề giống như nước trong, vì có thể rửa sạch tất cả sự nhơ bợn của phiền não. Tâm Bồ đề giống như ngọn lửa lớn, vì có thể thiêu đốt tất cả củi kiến chấp.

Hỏi:

Lý Bồ đề bản tánh tự tròn vẹn đâu nhờ phát tâm, cố tình phát khởi vọng niệm?

Đáp:

Kinh Bát Nhã nói:

“Nếu biết tâm tánh tức là Bồ đề mà có thể phát khởi tâm đại Bồ đề, đó gọi là Bồ Tát”.

Bồ Tát Thượng Thủ nói:

“Ta ở trong chỗ không mong cầu mà cố mong cầu tâm Bồ đề nhưng lại không phát tâm gì cả”.

Bồ Tát nói:

“Biết tất cả pháp đều không phát khởi nhưng vẫn phát tâm Bồ đề”.

Song, nơi Chân như được chứng đắc, ngoài Như không có Trí nên hay phát khởi Trí vi diệu; ngoài Trí không có Như nên đồng thời chiếu soi, đồng thời phá dẹp, chẳng còn chẳng mất, không hai mà hai. Lý và Trí tự phân chia, hai mà không hai, năng và sở đều lặng lẽ.

Kể đến về nương Tam Bảo ruộng phước vô thượng, khởi tâm kiên cố đầy đủ niềm tin bất hoại, rời năm điều sợ hãi*, thành tựu ba loại Bồ đề*. Nhân duyên ban đầu thâm nhiếp tất cả pháp lành.

Kinh Đại Báo Ân nói:

“Như vua A Xà Thế tuy có tội nghịch đáng lẽ phải vào ngục A tỳ, do thành tâm hướng về Phật nên tiêu diệt tội lỗi. Đó là sức cứu hộ của Tam bảo”.

Lại như ở nơi sợ hãi, trong núi rừng đồng trống nếu nghĩ nhớ về công đức Phật, sự sợ hãi liền tiêu diệt, thế nên trở về nương tựa Tam Bảo, được sự cứu hộ không sai.

Bậc Cao đức ngày xưa nói:

“Núi có ngọc cây cỏ tốt tươi. Suối có rồng nước không khô kiệt. Trụ xứ có Tam Bảo thì căn lành tăng trưởng”.

Đó là cách nói về sức cứu hộ của Tam Bảo.

Kinh Pháp Cú nói:

“Đế Thích mạng chung đọa vào thai lừa, nhân quy hướng Tam Bảo nên lừa mẹ làm sứt dây cương bỏ chạy đụng vào đồ gốm. Người chủ bèn đánh lừa mẹ, khi ấy bào thai bị tổn thương, thần thức của Đế Thích được khôi phục lại thân trời.

Đức Phật nói bài kệ cho Đế Thích nghe. Kệ rằng:

“Rõ sự biến đổi của tội phước
Hiểu cội gốc của việc hưng suy
Cho nên thuận theo hạnh tịch diệt
Do đó được đạo Tu Đà Hoàn”.

Kinh Mộc Hoạn Tử nói:

Khi ấy có vị vua mắc nạn tên là Bà Kim Ly bạch Đức Phật rằng:

- Nước con nhỏ bé, mỗi năm thường bị giặc cướp, ngũ cốc khan hiếm, tật bệnh, tai nạn hoành hành, nhân dân khốn khổ. Con thường bất an, đối với Phật Pháp sâu rộng chẳng được tu hành. Cúi mong Đức Phật thương xót dạy cho con pháp yếu!

Đức Phật bảo nhà vua:

- Nếu muốn diệt trừ sự chướng ngại của phiền não, nên xâu một trăm lẻ tám hạt Bồ đề, thường mang theo bên mình, chí tâm xưng niệm:

Nam mô Phật Đà.

Nam mô Đạt Ma.

Nam mô Tăng Già.

Cho đến có thể xưng niệm mãn trăm vạn lần thì sẽ dứt trừ một trăm lẻ tám kiết nghiệp, đạt được quả Vô thượng”.

Nhà vua nghe rồi hoan hỷ, thưa rằng:

- Con sẽ vâng làm!

Đức Phật bảo nhà vua:

- Có Tỳ kheo Sa Đầu tụng tên Tam Bảo, trải qua mười năm được thành tựu quả Tu Đà Hàm. Tỳ kheo ấy tuân tự tu hành, nay là Phật Bích Chi ở thế giới Phổ Hương.

Nhà vua nghe rồi nơi tâm càng muốn cố gắng tu hành thêm nữa.

Hỏi:

Ngài Chí Công nói:

“Đau khổ thay! Bi ai thay!
Vứt bỏ Phật thật oan uổng
Tạo tượng cúng dường hương hoa cầu phước
Chẳng khỏi Lục tặc trời trần”.

Ý này làm sao khế hợp với những lời nói ở đây?

Đáp:

Đó là cách nói dùng để phá chấp của người xưa.

Phàm phu không biết Phật chân thật của mình, một bề hướng ngoại tìm cầu, chấp chặt vào sự tướng chẳng rõ chỗ chân thật, lo phân biệt cảnh giới bên ngoài, chẳng vì để trợ giúp cho đạo, chỉ lo mong cầu phước báo. Giống như bắn mũi tên vào hư không, như người đi vào chỗ tối tăm, do đó chuốc lấy quả báo sanh diệt, chẳng vượt khỏi tâm trần.

Nếu thấu suốt Duy tâm thì thấy tất cả đều là tướng phần của tâm, hoàn toàn không chấp là vật ở bên ngoài. Song, chẳng phá hoại nhân duyên, Sự-Lý vô ngại.

Hòa thượng Thần Giai nói:

“Thấu rõ chúng sanh vốn rỗng không chẳng bỏ tâm đại bi, quán xét Như Lai vốn lặng lẽ mà chẳng sơ thất đối với việc cung kính cúng dường. Bàn về Thật tướng chẳng hủy hoại giả danh, luận về sai biệt mà chẳng phá trừ bình đẳng”.

Vả lại trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Bát Địa thân chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, vào chỗ vô công dụng đạo, thấu rõ tất cả pháp như tánh hư không, cho đến tâm Niết Bàn vẫn chẳng hiện tiền, mới thấy vô lượng Phật, tận tâm thành kính cúng

dường.

Lại nói, nếu người kia thường cung kính cúng dường nơi Tam Bảo, không biết mỗi một chán nản, có thể vượt khỏi bốn cảnh ma, nhanh chóng thành tựu Giác ngộ Vô thượng.

Kinh Hiền Ngu nói:

“Nước Xá Vệ có một Trưởng giả sanh một nam tử. Ngay lúc sanh ra, trời mưa xuống bảy loại báu, do đó bé ấy có tên Bảo Thiên. Về sau gặp Đức Phật xuất gia đắc đạo.

Phật bảo:

- Lúc Đức Phật Tỳ Bà Thi xuất hiện ở đời, có một người nghèo, tuy lòng hoan hỷ mến thích Đức Phật, nhưng không có phẩm vật để cúng dường. Người ấy lấy một mảnh đá trắng nghĩ là ngọc dùng cúng dường chúng Tăng, người ấy nay chính là Tỳ kheo Bảo Thiên. Nhờ vậy ông được hưởng vô lượng phước, y phục và thức ăn đều tự nhiên có. Nay lại gặp ta, được đạo chứng quả”.

Đại sư Chơn Giác nói:

“Tin sâu chánh pháp, siêng thực hành Lục độ, đọc tụng Đại thừa, hành đạo lễ bái, dùng vị ngon, hương hoa, âm thanh tán thán tụng chú, đèn đuốc, đèn đài, chùa chiền, núi non, biển cả, rừng suối, hư không, đất đai, tất cả từ vi trần trở lên ở thế gian thầy đều cúng dường, tập hợp công đức hồi hướng để hỗ trợ Bồ đề”.

Do đó nên biết, chỉ là phá trừ sự chấp trước “các pháp ở ngoài tâm” của phàm phu mà thôi.

Ngoài ra, hoặc là tham lợi để cúng dường, trì giới bằng tâm nóng giận; làm phước mà kiêu mạn, bố thí để tỏ ra hơn người; không có tâm ân trọng, chẳng phải ý rộng lớn, nếu thực hành như thế khó mà chiêu vời tịnh nghiệp.

Không nên hiểu lầm ý của bậc Thánh, phán đoán theo phàm tình, sanh khởi tâm cho là đoạn diệt, làm hư hạt giống Bồ đề.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói:

“Nếu ở trong định, các thiện nam tử thấy sắc âm tiêu diệt, thọ ẩm rõ ràng, tự cho là đã được đầy đủ, bỗng nhiên vô cớ sanh tâm đại ngã mạn như thế cho đến tâm mạn và quá mạn hoặc tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn nhất thời đều phát khởi. Người này trong lòng còn xem thường các Đức Như Lai khắp mười phương, huống gì là các bậc thấp như Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là kiến chấp hơn người, không có trí tuệ tự cứu mình, nếu tỏ ngộ thì không có lỗi lầm, chẳng phải là chúng quả Thánh. Nếu cho là chúng Thánh thì có một phần ma đại ngã mạn nhập vào tâm. Người này chẳng lễ bái chùa tháp, hủy hoại kinh tượng, họ nói với Đàn việt:

“Đó là đồng, vàng hoặc là gỗ đất; kinh là lá cây hoặc là điệp hoa, nhục thân này là chân thật thường còn mà không cung kính, lại tôn sùng gỗ đất”.

Thật là điên đảo! Những người tin theo họ, hủy hoại kinh tượng, chôn vùi xướng đất, khiến cho chúng sanh nghi ngờ lầm lạc rơi vào địa ngục Vô gián, khi mất chánh định sẽ đọa vào trầm luân”.

Chỉ cần khi thực hành các việc lành, tất cả đều không vướng mắc, hoan hỷ vui vẻ, tận lực chân thành hướng về đạo Giác ngộ Vô thượng. Ban cho khắp cả chúng sanh trong pháp giới thì một mây may thiện đều là nhân viên mãn, hoàn toàn chẳng rơi vào nhân quả của trời người.

Vả lại, phước nghiệp rộng sâu, trợ giúp cả phàm lẫn Thánh. Phước là cội gốc của an lạc, trí là cánh cửa dẫn đến giải thoát. Do đó, hai pháp này không thể tạm thời sơ thất. Chúng chính là con đường chân chánh đưa đến thành Phật, thật là nhân sâu xa để giải trừ đau khổ. Ngưỡng trông Vô thượng Bảo vương, bậc cha lành trong mười phương làm vô lượng phước lành, đầy đủ thân công đức. Ngài còn đích thân đánh lễ đồng xương khô, tự mình vì đệ tử mà xỏ kim. Huống chi kẻ phàm phu thấp kém, phước ít đức mỏng.

Hàng Xiển đề không tin ngã mạn công cao, lại hồ thẹn cam chịu làm kẻ thấp hèn, dứt bỏ những việc lành nhỏ hay sao?

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi Đức Phật bảo rằng:

“Nếu có người thấy có người khác tu phước và bố thí cho kẻ bần cùng, chê bai hủy báng rằng:

Người tà mạn kia vì tìm cầu danh lợi, kẻ xuất gia cần gì bố thí, chỉ cần tu thiền định và trí tuệ. Cần gì lãng xãng làm những việc vô ích.

Người suy nghĩ như thế là quyến thuộc của ma, người ấy lúc mạng chung sẽ đọa vào đại địa ngục thọ khổ lâu dài. Khi ở địa ngục ra lại rơi vào ngã quý, trong năm trăm đời đọa thân chó. Khi thoát khỏi thân chó, trong năm trăm đời thường sanh vào hạng nghèo hèn chịu mọi thứ khổ. Vì ở đời trước thấy người khác bố thí mà không tùy hỷ”.

Trong Luận nói:

“Phước đức là cội gốc của Đại Bồ Tát, nó hay làm mãn nguyện. Tất cả các bậc Thánh đều khen ngợi, kẻ vô trí lại chê bai. Người trí thì thực hành, kẻ vô trí lại rời xa.

Do nhân duyên phước đức mà làm Đế Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, Thiên Vương, A La Hán, Độc Giác, các pháp Đại từ Đại bi, Thập lực, Tứ vô sở úy, Nhất thiết Chủng trí, tự tại vô ngại của chư Phật, Thế Tôn đều nơi phước đức sanh ra”.

Còn nói:

Tu Bồ Đề hỏi:

“Trong tánh không rốt ráo không có phước và chẳng phước. Tại sao chỉ do phước đức mà được thành Phật?”.

Đáp: “Từ mặt Thế đế mà nói, có phước nên được thành Phật”.

Tu Bồ Đề vì chúng sanh chấp trước vào chỗ không có gì nên hỏi, Đức Phật vì người không chấp trước vào có mà đáp. Bảo rằng tinh tấn tu phước còn không thể được, huống gì không tu phước đức. Như đạo nhân khát thực đi vào trong xóm làng, từ nhà này đến nhà khác mà khát thực không được. Đạo nhân thấy một con chó đói nằm, bèn lấy gậy đánh nó. Nói rằng:

“Người là súc sanh vô trí, ta dùng nhiều nhân duyên tìm cầu thức ăn nơi mọi nhà còn không được, huống gì người nằm nơi đây mà mong được thức ăn hay sao?”.

Đến như việc luôn thấp sáng đèn đuốc quý báu cúng dường Phật nên thường được tăng trưởng trí tuệ, nơi thân thường tỏa sáng. Nhân chân chánh, quả ắt viên mãn; hạnh trọn vẹn thì nghiệp thành tựu. Thế nên kẻ cướp ngẫu nhiên khêu ngọn lửa sắp tàn mà được thiên nhãn thường sáng tỏ; cô gái nghèo do cúng dường ngọn đèn nhỏ, được thọ ký về sau thành Phật.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Lại phóng ánh sáng tên là Chiếu Diệu át cả ánh sáng của hết thầy chư Thiên, dứt trừ tất cả sự tối tăm và chướng ngại, làm lợi ích khắp chúng sanh. Ánh sáng này giác ngộ tất cả mọi người. Bảo cầm đèn sáng cúng dường Phật sẽ được thành tựu ngọn đèn trí tuệ vô thượng. Thắp các ngọn đèn dầu, đèn quí, cũng thắp các loại đuốc sáng, các thứ hương, diệp dược, đuốc quí báu, dùng những sự cúng dường ấy mà được ánh sáng này”.

Kinh Phổ Quang nói:

“Đốt đèn cúng dường soi sáng nơi U Minh, nhưng chúng sanh đau khổ nhờ ánh sáng này, được nhìn thấy lẫn nhau. Do phước đức này cứu giúp chúng sanh kia được dừng nghỉ sự đau khổ”.

Kinh Thí Đẳng Công Đức nói:

“Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

Nếu người cúng dường đèn sáng nơi chùa tháp, lúc lâm chung được thấy bốn loại ánh sáng.

1. Thấy mặt trời tròn đầy nhô lên.
2. Thấy mặt trăng tròn đầy sáng tỏ nhô lên.
3. Thấy chư Thiên ngồi chung một nơi.
4. Thấy Như Lai Chánh Biến Tri ngồi nơi cõi Bồ đề thành tựu đạo quả.

Tự thấy thân mình đứng chấp tay cung kính tôn trọng Như Lai; hoặc rải hoa cúng dường, làm trang nghiêm đạo tràng, làm hết những nhân duyên Bồ đề, thành tựu hạnh chân chánh của Phật”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu người tâm tán loạn, cho đến đem một hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, lần thấy vô số Phật”.

Kinh Đại Tư Duy nói:

“Nếu không rải hoa dâng Phật, dù được vãng sanh nhưng y báo không đầy đủ”.

Kinh Hiền Ngu nói:

“Trong nước Xá Vệ có Trưởng giả giàu có, sanh một nam nhi diện mạo đoan chánh. Khi sanh, trời mưa các loại hoa đầy cả nhà. Cha mẹ liền đặt tên là Hoa Thiên. Về sau nam nhi ấy xuất gia đắc quả A La Hán.

Ngài A Nan bạch Phật:

- Hoa Thiên có phước gì được như thế?

Đức Phật nói:

- Vào thời Đức Phật Tỳ Bà Thi, thuở quá khứ có một người nghèo thấy chư Tăng thì rất hoan hỷ. Người ấy liền hái những hoa cỏ nơi đồng nội để rải cúng dường đại chúng. Người nghèo lúc đó nay chính là Tỳ kheo Hoa Thiên. Do công đức của việc tán hoa mà trong chín mươi một kiếp được thân thể đoan chánh, mong muốn việc gì đều được như ý”.

Trong kinh nói:

“Nếu dùng một đóa hoa rải trong hư không cúng dường chư Phật mười phương, sẽ được dứt trừ đau khổ, phước báo vô tận”.

Luận nói:

“A La Hán Ưc Nhĩ xưa dùng một cành hoa cúng dường tháp Phật, được thọ hưởng niềm vui trong cõi trời người trải qua chín mươi một kiếp, do sức mạnh của phước báo ấy mà được thành tựu quả A La Hán”.

Hoặc dùng hương đốt, hương xoa trang nghiêm Phật sự; dâng một nén hương, về sau vẫn có thể được quả vị Diệu Giác; thoa hương lên một ngôi tháp cũ mà thân thoảng thơm mùi Chiên đàn.

Thuở xưa lúc Đức Phật còn ở đời, có một Trưởng giả tên là Chiên Đàn Hương, thời quá khứ ông đã từng dùng hương thoa lên ngôi tháp cũ, từ đó trải qua chín mươi một kiếp các lỗ chân lông trên người đều tỏa mùi thơm Chiên Đàn, từ miệng thoảng ra mùi thơm hoa sen xanh.

Hoặc treo phan nơi chùa tháp, treo bảo cái nơi Thánh tượng bày tỏ lòng thành, tuy vì giúp người khác được phước nhưng đều trở thành quả báo nơi chính mình.

Do đó khi Đức Phật còn tại thế, có một người tên là Bà Đa Ca, thời quá khứ từng làm một lá phan dài treo trên tháp Phật Tỳ Bà Thi. Từ đó về sau trải qua chín mươi một kiếp, ở trong cõi trời hay loài người thường có lá phan lớn treo ở phía trên, hưởng phước vui vẻ, về sau xuất gia đắc đạo.

Trong kinh còn nói, nếu có người treo phan, mỗi lần gió thổi lay động là mỗi lần được quả vị Luân Vương, cho đến khi lá phan tan nát thành bụi, mỗi hạt bụi đều là ngôi vị Tiểu Vương.

Kinh Bách Duyên nói:

“Có một Trưởng giả tên là Bảo Cái, thời quá khứ từng đem một viên bảo châu Ma Ni đặt trên đỉnh tháp xá lợi của Phật Tỳ Bà Thi. Từ đó về sau trải qua chín mươi một kiếp, ở trên cõi trời hay trong loài người tự nhiên luôn có bảo cái che trên đầu, cho đến khi gặp Phật xuất gia, thành tựu quả Phật”.

Hoặc xung dương đức hạnh của Phật, tán thán Đại thừa được quả báo thù thắng vô biên. Đó là nhân lành vi diệu rất lớn. Tán thán một bài kệ còn có công năng vượt qua kiếp số mà thành Phật; tụng một lời kinh được quả báo tướng lưỡi phát diệu âm.

Kinh Quán Phật Tam Muội nói:

Thời quá khứ xa xưa vô lượng kiếp về trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Oai Đức Thượng Vương.

Lúc ấy có vị Tỳ kheo và chín mươi đệ tử đi đến tháp Phật lễ bái tượng Phật, thấy một bảo tượng nghiêm trang rất đẹp. Các vị này lễ bái rồi nhìn kỹ nói kệ tán thán, về sau mạng chung đều sanh về cõi Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương ở phương Đông, bỗng nhiên hóa sanh trong sen lớn. Từ đó về sau hằng được gặp Phật, thành tựu Niệm Phật Tam Muội, được Phật thọ ký, đều thành Phật ở khắp mười phương”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Vị như hoa Ưu Đàm tất cả mọi người đều ưa thích, là loài hoa hiếm có trong cõi trời người, đúng thời mới xuất hiện một lần.

Nghe pháp hoan hỷ tán thán, cho đến phát một lời khen ngợi là đã cúng dường khắp cả chư Phật trong mười phương ba đời. Người ấy rất là hiếm có, còn hơn cả hoa Ưu Đàm”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Lại phóng ánh sáng tên là Diệu Âm. Ánh sáng này khai ngộ các vị Bồ Tát, có thể làm cho người nghe tất cả âm thanh trong ba cõi đều là âm thanh của Như Lai.

Dùng âm thanh lớn xưng tán Phật và bố thí linh mỗ các loại âm nhạc khiến cho khắp thế gian được nghe âm thanh của Phật, do đó thành tựu ánh sáng này”.

Còn như dùng Phạm âm vi diệu ca dương phúng tụng, vịnh xướng, chúc tụng thì thuở xưa Bà Đề chúc tụng tiếng vang thấu đến tận trời Tịnh Cư. Thích Tôn nhập định, tiếng đàn lời ca xưng tán vang dội cả thạch thất.

Vườn rừng, lầu các đều vào trong môn pháp giới, âm thanh ngôn ngữ trở thành Phật sự trợ giúp giác ngộ.

Kinh Tỳ Ni Mễ nói:

“Đức Phật bảo các Tỳ kheo: Cho phép các ông chúc tụng. Chúc tụng tức là từ ngữ ngôn thuyết”.

Luận Thập Tụng nói:

“Vì chư Thiên nghe chúc tụng thì tâm hoan hỷ; hoặc dùng âm nhạc, ca múa, loa, nao bạc, tiêu, thiêu, phát tâm hoan hỷ dùng mọi cách cúng dường”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu bảo người ca hát
Đánh trống thổi sừng ốc
Tiêu, địch, cầm không hầu
Tỳ bà, chấp chả đồng
Các tiếng hay như thế
Đều đem cúng dường Phật.
Hoặc dùng tâm hoan hỷ

Cho người công đức Phật
Đều đã thành Phật đạo.
Hoặc khuyên thỉnh chư Phật
Chuyển bánh xe giáo pháp
Chẳng vào nơi Niết Bàn
Từ bi độ chúng sanh”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Pháp của Bồ Tát vốn như vậy, sáu thời khuyên thỉnh chư Phật khắp mười phương. Nếu chư Phật ở trước mắt thì có thể thỉnh. Nay vô lượng Phật ở mười phương không thể tận mắt thấy, làm sao thỉnh được?

Đáp:

Cũng như tâm từ bi nghĩ khiến cho chúng sanh được vui vẻ, tuy chúng sanh không được gì nhưng người nghĩ như thế được phước rất lớn. Việc thỉnh Phật thuyết pháp cũng vậy. Và lại tuy chúng sanh không tận mắt thỉnh Phật nhưng Phật thường thấy tâm họ và cũng nghe lời thỉnh mời, hoặc tùy hỷ tán thán điều lành, hỗ trợ duyên thù thắng cho người. Giống như người đứng bên cạnh kẻ mua hương được xông mùi hương, dù không đích thân làm nhưng đồng được căn lành”.

Luận nói rằng:

“Nếu có người làm công đức, người khác thấy tâm vui theo, khen rằng: Lành thay! Ở trong thế giới vô thường bị si mê tăm tối che đậy có thể mở tâm rộng lớn kiến lập phước đức này”.

Bồ Tát chỉ dùng tâm tùy hỷ còn vượt trên hàng Nhị thừa, hưởng chi tự thân thực hành.

Vả lại, Bồ Tát ngày đêm sáu thời thường thực hành ba việc:

1. Lễ lạy chư Phật khắp mười phương, sám hối tội lỗi trong ba đời.
2. Tùy hỷ công đức mà chư Phật trong ba đời mười phương đã làm.
3. Khuyên thỉnh chư Phật xoay chuyển bánh xe giáo pháp lần đầu và ở nơi thế gian lâu dài.

Thực hành ba điều ấy công đức vô lượng, càng gần với quả vị Phật hơn. Nếu làm các việc lành thấy đều hồi hướng thành tựu Bồ đề để khỏi rơi vào sanh diệt. Như

âm thanh nhỏ dội vào tường vách bên vang xa, tợ giọt nước gieo xuống lòng sông liền tan hòa cùng khắp. Dùng việc lành nhỏ mà đưa đến quả vị cùng tột, vận dụng ý niệm thiện nhỏ mà thành tựu tâm rộng lớn.

Hoặc phát đại nguyện, đó là nhân của vạn hạnh hay trưởng dưỡng từ bi, chẳng đoạn mất hạt giống Phật. Đại sự thành tựu, việc làm trọn nên, thành đạo làm lợi ích chúng sanh đều do nguyện lớn.

Thế nên, có hạnh mà không có nguyện, hạnh ấy ắt trợ trợ; có nguyện mà không có hạnh, nguyện ấy trở thành nguyện suông. Hạnh nguyện theo nhau, mình và người đều lợi ích.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Chẳng phát đại nguyện là việc làm của ma; ưa ở nơi lặng lẽ đoạn trừ phiền não là việc làm của ma, dứt hẳn sanh tử là việc làm của ma; bỏ hạnh Bồ Tát là việc làm của ma; chẳng giáo hóa chúng sanh là việc làm của ma”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Làm phước mà không có nguyện, không thể dựng lập được gì. Nguyện là thầy dẫn đường, có thể đạt được thành tựu. Ví như việc lọc vàng trong quặng, tùy theo cách làm của người thợ mà vàng không nhất định.

Bồ Tát cũng vậy, tu tập về nguyện của Tịnh độ, rồi sau đó mới được thành. Vì thế nên biết, do nguyện mà đạt được kết quả”.

Lại nói, nếu có thể phát tâm một lần nói rằng:

“Nguyện tôi sẽ thành Phật, diệt trừ đau khổ của tất cả chúng sanh. Dù chưa dứt phiền não, chưa làm được việc khó nhưng do tâm miệng mạnh mẽ nên hơn tất cả chúng sanh”.

Luận Đại Trang Nghiêm nói:

“Thanh tịnh cõi Phật là việc lớn, thực hành công đức của một hạnh không thể thành tựu, cần phải có nguyện lực. Ví như trâu có sức kéo xe nhưng cần phải có người đánh xe mới có thể đi đến nơi. Làm thanh tịnh cõi Phật do nguyện dẫn đến thành tựu, bởi nguyện lực nên phước đức tăng trưởng, vì chẳng mất chẳng hoại nên

thường thấy Phật”.

Hoặc tu sửa tạo lập hình tượng Phật, xây dựng già lam trang nghiêm đất phước.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu có người vì Phật
Tạo lập các hình tượng
Điều khắc thành các tướng
Đều đã thành Phật đạo.
Hoặc dùng bảy báu làm
Thau, đồng bạch, đồng đỏ
Chất nhôm cùng chì kẽm
Sắt gỗ cùng với bùn,
Hoặc dùng keo sơn vãi
Nghiêm sức làm tượng Phật
Những người như thế ấy
Đều đã thành Phật đạo.
Vẽ vờ làm tượng Phật
Trăm phước tướng trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo”.

Kinh Tạo Hình Tượng Phật nói:

“Vua Ưu Trán đến chỗ Đức Phật bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn! Nếu sau khi Phật diệt độ, có chúng sanh tạo tượng Phật sẽ được phước gì?

Đức Phật bảo nhà vua rằng:

- Nếu có người tạo hình tượng Phật thì công đức vô lượng. Người ấy ở trên cõi trời, trong loài người hưởng thọ các điều vui thích, thân thể thường có màu sắc vàng. Nếu ở trong loài người, thường sanh trong gia đình Đế vương, Trưởng giả hiền thiện, cho đến hoặc làm Đế vương thì là bậc tôn quý trong hàng vua chúa, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh tứ thiên hạ, tự nhiên có bảy loại báu, đầy đủ ngàn người con. Cho đến hoặc sanh lên cõi trời thì làm Thiên chủ sáu cõi trời Dục, hoặc sanh lên cõi Phạm Thiên thì làm Phạm Vương.

Về sau, đều được sanh lên cõi Vô Lượng Thọ, làm Đại Bồ Tát, rồi cuộc sẽ thành Phật được đạo Niết Bàn. Nếu có người tạo hình tượng Phật sẽ được phước như thế”.

Kinh Hoa Thủ nói:

“Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Bồ Tát có bốn pháp hoàn toàn chẳng thôi chuyển nơi Vô thượng Bồ đề. Bốn pháp ấy là:

1. Nếu thấy chùa tháp hư hoại thì sẽ tu sửa, hoặc dùng bùn đất cho đến một viên gạch.
2. Hoặc ở nơi ngã tư đường, chỗ nhiều người qua lại dựng tháp tạo tượng làm duyên phước thiện niệm Phật.
3. Nếu thấy hai bộ Tỳ kheo Tăng tranh cãi, cố gắng tìm phương tiện làm cho hòa hợp.
4. Nếu thấy Phật Pháp sắp hoại thì có thể đọc tụng, giải thích cho đến một bài kệ, khiến cho chẳng đoạn dứt. Vì hộ pháp nên cung kính cúng dường Pháp sư, chuyên tâm hộ pháp chẳng tiếc thân mạng.

Nếu Bồ Tát thành tựu bốn pháp này, đời đời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương được thân đại lực sĩ như Na La Diên, bỏ tứ thiên hạ mà xuất gia, có thể tùy ý tu bốn phạm hạnh, lúc mạng chung sanh lên cõi trời làm Đại Phạm Vương, cho đến rốt ráo thành tựu đạo Vô thượng”.

Khí vượn đùa giỡn chồng lên nhau làm tháp còn được sanh lên cõi trời; tiêu phụ xưng niệm sai danh hiệu Phật còn được hóa độ, huống chi chí thành lễ nào không có quả báo thù thắng hay sao?

Hoặc xây dựng bảo tháp, đúc hồng chung, cho đến việc lành nhỏ như ngón tay vẫn được phước sanh lên Thiên giới; hoặc tạm thời đánh một tiếng chuông mà cõi U Minh dứt khổ.

Kinh Vô Thượng Y nói:

“Đức Phật bảo A Nan: Như trụ xứ thiên cung của Đê Thích, có lầu Đại Phi tên là Điện Thường Thắng dùng tám vạn bốn ngàn vật báu trang nghiêm.

Nếu có thanh tín nam tử, nữ nhân xây dựng cung điện quý báu thù thắng như thế, trăm ngàn câu chi cúng dường cho chúng Tăng khắp bốn phương.

Nếu lại có người sau khi Như Lai nhập Niết Bàn lấy viên xá lợi nhỏ như hạt cải, tạo tháp nhỏ như trái A Ma La, nâng cây phướng nhỏ như kim, làm bánh xe pháp luân nhỏ như lá táo, tạo hình tượng Phật nhỏ như hạt lúa. Công đức này hơn công đức của người trước trăm phần chẳng bằng, ngàn muôn ức phần, cho đến A tăng kỳ số phần chẳng bằng một phần. Tại sao? Vì Như Lai có vô lượng công đức”.

Kinh Niết Bàn nói:

“Khéo giữ đồ vật của Phật và chư Tăng lau quét đất của Phật và chư Tăng, tạo tháp nhỏ như ngón tay, thường sanh tâm hoan hỷ cũng được sanh về cõi Bất Động. Đó tức là Tịnh độ thường trang nghiêm chẳng bị tam tai làm loạn động”.

Hoặc biên chép Đại tạng kinh, khái phát chơn lý, hoặc khắc kinh trên đá, hoặc dùng vàng làm chữ, hoặc lột da chích máu khiến cho mọi người nghe thấy đều tùy hỷ. Dùng mười loại hoẵng truyền* lưu thông Phật Pháp, thệ nguyện báo đáp bốn ân, tuân theo lời dạy từ bi của Đức Thế Tôn.

Thế nên, trí Phật tán thán không hết, phước báo cõi trời vô cùng, sánh bằng với công đức của Thiện Thệ, làm sứ giả của Đức Như Lai.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu người nghe kinh này, hoặc tự chép hoặc bảo người chép thì được công đức. Nếu dùng trí tuệ Phật lường xét nhiều ít cũng không biết được bờ mé”.

Hoặc sùng hưng Tam Bảo, thổi ngọn gió từ bi rộng khắp; hoặc làm tường vách cho ngôi nhà Phật Pháp; dùng oai lực ủng hộ bên ngoài khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài, Phật đạo mãi hưng thịnh. Chiêu cảm bên ngoài, mưa thuận gió hòa, nước nhà an vui; quả báo bên trong cầu niễ diệt trừ, đạo hạnh thành tựu, nhân quả tròn đầy. Có thể tuân theo ân đức phó chúc thì chẳng mất lời thọ ký về Bồ đề.

Hoặc cởi mở cho người bị ràng buộc, thả cho xuất gia; hoặc trợ giúp để người được làm Tăng Ni tiếp nối hưng thịnh dòng dõi Phật, khai mở đạo xuất ly, ban cho môn tiếp dẫn. Lường xét nhân thù thắng, các kinh điển đều khen ngợi.

Kinh Xuất Gia Công Đức nói: “Nếu phóng thích nam nữ nô tỳ, nhân dân xuất gia công đức vô lượng”.

Kinh Bản Duyên nói: “Xuất gia trong một ngày đêm, hai mươi kiếp không rơi vào ba đường ác”.

Luật Tăng Kỳ nói:

“Xuất gia tu phạm hạnh trong một ngày một đêm được lia ba đường khổ trong sáu trăm sáu ngàn sáu mươi năm”.

Cho đến cạo tóc lúc say, khoác y khi đùa giỡn, trong khoảng thời gian rất ngắn nhưng cũng sẽ được đạo quả; huống gì cắt ái từ thân, đầy đủ chánh nhân trở thành Bồ Tát Tăng, phước báo chẳng có bờ mé.

Hoặc quên thân vì pháp, dứt tuyệt thầy tà, dựng ngọn cờ chánh pháp, cắt đứt lưới ma, soi sáng mặt trời trí tuệ trong căn nhà vô minh tăm tối, che phủ mây mù bi trong rừng rậm phiền não, khiến cho người tin theo tà tiên vào Tam giải thoát môn, giúp cho kẻ kiến chấp phá nát mạng lưới bát điên đảo.

Hoặc làm nên sự nghiệp lớn cho người, trợ giúp phát tâm Bồ đề, tạo nhân duyên tăng thượng, làm người bạn không đợi mời thỉnh.

Kinh Niết Bàn nói: “Trợ giúp người phát tâm Bồ đề thì cho phá năm giới”.

Thế nên biết tổn hại mình mà vì người khác, đó là hạnh của bậc Đại Sĩ.

Hoặc dâng cúng trai phạn cho chư Tăng, trợ giúp đầy đủ phương tiện để các Ngài tu hành, mở cửa bố thí rộng lớn, thiết lập đại hội Vô Giá. Thế nên giảm một muống cơm được sanh lên cõi trời bảy lần; bố thí một miếng lương khô hiện đời bước lên vương vị.

Hoặc tạo phòng kinh, thiên thất, hoặc cúng hoa trái vườn rừng, cung cấp vật cần dùng trợ giúp thành đạo nghiệp. Thuở xưa trợ giúp những vị tu thiên mà tự nhiên được niềm vui cõi trời. Mỗi ngày cung cấp thức ăn cho vị Sa di tụng kinh mà được Tổng trì bậc nhất.

Kinh Đại Báo Ân nói:

“Nếu đem cơm và ngọc anh lạc bố thí cho người trừ bỏ tâm sân hận, nhờ nhân duyên ấy mà được hai tướng tốt:

1. Thân tướng sắc vàng.
2. Thường có ánh sáng”.

Cho đến quét tháp, lau chùa, phụng sự chúng Tăng, khởi tâm cung kính thành khẩn quý trọng, phát một tâm lành nhỏ nhiệm, thành nhân duyên thanh tịnh vô biên.

Kinh Bồ Tát Bản Hạnh nói:

“Thuở xưa lúc Đức Phật còn ở đời, có vị A La Hán tên là Bà Đa Kiệt Lê quán xét nhân địa thấy từng quét dọn cỏ tháp của Phật Định Quang, làm cỏ đốn cây sạch sẽ rồi vô cùng hoan hỷ, đi kinh hành tám vòng, làm lễ rồi đi. Sau khi mạng chung sanh lên cõi trời Quang Âm, hưởng hết tuổi thọ cõi trời cho đến trở lại nhân gian làm Chuyển Luân Thánh Vương một trăm lần, dung mạo đoan chánh, người thấy đều hoan hỷ. Khi muốn đi, đường xá tự nhiên sạch sẽ. Trong chín mươi kiếp ở cõi trời hay nhân gian đều được giàu sang vui sướng, tôn quý vinh hiển khôn cùng. Nay thân rốt sau gặp Phật Thích Ca, bỏ sự giàu sang, xuất gia đắc quả A La Hán”.

Nay có người có thể làm việc lành nhỏ chừng bằng mảy tơ ở nơi Phật Pháp Tăng thì sanh ra được hưởng thọ quả báo rộng lớn không cùng tận.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói:

“Nếu chúng sanh dùng tâm thanh tịnh cúng dường chúng Tăng, quét tháp Như Lai, lúc mạng chung sanh về cõi trời Ý Lạc. Thân không có xương thịt cũng không cấu uế, mùi hương có thể xông đến một trăm do tuần. Thân người ấy thanh khiết giống như gương sáng”.

Phó Pháp Truyện nói:

“Có một Tỳ kheo tên là Cầu Đa quán xét người kia không có phước nên không thể được đạo, bảo rằng phải giáo hóa, cúng dường chư Tăng. Người ấy thực hành theo bèn chứng quả A La Hán.

Lại có một vị La Hán tên là Kỳ Dạ Đa đầy đủ Tam minh Lục thông, quán xét thấy đời trước từng làm thân chó, chưa hề tạm thời có một bữa no, thường chịu đựng đói khát. Vị A La Hán ấy bèn tự thân thường nấu nướng cung cấp cho chúng

Tăng”.

Kinh Đại Báo Ân nói:

“Tư duy nghĩa lý sâu xa của các pháp, ưa thích tu tập pháp lành, cúng dường cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng, những bậc có đức hạnh. Nếu đi trên đường gặp tháp Phật phòng Tăng như uế, sỏi đá, gai góc ngổn ngang thì liền dọn dẹp. Do nhân duyên ấy mà được một tướng lông xoay về bên phải trong ba mươi hai tướng tốt”.

Cho đến thăm bệnh, cúng dường phương tiện cho chư Tăng tắm rửa, đào giếng, dựng nhà xí công cộng, giúp nguy cứu gấp, cứu tế kịp thời, đều là tâm Đại Bồ Tát, trở thành hạnh chẳng thể nghĩ bàn, đã làm lợi ích rộng rãi mọi người thì được quả báo rộng lớn. Hoặc mãi thọ thân hình kiên cố bất hoại, hoặc thường được thân thể tướng hảo thanh tịnh, hoặc vãng sanh thế giới Cam Lộ Phật Quốc, hoặc chóng được thân an nhàn tự tại.

Những việc làm trên đều là nhân thù thắng của ba mươi hai tướng tốt, quả vi diệu của tám mươi vẻ đẹp.

Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân nói:

“Ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, xem bệnh cho thuốc, diệt kiêu mạn, ăn uống biết đủ. Vì nhân duyên đó mà được tướng bàn chân bằng phẳng trong ba mươi hai tướng”.

Kinh Phước Điền nói:

“Đức Phật bảo Thiên Đế:

Thuở xưa ta ở nước Ba La Nại dựng lập nhà xí công cộng, do công đức đó nên đời đời thanh tịnh, hành đạo trải qua nhiều kiếp không nhiễm sự cấu uế, sắc vàng rạng rỡ, bụi như không dính; khi ăn tự tiêu hóa, không có sự lo lắng về đại tiểu tiện”.

Kinh Bách Duyên nói:

“Tỳ kheo Tôn Đà Lợi, trong thời quá khứ làm Trưởng giả. Do dâng cúng nước thơm cho chúng tăng tắm rửa, lại đem trân bảo bỏ vào trong nước. Vì vậy đời này khi sanh ra trong nhà tự nhiên có dòng suối vọt lên, nước thơm ngọt ngào mát mẻ, có các trân bảo đầy đầy trong đó, thân hình đoan chánh, đẹp đẽ trang nghiêm. Về

sau xuất gia, tu hành đắc đạo”.

Kinh Hiền Ngu nói:

“Thuở xưa có năm trăm khách thương buôn vào biển tìm châu báu, thỉnh một vị Ưu Bà Tắc ngũ giới làm thầy dẫn đường.

Thần biển lấy một vốc nước hỏi Ưu Bà Tắc rằng:

- Nước trong vốc tay nhiều hay nước biển nhiều?

Ưu Bà Tắc đáp:

- Nước trong vốc tay nhiều. Nước biển tuy nhiều nhưng đến khi kiếp sắp tận ắt sẽ khô kiệt. Nếu người có thể lấy một vốc nước cúng dường Tam Bảo, hoặc phụng dưỡng cha mẹ, hoặc cho kẻ xin ăn bần cùng, cảm thú. Công đức ấy trải qua nhiều kiếp cũng không hết. Do đó mà biết, nước biển là ít còn nước trong vốc tay thì nhiều.

Thần biển hoan hỷ liền đem trân bảo tặng cho Ưu Bà Tắc”.

Thế nên biết, tất cả vạn vật chỉ có lợi ích khi cứu giúp lúc cấp bách. Nếu như lúc không cần dù có nhiều cũng vô ích.

Trong Kinh nói:

“Nếu như gieo trồng cây vườn rừng, đào giếng, dựng nhà xí công cộng, bắc cầu, phước báo mà người đó làm ngày đêm thường tăng trưởng”.

Cao Tăng Truyện nói:

“Pháp sư Đạo An trong mộng cảm ứng một vị Thánh tăng nói với Ngài rằng:

- Ông đối với sự hiểu biết và tu hành hơn người, nhưng lại ít phước. Nếu ông có thể phụng sự chúng Tăng, sở nguyện ắt được thành tựu”.

Hoặc lấp bằng hầm hố, khai thông đường lộ, tu sửa cầu, đóng thuyền làm bè; hoặc như xây dựng nhà mát nơi nghỉ chân; hoặc trồng cây hoa trái ven đường dùng để tiếp tế mọi người mỗi một khi đi lại; cung cấp đầy đủ những phương tiện trên

đường đi cho người và súc vật.

Trong môn Lục độ phát khởi chí nguyện hoằng dương sâu xa; trong mảnh ruộng tám loại phước, vận dụng tâm từ bi tế độ rộng lớn. Một niệm nhân lành có thể dẫn đến hai loại quả báo:

1. Hoa báo: thọ hưởng niềm vui của người và trời.
2. Quả báo: chứng ngộ nguồn chân của Phật Tổ.

Hoặc như cung cấp thức ăn cho người đói khát, phát thuốc cho người bệnh tật. Phàm cơm áo chỗ ở mà mọi người cần thiết đều dốc sức cung cấp đầy đủ, làm an lạc loài hữu tình.

Những điều đó là gia nghiệp của chư Phật, an ủi người chìm đắm là việc làm thường ngày của bậc Đại Sĩ. Nếu làm được như thế, giả sử có phát cho người bệnh một ít thuốc cũng sẽ được phước lạc lâu dài trong chín mươi kiếp, cung cấp một bữa ăn cho người đói khát cũng sẽ được quả báo nhiều của cải gấp ngàn lần.

Trong kinh nói:

Bồ thí thức ăn được năm điều lợi ích:

1. Sống lâu.
2. Sắc đẹp.
3. Sức mạnh.
4. An ổn.
5. Tài hùng biện.

Luận Đại Trí Độ nói: “Quý thần được một bữa ăn của loài người thì biến hóa ra gấp ngàn vạn lần”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Lại phóng ánh sáng tên An ổn
Ánh sáng này soi người tàn tật
Khiến trừ tất cả các đau khổ
Đều được vui chánh định Tam Muội
Bồ thí lương dược cứu các bệnh
Dầu tỳ, sữa mật, thức ăn uống

Do đó được thành ánh sáng này”.

Hoặc bồ thí sự vô úy, khéo điều hòa tranh cãi, thương xót kẻ nghèo hèn cô độc, cứu giúp nguy nan. Làm những việc này được phước báo sanh về cõi Phạm Thiên, hạnh sánh bằng bậc Đại Giác. Nhân mạnh mẽ thì quả thù thắng; đức cao dày ắt quả sâu rộng.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Lại phóng ánh sáng tên Vô úy
Ánh sáng này chạm người sợ hãi
Phi nhân đem các thứ độc hại
Khiến tất cả đều mau trừ diệt.
Hay thí Vô úy cho chúng sanh
Gặp sự não hại đều khuyên dừng
Cứu giúp kẻ nguy nan cùng khốn
Do đó được thành ánh sáng này.

Vả lại, thực hành từ bi hỷ xả, các việc lợi ích giúp người nghèo, thay thế chịu đau khổ, dù lòng thương xót và bố thí một ít thức ăn cho súc sanh. Những điều đó đều là việc làm của Phật, đều là nhân của lòng từ bi không điều kiện.

Kinh Pháp Cú nói: Thực hành từ bi có mười một điều lợi. Đức Phật nói kệ rằng:

“Thực hành nhân từ, bác ái giúp người
Mười một điều khen, phước thường theo mình
Nằm an ngủ yên, không thấy ác mộng
Trời hộ người mến, độc binh chẳng hại
Nước lửa không chết, hiện tại được lợi
Chết sanh Phạm Thiên, đó là mười một”.

Thế nên trong kinh nói, mọi căn lành của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật đều lấy từ bi làm gốc.

Luận Tỳ Bà Sa nói:

“Nếu người tu tập từ bi, lửa không thể thiêu đốt, đao không thể làm tổn thương, độc không thể hại, nước không thể cuốn trôi, người khác không thể sát hại. Sở dĩ được vậy là vì Định Tâm Từ, là pháp bất hại nên có uy thế lớn, chư Thiên ủng hộ

không gì hại được”.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Đức Phật bảo rằng:

“Nếu người ở trong A tăng kỳ kiếp dùng thân cúng dường chư Phật, chư Bồ Tát và chúng Thanh Văn trong khắp mười phương, chẳng bằng có người thí cho súc sanh một bữa ăn, phước ấy còn hơn người kia gấp trăm ngàn muôn lần vô lượng vô biên”.

Luận Đại Trượng Phu nói:

“Dùng tâm từ bi bố thí cho một người, công đức rộng lớn như mặt đất. Vì mình mà bố thí tất cả, được quả báo nhỏ như hạt cải. Cứu giúp một người mắc nạn nguy cấp hơn tất cả sự bố thí khác. Các vì sao tuy có ánh sáng, chẳng bằng ánh sáng của một mặt trăng”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Bồ Tát thí cho súc sanh một vắt cơm, hoặc một hạt gạo, đều phát nguyện thế này:

Sẽ khiến cho chúng thoát khỏi đường súc sanh, được lợi ích an vui, giải thoát rốt ráo, qua hẳn biển khổ, diệt hẳn khổ thọ, trừ hẳn khổ uẩn, đoạn hẳn khổ giác, khổ tụ, khổ hạnh, khổ bản và các chỗ thống khổ. Nguyện các chúng sanh kia đều được lìa bỏ mọi sự đau khổ.

Bồ Tát chuyên tâm buộc niệm như thế đối với tất cả chúng sanh, do căn lành ấy mà từ bi được gọi bậc nhất. Vì nó mà hướng về Nhất thiết Chủng trí”.

Kinh Đại Niết Bàn nói:

“Đức Phật thọ quả khứ chỉ tu một hạnh từ bi mà trải qua bảy lần thế giới này thành hoại đều chẳng sanh trở lại. Khi thế giới này hoại thì sanh lên cõi trời Quang Âm; lúc thế giới này thành, sanh vào cõi Phạm Thiên làm Đại Phạm vương; ba mươi sáu lần trở lại làm Thiên Đế Thích; vô lượng trăm ngàn đời làm Chuyển Luân Thánh Vương, cho đến thành Phật”.

Vả lại, vua A Xà Thế thả voi say định dẫm nát Đức Phật. Bầy voi thấy trong tay Phật hiện ra năm con sư tử, chúng đều quỳ lễ dưới chân Ngài. Những việc như hiện gặp con, người mù được sáng, thành trì biến thành vàng bạc lưu ly, Thế Tôn nâng tảng đá, Thích Nữ được lành vết thương, Đề Bà Đạt Đa bệnh tình thuyên giảm, đều

là do sức mạnh luân tu căn lực từ thiện trong nhiều kiếp nên có thể khiến cho những người đau khổ thấy các việc như thế.

Nay đã noi theo Đức Phật, nên đi trên con đường huyền diệu này. Cho đến phóng sanh chuộc mạng, ngăn chặn sát hại, dứt trừ việc nấu nướng chúng sanh, phóng thích kẻ bị giam cầm, nối tiếp sanh mạng dài lâu, tạo thành nhân huệ mạng. Khiến cho chúng được toàn vẹn thân hình, trên đất bằng dưới nước chắm dứt nỗi khổ rơi vào lưới bẫy, lưới câu, mặc tình bay lượn lội bơi, thoát khỏi nỗi lo lắng cháy rừng khô đầm, tránh khỏi nạn thai mới bị hư, trong tổ không có trứng cũ, chẳng còn sự đau khổ do cắt thịt nấu nung trong dầu sôi lửa bỏng.

Kinh Phạm Võng nói:

“Nếu là Phật tử do lòng từ bi nên thực hành phóng sanh. Vì tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Ta đời đời từ họ mà thọ sanh. Cho nên chúng sanh trong sáu nẻo đều là cha mẹ của ta. Nếu giết hại và ăn thịt chúng tức là giết hại cha mẹ, cũng là giết hại thân cũ của ta.

Tất cả đất nước là thân trước kia của ta, tất cả gió lửa là bản thể của ta. Vì vậy thường thật hành phóng sanh, cho đến nếu không như thế thì phạm tội khinh cầu”.

Nên biết hữu tình và vô tình chúng sanh đều không thể tổn hại chúng.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Phật tử Đại Bồ Tát làm Đại quốc vương, đối với pháp luật tự tại, ra lệnh thực hành phổ biến khiến cho trừ bỏ nghiệp sát. Trong cõi Diêm Phù Đề nơi thành ấp, xóm làng, tất cả lò sát sanh, quốc vương đều ra lệnh ngăn cấm. Bồ thí rộng rãi sự không sợ hãi cho các loại chúng sanh không chân, hai chân, chẳng có tâm dối lừa chiếm đoạt, tu rộng rãi tất cả hạnh. Nhân từ đến mọi vật, chẳng làm việc tổn hại đau buồn; phát tâm cao quý làm an ổn chúng sanh.

Ở chỗ chư Phật lập chí nguyện ưa thích sâu xa, tự mình thường an trụ nơi ba loại tịnh giới, cũng khiến chúng sanh đều an trụ như thế. Đại Bồ Tát khiến chúng sanh thực hành năm giới, dứt hẳn nghiệp sát, dùng căn lành này hồi hướng như thế. Gọi là nguyện tất cả chúng sanh phát tâm Bồ Tát đầy đủ trí tuệ, giữ gìn mãi mạng sống không cùng tận. Cho đến thấy chúng sanh ôm lòng tàn nhẫn làm tổn hại người vật khiến thân thể chúng khuyết giảm chịu những sự khổ sở và độc hại, thấy việc đó rời khỏi tâm đại từ bi thương xót cứu độ, khiến tất cả người dân trong cõi Diêm

Phù Đề đều bỏ nghiệp sát”.

Kinh Niết Bàn nói:

“Ai cũng tiếc thân mạng
Mọi người sợ dao gậy
Từ mình mà suy người
Chớ giết chớ đánh đập”.

Xưa có Thiên tăng tên Đặng Ân Phong. Khi chưa xuất gia làm nghề thợ săn, từng bắn một con vượn. Vượn ấy rơi xuống đất mà chết. Giây lát, vượn mẹ cũng rơi xuống đất mà chết. Nhân đó Đặng Ân Phong mổ bụng vượn mẹ mới thấy ruột gan đã đứt từng đoạn. Do vậy ông bèn bỏ nghề thợ săn mà xuất gia.

Thế nên biết thân người, thân thú chịu quả báo ngàn sai muôn khác, nhưng cội gốc tình ái giống nhau như một. Cho nên cọp mất rừng cùng đường mới gởi mạng sống trong chuồng, chim lông vũ xác xơ hoảng kinh mới gieo mình bên áng.

Đến như Vương Sanh nuôi chim én đâu có ý mong vòng ngọc, Không Thị thả rùa đâu có tâm cầu kim ấn. Sanh mạng đã không phân biệt lớn nhỏ, lẽ nào tội lại ngăn cách nơi trí ngu?

Hành vi của ba nghiệp cần phải thận trọng, làm tổn thương hoặc làm giết còn đền trả tai ương; cố ý gây tạo thì làm sao tránh khỏi nghiệp báo?

Hoặc thọ giới một ngày, hoặc trì bát quan trai, hoặc không ăn thịt chúng sanh, hoặc dứt hẳn máu huyết, hành tởi, thì tránh khỏi vùng đất có tam tai, được sanh lên sáu cõi trời Đục. Như thế, đã làm nhân duyên trường thọ mà còn tích lũy hạt giống đại từ bi.

Trong kinh nói:

“Thuở xưa có một người tên Ca La Việt thiết lập trai đàn lớn thỉnh Phật và chúng Tăng. Lúc ấy có một người bán tô lạc đi đến. Ca La Việt mời ông ấy ở lại dùng cơm và khuyên trì trai nghe kinh đến tối mới về. Về tới nhà, người vợ nói rằng:

- Tôi từ sáng đến giờ chưa ăn để đợi ông đến giờ này.

Ông ta bèn phạm giới trai. Về sau lúc lâm chung nhờ phước ấy nên được sanh cõi trời. Lúc phước hết sanh xuống nhân gian, bảy đời thường được cơm áo tự nhiên

đầy đủ”.

Phước của nửa ngày trai còn được sanh về Thiên giới. Một ngày trì trai tự nhiên sáu mươi vạn năm lương thực dư thừa. Lại có năm điều phước:

1. Ít bệnh.
2. Thân tâm an ổn.
3. Ít dâm dục.
4. Ít ngủ nghỉ.
5. Sau khi mạng chung thân thức được sanh lên cõi trời, biết được việc trong những đời trước.

Hoặc ôm lòng hổ thẹn, thường sanh tâm vui mừng, biết phận mình tri ân, luôn khởi ý tưởng báo đáp.

Kinh Tạp A Hàm nói:

“Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ kheo: Có hai pháp thanh tịnh có thể bảo hộ thế gian. Hai pháp ấy là hổ và thẹn. Giả sử thế gian không có hai pháp thanh tịnh này thì mọi người cũng không biết có cha mẹ, anh chị em, vợ con, tôn nhân, sư trưởng, tôn ti lộn lạo hỗn loạn giống loài cầm thú.

Đức Phật bèn nói lời kệ:

“Nếu thế gian không có
Hai pháp hổ và thẹn
Trái ngược đạo thanh tịnh
Tới sanh, già, bệnh, chết.
Nếu thế gian thành tựu
Hai pháp hổ và thẹn
Tăng trưởng đạo thanh tịnh
Mãi đóng cửa sanh tử”.

Hoặc thay thế hình phạt tru diệt cho người, gánh lấy tội lỗi của kẻ khác, xả thân cứu giúp. Hoặc phóng thích kẻ lao tù, xá tội hình phạt. Hoặc quy tụ kẻ lang thang, trợ giúp những người trốn nợ. Hoặc ngăn chặn cửa ải nơi biên giới, xóa bỏ thuế má cho những người buôn bán. Hoặc chu cấp giúp đỡ những người bần cùng bệnh tật, cứu trợ những kẻ cô độc. Thường ôm lòng nhân từ, thương người như thương thân mình; thường tâm niệm thương yêu và ban bố ân huệ đến mọi người. Hoặc thức hoặc mộng chẳng quên lòng từ, thậm chí đến các loài bọ bay máy cựa cũng đều

chở che bảo hộ.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Này Phật tử! Đại Bồ Tát thấy có người bị giam cầm, trói buộc tay chân, chịu những sự đau khổ độc hại. Những kẻ canh gác áp bức người kia cận kề cái chết mạng sống sắp đoạn dứt. Thậm chí Bồ Tát còn tự bỏ thân mạng, thay thế người kia chịu mọi sự đau khổ độc hại. Khi ấy Bồ Tát nói với người chủ rằng:

- Tôi nguyện xả thân để thế mạng cho người kia. Những điều đau khổ ấy, tôi xin nhận lấy, tùy ý ông hành hạ. Dù hơn người kia gấp muôn vạn lần, tôi cũng sẽ chịu được, để cho họ giải thoát. Nếu tôi thấy người kia sắp bị sát hại mà không xả thân mạng để cứu giúp sự đau khổ cho họ thì chẳng gọi là trụ ở nơi tâm Bồ Tát. Tại sao? Tôi vì cứu hộ tất cả chúng sanh nên phát tâm Bồ đề Nhất thiết trí”.

Kinh Chánh Pháp Niệm xứ nói: “Dựng một ngôi chùa chẳng bằng cứu một mạng người”.

Trong kinh Đọa Lam Bản so sánh các loại phước báo đều chẳng bằng tâm từ bi. Thương xót tất loại bò bay máy cưa, phước ấy là hơn hết.

Hơn tận trung trọn hiếu, giúp nước trị nhà, thực hành nếp sống khiêm nhường, thi hành đạo ôn hòa cung kính, phụng dưỡng cha mẹ thành tựu phước điền bậc nhất, phụng sự những bậc tôn đức hiền tài, khai mở con đường trong sáng dẫn đến cõi trời.

Kinh Hiền Ngu nói:

“Đức Phật bảo A Nan: Người xuất gia và tại gia thực hành từ tâm hiếu thuận cúng dường cha mẹ, công đức thù thắng ấy khó mà lường xét được.

Tại sao?

Nhớ lại thời quá khứ, ta thực hành từ tâm hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, cho đến dùng thịt nơi thân mình cứu sống cha mẹ lúc nguy cấp. Do công đức ấy nên sanh lên cõi trời thì làm Thiên Đế, sanh xuống nhân gian thì làm Thánh Vương, cho đến thành Phật. Làm bậc tôn qui trong ba cõi đều do phước báo này”.

Hoặc khen ngợi đức hạnh của người khác, nêu cao việc thiện. Hoặc tán thán danh tiếng của người, mở đường tiến cử hiền tài. Ưa thích làm nên việc tốt đẹp cho

người, giúp đỡ họ phát tâm mạnh mẽ; vui mừng khi người khác được vinh dự, cùng giúp nhau làm việc tốt. Như thế có thể dẹp trừ lòng tật đố, giúp bỏ thân phần hận, đồng thời lại phát khởi bốn tâm vô lượng, xem muôn vật như mình, thành tựu bốn hạnh an lạc, làm lợi ích tất cả hữu tình.

Thế nên, chư vị Bồ Tát thường nghĩ nhớ về đời quá khứ. Ở trong biển khổ mê mông mà làm những việc không lợi ích, phí tổn công sức, chỉ tăng trưởng thêm mầm nhân nghiệp chướng. Nay tỉnh xét lại sự sai lầm trước kia, nhanh chóng thực hành Phật đạo, khoác áo giáp tinh tấn, phát tâm kim cang, thực hành mọi việc lành, đem giáo pháp làm lợi ích chúng sanh.

Ở giữa thế gian mà thường an trụ trong chánh định, thị hiện thân thông khéo léo, hòa quang đồng trần, âm thầm tu hành tác dụng sâu kín. Dập tắt ngọn lửa vô minh, bẻ gãy ngọn cờ kiêu mạn; uyển chuyển tùy thuận thích nghi căn cơ, dáng vẻ hài hòa khéo léo dạy bảo. Dùng ái ngữ thâm nhiếp, đem ánh mắt từ bi mà nhìn mọi người; khai thị cho kẻ ngu mê, an ủi cho người đang sợ hãi. Treo mặt trời soi sáng thế gian, thấp ngọn đèn xưa tan tăm tối; mở cánh cửa ngục tù ba cõi, rưới nước dập tắt ngôi nhà lửa. Làm mãn nguyện những người mong cầu, giống như ngọc Như Ý; giải trừ cội gốc của bệnh tật, cũng như thuốc Thiện Kiến. Làm khô biển đục trở thành biển từ bi, nghiền nát bánh xe đau khổ tạo thành bánh xe trí giác, cứu giúp những kẻ bần cùng làm thành bến bờ phước đức, chuyển đổi cánh đồng sanh tử trở thành con đường Bồ đề.

Trong pháp của chư Phật thực hành tất cả. Trong cõi chúng sanh cứu độ không sót một ai. Giống như đất chuyên chở, như chiếc cầu đưa người, như sức gió duy trì, như nước thấm nhuần, như lửa làm chín, như mùa xuân giúp muôn vật sinh trưởng, như hư không dung nạp, như mây che phủ.

Được vậy mới khiến cho người nghe danh thoát khổ, người thấy bóng được an, chạm đến ánh sáng thì trần cấu nơi thân được thanh tịnh, nghĩ nhớ thì tâm vượt được điều phục. Như thế đều là từ nơi nhỏ nhiệm mà đến chỗ rõ ràng, lần lần tích lũy căn lành, công hạnh viên mãn thành tựu đại sự.

Tạo sao lại hủy báng con đường nghiệp lành, mở ra cánh cửa trong nẻo ác, gây tạo nghiệp ma đoạn diệt hạt giống Phật?

HẾT QUYỂN TRUNG

VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP
Quyển Hạ
THIÊN SƯ VĨNH MINH - Thích Minh Thành dịch

Một niệm nhanh chóng viên mãn thì ba đức đầy đủ, chưa có một pháp nào có thể vượt khỏi nguồn tâm.

Giả sử tu hành vạn hạnh cũng đều từ nơi chơn pháp giới mà thành tựu, hoặc đối trị tập khí nên dùng Tri kiến Phật đoạn trừ. Gọi là không thành mà thành, chẳng trở ngại diêu hạnh; không đoạn mà đoạn, như thế thì đâu trở ngại sự viên tu. Cảnh trái ngược cực ác còn giúp tăng tri thức, việc lành đức tốt lẽ nào chẳng phải là con đường dẫn đến giác ngộ?

Hỏi:

Tại sao không trực tiếp thấu suốt Bản thể? Gốc đã lập, đạo pháp sanh, nếu trình bày rộng về những môn tu hành, e rằng sẽ bị ngưng trệ.

Đáp:

Lý là gốc của đạo, hạnh là ngọn của đạo.

Do gốc mà có ra ngọn, nếu không có gốc, ngọn sao có thể thi hành. Nhân ngọn mà hiển bày cội gốc; không có ngọn, cội gốc đâu thể đứng riêng được. Thế nên nói, gốc và ngọn tuy khác nhau, nhưng chỗ Chẳng Thể Nghĩ Bàn chỉ có một. Do đó nên biết, trước thấu rõ tông chỉ rồi mới có thể tiến đạo, nếu một bề đuổi theo cành ngọn thì thật có sự trở ngại.

Trong kinh nói:

“Không có ai chẳng thấu rõ Chân như mà có thể thành tựu đạo hạnh. Nếu không cũng giống như việc huyễn, dường như có mà chẳng phải thật. Và lại, người căn cơ viên đôn tiếp nhận nhanh chóng, tuy có sự phá trừ (Quán Không) và chiếu soi

(Quán Giả) mà vẫn không trê ngại.

Ngay nơi sự phá trừ mà chiếu soi, nên phủ định cả hai mà thực hành cả hai. Ngay nơi sự chiếu soi mà phá trừ cho nên thực hành cả hai mà trừ dẹp cả hai. Chẳng hủy hoại cội gốc mà thường vận dụng cành ngọn nên vạn hạnh đầy khởi. Chẳng hủy hoại cành ngọn mà an trụ cội gốc cho nên nhất tâm hằng lặng lẽ”.

Hỏi:

Kinh Pháp Cú nói: “Nếu tâm không đầy khởi, đó là sự tinh tấn không có bờ mé”. Tại sao lại thiết lập sự tương, đầy khởi tâm tư, trái ngược với đạo vô tác?

Đáp:

Ngay nơi tâm mà vô tâm, Sự chẳng trở ngại duyên.

Thế nên Quốc sư Hiền Thủ nói:

“Bản thể của duyên khởi lặng lẽ, tuy sanh khởi mà thường chẳng khởi. Thấu suốt thể tánh tùy duyên, tuy không sanh khởi mà thường sinh khởi”.

Kinh Đại Tập nói:

“Đức Phật bảo rằng tinh tấn có hai loại:

- Một là tinh tấn mới phát.
- Hai là tinh tấn thành tựu rốt sau.

Bồ Tát dùng sự tinh tấn mới phát tu tập thành tựu tất cả pháp lành, dùng sự tinh tấn thành tựu rốt sau phân biệt tất cả pháp chẳng có tự tánh”.

Trong kinh Kim Quang Minh nói, tuy được Phật quả mà tinh tấn không ngơi nghỉ, cho nên ở trước đại chúng lay động xương khô. Huống gì những kẻ phàm phu khoan tay không làm mà có thể thành tựu được sao? Do đó Mười tám pháp Bất cộng có pháp Tinh tấn Vô giảm.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Bồ Tát biết tất cả sự tinh tấn đều là hư vọng mà thường thành tựu Bất thối chuyển. Như thế gọi là tinh tấn chân thật”.

Hỏi:

Tất cả pháp rỗng không, đều trở về vô tướng. Tại sao lại trình bày các điều lành, sanh khởi tâm hữu tướng?

Đáp:

Do các pháp rốt ráo không có gì nên có sự thực hành muôn điều lành. Nếu các pháp có tánh quyết định thì tất cả không thể thiết lập.

Vì vậy kinh Bát Nhã nói: “Nếu các pháp chẳng phải là không thì không có đạo, không có quả”.

Kinh Pháp Cú nói: “Bồ Tát ở trong tánh không rốt ráo mạnh mẽ kiến lập các điều lành”.

Kinh Kim Cang Tam Muội nói:

“Nếu nói có một pháp thì tướng của nó giống như hoa đốm giữa hư không, giống như sóng năng. Do si mê điên đảo mà có ra các thứ hư vọng.

Nếu thấy pháp là không thì các pháp đồng với hư không, như người mù không có mắt, nói một cách điên đảo rằng các pháp giống như lông rùa”.

Kinh còn nói: “Thà chấp Có như núi Tu Di, không nên chấp Không như hạt cải”.

Trong Luận nói:

“Ở trong Thật tướng của các pháp tìm tướng quyết định không thể được, cho nên gọi là vô sở đắc. Nhưng chẳng phải là không có phước đức, trí tuệ tăng trưởng căn lành”.

Lại nói:

“Người tà kiến phá dẹp các pháp để phù hợp với Không. Người quán xét về Không, biết Tánh chân không của các pháp chẳng phá chẳng hoại. Ví như kẻ què mùa ban đầu chẳng biết muối, thấy người giàu sang dùng muối nêm vào rau thịt để

ăn.

Người ấy hỏi:

- Tại sao làm như thế?

Người giàu kia đáp:

- Muối này có thể làm cho vị của thức ăn ngon hơn.

Người ấy bèn suy nghĩ, muối này có thể làm cho các thức ăn ngon hơn vì vị của nó chắc chắn rất ngon. Kẻ quê mùa bèn vốc muối cho vào đầy miệng mà ăn nên bị dọp lưỡi, bỏng miệng.

Lúc đó, người ấy hỏi rằng:

- Tại sao ông nói muối có thể làm ngon thức ăn?

Người giàu sang bảo kẻ ngu ấy:

- Cần phải lường xét nhiều ít để hòa vào làm cho thức ăn ngon, tại sao ông chỉ ăn muối?”.

Người vô trí nghe về Không - Giải thoát môn thì chẳng thực hành các công đức, chỉ muốn đạt được tánh không, đó là tà kiến đoạn dứt các căn lành.

Đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn giải thích kinh Niết Bàn: “Hỏi rằng:

- Nếu không được gì tại sao làm điều lành?

Đức Phật đáp:

- Biết rõ tánh Phật vốn có nơi các chúng sanh ắt sẽ đạt được quả, giống như đứa bé ở trong thai nhất định nhất định sanh ra. Cho nên theo lý cần phải tu thiện.

Lại nói:

- Nay tôi không biết chỗ tiến vào, làm sao làm điều lành?

Đức Phật đáp:

- Có Như Lai Tạng có thể tiến vào, nên tu tập nghiệp lành”.

Hoằng Minh Tập nói:

“Hoặc có người chấp chặt vào Không một cách sai lầm, phát sanh cái thấy đoạn diệt. Khi nói về Không nơi miệng dường như giống nhau; lúc dùng về Không thì nơi tâm lại khác biệt.

Chánh pháp dùng Không để trừ bỏ tham đắm, tà thuyết dùng Không để bồi đắp ái nhiễm. Đại Sĩ thể hội tánh không tiến triển đạo đức, tiểu nhân nói về tánh không để thối lui điều lành. Bởi do, dùng lời chân chánh một cách trái ngược nên phát sanh tà chấp”.

Chẳng quán xét tánh không để diệt trừ khổ lụy, chỉ bám vào Không mà phé bỏ mọi việc lành. Và lại, các pháp thiện ác vốn đồng với Không vô tướng. Song, pháp lành thì hỗ trợ tiến đạo, pháp ác lại phát sanh nghiệp chướng.

Nên biết Chân tánh của muôn pháp vốn đồng nhất như, trong pháp nhân duyên chẳng ngại gì có muôn ngàn sai khác.

Thế nên, trong kinh nói: “Tin sâu nhân quả, chẳng phi báng Đại thừa”.

Nhân quả ba đời, Đức Phật chẳng lừa dối. Bạc Thập lực khuyên dạy, người nghe chớ nên nghi ngờ. Sao lại bảo rằng thiện ác đều rỗng không, không có sự tổn hại và lợi ích? Pháp nhãn sáng tỏ chẳng có pháp gì chẳng rõ; tướng lưới rộng dài mỗi lời nói đều chân thật.

Phân tích về Có thì một cọng lông chia thành muôn vạn, nói về tánh không bình đẳng thì vạn vật đều đồng nhất. Ngăn ngừa lỗi lầm chấp đoạn-thường nên dẹp trừ cả bệnh Không lẫn bệnh Có.

Kẻ chê bai bậc Thánh ắt gặp điều ác, người thuận với đạo rốt cuộc được tốt lành. Chớ bảo rằng không tin, điều đó rõ ràng như mặt trời giữa ban ngày. Cho nên Trung Luận nói:

“Chư Phật nói về pháp Không là vì để trị bệnh chấp Có. Nếu lại chấp trước vào Không thì chư Phật chẳng thể hóa độ”.

Kinh Kim Cang Tam Muội nói:

“Nếu rời Không mà lấy Có, phá đẹp Có mà lấy Không thì đó là cái không giả dối, chẳng phải là cái không chân thật. Nay tuy rời Có mà chẳng ở nơi Không, như thế mới được cái không chân thật của các pháp”.

Do đó Triệu Luận nói:

“Nếu lấy Có làm Có thì lấy Không làm Không. Có đã chẳng phải là Có thì Không cũng chẳng phải là Không. Phàm chẳng ở nơi Không mà quán xét các pháp, có thể gọi là thấy được thật tánh của pháp”.

Tại sao lại lấy Không tổn hại Có, lấy Có tổn hại Không, trái với cội nguồn một vị, tạo thành sự sai lầm của cái thấy hai? Hoàn toàn là do dựa nơi ngôn ngữ mà làm mất đi nghĩa lý, bỏ trí theo tình.

Tuy bảo rằng phá đẹp Có mà chưa thấu suốt cội nguồn của Có, lại gượng chấp Không mà chẳng tỏ rõ trọn vẹn ý chỉ của Không. Nay sơ lược phân biệt rõ để làm tiêu tan sự ngăn trệ của tà chấp.

Phàm nói về “Có” chẳng phải là có mà có, cái có ấy chẳng phải là thật có. “Không” chẳng phải là không mà không, cái không ấy chẳng phải là cái không đoạn diệt.

Nếu quyết định là Có thì chẳng phải là huyễn có, phát sanh sự ngăn cách chướng ngại. Nếu rốt ráo là Không thì đồng với hư không, không có diệu dụng.

Cho nên từ duyên mà Có là cái không chẳng có tự tánh. Cái không chẳng có tự tánh thì Không chẳng chướng ngại Có. Cái Có từ duyên mà có nên chẳng trở ngại Không. Có do Không mà thành lập, nên trở thành trí viên mãn hưng khởi vạn hạnh; Không từ Có mà sanh ra, do đó phát khởi tuệ nhiệm mầu mà Nhất chân thường rỗng lặng.

Lẽ nào lại đồng với kẻ chỉ chấp không phát sanh cái thấy đoạn diệt, nên biện phước khô cạn; dựa vào thật có khởi tâm chấp thường, do vậy ngọn núi ngã mạn ngất cao.

Vì thế chư Phật nói về Không là Không vô minh mà thành phước nghiệp, phá trừ Biên kế sở chấp để tỏ rõ trí Viên thành thật. Người ngu nói về Không thì phát sanh sự hiểu biết sai lầm, phi báng ý chỉ của chư Phật, tăng thêm chấp không và hủy diệt

nhân lành.

Hơn nữa, nói về cái không đoạn diệt thì không thiện không ác không nhân không quả. Còn Đệ nhất nghĩa Không ắt có nghiệp có báo mà chẳng thấy người tạo ra.

Hỏi:

Sao chẳng thâm nhập vô sanh tự nhiên hợp đạo. Hữu vi nhiều lầm lỗi đâu có lợi ích cho người mới phát tâm?

Đáp:

Do nơi lòng từ bi thế gian mà tiến vào tâm từ bi chân thật, từ Sanh nhẫn mà đầy đủ Pháp nhẫn. Sự tu học có phân chia ban đầu và rốt sau, vị thứ đâu thể trình bày lẫn lộn. Và lại, sanh tức là vô sanh lẽ nào vượt qua khỏi tánh không; vô vi tức là hữu vi thì đâu ra ngoài Thật tướng. Chỉ cần bỏ tâm thủ xả thì đạo lý Chân và Tục hiện bày.

Thế nên, kinh nói: “Bồ Tát chẳng bỏ hết hữu vi, chẳng trụ nơi vô vi”.

Pháp sư Tăng Triệu nói:

“Hữu vi tuy giả dối nhưng bỏ nó thì chẳng thành tựu sự nghiệp lớn. Vô vi tuy chân thật nhưng trụ nơi đó thì trí tuệ không tỏ sáng”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Hiểu rõ thân Như Lai chẳng phải như hư không. Vì tất cả công đức vô lượng pháp vi diệu đều viên mãn”.

Kinh Đại Tập nói:

“Rời bỏ tâm đại từ mà quán xét về vô sanh, đó là việc làm của ma. Chán nản rời bỏ công đức hữu vi, đó là việc làm của ma”.

Hỏi:

Tánh đức vô lậu vốn tự đầy đủ, đâu cần nhờ vào sự tu hành bên ngoài mà tổn giảm đức lành ở bên trong?

Đáp:

Vốn tự có hai đức: Tu và Tánh, cùng hai duyên trong và ngoài. Nếu nói về Tánh đức vốn đầy đủ, cũng giống như lửa ở trong gỗ chẳng có tác dụng, phải nhờ Tu đức, giống như gặp nhân duyên cọ xát mới có thể phát ra lửa. Thế nên do Tu mà hiển bày Tánh, từ Tánh mà thành tựu sự Tu. Nếu vốn không có Tánh thì Tu cũng chẳng thành tựu. Tu và Tánh không hai, hòa hợp với nhau mới hoàn bị.

Vả lại bên trong có bản giác thường huân tập hạt giống Thánh, bên ngoài nhờ duyên lành hỗ trợ khai mở trí giác. Có trong mà thiếu ngoài thì sự giác ngộ chẳng viên mãn.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Pháp như thế, vì bên trong do có tánh giác bản hữu; bên ngoài do được thân lực của chư Phật hỗ trợ”.

Thế nên tu tập muôn điều lành thì thuận với Pháp tánh; dùng tịnh đẹp nhiễm, tánh đức mới phát khởi. Phạm phu vốn đầy đủ tánh đức vô lậu, nhưng do tạo điều ác nên trái ngược bản tánh. Bản tánh không hiển bày, vì vậy chẳng thành tựu diệu dụng.

Hỏi:

Quên duyên nhanh chóng thể nhập, trong giáo lý có nói rõ ràng. Nay tại sao lại sai lầm đuổi theo pháp nhân duyên?

Đáp:

Một môn Đốn giáo là pháp thích ứng cho hàng thượng căn. Quên duyên thanh tịnh tâm ý, đó là sự tu hành chân thật. Ở đây nói là vì người chấp trước vào pháp, sanh khởi cái thấy nghiêng lệch, một mực hủy hoại sự tương, chẳng thấu rõ tông chỉ viên dung. Chỉ giải thích tình chấp hư vọng, lẽ nào lại dẹp trừ giáo pháp.

Cũng như một việc thấy Phật mà có năm cách nhìn khác nhau:

1/ Hàng Tiểu Thừa: thấy thân Phật tức là thân do cha mẹ sanh, ở ngoài tâm, có tướng hảo, phân chia ý thức huân tập, có sự phân biệt, chẳng biết nghĩa Duy thức nên thấy từ bên ngoài đến.

2/ Đại Thừa Sơ Giáo: thấy Phật chỉ là hóa hiện chẳng có tướng hảo, thật thể rỗng không, không có gì. Nên nói nếu từ nơi ba mươi hai tướng mà quán xét Như Lai thì Chuyên Luân Thánh Vương tức là Như Lai.

3/ Đại Thừa Chung Giáo: thấy Phật tướng hảo quang minh, nhất nhất đều đồng Chân tánh, thân tức là chẳng phải thân, chẳng phải thân tức là thân, Lý-Sự vô ngại.

4/ Đốn Giáo: thấy Phật không có sự khác biệt trước sau thì đâu có sự ứng hiện khác nhau, cũng không có tướng hảo để thiết lập. Vì tất cả phân biệt chẳng phải lẽ thật, chỗ chân thật lia niệm này gọi là thấy Phật.

5/ Nhất Thừa Viên Giáo: thấy Phật tức là chỗ chân thật lia niệm này, chẳng những lý thể không sanh khởi hình tướng kia mà còn không trở ngại vạn vật hưng khởi. Đây đủ y báo và chánh báo, bao quát Sự Lý, người và vật...tròn đầy sáng tỏ. Một sự vật khắp cả mười phương, tất cả thế giới thấy đều đồng thời ảnh hiện, giống như mạng lưới ngọc của Thiên Đế Thích.

Vả lại, một môn Duyên khởi, nếu là Đốn giáo thì chẳng nói về duyên khởi, tức là sự tướng làm cho chân lý chẳng hiện. Phải đợi tướng tiêu hết mới là thật tánh, nếu nói duyên khởi thì cũng như do mắt bệnh mà thấy hoa đốm giữa hư không. Nếu là pháp giới Viên giáo đầy khởi ắt một và nhiều thâm nhiếp lẫn nhau, hữu lực vô lực mới được thành lập. Một và nhiều vô ngại nhiếp nhập đồng thời, đó gọi là môn Đại duyên khởi.

Năm môn trên đều là lỗi vào còn chẳng quở trách Tiểu thừa, sợ phé bỏ môn quyền biến. Tại sao lại bài xích Viên giáo làm trở ngại đức chân thật?

Giáo lý Tông Thiên Thai nói:

“Nếu thấy Đại thừa không hoằng truyền giáo lý Tiểu thừa thì đánh mất môn phương tiện của Phật”.

Như các bậc Cao đức thuở xưa, dù có những lời nói bác bỏ cũng đều là vì mọi người mà dẹp trừ chấp trước. Thời nay chỉ bắt chước theo lời nói của các Ngài, nhưng chẳng biết ý của người xưa. Hơn nữa, hoàn toàn chưa bước vào môn Đốn giáo, chỉ phỉ báng bừa bãi, như thế thật rất lỗi lầm! Vậy phải nên thương xót họ.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Ly Thế Gian thuộc giáo lý Viên đốn nói rằng:

“Phật tử! Đại Bồ Tát phải suy nghĩ thế này:

Đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng lấy tâm làm gốc. Nếu tâm thanh tịnh thì có thể viên mãn tất cả căn lành, ở nơi sự giác ngộ của Phật ắt được tự tại. Muốn thành tựu đạo Giác ngộ Chân chánh Vô thượng tùy ý liền thành tựu. Nếu muốn đoạn trừ tất cả duyên chấp thủ, trụ ở nơi nhất hướng đạo, ta cũng có thể làm được nhưng ta không đoạn trừ. Vì muốn đạt đến sự giác ngộ rốt ráo của Phật nên cũng không chứng ngay Vô thượng Bồ đề.

Tại sao?

Vì mãi bồn nguyện, thực hành hạnh Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cùng tận tất cả thế giới. Đó là tâm thế nguyện Đại thừa giống như Kim cang”.

Thế nên, đuổi theo duyên trái với bản tánh, tích lũy tạp nhiễm thì trở thành phàm phu; lia duyên cầu chứng đắc, đắm chìm nơi không thì trở thành Tiểu thừa.

Duyên và tánh vô ngại tức là Đại Bồ đề; chẳng đoạn trừ môn trần lao mà có thể thành tựu hạt giống vô vi; chẳng đắm chìm trong biển Thật tế mà hay theo lượng sóng hữu tác. Chơn Tục dung thông, Có Không chẳng ngưng trệ. Như thế, đáng gọi là thực hành phi đạo mà thông đạt chánh đạo, ở ngay nơi thế pháp mà đầy đủ Phật Pháp.

Hỏi:

Muôn hành động lành và hạnh thấp kém của Thanh Văn ngưng trệ nơi hóa thành, ẩn mình trong thảo am đâu thế gọi là tâm rộng lớn, làm sao trở thành viên đốn được?

Đáp:

Người mới học trong ba thừa, không ngu đối với pháp. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có Tỳ kheo thật đắc quả A La Hán mà không tin pháp này thật là vô lý”.

Còn nói rằng: “Điều mà các ông thực hành là đạo Bồ Tát, dần dần tu học đều sẽ thành Phật”.

Như thế đều là chấp vào sự chứng đắc ở nửa đường mà sanh khởi tâm trụ trước. Vì thế chư Phật quở trách, khuyên bảo tu hành thêm nữa.

Vả lại, hàng Nhị thừa đều bước lên bậc Thánh, vượt qua phiền não của chín cõi, đoạn dứt thân nghiệp chướng trong tam giới, đồng ngồi trên giường giải thoát. Đã đầy đủ trí tuệ thân thông sao có thể đem so sánh với kẻ phàm phu bị nhiều ràng buộc, chỉ hướng theo sự thông hiểu do nương tựa, hoàn toàn không có tu chứng?

Thế nên, Đại sư Chơn Giác nói:

“Pháp Nhị thừa có lỗi lầm gì mà không chịu tu theo? Trong giáo lý hoặc chê hoặc khen, chỉ là đề cao hoặc hạ thấp trong lúc ấy mà thôi. Phàm phu chẳng rõ sợ bị quở trách, đâu biết nếu còn ái kiến thì cách Tiểu thừa rất xa!

Tuy nói rằng tu đạo mà lậu hoặc và kiết sử không diệt trừ, không chỉ thân và miệng chưa đoạn chánh mà tâm vẫn còn tà vạy, chấp theo ý tứ của riêng mình, hiểu biết trái ngược với lẽ thật, chẳng y theo lời dạy của bậc Thánh, chưa hề gần gũi minh sư, nhân duyên căn lành chưa tích lũy nhiều đời, còn kiến giải thì chưa phải hạng người sanh ra đã biết, mà chỉ giới thông hiểu theo trí thế gian. Bàn luận suốt ngày, có khi lại dẫn nói lời kinh nhưng là sự hiểu biết sai lầm theo ý riêng của mình, đem tà thuyết để dối gạt kẻ ngu, bài bác nhân quả, chỉ trích tội phước.

Thuận tình thì hớn hở vui mừng, nghịch ý thì nổi sân nóng giận. Tướng trạng của ba loại cảm thọ biểu hiện rõ ràng, lại xưng rằng đồng với bậc Bồ Tát. Bốn ba la di còn chưa tránh khỏi mà tâm lại hiềm khích luôn muốn hơn người, chẳng tu tập Đại thừa lại chê bai Tiểu thừa. Ăn to nói lớn nhất thời, lỗi phi báng to tiếng phải chịu quả báo đau khổ nhiều kiếp trong vòng luân hồi nơi ba đường ác.

Sách xưa nói:

“Người đang nói mà sợ, phát ngôn mà lo”.

Lại nói:

“Muốn nước đừng sôi tốt hơn hết là bỏ củi ra, muốn dứt lỗi lầm không gì bằng đừng nói”.

Trong kinh còn nói, phàm phu dùng tâm hữu lậu tán loạn xưng một câu Nam Mô Phật, cho đến chỉ hơi cúi đầu, do nhân duyên ấy còn thành Phật đạo. Huống gì tâm vô lậu của bậc Thánh Nhị thừa, dứt hẳn thân đời sau, tự thân chứng đắc trí tuệ thấu suốt vô ngã, chứa nhóm các hạnh lành, lẽ nào không được bước lên Chánh vị hay sao?

Hỏi:

Công đức do tạo tác đều trở về bại hoại, công đức không do tạo tác mới là rốt ráo tồn tại vĩnh hằng. Tại sao lại bỏ ý chỉ “các pháp không đổi dời” mà trình bày hạnh hữu tác?

Đáp:

Trong Triệu Luận nói:

“Công đức của Như Lai lưu truyền muôn đời, đạo pháp của Ngài tồn tại vĩnh hằng trải qua trăm kiếp mà càng thêm vững chắc”.

Kinh nói: “Tam tai dấy lên khắp cả mọi nơi mà hạnh nghiệp vẫn lặng lẽ”.

Nay tin điều này chắc chắn. Nên biết, một mảy may việc lành tuy hữu vi nhưng lại hỗ trợ Bồ đề, tiến thẳng đến thành Phật vẫn không hoại. Dù cho đến khi lửa lớn thiêu đốt cả thế giới, hoàn toàn chẳng đốt cháy hư không; dầu sóng mồi sanh tử vô biên vẫn không nhận chìm điều lành chân thật.

Hỏi:

Các pháp không có thật thể, từ nhân duyên mà sanh ra một cách huyền hóa. Các duyên không có chỗ dựa nương, lại từ nơi pháp mà sanh khởi. Duyên và pháp không có tự tánh, rốt ráo đều rỗng không, không chủ, không người, không sanh, không diệt.

Tại sao lại bàn luận rộng rãi về sự tướng vô thường và nói về quả báo giả dối?

Đáp:

Do chân tâm không giữ gìn bản tánh nên theo duyên tạo thành các nghiệp. Tuy dường như có mà tức là không, bản thể rỗng không mà hình thành sự tướng; giống như bóng cây, tuy rỗng không mà có công dụng che mát; lại cũng giống như chiêm bao không thật cũng làm phát khởi tâm lo lắng vui mừng. Tuy không có người làm ra nhưng không mất quả báo nơi nhân duyên.

Thế nên kinh Duy Ma nói: “Không ta, không tạo, không người nhận, nhưng nghiệp thiện ác vẫn không mất”.

Vả lại, cái Không trong giáo lý trình bày là vì không thể được, không thật tánh, chớ chẳng phải là cái không đoạn diệt. Tại sao lại sanh khởi tâm cho rằng giống như lông rùa sừng thỏ? Phát khởi cái nhìn vẽ rắn thêm chân, khác gì kẻ ngu ăn muối!

Hỏi:

Người mới phát tâm vào đạo, lời nói và việc làm trợ giúp lẫn nhau, huân tập muôn điều lành đó là hợp lý. Còn như bậc đã đạt đến quả vị rốt ráo, việc lớn đã xong, cảnh trí rộng rang, cần gì thực hành những việc ấy?

Đáp:

Quả đức nơi Phật vị rốt ráo vô vi, như vô biên hạnh môn, tám tướng thành đạo đều thuộc về hạnh Phổ Hiền sau khi đã thành Phật, thường tự nhiên như thể cùng tận bờ mé vị lai.

Kinh Duy Ma nói:

“Tuy được Phật đạo, xoay chuyển bánh xe giáo pháp vào nơi Niết Bàn mà chẳng bỏ đạo Bồ Tát. Đó là hạnh của Bồ Tát”.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói:

“Biết rõ pháp giới không có bờ mé, tất cả các pháp là nhất tướng vô tướng, đó gọi là pháp giới cứu cánh, chẳng bỏ đạo Bồ Tát.

Tuy biết pháp giới không có bờ mé nhưng lại biết tất cả những tướng sai biệt, khởi tâm đại bi độ các chúng sanh cùng tận bờ mé vị lai mà không thấy mỗi một chán nản, đó gọi là Bồ Tát Phổ Hiền”.

Hỏi:

Trong Lục độ, ngoài Bát Nhã ra thì năm độ kia dường như người mù, phải do Bát Nhã dẫn đường. Nay tại sao chỉ tán dương các hạnh lành, nói rộng về những việc lành do tâm tán loạn tu tập?

Đáp:

Nay sở dĩ bàn luận về các hạnh lành cũng chỉ vì để thành tựu trí Bát Nhã. Trong giáo lý Phật quả trách hữu vi mục đích chỉ vì phá trừ sự tham chấp.

Nếu trong lòng đã không sinh khởi sự chấp thủ lấy bỏ thì tất cả đều vô ngại. Nếu chưa tỏ rõ trí Bát Nhã thì dùng vạn hạnh làm trợ duyên.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Danh Phật vang mười phương
Rộng ích lợi chúng sanh
Tất cả đừ căn lành
Đề trợ tâm vô thượng”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Ví như tất cả pháp
Do mọi duyên sanh khởi
Thấy Phật cũng như thế
Ắt nhờ các nghiệp lành”.

Nếu đã thấu suốt trí Bát Nhã thì cần phải dùng mọi sự tu hành để trang nghiêm.

Kinh Pháp Hoa nói: “Trưởng giả cho các con một chiếc xe lớn, xe ấy cao rộng, dùng các thứ báu để trang sức”, cho đến “phái nhiều nô bộc đi theo hầu hạ bảo vệ”.

Thế nên sách này cũng gọi là **VẠN THIỆN ĐỒNG QUY TẬP**.

Tất cả pháp môn tu hành đều về nơi Bát Nhã, tách rời Bát Nhã thì không có pháp môn nào khác nữa. Như mọi dòng sông cùng chảy vào biển cả, đều đồng một vị. Lại giống như các loài chim tập bay gần núi Diệu Cao thì không có màu sắc khác chỉ thuần một sắc vàng.

Nếu không tin sâu trí tuệ Bát Nhã mà tu tập pháp hữu vi, chỉ thành nhân sanh tử đâu được quả Niết Bàn!

- Nếu tu tập Bồ thí mà không có Bát Nhã thì chỉ được một đời vinh hoa, đời sau lại chịu nhiều ương họa.
- Nếu trì giới mà không có Bát Nhã thì tạm thời sanh lên cõi trời Dạ, rốt cuộc vẫn phải rơi vào địa ngục.

- Nếu nhẫn nhục mà không có Bát Nhã thì chỉ được quả báo thân hình đoan chánh nhưng không chứng đắc Tịch Diệt Nhẫn.
- Nếu tinh tấn mà không có Bát Nhã thì chỉ gắng công trong sanh diệt mà thôi, chẳng đạt đến biển cả chân thường.
- Nếu thiền định mà không có Bát Nhã thì chỉ thực hành thiền nơi sắc giới, chẳng thể tiến vào Chánh định Kim Cang.
- Nếu tu tập tất cả hạnh lành mà không có Bát Nhã thì chỉ thành tựu nhân hữu lậu sông, chẳng phù hợp với quả vô vi.

Do đó đủ thấy trí Bát Nhã:

- Là thầy dẫn đường trong nẻo hiểm ác.
- Là ngọn đèn sáng tỏ trong ngôi nhà tối tăm.
- Là chiếc thuyền trí tuệ trong biển cả sanh tử khổ đau.
- Là lương y trị bệnh phiền não.
- Là ngọn gió lớn thổi tan vỡ núi tà.
- Là mãnh tướng phá trừ ma quân.
- Là mặt trời chói chan chiếu soi con đường u ám.
- Là tiếng sét cảnh tỉnh tâm thức mê muội.
- Là dụng cụ vệt màn mắt cho người mù.
- Là cam lồ dứt trừ khát ái.
- Là thanh gươm trí tuệ sắt bén chém nát mạng lưới ngu si.
- Là châu báu ban cho những kẻ bần cùng thiếu thốn.

Nếu như không có trí tuệ Bát Nhã, tất cả sự tu hành cũng chỉ là việc lập bày sông.

Tứ Tổ Đạo Tín nói:

“Nếu không thể hội ý chỉ diệu huyền thì tọa thiền niệm tĩnh sẽ nhọc nhằn vô ích”.

Cho nên, không thể sơ suất trái ngược với trí tuệ Bát Nhã, lãng quên sự chiếu soi dù trong khoảnh khắc. Cho đến ở trong ngôi vị cứu cánh khi thành Phật cũng phải trang nghiêm về sức mạnh thiền định và trí tuệ, dùng đó để độ chúng sanh.

Vì thế Đức Phật nói: “Ta mỗi ngày chỉ thường luôn nói về Bát Nhã”.

Hỏi:

Tướng tịch diệt của các pháp không thể dùng ngôn ngữ diễn bày, sao không chỉ thẳng vào việc này mà nói rộng về nhân duyên, đưa ra những lời hỏi đáp?

Đáp:

Kinh Lăng Già nói:

“Đức Phật bảo Bồ Tát Đại Huệ:

Nếu không thuyết tất cả pháp thì giáo pháp bị hoại diệt, giáo pháp hoại diệt thì không có chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Nếu không có các vị ấy, thì ai thuyết pháp cho ai?

Thế nên Đại Huệ! Đại Bồ Tát chớ nên vướng mắc vào lời nói, khéo dùng phương tiện tùy theo sự thích nghi diễn rộng các pháp”.

Nên biết, Tổng trì không có văn tự, nhờ văn tự mà hiển bày Tổng trì; rời lý tánh không có ngôn thuyết, rời ngôn thuyết không có lý tánh. Vì chân tánh trùm khắp nên chỗ không thể nói chẳng khác với chỗ có thể nói. Vì nhân duyên và sự tu hành không tự tánh nên chỗ có thể nói chẳng khác với chỗ không thể nói.

Nếu từ Tứ thật tánh và Tự tướng của các pháp thì đều có thể nói. Nếu dựa theo Tứ tất đàn và Cộng tướng của các pháp thì đều có thể nói. Do đó chư Phật thường dựa vào Nhị để để thuyết pháp. Chỉ cần thấu suốt được ý chỉ viên dung thì nói mà không có lỗi lầm. Nếu một mực không nói thì do đâu rõ thấu?

Khiến tìm ngôn ngữ để cầu lý mà biết rõ lý viên mãn. Chỉ vì nói thiên lệch nên bảo rằng ngôn thuyết chẳng tới được, chẳng bảo là không nói năng. Và lại, tánh tụy rời ngôn ngữ không thể nói, nhưng phải do ngôn ngữ mới thể hội chỗ không thể nói.

Nếu như muốn đạt đến nguồn đạo, tiếp nối và hưng thịnh dòng dõi Phật thì trước cần phải thấu suốt trí Bát Nhã để nhận rõ chân tâm. Bát Nhã là thầy của vạn hạnh, là mẹ của ngàn Thánh. Chân tâm là cội gốc của muôn loài, nguồn của các pháp.

Nếu chưa thông suốt trí Bát Nhã thì đối với chân tâm vẫn còn mờ mịt. Cần phải về nương Nhất Thể Tam Bảo, sám hối tội lỗi trong ba đời. Dùng giới luật kiểm điểm lỗi lầm, ngăn ngừa sai quấy. Dùng thiền định diệt trừ hôn trầm, thâm nhiếp tán loạn; gần gũi bạn lành, tán thán đọc tụng kinh điển Đại thừa. Dùng muôn điều lành để sửa trị, nghe nhiều để ứng dụng tu tập, hỗ trợ hiển bày Chân tánh tiến thẳng Bồ

đề.

Nghiệp chướng hết, thiên định vi diệu tự tỏ sáng. Trí tuệ phát sanh thì chân tâm thanh tịnh. Đã hay lợi ích chính mình lại còn thương xót những người chưa nghe biết. Do đó làm mọi nhân phước rộng rãi, thực hành đầy đủ Lục độ, tiếp nối gia nghiệp của Phật, dựng ngọn cờ đại pháp, mưa pháp vũ một vị, diệt hết mọi lậu hoặc trần lao, thấp sáng ngọn đèn trí tuệ vô tác, soi sáng cho những người mê mờ tăm tối.

Thế nên, công đức vạn hạnh từ trước đến sau đều hưng khởi, pháp ở trong Phật giáo vốn như thế.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói:

“Đại Bồ Tát không làm việc bức bách buồn phiền chúng sanh, chỉ nói việc lợi ích cho thế gian”.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Nếu người thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác mà nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép.

Lại có thể dựng tháp, tạo lập chùa chiền, cúng dường tán thán chúng Thanh Văn Tăng; cũng dùng trăm ngàn muôn ức cách khen ngợi mà khen ngợi công đức của Bồ Tát.

Lại dùng đủ mọi nhân duyên vì người khác tùy nghĩa giải nói về kinh Pháp Hoa này.

Lại có thể trì giới thanh tịnh, cùng ở chung với người nhu hòa, nhẫn nhục không sân, chí niệm bền vững, thường quý ngời thiên, được các môn định sâu, tinh tấn mạnh mẽ, thực hành các pháp lành, căn cơ lanh lợi có trí tuệ, khéo trả lời các vấn nạn...”.

Cho đến, “Chỗ người ấy hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, trong đó đều nên dựng tháp, tất cả trời người đều nên cúng dường như tháp của Phật”.

Thông thường pháp lành nói gọn có bốn loại:

1. Điều lành nơi tự tánh: Ba căn lành không tham sân si.
2. Điều lành do tương ưng: Khi tâm thiện phát khởi thì tâm vương tâm sở một lúc đều khởi.
3. Điều lành do phát khởi: Phát khởi hành động của thân và lời nói, bày tỏ những điều suy nghĩ trong lòng.
4. Điều lành Đệ nhất nghĩa: tức là thể tánh thanh tịnh.

Lại tóm gọn thì có hai loại:

1. Điều lành ở nơi Lý: tức là Đệ nhất nghĩa.
2. Điều lành ở nơi Sự: tức là Lục độ vạn hạnh.

Thời nay phần nhiều dựa vào điều lành ở nơi Lý. Nếu nói về điều lành ở nơi Lý thì kẻ Xiển đề cũng đầy đủ, tại sao không thành Phật?

Thế nên cần phải thực hành điều lành ở nơi Sự để trang nghiêm và hiển bày Lý tánh. Tích lũy phước đức lớn mới thành tựu thân vi diệu. Giống như trong khoáng có chứa đựng vàng, trong núi có ẩn tàng ngọc, lại cũng như nơi đá có chứa lửa, trong đất có mạch nước ngầm, nhưng nếu chưa gặp nhân duyên thì không có công dụng, dù vốn có đầy đủ mà cũng như không.

Ba nhân của chúng sanh cũng như vậy. Phạm có tâm thì đều đầy đủ Chánh nhân, nhưng nếu chưa được nhân duyên trợ giúp tỏ rõ thì chẳng thành tựu Pháp thân. Liễu nhân là trí tuệ trang nghiêm, hiểu đúng quán xét. Duyên nhân là phước đức trang nghiêm, diệu hạnh hỗ trợ phát khởi.

Ba nhân đầy đủ, mười hiệu sáng ngời, nghĩa lý lợi mình lợi người đến đây là cùng tận.

Do đó, kinh Pháp Hoa nói:

“Ta dùng tướng trang nghiêm
Ánh sáng soi thế gian
Tất cả chúng tôn kính
Diễn nói Thật tướng ẩn”.

Và lại, kẻ đức mỏng phước ít không thể tiếp nhận pháp này.

Ôi! Căn lành dễ mất, nghiệp ác khó trừ. Kinh Niết Bàn nói: “Ví như khắc chữ trên đá, chữ ấy còn mãi, còn viết chữ trên nước thì nhanh chóng tan mất chẳng tồn tại lâu. Sân hận giống như khắc trên đá, các căn lành giống như viết chữ trên nước. Do đó tâm này khó được điều phục”.

Vì vậy phải biết, việc lành dễ quên, thân người khó được, không thể dần dà vì trong khoảng chớp mắt đã qua đời khác.

Kinh Đề Vị nói:

“Như có một người ở trên núi Tu di cầm một sợi chỉ thòng xuống, một người ở dưới núi cầm một cây kim đón sợi chỉ ấy, khoảng giữa có gió lốc cuồng phong thổi, sợi chỉ ấy thật khó mà vào lỗ kim. Thân người khó được còn hơn điều ấy”.

Trong kinh Bồ Tát Xử Thai còn nói:

“Rùa mù bọng cây nổi,
Đúng thời còn gặp được.
Một khi mất thân này,
Ưc kiếp khó được lại.
Biển cả sâu rộng lớn
Ba trăm ba mươi sáu
Kim chìm dưới đáy biển
Còn có thể tìm được”.

Lại nói:

“Ta từ vô số kiếp,
Lại qua đường sanh tử
Bỏ thân rồi nhận thân
Chẳng rời khỏi bào thai.
Tính nơi ta trải qua
Nhớ một không nhớ hai
Thuần làm thân chó trắng
Xương chất ức Tu di.
Lấy kim ghim xuống đất
Đều đâm trúng thân ta
Huống gì chó tạp sắc
Số ấy không thể lường

Nhân thiên phước bất vong lung”.

Thế nên tạm thời được thân người, trong hai mươi bốn giờ không thể quên điều lành dù trong khoảng khắc, không thể tăng trưởng điều ác dù chỉ phút giây. Thân này khó được gặp, đâu nên để thời gian qua suông. Và lại sự vô thường nhanh chóng, mỗi niệm mỗi niệm đổi dời giống như ánh chớp, giống như đèn treo trước gió, cũng như dòng nước chảy, khác nào mặt trời sắp lặn, sương móc ban mai.

Sự vô thường của thân này mau chóng còn hơn ví dụ trên.

Kinh Pháp Cú nói:

“Đức Phật bảo Phạm Chí:

Trên đời có bốn việc, không thể được lâu dài:

1. Có thường ắt vô thường.
2. Giàu sang ắt nghèo hèn.
3. Hội họp ắt chia ly.
4. Khỏe mạnh ắt sẽ chết.

Trong kinh còn nói:

“Chẳng phải ở hư không biển cả
Chẳng phải đi vào trong núi rừng
Hoàn toàn không có nơi chốn nào
Tránh khỏi không bị thần chết bắt”.

Những việc trình bày ở trên, muôn đức và các điều lành đều là tư lương của Bồ đề, chỉ trừ hai pháp hay tạo thành sự chướng ngại:

1. Không tin.
2. Sân hận.

- Không tin thì chướng ngại việc lành chưa được thực hành và việc lành muốn được thực hành.
- Sân hận thì tiêu diệt việc lành đã thực hành và việc lành đang thực hành.

Vì không tin giống như hạt giống hư dút hủ căn lành, hủy hoại Chánh tông, tăng trưởng tà kiến.

Vì sân hận nên đốt cháy công đức, ngăn trở Bồ đề, mở cánh cửa dẫn đến con đường ác, đóng chặt lối dẫn đến cõi người và trời.

Hơn nữa, không sân hận là do từ bi mà phát khởi, lòng tin rộng lớn là nhờ trí tuệ mà được thành. Gươm trí tuệ vừa vung lên, cội gốc nghi ngờ liền đoạn dứt; mây từ bi kéo mưa nhuần thấm, dần dần tắt lịm lửa sân hận. Thế nên, do trí tuệ vượt qua biển khổ, nhân lòng tin vào cửa Bồ đề; do từ bi được ở trong nhà Đại Giác, nhờ nhân nhục mà mặc y Như Lai.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Lòng tin là gốc của đạo, là mẹ sanh ra các công đức, nuôi lớn tất cả các căn lành. Lòng tin hay tăng trưởng công đức trí tuệ. Lòng tin ắt dẫn đến địa vị Như Lai. Lòng tin giúp cho các căn lành thanh tịnh sáng suốt. Sức mạnh của lòng tin vững chắc không gì phá hoại được. Lòng tin có thể diệt hủ cội gốc phiền não. Lòng tin có thể giúp chuyên hướng về công đức của Phật. Lòng tin là hạt giống công đức bất hoại. Lòng tin hay sanh trưởng cây Bồ đề. Lòng tin có thể làm tăng trưởng trí tuệ tối thắng. Lòng tin có thể hiện ra tất cả Phật”.

Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Sân hận có thể tiêu diệt nghiệp lành trong trăm kiếp”.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ Tát khởi một tâm sân thì phát sanh muôn ngàn sự chướng ngại”.

Trong kinh còn nói: “Giặc cướp công đức không gì hơn sân hận”.

Hơn nữa, vừa sanh khởi ý niệm sân hận thì đã trở thành kẻ oán tặc của đại đạo rồi!

Hỏi:

Phàm tu tập muôn điều lành đều để trợ giúp Bồ đề. Tại sao có sự ngưng trệ chẳng thành tựu, nhanh chóng được viên mãn?

Đáp:

Do buồng lung biếng nhác nên không thành tựu, nhờ dũng mãnh tinh tấn nên nhanh chóng hoàn thành.

Kinh Thí Dụ nói:

“Có một Tỳ kheo ăn no rồi vào trong thất đóng cửa ngủ, yêu mến thân mình cảm thấy đó là vui sướng. Bảy ngày sau, vị Tỳ kheo ấy sắp mạng chung.

Đức Phật thương xót bảo Tỳ kheo ấy rằng:

- Ông ở thời Đức Phật Duy Vệ từng được xuất gia, nhưng chẳng tụng niệm kinh điển giới luật, ăn no rồi ngủ, lúc mạng chung thân thức sanh vào loài rít. Trải qua năm vạn năm, khi tuổi thọ đã hết lại làm loài ốc trai, rồi lại đọa vào loài mọt trong thân cây, mỗi lần như thế đều trải qua năm vạn năm.

Bốn loài đó sanh ở nơi tối tăm, yêu quý thân mạng, ưa ở nơi u tối lấy đó làm nhà, chẳng thích ánh sáng, mỗi khi ngủ thì trăm năm mới dậy, lưới tội buộc xiết chẳng mong cầu ra khỏi.

Đời nay tội đã hết, được làm Sa môn, tại sao lại vẫn mê ngủ không chán?

Tỳ kheo nghe rồi hổ thẹn tự trách mình, liền dứt trừ Ngũ cái đặc quả A La Hán”.

Kinh Đại Bảo Tích Đức Phật nói:

“Vị như trên đầu có quần vải lụa, lửa cháy mảnh lụa ấy mà không có thời giờ rảnh để dập lửa. Tại sao vậy? Vì việc cứu xét lý chân thật rất cấp bách”.

Các việc nói trên đều trình bày rõ giáo lý và sự tu hành; đâu dám xem thường, theo ý riêng của mình mà nói những điều vô ích. Mong mọi người nên tuân theo lời nói chân thành khẩn thiết, đừng làm trái ngược với đạo thuyết cứu cánh!

Hỏi:

Dùng tâm từ bi làm muôn việc lành là đúng như việc làm của Phật, trong giáo lý của Tổ sư hoặc chê hoặc khen, cho nên phát sanh sự nghi ngờ.

Ở trên tuy đã trình bày rõ ràng rộng rãi nhưng vẫn còn chút nghi hoặc, chưa rõ tông chỉ của Phật, chỗ trở về rốt ráo là gì?

Mong được chỉ rõ để dứt trừ hẳn sự ngưng trệ trong lòng!

Đáp:

Tổ sư lập ra ngôn cú, Đức Phật chỉ dạy giáo lý chỉ là để phá trừ Biến kế Sở chấp, chẳng hủy hoại pháp môn Duyên khởi. Biến kế sở chấp tánh theo tình thì có về lý thì không, giống như sợi dây mà cho là rắn, chỗ lá cây lay động lại tưởng quý ma, không có mà chấp bừa, toàn thể đều rỗng không.

Y tha khởi tánh tức là nhân duyên. Nếu theo duyên tịnh thì được thành Thánh, nếu theo duyên nhiễm thì trở thành phàm. Thế nên, theo duyên không có tự tánh thì gọi là Viên thành.

Kinh Pháp Hoa nói:

“Chư Phật Lương Túc Tôn
Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh
Cho nên nói Nhất thừa”.

Trong Luận nói:

“Nếu thấy pháp nhân duyên, gọi là thấy Phật”.

Nên biết không có một trần nào chẳng phù hợp với Lý-Sự, không có một pháp nào chẳng phải Phật thừa. Đều là do không thấu rõ cội nguồn ban đầu của muôn pháp, tự tánh của một trần, nên mới phát sanh tình chấp, ngưng trệ nơi tướng, mê muội theo danh, vọng phân chia ra mình người, gượng phát sanh ly hợp, đến nỗi gây ra sự cạnh tranh giữa Lý và Sự, như nước với lửa chẳng dung nhau. Ai nấy đều dựa vào hai bên, chẳng thành tựu đạo lý một vị.

Do mắt mình bị bệnh nên thấy minh châu có tỳ vết; dùng tâm chấp trước nhìn, muôn điều lành thành lầm lỗi. Tánh của dâm dục, sân hận, ngu si, tà kiến, phi đạo còn là muôn giải thoát. Tôn sùng Tam Bảo làm các hạnh lành lợi ích mọi người, lẽ nào lại trở thành điều chướng ngại?

Thế nên, thông suốt thì ngói gạch thành vàng ròng, chấp trước thì diệp dược thành thuốc độc.

Trong kinh nói:

“Lời nói giả dối cũng là lời chân thật, bởi vì dẹp trừ tà chấp. Lời nói chân thật cũng là lời giả dối, bởi vì làm sanh khởi sự chấp chặt vào ngôn ngữ”.

Chỉ cần dẹp trừ tâm lấy bỏ thì đều đi đến con đường diệu huyền thông suốt. Một khi mọi sự nhận thức sai lầm được dẹp trừ thì chỉ còn chân tâm duy nhất; phiền não trần cấu tan hết, thế giới hiện thực đều là cõi Phật thanh tịnh.

Cho nên trong kinh Đại Bát Nhã nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Bởi vì đối với tất cả các pháp không chấp trước, cho nên ta gọi đó là Bát Nhã Ba La Mật Đa. Ta bình đẳng trụ ở chỗ không chấp trước này, liền có thể đạt được thân sắc vàng chân thật, thường có ánh sáng một tâm”.

Nếu muốn nhận thức chính xác Phật Pháp không sai lầm, chỉ cần Sự-Lý dung thông, tu hành và thệ nguyện theo nhau, từ bi và trí tuệ song hành.

Do đó, Luận Hoa Nghiêm nói:

“Tu tập nghiêng về lý thì ngưng trệ nơi lặng lẽ, tu tập nghiêng về trí không bỏ từ bi, tu tập nghiêng về từ bi thì tập nhiễm tăng trưởng, chỉ phát nguyện ắt dễ sanh khởi tâm hữu vi. Thế nên, Bồ Tát đem pháp dung thông không lấy không bỏ”.

Thiền sư Khuê Phong Tông Mật nói:

“Sự truyền trao giữa thầy và trò cần phải biết theo bệnh cho thuốc, thích hợp thực tế. Thầy dựa vào phương tiện của người xưa, trước tiên cần phải khai thị bản tánh thanh tịnh, sau đó mới khiến đệ tử y theo bản tánh tu thiền.

Mọi người phần nhiều do chấp tướng vì vậy khó mà tỏ ngộ bản tánh. Thế nên, muốn bản tánh hiển bày đầu tiên cần phải trừ chấp trước. Phương tiện phá trừ chấp trước, phải một lúc dẹp hết phàm Thánh, bỏ cả công đức và sự nghiệp, khiến cho tự tâm không dính mắc, đến khi đó mới có thể tu thiền”.

Những kẻ hậu học hiểu biết nông cạn liền chấp vào lời nói này cho là đạo lý rất ráo. Bởi vì trong quá trình tu tập mọi người phần nhiều buông lung. Cho nên người sau bày tỏ rộng rãi sự ưa thích và chán ghét; chê trách tham dục sân hận, khen ngợi

siêng năng khắc khổ; dạy người điều hòa thân và hơi thở, vào đạo theo thứ bậc.

Hậu nhân nghe điều này mà quên mất công dụng của bản giác, liền một mực chấp tay vào sự tướng bên ngoài. Như thế tức là đã ngưng trệ nơi lời nói của giáo lý, lại trái ngược với tông chỉ Thiền môn.

Ngoài ra có một số người học thức nông cạn, họ chỉ biết xa rời cầu nhiễm được thanh tịnh, lìa bỏ nghiệp chướng được giải thoát, do đó công kích cách nói “tâm chính là Phật của nhà Thiền”. Hoặc chỉ biết tự tánh vốn thanh tịnh, tâm tánh thanh tịnh tức là giải thoát, cho nên xem thường những sự tu tập về giáo tướng như trì luật, tọa thiền, điều phục... Họ chẳng biết Đốn ngộ Tự tánh thanh tịnh, đạt được Tánh tịnh giải thoát, đều phải trải qua sự Tiệm tu mới đến chỗ thanh tịnh trọn vẹn, giải thoát rốt ráo. Như thế, chẳng luận là sắc thân hay tâm tánh cũng đều thông đạt vô ngại không còn vướng mắc.

Lại có người cho rằng Không tông chỉ trình bày phủ định, như nói:

- Chẳng phạm chẳng thánh.
- Tất cả không thể nắm bắt được.

Còn Tánh tông thì trình bày có phủ định có khẳng định.

Hiện nay mọi người đều cho rằng, phủ định là sâu xa, khẳng định là cạn cợt. Cho nên một bề xem trọng lời nói “chẳng phải tâm chẳng phải Phật”. Đó chủ yếu là vì họ xem những lời nói bày tỏ phủ định làm huyền diệu, mà hoàn toàn chẳng muốn tự thân chứng ngộ Pháp thể, do đó mới xuất hiện tình trạng này.

Những lời trích dẫn trên, ý tứ của Tổ sư quá rõ ràng. Điều mà các Ngài phá dẹp là hai loại chấp trước:

- Một là chấp tướng rời tánh, phát sinh thường kiến.
- Hai là chấp tánh rời tướng, trở thành đoạn diệt.

Điều mà các Ngài tán đồng là hai loại tỏ ngộ:

- Một là tỏ ngộ tướng ngay nơi tánh, dụng chẳng lìa thể.
- Hai là tỏ ngộ tánh ngay nơi tướng, thể không rời dụng.

Do đó nên biết, sự tướng chính là công dụng của tánh thể, tánh thể chính là bản thể của sự tướng. Nếu muốn khen ngợi tánh thể thì tức là khen ngợi sự tướng. Nếu

muốn phá diệt sự tướng thì cũng chính là phá diệt tánh thể.

Tại sao vọng khởi tâm lấy bỏ, tạo thành hai nhận thức sai lầm trên?

Nếu tiến vào pháp môn chân thật bình đẳng thì chê bai hay khen ngợi đều không còn tồn tại.

Hỏi:

Những lời đáp ở trên rất có đạo lý. Nhưng theo tình trạng hiện nay phần nhiều ưa thông lý, ít muốn thực hành. Tự cho rằng lãnh hội môn học diệu huyền, lìa sự vật vượt trần lao. Những người này đối với quả vị Phật còn xem thường không tu, sao có thể yêu cầu họ tu tập hạnh lành nhỏ bé? Chẳng biết thời thượng cổ có giống như vậy chăng?

Xin tiến thêm một bước phá dẹp nghi ngờ để mọi người khỏi rơi vào mạng lưới tà nguy!

Đáp:

Các bậc Hiền Thánh thuở xưa chí hướng to lớn, tâm địa thuần phát. Các Ngài khi cứu xét Phật lý khoảnh khắc cũng chẳng quên, âm thầm tu hành, thần linh cũng khó lường xét, ngày đêm cẩn trọng như đi chỗ vực sâu, như bước trên băng mỏng, hèn ngày chứng ngộ như cứu lửa cháy đầu.

Các Ngài chú trọng chân thật xem thường hư giả, quý trọng tu hành giản lược ngôn thuyết, tiếp xúc sự tướng nhưng không chấp trước sự tướng, thực hành lý Không mà chẳng chứng lấy lý Không.

Các Ngài làm từ việc lành nhỏ mà tích lũy vô hạn công đức, dựa vào nhân nhỏ bé mà thành tựu kết quả to lớn.

Hiện nay đang gặp kiếp như đời loạn, thời thế nhiễu nhương, chúng sanh chí hướng nhỏ bé, căn cơ chậm lụt, ngã mạn nặng nề, phần nhiều lười biếng, một hạnh cũng không thành tựu, lại tập theo nhiều điều sai quấy, trí tuệ và giới luật cùng tiêu mất, lý thể và sự tướng chẳng còn, rơi xuống hố sâu vô trí, ngồi trong ngục tù tăm tối. Họ chẳng thể rõ ý chỉ sự tướng và lý thể tức là nhau, mà chỉ nhớ suông những ngôn ngữ phá trừ chấp trước. Đối với điều này người có trí bày tỏ buồn than, người ngu lại bắt chước theo. Những hành vi tư tưởng sai lầm nói trên đã lưu truyền rộng

rãi lâu dài, muốn nhanh chóng làm thay đổi rất là khó khăn.

Do đó, ở đây chẳng thể không dẫn dụng lời dạy của Phật Tổ, giới thiệu toàn diện đại ý của kinh Luận, hy vọng do đây mà khiến cho một số người vứt bỏ sự chấp trước trong quá khứ, sửa đổi những sai lầm đã qua.

Mọi người theo dấu chân của Thánh nhân ngày xưa để lại, cùng nhau tiếp nhận lời dạy từ bi của bậc Giác Vương. Như thế thì sẽ không thiếu sót với chí hướng trước nay, chẳng đến nỗi cô phụ bốn ân, cùng bước lên cánh cửa giải thoát, xiển dương phổ biến đạo lý Niết Bàn xa rời sanh tử, thành tựu sự nghiệp của Phật Tổ, viên mãn trí tuệ đại Bồ đề, lấp bít đường tà kiến, mở ra lối chân chánh, kiên định lòng tin giải trừ nghi hoặc. Trang bị con thuyền vượt đến bờ kia, lái thuyền từ bi của trí tuệ Bát Nhã, vượt qua bến khổ sanh tử trong ba cõi, vào nơi biển đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, cứu vớt chúng sanh đắm chìm trong đại dương sanh tử, đặt để chúng sanh nơi thành trì to lớn Niết Bàn.

Vì thế, tôi thệ nguyện qua lại trong trần lao, tiếp đãi chúng sanh ở năm đường, không nghỉ ngơi gián đoạn, không trước không sau mãi mãi kiên trì, giả sử vị lai có cùng mà quyết tâm chẳng cùng, dù cho hư không có tận mà chí nguyện không tận.

Ngưỡng mong có mắt Phật làm chứng, tâm ý chân thành, vì tất cả chúng sanh trên đời, nên tôi mới cung kính viết ra tập văn này.

Hỏi:

Người căn cơ bậc thượng đốn ngộ tự tâm, không biết họ còn cần phải nhờ vào vạn hạnh để trợ đạo huân tu chăng?

Đáp:

Thiền sư Khuê Phong Tông Mật có bốn câu nói lường xét giản biệt:

- Một là “Tiệm tu Đốn ngộ”: như chặt cây, chặt dần dần từng mảnh đến một lúc chợt ngã đổ.

- Hai là “Đốn tu Tiệm ngộ”: như người học bắn tên, mỗi mũi tên đều nhắm vào điểm đích.

- Ba là “Tiệm tu Tiệm ngộ”: như lên đài cao chín tầng, chân bước dần lên cao, chỗ thấy cũng dần dần xa hơn.

- Bốn là “Đốn ngộ Đốn tu”: như nhuộm một sợi tơ thì tất cả muôn sợi lập tức đều nhuộm thành màu sắc.

Bốn câu trên phần nhiều là từ khía cạnh “chứng ngộ” mà nói. Chỉ có “Đốn ngộ Tiệm tu” mới là khía cạnh “giải ngộ” mà nói. “Đốn ngộ Tiệm tu” ví như mặt trời chột xuất hiện, còn sương móc thì ở dưới ánh sáng thái dương dần dần mới tiêu tan.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Khi mới phát tâm Bồ đề liền thành tựu đạo Giác ngộ Chân chánh, sau đó mới bước lên Sơ địa lần lần tu chứng”.

Nếu chưa tỏ ngộ mà tu thì chẳng phải chân tu, chỉ có Đốn ngộ Tiệm tu này, đã phù hợp với giáo nghĩa Phật thừa, lại không trái ngược với tông chỉ Viên giáo.

Hãy đem việc Đốn ngộ Đốn tu mà nói, trên thực tế ắt cũng đã trải qua sự Tiệm tu nhiều đời trong quá khứ mới có việc Đốn ngộ ở đời này.

Điều này cần phải do người học tự mình thân thiết thể nghiệm tu hành. Nếu lời nói và hành động đồng nhất, hành động và lời nói như nhau thì dung lượng của tâm sẽ rộng thênh vô hạn, có thể phù hợp với đạo lý chân thật. Lúc ấy, tám ngọn gió của thế gian không còn làm dao động, tâm đối với ba loại cảm thọ đều lặng lẽ, chúng tử trong thức A lại da và hiện hành đều tiêu mất, căn bản phiền não và tùy phiền não đồng thời diệt tận.

Nếu như chỉ từ khía cạnh lợi ích tự thân mà nói, thì cần gì phải nhờ vào sự huân tu vạn hạnh. Không có bệnh thì đâu cần uống thuốc.

Nếu như từ khía cạnh lợi ích người khác mà nói, mọi sự tu hành đều không nên buông bỏ. Nếu tự mình không tu hành, làm sao khuyên bảo dẫn dắt người khác?

Cho nên trong kinh Phật nói:

“Nếu như tự mình trì giới, mới có thể khuyên bảo người khác trì giới. Nếu tự mình tọa thiền mới có thể khuyên bảo người khác tọa thiền”.

Luận Đại Trí Độ nói:

“Vị như ông lão trăm tuổi nhảy múa, đó là vì dạy bảo con cháu”.

Bồ Tát trước dùng móc câu ưa thích dẫn dắt chúng sanh, sau đó mới khiến họ đi vào trí tuệ Phật.

Nếu có người tâm chấp trước ngoại vật chưa từng đoạn dứt, phiền não tập khí lại nặng nề, thấy sự vật liền sanh khởi tình chấp, tiếp xúc ngoại cảnh ngưng trệ chẳng thông, dù họ đã hiểu rõ nghĩa lý vô sanh nhưng vì sức mạnh chưa đầy đủ nên không thể chấp mà nói rằng: “Tôi đã thấu rõ bản chất của phiền não chỉ là trống lạng. Nếu khởi tâm tu lại trở thành điên đảo”.

Song mà, bản chất của phiền não tuy trống lạng, nhưng có thể tạo thành nghiệp quả. Nghiệp quả tuy không có tự tánh, nhưng có thể gây ra nguyên nhân khổ đau. Đau khổ tuy giả dối không thật nhưng rất cuộc khó mà chịu đựng. Ví như có người bệnh nặng, bản chất của bệnh tật vốn trống không, thế thì cần gì phải mời thầy thuốc, uống các thứ thuốc men?

Do đó đủ biết, lời nói và hành động nếu trái ngược nhau thì giả dối và chân thật có thể được kiểm nghiệm. Hãy đo lường căn cơ sức lực của chính mình không nên tự lừa dối. Phải nhận chân chính chắn, xét kỹ ý niệm, phòng ngừa những điều sai quấy.

Hỏi:

Lão Tử cũng mở ra pháp môn tu hành. Khổng Tử thì dốc sức xướng đạo khéo chỉ dẫn từng bước.

Tại sao lại phiên diện khen ngợi Phật giáo, cho là duy nhất tuyệt diệu?

Đáp:

Lão Tử chủ trương dứt tuyệt Thánh Hiền và tri thức, giữ chỗ chuyên nhất (khí trống rang), gìn sự nhu hòa. Ông lập giáo lấy thanh hư đạm bạc làm căn bản, dùng tu thiện ghét ác làm nội dung. Nói về báo ứng thì chẳng qua trong một đời, mục đích chỉ là duy trì tánh mạng của tự thân.

Những điều đó chỉ là quan niệm cạn cợt của thế tục, hoàn toàn chẳng cao hơn giáo nghĩa của đạo Phật, tư tưởng ấy trái với đạo lý phổ độ chúng sanh rộng rãi, không có lợi ích công đức chân chánh.

Không Tử chủ trương thực hành trung hiếu, đề xướng nhân nghĩa đạo đức.

Những điều đó chỉ mở rộng việc thiện ở thế gian, chưa có thể quên lời mà tinh thần thâm thể nhận, cho nên cũng chẳng phải là phương pháp dẫn đến sự giác ngộ rốt ráo.

Không Tử từng trả lời với Tử Lộ rằng: “Đối với sự sanh tồn và việc của con người ông còn chưa biết. Đối với cái chết và quỷ thần, ta làm sao rõ được?”.

Do đó, hai giáo lý của Nho và Đạo đều chưa vượt qua nhận thức thế tục, vẫn còn hạn cuộc trong vòng trần lao. Như thế làm sao có thể xét thấu tông chỉ diệu huyền nơi pháp giới, vận dụng diệu hạnh vô biên?

Hỏi:

Đạo Vô thượng do Đức Phật hoằng truyền được triết nhân đời sau tôn sùng. Hai đạo Nho và Lão đã bày tỏ sự khâm phục tôn kính đối với Phật giáo, như thế tại sao trong đời sau của họ lại có những người hủy báng không tin?

Đáp:

Bậc tiên triết sáng lập hai đạo Nho và Lão cũng đều là Bồ Tát. Các Ngài phản đối tà ác truyền bá chân lý, cùng chung tán trợ Phật thừa.

Lão Tử từng nói:

“Thầy của ta là Phật. Phật có nghĩa là khiến cho tất cả dân chúng đạt được giác ngộ”.

Kinh Tây Thăng nói: “Thầy ta du hóa ở Thiên Trúc, khéo vào Niết Bàn”.

Phu tử nói: “Thầy của Lão tử tên là Thích Ca Văn”.

Liệt Tử nói: “Thương Thái Tể Phỉ hỏi Không Tử rằng: Phu tử là Thánh nhân chăng?”

Không Tử đáp: Khâu này, chỉ là học rộng nhớ hay mà thôi, chẳng phải là Thánh nhân”.

Lại hỏi: “Tam Vương là Thánh nhân chăng?”.

Đáp rằng: “Tam Vương khéo dùng trí dũng, chẳng phải là Thánh nhân”.

Lại hỏi: “Ngũ Đế có phải là Thánh nhân chăng?”.

Đáp: “Ngũ Đế khéo dùng nhân nghĩa, Khâu này cũng không biết rõ”.

Lại hỏi: “Tam Hoàng có phải là Thánh nhân chăng?”.

Đáp: “Tam Hoàng khéo dùng người thân cận và nắm bắt thời cơ, Khâu này cũng không hiểu rõ”.

Thái tử Phi rất ngạc nhiên nói: “Vậy thì ai là Thánh nhân?”.

Phu Tử đổi vẻ mặt bảo rằng: “Khâu này nghe ở phương Tây có bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà mọi người tự tin, chẳng giáo hóa mà mọi người tự thực hành, đạo đức rộng lớn, mọi người không biết dùng từ gì để gọi cho xứng”.

Ngô Thu nói: “Ngô chủ Tôn Quyền hỏi Thượng thư Lệnh Hám Trạch rằng: Khổng Khâu và Lão Tử bằng với Đức Phật chăng?”.

Hám Trạch đáp: “Nếu đem Khổng và Lão sánh với Phật Pháp ở Thiên Trúc thì kém xa. Cho nên nói, Khổng Tử và Lão Tử thiết lập sự giáo hóa là noi theo trời mà chế định, không dám trái với lý trời.

Chư Phật thiết lập sự giáo hóa thì chư Thiên vâng theo thực hành, không dám trái với Phật. Lấy đây mà nói, Khổng và Lão rõ ràng không thể so sánh với Phật giáo”.

Vua Ngô rất vui thích, phong Hám Trạch làm Thái phó dạy Thái tử.

Trong Kinh Khởi Thế Giới nói:

“Đức Phật bảo rằng:

Ta phái hai vị Thánh Hiền đến Chân Đán (Trung Quốc) giáo hóa. Một vị tên Lão Tử tức là Bồ Tát Ca Diếp; còn vị khác tên là Khổng Tử là Bồ Tát Nhu Đồng”.

Mọi người đều biết từ xưa đến nay, phạm những điều có lợi ích cho nhân loại thì thuộc về hành vi âm thầm hóa đạo của Bồ Tát, chỉ vì tư tưởng và hành vi của bậc

Đại Sĩ cao siêu nên những người bình thường chẳng thể hiểu được. Do đó khiến cho những kẻ thấy nghe nhỏ hẹp, hiểu biết nông cạn xôn xao sanh khởi phí báng.

Có người bởi do không hiểu rõ tự thân hai tông Nho và Đạo, liền vô cớ phát sanh nhiều ngu vọng chấp trước. Người tu theo đạo Lão thì bùa bay ấn chạy, luyện đá đốt vàng, tế tự cá dê tanh hôi, tập theo lời hoang đường của thần tiên. Kẻ vào cửa Khổng thì tâm chí trái ngược với sự chất phát, ý chuộng phù hoa, đuổi theo tài cuồng trên môi lưỡi như chim anh vũ, chuyên lo cái khéo léo nhỏ nhặt giống như nhện giăng tơ.

Những việc làm ấy của họ đều đã trái ngược với tư tưởng của bậc tiên triết, lại mất đi diện mạo vốn có của Nho và Đạo. Nếu những người này không phỉ báng thì làm sao có thể hiển bày sự cao thâm của Phật giáo. Kẻ hạ sĩ không cười thì đó đâu phải là Đạo.

Cho nên nói, Phật Pháp rộng lớn như biển cả không có gì chẳng dung chứa; lý tốt cùng giống như hư không, không có cửa nào mà không tiến vào được. Tất cả bậc triết nhân thâm quy hội, hết thấy Thánh Hiền đều trở về. Chân đế và Tục đế cùng thi hành, ngu si và trí tuệ đồng nhất soi chiếu.

Nếu như mở rộng Tục đế thì lấy “trung” để khuyên bảo bày tôi, lấy “hiếu” để khuyên bảo con cái, lấy “thiện” (tiếp nối) để khuyên bảo nước nhà, lấy “hòa” để khuyên bảo gia đình. Hoàng dương lương thiện thì nói rõ niềm vui nơi thiên đường, răn bảo tà ác thì trình bày nỗi đau khổ trong địa ngục. Đâu chỉ có một chữ “Nhất” mà cho là rộng lớn, lập điều răn há chỉ có năm hình pháp?

Nếu như diễn bày Chân đế thì phải và quấy đồng thời không còn, năng và sở đều rỗng lặng.

Nhiếp thân vạn vật làm thành Nhất chân, hội thông ba thừa vào nơi Phật thừa cùng tốt. Chỗ cứu cánh của Phật giáo, Nhị đế còn chẳng thể đến được, lẽ nào học thuyết của Bách gia chư tử có thể sánh kịp?

Hỏi:

Đạo ở khắp mọi nơi, Chân tánh chẳng đổi dời; có Phật hay không Phật thì tánh tướng vẫn thường trụ. Đó là Nhất Thể Tam Bảo thường hiện ở thế gian. Cần gì dùng vàng hoặc gỗ Chiên đàn để điêu khắc hình tượng, dùng trúc và lụa chép kinh, cạo tóc xuất trần để tạo lập Tam Bảo?

Đáp:

Bậc thượng căn thấu suốt diệu huyền đâu cần gì thực hành nơi sự tướng, hạng độn căn ắt cần phải nhờ sự tướng để phát tâm.

Chẳng thấy hình tướng chân chánh thì chỉ nhiễm theo tà tông. Như khi giáo pháp và hình tượng Phật chưa đến cõi này, chỉ có ngoại đạo hưng khởi nên đâu biết chân ngụy, chẳng rõ vết tích linh diệu.

Từ khi Hán Minh Đế mộng thấy thân vàng, vua Ngô thấy điềm lành mà hiện bày xá lợi. Từ đó trở về sau, Quốc Vương và Trương giả mới biết quy kính Phật Pháp, bậc triết nhân trí giả mới hiểu rõ chỗ gởi gắm tinh thần. Do đó nên biết, dấu vết có thể hiện bày cội gốc, nhờ vào hình tướng mà thấu suốt chân thật, nhân nô mà được cá, Lý-Sự không phé bỏ.

Thế nên, tượng mạ đổi sắc, tượng vàng phát quang; đạo nhờ người hoằng truyền, vật do tình mà cảm ứng, có thể phát sanh hạt giống thanh tịnh. Nhờ kính hình tượng giả dối mà khai mở tâm. Nếu không có lòng tin, dù gặp Phật thật cũng như chẳng thấy.

Mê thì gốc ngọn tiêu tan, rõ thì thật và giả đều thông suốt. Nếu nghiệm xét kỹ tập văn này ắt chẳng phát sanh tâm lấy bỏ. Hoặc cúng dường rộng rãi, phát tâm rất mực chí thành thì công phu của ý nghiệp sâu xa, sức mạnh của nhân tu rộng lớn. Vì vậy cô gái nghèo dâng nước vo gạo mà bước lên địa vị Phật Đốc Giác, đồng tử cúng dường mười miếng lương khô mà được phước làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Hỏi:

Theo nghĩa lý nhân duyên thì các pháp đều rỗng không, mình người không có tự tánh. Niết Bàn sanh tử đồng thể không khác.

Tại sao lại thực hành từ bi, giáo hóa rộng lớn?

Đáp:

Tuy nhân và pháp vốn rỗng không, mình người lặng lẽ, sự mê muội của chúng sanh giống như việc trong mộng, nhưng họ đều chẳng hiểu biết. Vì thế Bồ Tát hưng khởi từ bi dạy dỗ chân thật.

Kinh Đại Bát Nhã nói:

“Đức Phật bảo Tu Bồ Đề: Nên biết loài hữu tình tuy tự tánh rỗng không, rời xa mọi tướng mà lại có tạp nhiễm và thanh tịnh”.

Khởi Tín Luận nói: “Tuy nghĩ về tự tánh của các pháp vốn không sanh mà liền nghĩ về nghiệp thiện ác do nhân duyên hòa hợp, các quả báo khổ vui lại không mất không hoại. Tuy nghĩ về nghiệp báo thiện ác do nhân duyên hòa hợp mà cũng nghĩ về tự tánh của chúng vốn không thật”.

Vì thế, quán xét duyên khởi nên chẳng trụ nơi Niết Bàn, thấu rõ tánh không nên chẳng trụ trong sanh tử.

Hỏi:

Chín mươi sáu thứ ngoại đạo ở Ấn Độ ai nấy đều thiết lập môn tu hành, siêng năng cực khổ làm nghiệp lành. Tại sao khi quả báo hết lại vào trong luân hồi, không được giải thoát?

Đáp:

Chưa thấu suốt chân chánh vô sanh thì chỉ tu tập nhân sanh diệt, khởi tâm tham trước, ôm ấp ý hư vọng lấy khổ mà muốn bỏ khổ, từ mê chồng chất thêm mê, chìm nổi thăng trầm luân hồi không dứt, giống như nấu cát mà muốn thành cơm thật là vô lý!

Hỏi:

Không chỉ ngoại đạo tu thiện không được giải thoát, ngay cả những người tu tập trong Phật Pháp cũng có kẻ chẳng đạt đạo là tại sao?

Đáp:

Đều vì có ngã nên không đoạn dứt được kiết sử. Phàm, khi làm việc đều nói là “ta làm hay”, theo cảnh mà thấy có được, vương mắc nhân quả. Nếu rõ lý nhị vô ngã thì chứng ngộ nhất tâm, chẳng động trần lao, ngay đó giải thoát.

Hỏi:

Ngay khi làm việc, làm sao thấu rõ vô ngã?

Đáp:

Ngay khi làm việc từ duyên mà khởi, do có động tác thi vi mà không có chủ thể, có phát ra lời gì cũng như gió thoảng, theo cơ duyên mà chủ động cũng giống như người gỗ, chỉ dựa vào nghiệp lực hành động, không có thật ngã. Tứ đại tụ tán sanh diệt tùy duyên, cho đến thọ thân trong sáu nẻo cũng như vậy, thật không có người hay qua lại.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Nhu người gỗ máy móc
Phát ra các âm thanh
Nó vô ngã, phi ngã
Tánh nghiệp cũng như thế”.

Trong Luận nói: “Do duyên nên sanh lên cõi Trời. Do duyên nên đọa xuống địa ngục”.

Nếu bảo là ngã chẳng phải nhân duyên thì người ác tại sao không sanh lên cõi trời mà lại đọa xuống địa ngục? Lẽ nào bản ngã lại ưa thích chịu đựng đau khổ nơi địa ngục hay sao?

Ngã đã làm ác thì chẳng thọ nhận điều vui, nên biết sự cảm nên quả báo thiện ác chỉ là do duyên, chẳng phải là ngã. Song, chúng sanh ở trong vô ngã vô tác lại vọng cho là có ngã có tạo tác, gượng bảo rằng có chủ thể. Họ chẳng biết đó là do ý thức làm ra, quyết định không có tác giả.

Ngoại đạo đều chấp vào sự tạo tác cho là có thần ngã, họ nói nếu không có thần ngã thì ai thi vi tạo tác.

Trong Luận Đại Trí Độ phá trừ sự chấp ấy rằng:

“Tâm là tướng của thức nên có thể sai khiến thân chẳng đợi phải có thần ngã, giống như tánh lửa hay thiêu đốt mọi vật không cần nhờ vào con người”.

Luận Duy Thức nói:

“Nếu chấp rằng thật có ngã thể thì ngã thể ấy có suy nghĩ hay không suy nghĩ?”

Nếu có suy nghĩ thì phải là vô thường, vì không phải lúc nào cũng có suy nghĩ. Nếu không có suy nghĩ ắt giống như hư không chẳng thể tác nghiệp cũng không thọ quả báo. Cho nên, sự chấp ngã này theo lý đều chẳng thể thành lập”.

Do đó nên biết, nhất định không có thật ngã, chỉ có các thức từ vô thủy đến nay trước diệt sau sanh, nhân quả tiếp nối, do sự huân tập hư vọng mà hiện ra dường như là có tướng ngã. Người ngu ở trong đó vọng chấp làm ngã.

Vả lại, vô ngã tức là không có tự tánh. Tánh tức là thể, thể nghĩa là chủ. Phàm có một pháp đều từ các duyên tạo thành, thật không có bản thể, do không có bản thể nên chỉ là rỗng không.

Thể nên, chúng sanh ở trong tánh không chấp là thật có. Bên trong bị ngã ràng buộc, bên ngoài bị trần cảnh hạn cuộc, cho nên tu hành chẳng ra khỏi tâm và cảnh, đến khi đắc quả cũng chẳng rời nhân. Lên xuống tuy khác nhau nhưng vẫn thường bị ràng buộc trong các cõi; khi cao lúc thấp, luân hồi sau trước, mọi sự lo sợ phát sanh, ngã là cội gốc.

Hỏi:

Vạn pháp đã không thật thể, xưa nay vốn tự rỗng không, tại sao lại có các pháp kiến lập?

Đáp:

Chỉ vì chúng rỗng không, không có thể tánh nên theo duyên sanh. Nếu chúng có tự thể thì không nhờ duyên sanh, đã không từ duyên sanh thì vạn pháp có thể tánh cố định.

Nếu thiết lập tướng cố định, ắt thành lỗi chấp thường, thiện ác không thể đổi dời, nhân quả bèn trở thành rối loạn. Vì làm ác lẽ ra phải sanh lên cõi trời, làm thiện lẽ ra phải bị trầm luân, bởi không có nhân; làm lành lẽ ra không có phước, làm ác lẽ ra không có tội, bởi vì không có quả báo.

Thể nên vạn pháp không có thể tánh, không cố định chỉ theo duyên mà hiện, bởi duyên sanh nên không có tự tánh. Các pháp đều rỗng không vì không có tự tánh, do duyên sanh nên các pháp được kiến lập.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Bồ Tát ở trong chỗ không có tự tánh kiến lập tất cả Phật sự. Do đó nhân nơi Không thiết lập Có, nên Có chẳng phải chân thật; từ Có phân biệt rõ Không, cho nên Không chẳng có tự thể.

Hỏi:

Hiện nay thấy các pháp phát sanh, tại sao lại nói là không tự tánh?

Đáp:

Ngay nơi sanh mà không có sanh, cho nên không có thật tánh. Nếu nói rằng có sanh thì tự nó sanh ra, do những thứ khác sanh ra hay nhiều thứ hợp lại sanh ra, hay là không có nhân mà sanh ra?

Nếu nói rằng tự nó sanh ra, ví như tự thân nếu không có cha mẹ làm sao được sanh ra? Nên nói thân này là do cha mẹ mà có, lấy nghiệp quá khứ làm nhân bên trong, gá vào thân thể cha mẹ làm duyên bên ngoài. Nhân duyên trong ngoài hòa hợp mà có thì chẳng phải tự sanh ra.

Hoặc bảo rằng do những thứ khác sanh ra. Nếu không có nhân duyên cũ của chính nó thì hoàn toàn chẳng gá vào bào thai, đều phải do nghiệp của chính nó mà có. Ví như ở bên ngoài có đủ đất và nước nếu không có hạt giống thì quyết định không sanh được.

Nếu nói nhiều thứ hợp lại mà sanh ra, do duyên giả dối mà tạo thành thì làm sao có tác dụng của tự thể? Duyên từ nhân mà sanh khởi, nếu không có công năng trợ giúp từ bên ngoài thì nhân duyên đều không có. Vậy nên, lẽ nào lại có sự hòa hợp, như một hạt cát không có dầu, hòa nhiều hạt cát lại cũng không có dầu; một người mù không thấy, lẽ nào tập hợp nhiều người mù mà thấy được.

Nếu không có nhân mà sanh thì người con gái bằng đá lại có thể sanh con; lông rùa cũng làm phát trần được. Có nhân mà còn không, vô nhân lẽ nào lại có?

Vả lại, từ có nhân mà thiết lập không nhân, có nhân đã không thành thì không nhân cũng dứt tuyệt. Chỉ cần thấu suốt hai câu “tự nó” và “những thứ khác” đều không sanh thì bốn câu bị phá vỡ. Đã không có tự sanh ra và do những thứ khác sanh ra thì lấy gì làm hòa hợp cùng với không nhân mà có? Như thế thì bốn câu tự nhiên lặng lẽ.

Thế nên biết, sanh mà không sanh nên rõ ràng có tướng huyễn hóa; không sanh mà sanh nên tánh chân thật thường lặng lẽ. Do đó, kinh Kim Cang Tam Muội nói:

“Ý nghĩa nhân duyên sanh
Nghĩa ấy diệt chẳng sanh
Nghĩa diệt mọi sanh diệt
Nghĩa ấy sanh chẳng diệt”.

Hỏi:

Tất cả các pháp đã không tự tánh, đã không sanh thì tại sao chúng sanh lại chấp trước cảnh duyên mà thọ quả báo thật?

Đáp:

Chỉ vì không rõ các pháp không tự tánh, mê muội cho là có thật nên thọ quả thật. Nếu thấu suốt tánh của các rỗng không thì chẳng phát sanh tham trước, đã không tham trước thì tùy ý làm việc, không trụ nơi nhân, hoàn toàn chẳng thọ quả báo.

Thế nên trong kinh nói: “Tâm sanh thì các pháp sanh” Lại nói: “Tất cả chỉ do tâm tạo”. Nếu tâm không khởi thì ngoại cảnh thường rỗng lặng, hiểu rõ ngoại cảnh tánh không thì tâm mình tự nhiên lặng lẽ. Vọng tâm đã lặng lẽ, tướng huyễn đâu có phát sanh. Tâm cảnh nhất như tự nhiên hợp đạo.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
Tâm và ý các căn
Tất cả không tự tánh
Vọng tâm phân biệt có”.

Còn nói rằng:

“Tất cả pháp thế gian
Chỉ do tâm làm chủ
Hiểu lầm chấp các tướng
Điên đảo không đúng thật”.

Hỏi:

Đã thọ quả báo thật, tại sao nói tất cả đều không?

Đáp:

Nói rõ ràng rằng, chúng sanh tự vọng nhận là thật nhưng tự tánh của quả báo thường rỗng không. Tuy khi thọ nhận sự khổ vui tâm phát sanh yêu ghét, nhưng con người và sự vật đều rỗng không, không có một pháp nào thật. Giống như trong mộng thấy việc tốt xấu nơi lòng vui buồn khôn xiết, đến khi tỉnh ra rỗng rang không có gì.

Lúc tỉnh, những việc trong mộng chẳng phải có; khi mơ, điều trong mộng chẳng phải không. Đã tập theo điên đảo, ắt có quả giả dối.

Hỏi:

Tâm vọng cảnh huyễn, từ xưa vốn không hay hôm nay mới là không?

Đáp:

Tâm cảnh vốn không.

Hỏi:

Đã là vốn không, tại sao chúng sanh chẳng được giải thoát? Xưa nay vốn không trói buộc, tại sao lại bảo là giải thoát?

Đáp:

Chỉ vì không thấu rõ “vốn không” nên vọng sanh chấp trước là “nay có”.

Do sức huân tập từ vô thủy đến nay, chẳng hiểu chẳng biết theo nghiệp mà lưu chuyển. Tuy ở trong sự ràng buộc của nghiệp mà tự tánh vẫn thường thanh tịnh.

Hỏi:

Làm sao được thanh tịnh rốt ráo?

Đáp:

Điều này có hai nghĩa:

1. Thấu rõ vốn không nên được sự thanh tịnh nơi tự tánh.
2. Làm trong sạch mọi vọng niệm nên được sự thanh tịnh là trần cấu.

Bản tánh đã thanh tịnh thì vọng niệm không sanh khởi, hai sự chướng ngại đều tiêu tan, ba vòng (mình, người, vật) rỗng suốt. Khế hợp với nguồn cội thì chủng tử và hiện hành của nghiệp thức đều lặng lẽ.

Hỏi:

Phật đạo xương mình dài xa, phàm thánh đồng tiếp nhận. Tại sao khi có hưng khởi, có lúc chìm lặng bất định, lại có sự hoại diệt nữa?

Đáp:

Phàm vạn vật có sự đổi dời nhưng Tam Bảo thì thường trụ, lặng lẽ không động mà cảm thông hóa độ. Chẳng phải ban đầu dẫn sanh trong vương cung cũng chẳng phải nhập diệt hẳn nơi song thọ.

Nếu chúng sanh phước mỏng thì Phật sự tiêu tan; nếu cõi nước có duyên sâu thì chùa chiền cùng khắp. Do con người tự phát sanh sự được mất, chẳng phải Phật Pháp có thịnh suy.

Thế nên kinh Pháp Hoa nói:

“Chúng sanh thấy kiếp tận
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi ta đây an ổn
Trời người thường đông vậy”.

Hỏi:

Đã tán thán các việc lành, báo ứng không sai. Tại sao lại có người siêng năng khổ mong cầu mà hoàn toàn không chứng đắc?

Đáp:

Người tu thiện vốn có được hai điều lợi ích thầm kín và hiển bày. Trong kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa có nói bốn câu dùng để xét rõ:

1. Cơ ứng âm thầm: Nếu ở quá khứ khéo tu ba nghiệp thì hiện tại lúc chưa vận dụng thân miệng đã được nhờ vào sức mạnh của điều lành thuở trước. Đó gọi là cơ cảm âm thầm.

Tuy không thấy linh ứng mà thầm được sự lợi ích nơi Pháp thân. Chẳng thấy chẳng nghe, không hiểu không biết, đó gọi là sự lợi ích âm thầm. Ứng thân phải là sự cảm ứng hiển bày; Pháp thân phải là sự cảm ứng âm thầm.

2. Cơ âm thầm, lợi ích hiển bày: Lúc quá khứ gieo trồng căn lành đã thành tựu cơ cảm âm thầm, lại được gặp Phật nghe pháp, được lợi ích trong hiện tại, đó là sự lợi ích hiển bày. Như Đức Phật vừa xuất hiện ở thế gian, người được độ đầu tiên khi ấy họ đâu từng tu hành. Do chư Phật soi xét căn cơ thuở trước mà tự đi đến độ họ.

3. Cơ hiển bày và sự lợi ích hiển bày: Hiện tại thân và miệng tinh tấn không lười biếng, mà hay cảm nên. Lễ sám nơi đạo tràng có thể cảm nên linh ứng.

4. Cơ hiển bày và sự lợi ích âm thầm: Như có người tuy cả đời siêng năng vất vả, trong hiện tại tích lũy nhiều điều lành tuy không thấy sự cảm ứng hiển bày nhưng vẫn có lợi ích âm thầm.

Nếu hiểu rõ bốn ý trên thì tất cả việc cúi đầu, chấp tay, phước báo đều không mất. Trọn ngày làm mọi việc lành, tuy không thấy cảm ứng vẫn không hối tiếc.

Hỏi:

Hoặc có người cả đời tu thiện nhưng trong hiện tại lại bị nhiều quả báo ác; còn người suốt ngày làm ác mà toàn gặp việc tốt lành là tại sao?

Đáp:

Nghiệp thông cả ba đời, chỉ là thuận thực và chưa thuận thực không nhất định mà thôi; lại thông ba quả báo, dày mỏng lật đổ nhau.

Tổ sư thứ mười ở Ấn Độ, Ngài Cưu Ma La Đa nói:

Đời trước tu công đức
Đã được hơn nửa phần
Vì có chút phá hoại

Đòi nghiệp, vì công đức
Chết cũng hưởng phước đức
Ngay lúc hưởng vui sướng
Tâm dường như an lạc
Nhưng việc buồn ập đến,
Gia đình dần suy sụp
Do nghiệp ác trước kia
Tiếp nối gây ra thế,
Chẳng phải nay tu phước
Mà chuốc lấy quả ác.

Lại nói rằng:

Đời trước làm việc ác
Tội ấy hơn nửa phần
Bỗng gặp một người trí
Dạy bảo tu phước đức.
Phước đức tuy tu rồi
Việc lành chưa hơn tội
Công đức ít hơn tội
Chết vẫn sanh bần cùng.
Tâm không tin kính Phật
Cũng không trọng Tam Bảo
Tội kia hơn nửa phần
Gia đình dần giàu có
Của cải nhiều tài sản
Do nghiệp thiện trước kia
Tiếp nối gây nên thế
Chẳng phải nay làm ác
Mà chuốc lấy quả thiện.

Trong Luận nói:

“Hiện nay chúng ta bị bệnh khổ đều do gây nhân trong quá khứ. Đời nay tu phước, tương lai được quả báo. Nếu thấy người hay giết hại mà được trường thọ, thích bố thí lại bần cùng, vẫn có thể nhờ tin lời nói này, không phát sinh tà kiến.

Nếu không hiểu điều này thì lo lắng hối hận, chẳng rõ được lý nhân quả thông cả ba đời, bảo rằng ra công phí sức, quả báo của thiện ác không có gì chứng nghiệm”.

Chỉ cần một lòng tu thiện không thối thất, không gián đoạn thì quả phước mãi thắm tươi. Chỉ lo lắng giữa đường tự phát sanh sự chướng ngại mà thôi. Bậc thức giả, hiền sĩ nên hiểu rõ ý này.

Hỏi:

Ác có thể che lấp thiện, khiến tai họa sanh khởi, phước đức bị nghiêng đổ. Thiện có thể dẹp trừ ác, khiến cho nghiệp chướng tiêu trừ, đạo lý hiển hiện.

Tại sao lại có người cả đời tích lũy nghiệp lành lại bị tai ương? Lương Võ Đế nhiệt thành quy y Tam Bảo, kết quả lại bị khốn đốn chết ở Đài Thành trong cuộc nổi loạn của Hậu Cảnh, hoàn toàn chẳng được gia hộ.

Mọi người đối với việc này đều nghi hoặc không hiểu, xin giải thích rõ?

Đáp:

Ở trước đã xác định rõ, nghiệp thông cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Đạo lý cũng hoàn toàn tỏ rõ.

Nay lại một lần nữa vì phá dẹp nghi ngờ, từ ba phương diện dưới đây để tiến hành giải thích:

1. Chư Phật và Bồ Tát ứng thuận cơ duyên hiển hiện nhiều loại hình dạng, lập bày thi vi thuận theo chúng sanh thế gian cùng họ đồng khổ đồng vui, thiên biến vạn hóa để tiếp dẫn rộng rãi những chúng sanh phiền não. Các Ngài hoặc giả thân nơi bình an bỗng nhiên nguy ách, để nói rõ đạo lý sự vật đến chỗ cùng tột trở lại; hoặc giả mãi hưởng vinh hoa bất chợt lâm nạn, để tỏ bày quy luật thịnh ắt có suy.

Qua đó khiến cho những người đam mê vinh hoa tnh ngộ thế gian tất cả vô thường; cũng khiến cho những người giàu sang tự thị hiểu được mạng sống hữu hạn, âm thầm tiêu trừ tham dục, khéo rửa sạch trần cấu phiền não chúng sanh.

Có khi thị hiện chân chánh, có khi thị hiện tà vạy, có khi nghịch hướng mà đi, có khi tùy thuận mà làm. Những điều lập bày thi vi của Bồ Tát nói trên đều là phương pháp đặc biệt âm thầm hóa độ, những kẻ phàm phu không thể nào hiểu được.

2. Thiện và ác hoàn toàn chẳng cố định; quả báo dựa vào duyên, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, thế của nó không thể ngăn cản.

Cho nên trong kinh Niết Bàn nói:

“Nghệp của chúng sanh tạo có ba loại báo ứng:

- Một là hiện báo: chỉ cho nghiệp thiện ác tạo trong hiện đời, hiện đời chịu quả báo khổ vui.
- Hai là sanh báo: chỉ cho nghiệp làm trong hiện đời, đời sau mới chịu quả báo.
- Ba là hậu báo: chỉ cho nghiệp làm trong hiện đời, phải trải qua trăm ngàn đời sau mới chịu quả báo.

Trong kinh còn nói:

“Có nghiệp hiện tại khiến người đau khổ, tương lai lại có quả báo khổ. Có nghiệp hiện tại khiến người đau khổ, tương lai lại có quả báo vui. Có nghiệp hiện tại khiến người vui vẻ, tương lai lại có quả báo khổ. Có nghiệp hiện tại khiến người vui vẻ, tương lai lại có quả báo vui.

Có người do phước thừa đời trước chưa hết, nên quả báo ác không lập tức đến ngay với họ. Có người tai họa đời trước tuy còn nhưng cơ duyên lành liền phát sanh”.

Ngoài ra nếu thiện nhiều mà ác ít thì trước hưởng vui sau chịu khổ, phước báo tiêu hết tai họa liền phát sanh. Nếu thiện ít mà ác nhiều thì trước chịu khổ sau hưởng vui, tai họa tiêu hết vui mừng tụ họp, những việc ấy đều thuộc về hậu báo.

Nghiệp thiện ác một khi chín mùi, nếu chỉ lấy lực tu thiện trong đời này thì khó mà dẹp hết. Do đó, dù cho đoạn trừ phiền não chứng đắc quả Thánh vẫn còn nợ cũ phải hoàn trả. Như Tỳ kheo Sư Tử, Thiền sư Nhất Hạnh chính là trường hợp đó; huống gì kẻ phạm phũ bị nghiệp lực trói buộc làm sao có thể trốn thoát nạn này?

3. Có người thiện căn sâu dày, đồng thời còn có tâm tu hành kiên định, chí quyết không nghi, thế nguyện lớn có sức mạnh, thì tuy ở hiện đời chịu lấy quả báo nhẹ nhưng có thể đoạn trừ những tội lỗi nghiêm trọng.

Nên trong kinh nói:

“Đời nay làm ác ít làm thiện nhiều thì chuyển quả báo nặng nơi địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại.

Nếu đời nay làm lành ít làm ác nhiều thì chuyển nghiệp nhẹ đời hiện tại thành nghiệp nặng nơi địa ngục”.

Cho đến, người thuần tu hành lành tuy hiện đời tạm thời bị bệnh nhẹ như nhức đầu, nhưng rốt cuộc diệt trừ khổ nạn trăm ngàn muôn kiếp nơi địa ngục. Do đó, Bồ Tát phát nguyện rằng: “Nguyện đời nay hoàn trả nợ nghiệp, chẳng muốn rơi vào đường ác chịu khổ”.

Người tạo nhiều nghiệp ác, tuy hiện đời hưởng thụ an vui nhưng quả báo của họ lại ở nơi địa ngục A Tỳ mãi mãi bị nỗi khổ của địa ngục hành hạ nung nấu không lúc nào ngừng nghỉ.

Ngoài ra, người tu hành đạt đến công lực nhất định thì sẽ thoát khỏi luân hồi, lúc lâm chung tuy chịu chút ít đau khổ nhưng nghiệp ác từ xa xưa đến nay nhất thời sẽ hoàn trả hết.

Ví như Pháp sư Tam Tạng Huyền Trang đời Đường, chín đời làm Tăng ở Trung Quốc, luận về phước đức hay trí tuệ cũng thường được xem là bậc nhất. Lúc Ngài ở đời dốc sức hoằng dương Phật giáo, khai diễn Phật Pháp Nhất Thừa, lợi ích cùng khắp tất cả chúng sanh, công đức vô lượng khó lường xét.

Khi Ngài gần viên tịch, nằm yên tĩnh trong phòng bệnh. Thiên sư Minh Tạng đến thăm, thấy có hai người cao lớn tay cầm một bông sen trắng đến trước Pháp sư nói rằng:

- Những nghiệp ác mà Pháp sư làm tổn hại chúng sanh từ xưa đến nay, do chút ít bệnh tật hiện tại mà đều được tiêu trừ. Đối với việc này Ngài nên cảm thấy vui mừng!

Pháp sư chấp tay hướng nhìn hai vị ấy, sau đó bèn nằm nghiêng bên phải.

Đệ tử hỏi rằng:

- Hòa thượng nhất định sẽ vãng sanh về nội viện Đâu Suất chẳng?

Ngài đáp rằng:

- Nhất định vãng sanh.

Nói xong hơi thở yếu dần, an nhiên thị tịch.

Nếu hiểu được ba tầng ý nghĩa trên mới gọi là người biết rõ nhân quả. Nếu không rõ những đạo lý này, tất nhiên sẽ phát sanh hoài nghi và phỉ báng.

Hỏi:

Phàm tu thiện căn phải thuần nhất, tại sao lại tạo ác? Đã hay tạo ác thì cần gì đến thiện, nếu thiện ác đều làm, e rằng phí suông công sức.

Đáp:

Nếu Bồ Tát xuất gia không có các chướng ngại nên tu thuần nhất việc thiện, tiến thẳng đến Bồ đề. Còn như Bồ Tát tại gia sự nghiệp buộc ràng chưa được thuần tịnh, nên thực hành các điều lành để đối trị.

Nghiệp khó mà nhanh chóng đổi dời, còn điều ác thì đâu dễ dàng đoạn dứt hoàn toàn, phải dần dần tích lũy công đức, tiến đến Bồ đề. Nếu tích lũy điều ác không lo tu tập việc lành thì việc xấu ác không có cùng tận, nên cần phải thực hành việc lành, diệt trừ nhân xấu ác.

Kinh Thí Dụ nói:

“Thuở xưa có một vị Quốc vương đi săn bắn. Trên đường về đi ngang qua ngôi chùa, nhà vua vào chùa nhiều tháp và lễ lạy các vị Sa môn.

Lúc ấy quần thần đều cười, nhà vua biết được hỏi rằng:

- Ví như có vàng ở trong vạc nước sôi, có thể dùng tay lấy vàng ra được không?

Quần thần đáp:

- Không thể được!

Nhà vua bảo:

- Đem nước lạnh đổ vào trong, có thể lấy vàng ra được không?

Quần thần thưa rằng:

- Có thể được!

Nhà vua bảo:

- Ta làm việc vua, đi săn bắn, giống như nước sôi. Dâng hương, đốt đèn, đi quanh tháp, giống như đem nước lạnh đổ vào trong nước sôi vậy. Phàm làm vua thì đều có hành vi thiện ác, tại sao lại chỉ làm ác mà không làm lành?”.

Hỏi:

Bồ Tát tại gia cũng phải thuần tu nghiệp lành chăng?

Đáp:

Bồ Tát tại gia nếu vững chí, lòng tin kiên định thì một mực quy kính Phật Pháp. Giống như con nai mắc vào lưới, lửa cháy trên đầu, nhất tâm chỉ muốn cầu được thoát khỏi chẳng quan tâm đến việc thế gian.

Từ xưa đến nay trường hợp này rất nhiều.

Trong kinh Thí Dụ nói:

“Thuở xưa có một vị Quốc vương rất quý đạo đức, thường kính hành nhiều tháp Phật. Hôm ấy, ông còn chưa kinh hành mãn một trăm vòng, vua nước lân cận đã dẫn binh đến đánh, muốn chiếm đoạt nước ấy.

Cận thần nghe được tin tức, vô cùng hoảng hốt bẩm báo Quốc vương, xin tạm thời dừng nhiều tháp lễ kính để tiện chế ngự cường địch.

Quốc vương đáp: “Cứ để cho chúng đánh sang, ta quyết không dừng nhiều tháp”.

Tâm ý kiên định, nhà vua vẫn đi nhiều tháp không dừng, kết quả quân địch tan rã”.

Như trên, đủ thấy con người chỉ cần có một lòng tin và ý niệm kiên định không đổi dời thì việc gì cũng có thể làm được. Cho nên núi sông hiểm bày không linh nghiệm, đó là vì sự chí thành của con người không đủ. Một khi con người tâm thành chí vững thì tất cả đều sẽ nghe theo mệnh lệnh của mình. Trong truyền thuyết có câu chuyện người con hiếu thảo nằm trên băng được cá, khóc bên khóm tre được măng, những điều đó hoàn toàn chẳng phải do thần lực làm ra mà bởi tâm

chí của con người tạo nên.

Hỏi:

Nếu tu tập muôn lành, người người đều sẽ thực hành pháp môn từ bi; chỉ tiếp nhận chân lý, sẽ trở ngại công việc bình thường của thế tục.

Như thế, tuy thân ở nơi đất nước của mình mà lại mất đi công năng trị nước, tuy thân ở nơi nhà mình mà lại khó thành tựu gia nghiệp, tuy bảo rằng lợi ích mọi người nhưng hoàn toàn chưa đạt được chỗ tốt đẹp cả hai.

Đáp:

Phật Pháp có đủ mọi công đức lành, có thể thấm nhuần tất cả hữu tình trong pháp giới, lực dụng của nó tế độ cả người còn kẻ mất, tinh thần bao hàm hai giới đạo và đời. Đối với quốc gia mà nói, có công đức lành thì sẽ phồn vinh lớn mạnh. Đối với gia đình mà nói, có công đức lành thì sẽ giàu sang hưng thịnh. Do đó, sự lợi ích của nó vô cùng rộng lớn, tác dụng sâu xa.

Cho nên sách xưa nói:

“Gia đình tích lũy đức lành, tương lai nhất định có vui mừng để lại cho con cháu. Gia đình tích lũy tà ác, tương lai nhất định có ương họa để lại cho đời sau”.

Còn nói:

“Làm nhiều việc thiện sẽ cảm ứng những điềm tốt lành, làm nhiều việc ác sẽ cảm ứng đủ thứ tai họa”.

Theo lịch sử Lưu Tống ghi chép, Tống Văn Đế trong năm Nguyên Gia hỏi Thị Trung Hà Thượng Chi rằng:

- Phạm Thái, Tạ Linh Vận thường nói, Lục Kinh vốn là dùng cho việc cứu tế thế tục, nếu muốn tỏ rõ yếu chỉ chân thật về tánh linh thì nên lấy kinh điển Phật giáo làm chỉ nam. Nếu cả nước đều tiếp nhận sự giáo hóa của Phật Pháp thì ta có thể ngồi hưởng thái bình”.

Thị Trung đáp rằng:

- Trong làng có một trăm nhà, có mười người vâng giữ năm giới thì có mười người thuần hậu cần tín. Trong ấp ngàn hộ, có trăm người tu tập mười điều lành thì có trăm người khiêm hòa thuần phát. Đem nếp sống này truyền bá đến mọi ngõ ngách, hộ dân đã có vô lượng ngàn vạn thì nhân nghĩa đạo đức sẽ có trăm vạn.

Nếu như có thể tu một hạnh lành thì sẽ trừ bỏ một hạnh ác, trừ bỏ một hạnh ác cũng chính là tránh khỏi một lần hình phạt. Trong gia đình tránh khỏi một lần hình phạt thì đối với toàn thể quốc gia mà nói, cũng là tránh khỏi muôn lần hình phạt, đây chính là điều mà Hoàng đế nói ngời hưởng thái bình”.

Cho nên sự tu tập hạnh lành có thể bao trùm pháp giới, cùng khắp hư không, bất cứ một hạnh lành nào cũng đều được lợi ích. Có thể nói, nó là căn bản của sự xác lập tự thân, phụ trợ giáo hóa, cho đến sửa chính giúp đỡ nước nhà, bảo hộ gia đình của mọi người.

Con người nếu theo đây mà xác lập tự thân thì ai nấy đều có thể gầy dựng. Lấy đây sửa chính nước nhà, bất cứ quốc gia nào cũng an lành. Từ sự lợi ích gần mà nói, có thể đạt được quả báo cõi trời người; từ sự lợi ích xa mà nói, thì rốt cuộc đạt được quả vị Phật.

Hỏi:

Phàm phu tập mọi hạnh lành, lấy gì làm gốc?

Đáp:

Tất cả lý thể và sự tướng đều lấy tâm làm gốc.

Từ lý thể mà nói, thì trong kinh Phật bảo rằng:

“Quán sát tất cả pháp đều phát xuất từ tự tâm; thành tựu thân trí tuệ chẳng do người khác mà tỏ ngộ”.

Đó là chỉ cho lấy Chân như quán sát, tâm chân thật làm gốc.

Từ sự tướng mà nói, trong kinh Phật bảo rằng:

“Tâm như họa sĩ khéo
Vẽ thế giới muôn màu
Cảnh ngũ âm thế gian

Không pháp nào không tạo”.

Đây là chỉ cho lấy tâm thức quán sát, tâm duyên lự làm gốc.

“Tâm chân thật” là Thể. “Tâm duyên lự” là dụng. Dụng chính là “môn Sanh diệt của tâm”. Thể chính là “môn Chân như của tâm”.

Tuy phân làm hai phần Thể và Dụng, nhưng thực tế chỉ có một tâm. Dụng là Dụng từ Thể, Dụng hoàn toàn chẳng tách rời Thể; Thể là Thể nơi Dụng, thể hoàn toàn chẳng tách rời Dụng.

Sự mở ra và hợp lại của tâm tuy không đồng nhưng bản tánh chân thật lặng yên chẳng động. Tâm đã có thể làm Phật, cũng có thể làm chúng sanh; đã có thể tạo thiên đường, cũng có thể tạo địa ngục.

- Tâm nếu dấy động thì vạn vật sanh khởi.
- Tâm nếu bình lặng thì pháp giới điềm nhiên.
- Tâm nếu ở nơi phạm tục thì bị ba độc ràng buộc.
- Tâm nếu vào nơi cảnh Thánh thì tự tại vô ngại trong sáu đường.
- Tâm nếu rỗng lặng thì một đạo thanh tịnh
- Tâm nếu nhiễm trước thì muôn cảnh tung hoành.

Như hang động trống nên ứng lại tiếng, âm thanh cao thì tiếng vang lớn; lại giống như gương sáng soi vật, hình không ngay thì bóng ắt cong vạy. Đây là nói rõ vạn hạnh đều bắt nguồn từ nơi tâm, tất cả thiện ác đều ở nơi mình.

Bên trong giả dối thì bên ngoài tự nhiên sẽ không chân thật. Bên trong vi tế thì bên ngoài tự nhiên sẽ không thô thiển. Nhân thiện chung quy sẽ gặp được duyên lành; hạnh ác rốt cuộc tất khó tránh khỏi cảnh ác. Đạp mây mù uống cam lồ, hoàn toàn chẳng phải do người khác ban cho; nằm trong lửa khói, uống máu mủ cũng toàn là do chính mình gây nên.

Duyên thiện và cảnh ác chẳng do trời sanh ra, cũng chẳng phải đất tạo nên, mà chỉ do nơi một tâm niệm ban đầu của chúng ta, một tâm niệm thiện ác liền dẫn đến sự thăng trầm về sau. Muốn bên ngoài an hòa, chỉ cần nội tâm yên tĩnh. Tự tâm rỗng rang ngoài cảnh sẽ lặng lẽ. Tâm niệm dấy động, vạn vật sanh khởi. Dòng sông vẫn đục, nước sông lờ mờ; đầm nước lắng trong bóng trăng sáng tỏ.

Then chốt của tất cả sự tu hành đều không thể tách rời tâm, tâm này có thể gọi là cánh cửa của mọi sự mâu nhiệm, chỗ chứa nhóm của mọi sự linh diệu, căn bản

thăng trầm, cội nguồn họa phước. Cho nên chỉ cần làm tâm mình chân chánh không cần hoài nghi cảnh giới bên ngoài.

Trong kinh nói: “Làm lành phước theo, làm ác gặp tai họa”. Tiếng vang ứng theo âm thanh, thiện ác cũng giống như âm thanh. Điều đó hoàn toàn chẳng phải do Thiên long quỷ thần trao cho, cũng chẳng phải do ông bà trước kia hay con cháu sau này gây nên. Tạo ra thiện ác chỉ do tâm, làm thành là bởi nơi thân và miệng.

Đức Phật nói bài kệ rằng:

“Tâm là gốc muôn pháp
Tâm đứng đầu, sai sử
Trong tâm khởi niệm ác
Nói ác và làm ác
Thì tội khổ theo ta
Như xe lăn theo vết.
Tâm là gốc muôn pháp
Tâm đứng đầu, sai sử
Trong tâm khởi niệm thiện
Nói thiện và làm thiện
Như bóng theo với hình”.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Bồ Tát Trí Thủ hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Làm sao để được không lỗi lầm ở nơi nghiệp thân, miệng, ý. Cho đến trở thành bậc Giác ngộ Chân chánh Vô thượng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Phật tử! Nếu chư Bồ Tát khéo dùng tâm mình thì đạt được tất cả công đức thù thắng vi diệu”.

Kinh Mật Nghiêm nói:

“Giống như đất không phân biệt, mọi vật nương nơi đó mà phát sanh. Tàng thức cũng như thế, là chỗ nương tựa của các thứ cảnh”.

Như người lấy tay chạm vào thân mình, cũng như con voi dùng vòi lấy nước tắm rửa chính mình; lại giống như các đứa bé dùng miệng ngậm ngón tay. Cũng thế, tự trong tâm hiện cảnh rồi lại tự duyên theo. Cảnh giới của tâm này cùng khắp ba cõi. Hành giả tu Quán lâu ngày có thể khéo thông suốt, các thế gian trong ngoài tất cả chỉ do tâm hiện. Do đây mà xét, tâm đâu chỉ là cội gốc của muôn điều lành, mà kể cả hữu tình vô tình, cảnh giới phạm thánh, hư không vạn vật đều bắt nguồn từ nơi tâm. Bảo rằng vô trụ là gốc, cội gốc được thiết lập thì đạo phát sanh. Đó chính là nói về lẽ này.

Hỏi:

Cội nguồn vạn hạnh lấy tâm làm gốc trong môn trợ đạo pháp gì đứng đầu?

Đáp:

Lấy sự chân thật chánh trực làm đầu, từ bi nhiếp hóa làm đạo. Do chánh trực nên quả không cong vạy, hạnh thuận với Chân như. Do từ bi nên không rơi vào Tiểu thừa, công đức bằng bậc Đại Giác. Nhờ hai môn này mình và người đều được lợi ích.

Hỏi:

Ở trên nói rõ, trước phải biết Chánh tông thực hành khắp cả pháp môn trợ đạo. Nay dùng môn vạn hạnh để tiêu trừ nghi ngờ ngưng trệ, chưa rõ lấy gì làm tông chỉ?

Đáp:

Phật Pháp vốn không có tông chỉ nhất định. Chỉ tùy chỗ vào thấy rõ tâm tánh, tạm gọi đó là tông chỉ.

Hỏi:

Dùng phương tiện gì để được ngộ nhập?

Đáp:

Có môn phương tiện phải nên tự vào.

Hỏi:

Lẽ nào lại không chỉ rõ?

Đáp:

Thấy tánh không chỗ nơi làm sao chỉ rõ.

Thật chẳng phải cảnh giới thấy nghe hiểu biết.

Hỏi:

Đã không chỉ ra thì khi thấy sẽ là thấy vật gì

Đáp:

Thấy không vật.

Hỏi:

Không vật làm sao thấy?

Đáp:

Không vật thì không thấy. Không thấy là thấy thật sự, có thấy thì theo trần cảnh.

Hỏi:

Nếu như thế, tại sao trong giáo lý Đức Phật cũng nói “thấy”?

Đáp:

Đức Phật tùy theo pháp thế gian tức là không thấy mà thấy, chẳng đồng với phàm phu chấp là thấy thật. Nói đến cùng, thấy tánh chẳng thuộc về có và không, lặng yên thường lặng lẽ.

Hỏi:

Rốt cuộc là thế nào?

Đáp:

Cần phải tự thân tinh xét.

Hỏi:

Ở trước bảo rằng ngoài tâm không có pháp, tại sao ở đây nói có thấy thì theo trần cảnh?

Đáp:

Tất cả cảnh sắc đều là do hiện lượng tướng phần của thức thứ tám tạo nên, thật không có pháp nào ở ngoài. Khi mắt thấy sắc thì chưa sanh phân biệt, trong khoảng sát na chuyển vào ý thức minh liễu, phân biệt hình tướng cho là sự vật ở bên ngoài, bèn chấp thành trần cảnh.

Hỏi:

Cảnh là do thức nào biểu hiện?

Đáp:

Trần cảnh do thức biểu hiện, nội thức biến khởi biểu hiện dường như trần cảnh, như trong gương thấy mặt mình, chẳng phải là bóng của người khác hiện ra. Duy Thức Luận nói:

“Nội thức chuyển biến dường như ngoại cảnh, sự phân biệt về ngã pháp nên khi các thức sanh khởi biến hiện ra ngã pháp của chính nó. Tướng ngã pháp này tuy ở nơi nội thức nhưng do sự phân biệt nên dường như ngoại cảnh hiện ra. Các loài hữu tình từ vô thi đến nay duyên đó mà chấp vào thật ngã thật pháp. Giống như chiêm bao, do sức của huyền mộng nên tâm dường như hiện ra nhiều tướng ngoại cảnh.

Nội thức biểu hiện dường như ngã, dường như pháp tuy có mà không thật”.

Kinh nói:

“Do tự tâm chấp trước nên tâm dường như chuyển hiện ra ngoại cảnh. Mọi vật mà chúng sanh thấy đều chẳng phải có thật. Thế nên nói Duy tâm”.

Ở đây là từ mặt Sự mà nói là thức biến hiện. Nếu đạt sâu Chân như thì tất cả các pháp xưa nay chẳng động, tự tánh của tâm cũng chẳng đợi biến hiện.

Hỏi:

Trần và thức này từ đâu mà lập?

Đáp:

Do chúng tử danh từ ngôn ngữ huân tập mà được kiến lập. Thật ra chúng không có bản chất mà dường như có ý nghĩa và tướng mạo hiển hiện, giống như vật huyền hóa.

Do danh mà lập pháp, nhân pháp mà đặt danh. Trong danh không có pháp, trong pháp không có danh. Chúng không có bản chất chỉ do kết hợp lẫn nhau mà thành, mọi tướng đều lặng lẽ.

Hỏi:

Thức này đã không lập thì lấy thức nào làm tông?

Đáp:

Các thức cũng không có chỗ trở về rốt ráo, nếu nói tận cùng thì chỉ có một Chân tánh. Vì để dẹp trừ cảnh cho nên thiết lập Loạn thức này. Nếu cảnh diệt ắt thức cũng không còn, năng sở đều không, chỉ có một Chân thức, tức là Thật tánh.

Luận Tam Vô Tánh nói:

“Trước dùng Loạn thức dẹp trừ cảnh, kế đến dùng Yêm Ma La thức dẹp trừ Loạn thức, cuối cùng chỉ còn một Tịnh thức”.

Hỏi:

Lý-Sự vô ngại, muôn việc tu trọn vẹn. Đó là dựa vào giáp pháp nào, thuộc về Đế nào?

Đáp:

Pháp tánh dung thông tùy duyên tự tại, nêu lên một pháp thâm nhiếp trọn vẹn vạn hạnh. Đó tức là y cứ vào Hoa Nghiêm, thuộc về Viên Giáo.

Nếu từ nơi Lục độ vạn hạnh mà thành Phật hóa độ chúng sanh thì tuy là duyên khởi thanh tịnh nhưng đều thuộc về Thế đế.

Nếu thấu rõ Tông này, cứu xét tận cùng biến quả thì lý và trí đều không, ngôn ngữ tâm tư dứt bật.

Hỏi:

Trong tập văn này trình bày mấy danh mục?

Đáp:

Nếu như hỏi về khái niệm giả danh thì có vô số danh mục. Nay nói khái lược gọi chung là Vạn Thiện Đồng Quy, nếu phân biệt mà nói thì có mười ý nghĩa.

1. Lý-Sự vô ngại.
2. Quyền-Thật song hành.
3. Nhị đế cùng trình bày.
4. Tánh-Tướng dung thông.
5. Thể-Dụng tự tại.
6. Có-Không làm thành với nhau.
7. Chánh hạnh-Trợ hạnh gồm tu.
8. Đồng-Dị bình đẳng.
9. Tu-Tánh không hai.
10. Nhân-Quả không sai.

Hỏi:

Danh từ nhân nơi ý nghĩa của sự vật mà xác lập, ý nghĩa của sự vật nhờ vào danh từ mà được rõ ràng. Đã xác lập những giả danh ấy, thì làm sao hiểu được ý nghĩa của chúng?

Đáp:

1. Lý-Sự vô ngại:

Lý chỉ vô vi, Sự chỉ hữu vi. Tuy trọn ngày làm mà chưa từng hữu vi, tuy trọn ngày không làm mà chưa từng vô vi. Hữu vi và vô vi đã chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, đều bắt nguồn nơi Pháp tánh, đồng với hư không.

- Nếu nói là “một” thì trong kinh Nhân Vương nói rằng: “Chư Bồ Tát đối với công đức hữu vi và công đức vô vi đều được thành tựu”, nếu chỉ là “một”, ở đây không nên nói có hai loại công đức.

- Nếu nói là “khác” thì trong kinh bát Nhã cũng bảo rằng: “Không thể tách rời hữu vi mà nói vô vi, không thể tách rời vô vi mà nói hữu vi”.

Do đó “Lý và Sự” tương tức, chẳng phải đoạn chẳng phải thường, sanh khởi và tịch diệt đồng thời, nơi nơi viên dung vô ngại.

2. Quyền-Thật song hành:

Thật là chỉ lý chân thật, Quyền là chỉ pháp môn quyền biến hóa độ. Từ chỗ chân thật mà sanh khởi giáo hóa thì ngoài chân thật không có quyền biến; thông qua vết tích mà được căn bản thì ngoài quyền biến không có chân thật.

Nếu trước và sau thâm hợp tông chỉ đồng nhất thì “Quyền” và “Thật” có thể cùng thực hành, không cách ngại chi cả. Sự phá dẹp và chiếu soi đồng thời, thế thì bản thể và hiện tượng sẽ đồng loạt hiện rõ.

3. Nhị đế cùng trình bày:

Chư Phật thường y vào Nhị đế Chân và Tục mà thuyết pháp.

Tại sao?

Bởi vì Tục đế là văn cú hiển bày chân lý, biết rõ Tục đế vốn không tự tánh tức là Chân đế. Cho nên nói, nếu không thấu suốt Tục đế thì cũng không thấu suốt Đế nhất nghĩa đế (Chân đế). Vì vậy, Chân đế không đợi kiến lập mà thường luôn hiện rõ. Tục đế không đợi dẹp bỏ mà tự nó rỗng không.

Nhị đế đồng thời tồn tại, như sự quan hệ của sóng và nước. Song, nước bao hàm tất cả sóng, sóng và nước không thể phân chia; sóng thấu suốt cội nguồn của nước, động và ướm một mé bình đẳng.

4. Tánh-Tướng dung thông:

Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Vô lượng vô số nghĩa lý đều từ một pháp mà sanh khởi”.

Pháp đó chính là chân tâm. Từ một chân tâm này có đủ hai ý nghĩa “bất biến” và “tùy duyên”.

“Bất biến” là chỉ lý tánh. “Tùy duyên” là chỉ sự tướng. Lý tánh là bản thể của sự tướng, sự tướng là tác dụng của lý tánh.

Mọi người do không thấu rõ cội nguồn trong đó, vì vậy mà vọng sanh những tranh luận. Hiện nay, có người phá dẹp sự tướng là vì không rõ tác dụng của tâm; có người phản đối lý tánh là vì không biết bản thể của tâm. Nếu như có thể dung thông thì sự lấy bỏ đều dứt hẳn.

5. Thể-Dụng tự tại:

Thể ở đây là chỉ cho lý thể của Pháp tánh, còn Dụng chỉ cho sự tướng của trí tuệ ứng đối; toàn Thể là toàn Dụng, như thể Dụng cũng chẳng phải là một; toàn Dụng là toàn Thể, như thể Thể cũng chẳng phải là khác.

Dụng ở ngay nơi Thể, Thể hoàn toàn không cách ngại Dụng; Thể ngay nơi Dụng, tuy động Dụng mà cũng không mất Thể. Cho nên, nhất vị mà phân chia ra làm hai, tự tại vô ngại.

6. Có-Không làm thành nhau:

Là chỉ cho tất cả vạn pháp vốn không có tướng cố định, chúng thành tựu lẫn nhau, phá hoại lẫn nhau, thâm nhiếp lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau.

Không dựa vào Có mà xác lập. Có nương nơi nhân duyên mà sanh, bản chất là rỗng không; Có nhờ vào Không mà thành lập, do không thật thể nên là nhân duyên hòa hợp.

Không và Có do ý nghĩa không đồng mà hiển bày sai biệt, mọi người dựa vào nhận thức của riêng mình mà phân biệt đối đãi. Ở nơi người mê vọng mà nhìn thì tướng trạng vạn vật đều không đồng nhau; ở nơi người giác ngộ thì kiến giải của bậc Thánh ba thừa không khác.

Tại sao?

Ví như nói có một pháp, Tiểu thừa xem là thật; Đại thừa Thi giáo quán sát nó là huyễn có; Đại thừa Chung Giáo thì thấy sắc và không vô ngại, do Không chẳng giữ tự tánh, tùy duyên mà sanh khởi các loại sự tướng; Đốn giáo thì cho rằng tất cả sự vật đều là Chân tánh. Còn ở nơi hàng Viên giáo mà nhìn, tất cả sự vật đều về nơi pháp giới vô tận duyên khởi.

Nếu có thể dung thông như thế liền thành tựu Chân không Diệu hữu. “Hữu” có thể bày muôn đức, còn “Không” thì có thể thành tựu tất cả.

7. Chánh hạnh và Trợ hạnh gồm tu:

Chánh tức là chủ, trợ tức là bạn. Nhân có bạn mà thành lập chủ, không có trợ hạnh thì chánh hạnh không thể viên mãn; nương theo chủ mà thành lập bạn, không có chánh hạnh thì trợ hạnh cũng không từ đâu mà thành lập.

Cho nên chủ và bạn phải làm thành lẫn nhau, chánh và trợ phải gồm đủ. Cũng là Chi-Quán vận hành song song, ẩn và hiển phát động lẫn nhau, trong và ngoài bồi đắp nhau, trí tuệ và trì giới đồng thời xem trọng.

8. Đồng-Dị bình đẳng:

Đồng là chỉ cho dựa vào lý thể bất biến. Dị là chỉ cho từ nơi sự tướng tùy duyên. Chính vì lý thể bất biến nên hay tùy duyên; chính vì tùy duyên nên bất biến. Chỉ vì có lý thể không khác nên mới tạo thành sự tướng sai biệt, chỉ vì có sự tướng sai biệt nên mới thiết lập pháp môn tương đồng.

Nếu như có sai biệt (dị) thì bị sai biệt phá hoại, đó là vì mất đi lý thể. Nếu như có tương đồng thì không thể thành lập tương đồng, đó là vì vô dụng.

Do đó, trong tương đồng không có tương đồng mà có sai biệt, trong sai biệt không có sai biệt mà có tương đồng. Chấp trước thì sẽ rơi vào sai lầm đoạn thường, dung thông thì thành tựu Phật Pháp.

Cho nên, trong kinh nói:

“Kỳ lạ thay! Thế Tôn ở trong chỗ không sai biệt mà diễn thuyết sự sai biệt của các pháp”.

9. Tu và Tánh không hai:

Tánh đây là chỉ cho cái vốn có, hoàn toàn chẳng do quán sát tư duy mà thành. Tu là chỉ cho sự tu hành trong hiện tại, do trí tuệ mà được hiện bày.

Do sự Tu có thể hiển bày Tánh vốn có, do bản Tánh mà phát khởi sự Tu trong hiện tại. Toàn bản Tánh thành tựu sự tu, toàn sự Tu thành tựu bản Tánh. Tu và Tánh trên bản chất không hai, chỉ từ khía cạnh nhân duyên mà nhìn thì dường như có sự phân chia.

10. Nhân-Quả không sai:

Ở đây là nói nhân từ quả khởi, quả mãn thì mới trở thành nhân; quả theo nhân sanh, nhân viên thì có thể thành lập quả.

Nhân và quả ở trên thời gian tuy có sự phân chia trước sau, nhưng từ lý thể mà nói thì đồng thời không trước sau. Cả hai hỗ trợ và thù đáp lẫn nhau, nghiệp dụng không mất.

Hỏi:

Các điều trình bày trong tập này xứng với những căn cơ nào, được những lợi ích gì?

Đáp:

Mình và người đều lợi ích, căn cơ đốn và tiệm đều thâm nhiếp.

Về phương diện lợi mình, đây là môn Viên giáo trợ giúp đạt đạo, là chiếc gương huyền diệu của sự tu hành. Về phương diện lợi người, đây là vàng nhật tỏa sáng cho những người ngưng trệ nơi chân thật, là lương y chữa bệnh khiến chấp đoạn thường.

Từ khía cạnh Đốn ngộ mà nói thì không trái với pháp môn Tự Tánh Duyên Khởi, có thể thành tựu hạnh pháp giới. Từ khía cạnh Tiệm tu mà nói thì tránh khỏi việc phế bỏ giáo pháp phương tiện, rốt cuộc trở về Phật thừa cứu cánh.

Nếu người tin được tức là tiếp nhận lời dạy của Phật. Nếu người chê bai tức là hủy báng ý chỉ của Phật. Tin tưởng và hủy báng đều có quả báo, nhân quả rất rõ ràng.

Nơi đây, tôi trình bày sơ lược một hạt cát trong biển cả giáo pháp, đem bố thí khắp cả chúng sanh trong pháp giới. Nguyện hồng dương chánh đạo, dùng đây để báo đáp ân đức rộng lớn của Phật Tổ.

Tụng rằng:

Bồ đề không phát mà phát
Phật đạo vô cầu nên cầu
Điều dụng vô hành mà hành
Chân trí vô tác mà tác
Khởi bi tỏ ngộ đồng thể
Hành từ thâm nhập vô duyên
Không xả bỏ mà bố thí
Không giữ gìn mà đủ giới
Tiến tu rõ không chỗ khởi
Tập nhẫn thấu chẳng tổn thương
Bát Nhã rõ cảnh vô sanh
Thiền định biết tâm vô trụ
Tỏ không thân mà đủ tướng
Chứng vô thuyết mà luận bàn
Xây dựng đạo tràng trắng nước
Trang nghiêm thế giới tánh không
Bày biện vật dụng huyền hóa
Cúng dường Như Lai bóng vang
Sám hối tội tánh vốn không
Khuyến thỉnh Pháp thân thường trụ
Hồi hướng rõ vô sở đắc
Tùy hỷ phước bằng Chân Như
Tán thán ta người rộng rang
Phát nguyện năng sở bình đẳng
Lễ bái pháp hội ảnh hiện
Hành đạo cất bước hư không
Đốt hương thấu suốt Vô sanh
Tụng kinh tỏ thông Thật tướng
Tán hoa hiển bày vô trước
Khảy tay bày tỏ khứ trần
Thực hành Lục độ chẳng thật
Tu tập vạn hạnh không hoa
Thâm nhập biển tánh duyên sanh
Thường đạo pháp môn như huyền
Thệ đoạn trần lao vô nhiễm.

Nguyện sanh Phật giới
Đuỳ tâm
Ra vào vô đắc quán môn
Hàng phục ma quân bóng gương
Làm mọi Phật sự trong mộng
Rộng độ chúng sanh như huyễn
Đồng chúng Bồ đề tịch diệt.

HẾT QUYỂN HẠ

PHẦN PHỤ THIÊN SƯ VĨNH MINH DẠY CHÚNG

Học đạo không có gì kỳ lạ đặc biệt, chỉ cần rửa sạch những chủng tử nghiệp thức nơi căn trần từ vô lượng kiếp đến nay.

Các ông chỉ hay tiêu trừ tình niệm, đoạn dứt vọng duyên, đối với cảnh giới ái dục của thế gian tâm giống như cây đá. Dù cho đạo nhãn chưa sáng tỏ nhưng tự nhiên cũng thành tựu thân thanh tịnh

Nếu gặp bậc đạo sư chân chánh, cần phải siêng năng thân cận. Giả sử tham cứu mà chưa thấu triệt, việc học chưa thành tựu nhưng nghe qua nơi tai thì đã trở thành hạt giống đạo mãi mãi, đời đời không rơi vào đường ác, kiếp kiếp chẳng mất thân người, vừa sanh ra đời một nghe ngàn ngộ.

Nên tin rằng, gặp được bậc thiện tri thức chân thật là nhân duyên lớn nhất trong đời người. Bậc thiện tri thức ấy có thể chỉ dạy cho chúng sanh thấy được tánh Phật.

Than ôi! Người tu thời mạt pháp cuồng loạn nói Thiên, chỉ là học nói suông hoàn toàn không có sự hiểu biết chân thật.

Mỗi bước thực hành ở nơi Có trên môi thì lại nói Không, chẳng tự trách mình bị nghiệp lực kéo lôi, lại dạy bảo người bác không nhân quả, còn nói uống rượu ăn thịt chẳng ngại Bồ đề, trộm cướp hành dâm đầu chướng Bát Nhã.

Những kẻ ấy, lúc sống thì bị pháp luật trừng trị, khi chết phải đọa A Tỳ chịu nghiệp báo nơi địa ngục, hết rồi lại đọa vào đường súc sanh nga quỷ, trăm ngàn muôn kiếp không có ngày ra, trừ khi một niệm soi trở lại, lập tức đổi tà thành chánh. Nếu không tự sám hối, tự tu hành thì dù chư Phật có ra đời cũng không thể cứu.

Nếu các ông khi bị cắt tim gan mà vẫn như cây đá thì mới có thể ăn thịt. Nếu uống rượu mà giống như uống nước tiểu thì mới được dùng rượu. Nếu thấy người nam nữ đoạn chánh như tử thi thì mới có thể hành dâm. Nếu thấy tài sản của mình như phân đất thì mới có thể trộm cắp.

Dù cho các ông luyện được đến chỗ đó nhưng vẫn chưa thuận ý, phải đợi đến khi chứng vô lượng Thánh thân mới có thể thực hành mọi việc thuận nghịch trong thế gian.

Các bậc Thánh ngày xưa lập bày lẽ nào lại có tâm khác?

Chỉ vì Tăng Ni thời mạt pháp ít trì giới cấm, sợ e những kẻ phạm phụ tục tử hướng thiện phần nhiều thói thất đạo tâm, cho nên rộng rãi thực hành sự can ngăn bảo hộ.

Ngàn kinh muôn luận đều nói rõ:

- Nếu không trừ bỏ dâm dục thì đoạn dứt tất cả hạt giống thanh tịnh.
- Nếu không trừ bỏ uống rượu thì đoạn dứt tất cả hạt giống trí tuệ.
- Nếu không trừ bỏ trộm cắp thì đoạn dứt tất cả hạt giống phước đức.
- Nếu không trừ bỏ ăn thịt thì đoạn dứt hạt giống từ bi.

Chư Phật trong ba đời chung miệng tỏ bày, Thiên Tông khắp thiên hạ cùng lời chỉ rõ, tại sao kẻ hậu học lại phớt lờ chẳng nghe theo? Tự mình hủy hoại chánh nhân, trở lại thực hành theo lời nói của ma. Chỉ vì chúng tử nghiệp huân tập từ đời trước, hiện tại sanh ra lại gặp thầy tà, sức mạnh lành thì dễ tiêu mất, cội gốc ác lại khó nhổ trừ.

Đâu chẳng nghe bậc Thánh thuở xưa nói:

“Thấy một việc ma như vụn mũi tên ghim vào tim, nghe một lời ma như ngàn ngọn giáo đâm vào tai, cần phải mau chóng rời xa chẳng nên nghe thấy”.

Mỗi người nên tự cứu xét tâm mình, thận trọng chớ xem thường!

Các vị đứng đã lâu rồi. Trân trọng!

Mùa an cư kiết hạ, Phật lịch 2547
Dịch xong 7/7/2003
Tại chùa Bửu Liên.

CHÚ THÍCH

Nhi đế: là chỉ cho *Chân đế* và *Tục đế*. *Chân đế* là lẽ thật tuyệt đối xuất thế gian. *Tục đế* là lẽ thật tương đối trong thế gian. Kinh Niết Bàn quyển 13, phẩm Thánh Hạnh nói: Điều thông thường mà người ta có thể biết, đó là *Thế đế* (*Tục đế*); điều mà người xuất thế chứng biết, đó là *Đệ nhất nghĩa đế* (*Chân đế*). Lại nữa, có danh có thật, đó là *Đệ nhất nghĩa đế*; có danh không thật, đó là *Tục đế*.

Thật tế: là chỗ chân thật cứu cánh; chỉ cho sự thực chứng Niết Bàn, là hẳn giả dối; còn chỉ cho lý thế chân như. Kinh Kim Cang Tam Muội nói: “Đức Phật bảo: Pháp Thật tế, pháp không có bờ mé (tế), tâm không có bờ mé thì thể nhập Thật tế.

Pháp nhẫn: gọi đủ là *Vô sanh Pháp nhẫn*, quán xét lý không sanh không diệt của các pháp, thể nhận vững chắc, an trụ chẳng động tâm.

Thập huyền môn: Trong Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký của Ngài Hiền Thủ, nêu ra mười môn để tóm tắt cương yếu của bộ kinh Hoa Nghiêm.

- Môn “đồng thời đầy đủ các pháp tương ứng”. Nghĩa trong mỗi một pháp nào, đồng thời đều có đủ, bao hàm tất cả các pháp trong vũ trụ..

- Môn “rộng hẹp tự tại không ngại”: nơi một hạt bụi nhỏ biến khắp pháp giới, vạn hữu pháp giới có thể ở trong một hạt bụi. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Trong một mây trần, hết thấy cõi nước rộng rãi an trụ”.

- Môn “một và nhiều dung nhau không đồng”: nghĩa là về số lượng, một và nhiều vật có thể dung nạp lẫn nhau, mà vẫn không phá hoại tướng riêng biệt (an lập) của mỗi vật.

- Môn “các pháp tương tức tự tại”: ngoài một pháp không có tất cả pháp, ngoài tất cả pháp không có một pháp, một pháp tức tất cả pháp, tất cả pháp tức một pháp, các pháp dung thông tương tức tự tại.

- Môn “ẩn mật, tỏ rõ đều thành”: nghĩa là một pháp có nhiều phương diện, khi phương diện này hiện thì phương diện kia ẩn; khi phương diện kia ẩn thì phương diện này hiện, trong ẩn có hiện, trong hiện có ẩn, hai tướng ẩn hiện đồng thời thành tựu.

- Môn “vi tế dung nhau an lập”: Trong một vật cực nhỏ có thể hàm chứa một vật nhỏ nhiệm khác mà không cản trở nhau, không phá hoại tướng của nhau.

- Môn “cảnh giới tướng vô song-nhơn-đà-la”: nghĩa là trên cõi trời Nhơn đà la có màn lưới bằng bửu châu, mỗi hạt bửu châu chói hiện đến muôn vật, hạt này hạt khác phản chiếu nhau chói sáng lẫn nhau, lớp lớp không cùng tận. Môn này cũng như vậy: trong mỗi pháp có nhiều pháp khác, cứ thế cho đến vô cùng tận.

- Môn “nhân sự rõ ràng, sanh trí hiểu biết”: Nghĩa là nhờ sự mà hiểu được lý, nhưng khi lý đã rõ thì lý lan rộng làm cho ta hiểu rộng sâu xa qua nhiều sự khác.

- Môn “mười đời cách pháp dị thành”: nghĩa là ba đời mỗi đời có ba (quá khứ, hiện tại, vị lai) hợp lại thành chín đời, nhiếp trong một niệm thành mười đời, pháp pháp dung thông, trước sau cách biệt, nhưng nhờ vậy các pháp được thành tựu.

- Môn “chủ và bạn nương nhau làm đầy đủ công đức sáng suốt hoàn toàn”: khi một pháp là chủ thì pháp khác là bạn, tất cả vạn pháp cũng đều như thế, một pháp viên mãn tất cả công đức Nhơn đó gọi là đức đủ tròn sáng.

Lục tướng nghĩa:

- *Tổng tướng*: nghĩa là cái tướng bao trùm tất cả tướng sai biệt.

- *Biệt tướng*: nghĩa là các tướng riêng biệt hợp lại thành tổng tướng. Thí như cái nhà là tổng tướng, kèo, cột, ngói, đá... là biệt tướng.

- *Đồng tướng*: là cái tướng chung đồng, dung hòa lẫn nhau, không ngăn ngại, không chống trái nhau. Thí như: kèo, cột, ngói, đá...hợp chung lại thành cái nhà.

- *Dị tướng*: là các tướng riêng biệt nhưng vẫn dung hòa thành một thể.

- *Thành tướng*: là tướng thành tựu. Sự chung cùng để thành tựu, gọi là thành tướng. Thí như kèo, cột, ngói, đá...hợp nhau mà thành nhà cửa, gọi là thành tướng.

- *Hoại tướng*: là cái tướng độc lập của các pháp. Thí như nhà cửa tuy một, nhưng kèo, cột, tường, mái...vẫn giữ nguyên vị trí của nó không mất.

Nhất hạnh Tam muội: là chỉ chánh định chuyên tâm nơi một hạnh mà tu tập, được chia làm hai : Một là *Nhất hạnh Tam muội về mặt lý*, là tam muội định tâm quán pháp giới bình đẳng nhất tướng. Vào tam muội này thì biết Pháp thân của tất cả chư Phật và thân chúng sanh bình đẳng không hai, không có tướng sai biệt, cho nên ở nơi tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm có thể thuận nhất được tâm, chẳng động đạo tràng mà liền thành Tịnh độ. Hai là *Nhất hạnh Tam muội về mặt Sự*, là *Niệm Phật Tam Muội nhất tâm niệm Phật*. Kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật quyển hạ nói: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn vào Nhất hạnh Tam muội phải ở chỗ vắng vẻ, bỏ mọi ý tưởng tán loạn, chẳng nắm lấy tướng mạo, buộc tâm nơi một Đức Phật chuyên xưng danh hiệu; tùy theo phương hướng của Đức Phật, thân trang nghiêm hướng về phía ấy, có thể niệm niệm tiếp nối nơi một Đức Phật, tức là trong mỗi niệm thấy được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Mười trí lực:

- *Tri thị xứ phi xứ Trí lực*: Như Lai đối với tất cả nhân duyên quả báo biết đúng như thật, như làm việc lành nhất định quả báo an vui và ngược lại...

- *Tri tam thế nghiệp báo Trí lực*: Như Lai đối với nghiệp duyên quả báo, chỗ sanh trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả chúng sanh thấy đều biết rõ.

- *Tri chư thiên giải thoát tam muội Trí lực*: Như Lai đối với các Thiên định tự tại vô ngại, sự sâu cạn thứ lớp của chúng sanh đều biết rõ.

- *Tri chư căn thắng liệt Trí lực*: Như Lai đối với căn tánh của chúng sanh cao thấp, được quả lớn hay nhỏ, đều biết rõ.

- *Tri chủng chủng giải Trí lực*: Như Lai đối với mọi sự ưa muốn thiện ác bất động của chúng sanh đều biết rõ.

- *Tri chủng chủng giới Trí lực*: Như Lai đối với mọi cảnh giới của chúng sanh ở thế gian đều biết rõ.

- *Tri nhất thiết chí xứ đạo Trí lực*: Như Lai đối với nơi mà do hạnh lữ lậu trong sáu đường dẫn đến và nơi mà do hạnh vô lậu Niết Bàn dẫn đến, đều biết rõ.

- *Tri túc mệnh vô lậu Trí lực*: Như Lai đối với bao nhiêu đời trước, từ một đời cho đến trăm ngàn đời, một kiếp đến trăm ngàn muôn kiếp, chết nơi đây, sanh nơi kia, chết nơi kia sanh nơi đây, tên họ, ăn uống, vui khổ, thọ mạng thấy đều biết rõ.

- *Tri thiên nhân vô ngại Trí lực*: Như Lai nhờ Thiên nhân biết rõ khi sanh lúc chết, và con đường thiện ác ở đời vị lai của chúng sanh, cho đến những nghiệp duyên thiện ác của sự đẹp xấu, giàu nghèo.

- *Tri vãng đoạn tập khí Trí lực*: Như Lai đối với tất cả hoặc dư tập khí dứt hẳn không sanh đều biết rõ.

Ba thứ kiên cố: Kinh Bản Sự quyển 7 đem ba thứ không kiên cố (tài sản, thân thể, tánh mạng) đổi thành ba pháp kiên cố.

- *Đem tài sản không kiên cố đổi lấy tài sản kiên cố*: nghĩa là tất cả tài vật ở thế gian, bản chất chẳng kiên cố, tụ tán vô thường, không thể bảo đảm lâu dài. Nếu người có thể thực hành bố thí

phạm hạnh thanh tịnh, xa thì mong cầu Niết Bàn an lạc vô thường, hoặc cầu quả vui cõi trời người ở tương lai, tức là tài sản kiên cố.

- Thân không kiên cố đổi lấy thân kiên cố: nghĩa là thân do cha mẹ sanh là tứ đại giả dối hòa hợp, mong manh chẳng thật, bản chất chẳng kiên cố sanh diệt vô thường, chẳng thể tồn tại. Nếu có thể giữ gìn năm giới, trong sạch không nhiễm, tu tập Bồ đề Vô thường để chứng đắc thân kim cang bất hoại, đó tức thân kiên cố.

- Tánh mạng không kiên cố đổi lấy tánh mạng kiên cố: nghĩa là tánh mạng con người thọ yếu không đồng, đều như mộng huyễn, bản chất chẳng kiên cố, bỗng chốc vô thường, chẳng thể bảo đảm lâu dài. Nếu hiểu được Tứ đế, tu tập chánh pháp, vượt qua sanh tử để tiếp nối tánh mạng tri tuệ thường trụ bất hủ, đó tức là tánh kiên cố.

Thất thánh tài: Kinh Niết Bàn quyển 17 nói: Tín (đức tin), Giới (giữ gìn giới luật), Tàm, quý, Đa văn, trí tuệ, xả là thất thánh tài, giữ được bảy món ấy là thánh nhân.

Bảy đức thanh tịnh: theo Ngài Cưu Ma La Thập giải thích thì bảy đức thanh tịnh là:

- Giới tịnh: là thanh tịnh xuyên suốt trước sau. Tức là những việc làm của thân và miệng không phạm điều ác nhỏ, ý chẳng sanh khởi trần cấu cũng không nắm vào tướng mạo, cũng không mong thọ sanh. Ban cho người sự vô úy, không hạn cuộc một ai.

- Tâm tịnh: tâm chế phục phiền não, tâm đoạn kiết sử của hàng Tam thừa, cho đến tâm lậu tận của hàng Tam thừa, gọi là tâm tịnh.

- Kiến tịnh: là thấy tánh chân thật của các pháp, chẳng khởi vọng tưởng.

- Độ nghi tịnh: là cái thấy hiểu sâu sắc thấu suốt dứt trừ nghi hoặc.

- Phân biệt đạo tịnh: là khéo có thể phân biệt đúng sai, hợp với đạo thì nên làm, không hợp với đạo thì nên bỏ.

- Hạnh đoạn tri kiến tịnh: “Hạnh” là chỉ bốn hạnh: Khổ khó, khổ dễ, vui khó, vui dễ. “Đoạn” chỉ cho đoạn trừ các kiết sử (hoặc). Tức là người chứng được Tận trí, Vô sanh trí của bậc vô học, có thể thấy biết những hạnh mình làm, những kiết sử mình đoạn, thấu suốt rõ ràng.

- Niết Bàn tịnh: đạt đến Niết bàn là chỗ thanh tịnh rốt ráo.

Ngũ vị: chỉ cho năm vị: vị nhũ, vị tô, vị sanh tô, vị thực tô, vị đề hồ. Là các vị được hình thành theo thứ tự trong quá trình chế tạo sữa bò. Các kinh luận thường dùng để ví dụ thứ tự sai biệt của căn cơ mọi người (hoặc giáo pháp). Như kinh Đại Niết bàn quyển 10 nói, Thanh Văn như nhũ, Duyên Giác như lạc, Bồ Tát như sanh tô thực tô, chư Phật Thế Tôn giống như đề hồ.

Tam đức: chỉ cho ba loại đức tướng mà Đại Niết bàn đầy đủ Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát.

Theo Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 18 ghi: Pháp thân là chỉ cho chân như vốn đầy đủ nơi tất cả pháp, hoặc chỉ cho thân do pháp công đức làm nên. Giải thoát là thoát ly sự trói buộc của phiền não. Bát nhã là chỉ cho trí tuệ của sự giác ngộ. Ba thứ này, tuy ba mà là một, tuy một mà là ba. Song khi ở nhân vị thì gọi là Tam Phật tánh; khi ở quả vị thì gọi là Tam đức.

Tam niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Bản tế: là lý thể tuyệt đối bình đẳng. Kinh Viên Giác nói: “Bản tế bình đẳng, tròn đầy mười phương”.

Tứ tất đàn: “Tất đàn” là tiếng Phạn, dịch ý là thành tựu. Đức Phật giáo hóa chúng sanh luôn dùng bốn pháp này để giúp họ thành tựu an lạc giải thoát.

*Thế giới Tất đàn: là thuận theo pháp thế gian mà nói về nghĩa lý nhân duyên hòa hợp, cũng là dùng tư tưởng ngôn ngữ quan niệm thông thường của thế gian để thuyết minh chân lý duyên khởi, khiến phàm phu vui vẻ và được trí tuệ chân chánh của thế gian.

*Vị nhân Tất đàn: là thích ứng theo căn cơ và năng lực khác biệt của mỗi chúng sanh mà nói các pháp thực tiễn xuất thế, làm cho chúng sanh sinh khởi căn lành.

**Đối trị Tất đàn*: là nhắm vào những phiền não tham, sân, si của chúng sanh, theo bệnh mà cho thuốc pháp.

**Đệ nhất nghĩa Tất đàn*: là phá dẹp tất cả ngôn ngữ luận nghị, trực tiếp dùng Đệ nhất nghĩa tỏ bày lý Thật tướng của các pháp, giúp cho chúng sanh chân chánh thể hội đạo lý.

Viên giáo: theo sự phân định của Tông Thiên Thai giáo pháp Đức Phật, nội dung gồm có bốn loại: Tạng giáo, Tông giáo, Biệt giáo, Viên giáo

**Tạng giáo*: gọi đủ là Tam tạng giáo (kinh, luật, luận), chỉ cho giáo pháp Tiểu thừa.

**Thông giáo*: chỉ cho các bộ Bát Nhã, nghĩa thông cả Đại và Tiểu thừa, bao quát đạo lý sâu xa và dễ hiểu.

**Biệt giáo*: chỉ cho các kinh Đại thừa Phương Đẳng khác, chuyên vì các bậc Đại Bồ Tát mà giảng nói.

**Viên giáo*: chỉ cho giáo nghĩa viên mãn của kinh Pháp Hoa.

Mãn tự giáo: Giáo nghĩa Đại thừa viên dung, giống như chữ đã hoàn thành, gọi là Mãn tự giáo.

Gọi chung với Bán tự giáo là Bán Mãn nhị giáo. Song, theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 10, Bồ Đề Lưu Chi thời Bắc Ngụy cho rằng; Những giáo nghĩa Tiểu thừa hữu tướng mà Phật đã nói 12 năm sau khi thành đạo, đều thuộc về Bán tự giáo; 12 năm trở về sau, vì hàng Đại thừa nói năm thời Bát nhã, giảng về lý không vô tướng, đây thuộc về Mãn tự giáo.

Thất khuyến: Bồ Tát hàng Thất địa, ở chỗ này hướng lên trên thì không có Bồ đề cầu, nhìn xuống dưới không có chúng sanh để độ, do đó đắm chìm nơi lý vô tướng vắng lặng, có mối lo chẳng thể tu hành, đây gọi là tai nạn đắm chìm vào chỗ không của hàng Thất địa. Khi ấy chư Phật trong mười phương dùng bảy pháp khuyến khích tinh tấn, khích lệ phát khởi dũng khí tu hành để tiến đến Bát địa.

Lục tức Phật: Tông Thiên Thai từ nơi Phật mà phán lập vị thứ “Lục tức”, gọi là “Lục tức Phật”. Theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ Diệu Tông Sao quyển thượng, Lục tức Phật là:

- *Lý tức Phật*: là chỉ cho tất cả chúng sanh. Bởi vì tất cả chúng sanh vốn đầy đủ lý Phật tánh, không hai không khác với các Đức Như Lai, đều tức là Phật, cho nên gọi là Lý tức Phật.

- *Danh tự tức Phật*: là chỉ người hoặc từ thiện tri thức nghe biết, hoặc từ trong kinh điển mà thấy được, hiểu rõ danh từ “lý tánh tức Phật” này. Những người ấy nơi danh tự thông suốt, thấu rõ tất cả các pháp đều là Phật pháp nên gọi Danh tự tức Phật.

- *Quán hạnh tức Phật*: là chỉ người đã hiểu rõ tất cả pháp đều là Phật pháp, tiến thêm y theo giáo pháp tu hành, đạt đến chỗ tâm quán rõ ràng, lý và tuệ tương ưng, quán hạnh tương tức. Những người này nói thế nào làm thế ấy, lời nói và việc làm nhất trí. Do chứng vị này nên gọi Quán hạnh tức Phật.

- *Tương tự tức Phật*: là chỉ cho người ở nơi vị Quán hạnh tức Phật nói trên, càng quán càng sáng, càng dừng (chỉ) càng lặng, được sáu căn thanh tịnh, đoạn trừ kiến tư hoặc, chế phục vô minh. Những người này tuy chưa thể thật chứng lý ấy, nhưng nơi lý dường như thật chứng, cho nên gọi là Tương tự tức Phật.

- *Phản chứng tức Phật*: là chỉ đoạn vô minh từng phần mà chứng từng phần Trung đạo.

- *Cứu cánh tức Phật*: là chỉ cho bậc đoạn trừ nguyên phẩm vô minh (là vô minh rốt ban đầu vì tế nhất, khó đoạn trừ nhất), hiển phát trí giác cứu cánh viên mãn, tức là chứng nhập quả vị Phật Diệu Giác cùng tột.

Sáu vị thứ Phật này, tuy do mê ngộ sâu cạn mà có sáu sự sai biệt, nhưng vì thể tánh không hai, kia đây tức là nhau, cho nên gọi là “tức”.

Mạn: đối với người tu học bằng mình thì chấp rằng chỉ bằng mình; còn đối với người tu học yếu kém thì chấp rằng mình hơn mà sinh khởi tâm cao mạn.

Quá mạn: đối với người tu học bằng mình thì chấp rằng mình hơn; đối với người hơn mình thì chấp rằng mình bằng họ.

Mạn quá mạn: tranh lầy phần hơn, như người ta vốn hơn mình mà chấp rằng mình hơn người mà nói quyết rằng mình hơn.

Bát diên đảo: là tám sự thấy biết sai lầm, mê chấp của phàm phu và Nhị thừa. Phàm phu chấp pháp hữu vi sanh diệt là thường, lạc, ngã, tịnh. Hành giả Nhị thừa chấp vô vi Niết Bàn là chẳng thường, chẳng lạc, chẳng tịnh.

**Thường diên đảo*: đối với pháp thế gian vô thường mà cho là thường.

**Lạc diên đảo*: cái vui ngũ dục của thế gian đều là nguyên nhân chuốc lấy đau khổ, phàm phu chẳng rõ lý này, vọng chấp là vui.

**Ngã diên đảo*: thân này đều do tứ đại giả dối hoà hợp mà thành vốn không có “ta”, phàm phu chẳng rõ lý này ở nơi tự thân gượng cho là có chủ thể, vọng chấp là ta.

**Tịnh diên đảo*: thân mình, thân người đều có năm thứ như nhóp, phàm phu chẳng rõ lý này vọng sanh khởi tham đắm chấp cho là thật.

**Vô thường diên đảo*: nơi Pháp thân thường trụ của Như Lai vọng cho là có tướng sanh diệt biến đổi.

**Vô lạc diên đảo*: nơi niềm vui Niết Bàn thanh tịnh cho là không vui.

**Vô ngã diên đảo*: nơi chân ngã Phật tánh, vọng cho là vô ngã.

**Vô tịnh diên đảo*: thân Như Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân máu thịt, gân xương rành rịt, hàng Nhị thừa chẳng rõ lý này nên chấp là bất tịnh.

Biến kế sở chấp tánh: tức là sự chấp trước mọi sự vật và lượng định một cách sai lạc, ví như người nhận lầm dây là rắn.

Y tha khởi tánh: là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi xơ gai mà có.

**Mười dạng thọ trì*: Ghi chép, cúng dường, bố thí, lắng nghe, xem đọc, thọ trì, diễn thuyết, phúng tụng, tư duy, tu tập.

**Bốn duyên*:

(1) *Nhân duyên*: Tự thể sanh tự quả là nhân, lấy nhân làm duyên.

(2) *Đẳng vô gián duyên*: Tâm và tâm sở lần lượt không gián đoạn tiếp nối sinh khởi.

(3) *Sở duyên duyên*: Tâm và tâm sở theo duyên mà sinh, hay là chỗ mà tự tâm duyên lự (nghĩ ngợi).

(4) *Tăng thượng duyên*: Sáu căn hay soi cảnh vật phát khởi thức, có lực dụng tăng thượng, khi các pháp sinh, chẳng sanh chướng ngại.

**Sáu nhân*: Luận về thể của nhân, có sáu thứ: năng tác nhân, cấu hữu nhân, đồng loại nhân, tương ưng nhân, biến hành nhân, dị thực nhân.

**Năm quả*: là quả hữu vi, vô vi do sáu nhân sinh ra và từ đạo lực mà chứng được:

(1) *Đẳng lưu quả*, còn gọi là *Tập quả*.

(2) *Dị thực quả*, còn gọi là *Báo quả*.

(3) *Ly hệ quả*, còn gọi là *Giải thoát quả*.

(4) *Sĩ phu quả*, còn gọi là *Công dụng quả*.

(5) *Tăng thượng quả*.

Trong đó, *Ly hệ quả* thuộc về quả vô vi, *bốn quả* còn lại đều thuộc về hữu vi.

**Tứ môn Viên giáo*: Có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không.

**Sơ môn của Tạng giáo*: là phát khởi tứ hoằng thế nguyện.

**Năm điều sợ hãi: Người chưa thấy đạo có năm điều sợ hãi:*

- 1. Khi bố thí sợ mình không đủ sống nên không thể cho hết.*
- 2. Sợ tiếng xấu nên không thể hòa quang đồng trần.*
- 3. Sợ chết nên không thể bỏ thân vì đạo.*
- 4. Sợ đọa đường ác nên đối trị pháp bất thiện.*
- 5. Sợ uy đức của đại chúng, không thể diễn thuyết tự tại trước họ.*

** Ba loại Bồ đề: Chân tánh Bồ đề, Thật trí Bồ đề, Phương tiện Bồ đề.*